



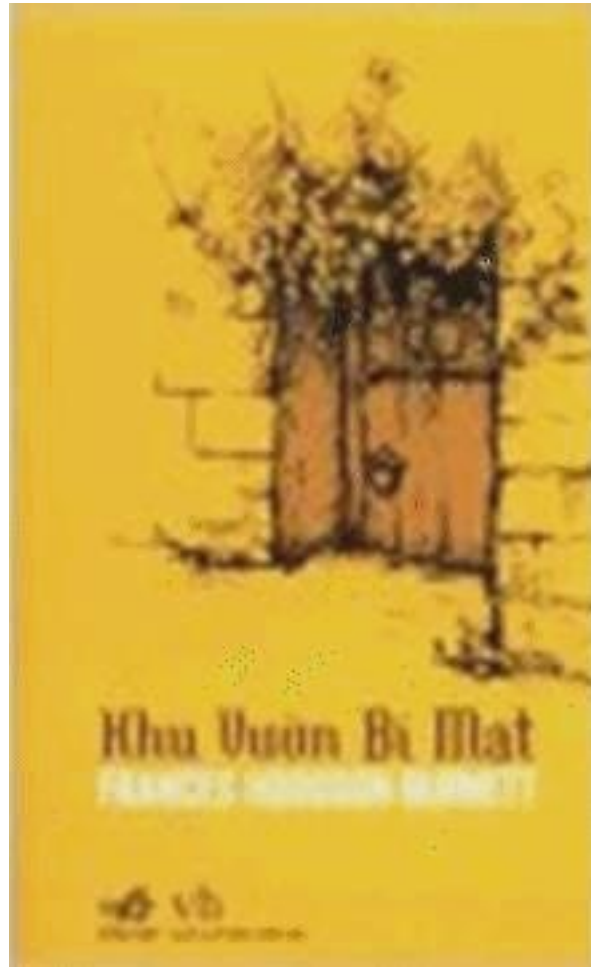
Frances Hodgson Burnett

Amu unuom bi maat

no vti

no vti no vti no vti no vti no vti

KHU VƯỜN BÍ MẬT



Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Chương 1: Không còn ai trên đời.

Khi Mary Lennox được gửi tới Trang viên Misselthwaite để sống với bác của nó, mọi người đều bảo rằng nó là một đứa trẻ khó coi nhất mà họ từng thấy. Quả cũng không ngoa. Con bé có khuôn mặt mỏng dính, thân hình gầy gò, mái tóc sáng màu lo thơ, lại còn hay gắt gỏng. Tóc nó vàng hoe, mặt cũng vàng bệch bởi nó sinh ra ở Ấn Độ và thường xuyên ốm đau, không bệnh này thì tật nọ. Cha nó từng có một chân trong chính phủ Anh, ông lúc nào cũng bận rộn lại thường đau yếu. Còn mẹ nó đẹp mê hồn, bà chỉ quan tâm đến các buổi tiệc tùng, thích tiêu khiển với những con người vui tươi, hạnh phúc. Bà chẳng hề muốn có một đứa con gái nhỏ, cho nên khi Mary vừa ra đời bà bèn giao nó ngay cho một Ayah chăm sóc, và cô này được nhắc nhở rằng nếu muốn làm vui lòng Memsahib thì cô phải lo sao cho đứa bé càng khuất mắt bà càng tốt. Chính vì thế, từ khi còn là đứa bé sơ sinh ốm nhóc, quấy quả và xấu xí, nó đã bị xa lánh; và rồi đến khi trở thành một sinh vật luôn ốm yếu, quấy quả và xấu xí, nó cũng bị xa lánh nốt. Nó không soa nhớ nổi một cái gì thân thiết ngoài những khuôn mặt đen nhẻm của các Ayah cùng dăm ba người đầy tớ bản địa khác; và vì họ luôn luôn vâng lời nó, và để cho nó làm mọi thứ theo cách của nó, bởi vì Memsahib sẽ nổi giận nếu bà bị tiếng khóc của nó làm phiền. Nên mới 6 tuổi thôi mà nó đã ngạo ngược, ích kỷ. Cô gia sư người Anh đến dạy nó đọc và viết ghét nó đến nỗi được ba tháng là cô ta đã bỏ việc, rồi khi các gia sư khác đến thế chỗ thì họ còn bỏ đi nhanh hơn cả cô giáo đầu. Thế nên, nếu Mary không thực sự muốn đọc sách thì nó cũng chẳng thêm học chữ làm gì.

Khi con bé lên 9 tuổi, vào một buổi sáng nóng như thiêu đốt, nó thức dậy với cảm giác vô cùng bức bối, rồi lại càng bức bối hơn nữa khi thấy người đầy tớ đứng ngay cạnh giường mà không phải là Ayah của nó.

- Cô đến đây làm gì? – Nó hỏi người phụ nữ lạ mặt – Tôi không khiến cô ở đây. Trả Ayah cho tôi.

Cô gái nọ tỏ ra hốt hoảng, nhưng cô ta chỉ lắp bắp rằng Ayah không thể tới được. Con bé liền ùng ùng nổi giận, nó đấm đá cô hầu tui bụi. Cô ta chỉ càng thêm kinh hoàng hơn nữa, miệng vẫn lắp đi lắp lại rằng Ayah không thể tới hầu hạ Misse Sahib được

Buổi sáng hôm đó có một vẻ gì thật bí ẩn. Chẳng ai động chân động tay theo cái trật tự vốn đã đều đặn hàng ngày, dường như cả những người đầy tớ địa phương cũng lặn mất tăm. Nhưng còn những người mà Mary nhìn thấy thì hoặc lẩn đi hoặc chạy vội vàng với những khuôn mặt tái nhợt và đầy sợ hãi. Không ai nói gì với nó, cả Ayah của nó cũng không tới. Nó đã bị bỏ rơi suốt buổi sáng và cuối cùng đành phải thơ thẩn bước ra vườn, lủi thủi chơi một mình dưới tán cây gần hàng hiên. Nó giả bộ như đang trông một luống

hoa bằng cách cắm mấy bông dâm bụt đỏ to tướng vào các đồng đất nhỏ, và mỗi lúc một thêm tức tối, miệng lẩm bẩm những gì nó sẽ nói với Saidie khi cô quay về.

“Đồ con lợn! Con lợn!” Nó văng tục, bởi vì gọi một người bản xứ là con lợn là một sự lăng mạ kinh khủng nhất trong mọi sự lăng mạ. Nó đang nghiêng răng đay đi đay lại từ đó thì chợt nghe thấy tiếng chân mẹ nó bước ra hành lang với ai đó. Bà đi cùng một thanh niên có khuôn mặt khả ái, họ đang hạ thấp giọng trò chuyện. Mary biết người thanh niên đẹp trai có dáng vẻ thiếu niên kia. Nghe nói anh ta là một sĩ quan trẻ vừa từ nước Anh sang. Con bé nhìn anh ta chăm chăm, nhưng rồi nó nhìn vào mẹ nó còn chăm chú hơn. Nó luôn làm vậy mỗi khi có dịp thấy bà, bởi vì Memsahib – Mary thường gọi bà như vậy thay cho bất kỳ cách xưng hô nào khác – quả là một phụ nữ xinh đẹp, dáng người mảnh dẻ, dong dỏng và ăn vận hết sức dễ thương. Mái tóc bà mềm mại như tơ với những lợn quăn quăn. Bà có cái mũi nhỏ thanh tú vẻ kiêu kỳ cùng đôi mắt to như đang cười. Tất cả y phục của bà đều mỏng tang, tha thướt mà con bé Mary bảo rằng chúng được làm “toàn bằng ren”. Sáng nay, váy áo của bà còn dính nhiều đặng ten hơn thế, thế nhưng đôi mắt bà lại chẳng cười chút nào. Chúng mở rộng, hốt hoảng và ngược lên đầy vẻ van nài trước khuôn mặt viên sĩ quan điển trai.

- Lẽ nào lại tồi tệ đến vậy? Ôi, lẽ nào? – Mary nghe thấy mẹ nó rên rỉ.

- Khủng khiếp! – Chàng trai trả lời bằng giọng run run. – Khủng khiếp quá, bà Lennox ạ. Lẽ ra bà nên về vùng đồi từ hai tuần trước mới phải.

Memsahib vịn hai bàn tay vào nhau.

- Ôi, tôi hiểu lẽ ra tôi phải làm thế! – Bà kêu lên. – Trong khi tôi ở lại đây vì những buổi tiệc tùng ngớ ngẩn kia. Thực ngu xuẩn làm sao!

Đúng lúc đó, có tiếng kêu gào than khóc vang lên từ khu nhà bọn gia nhân khiến bà vịn chặt vào cánh tay chàng trai, còn Mary thì run lập cập từ đầu tới chân. Tiếng kêu gào mỗi lúc một trở nên man dại.

- Cái gì thế? Cái gì thế? – Bà Lennox hồn hên thốt lên.

- Chắc có ai chết – Viên sĩ quan trẻ đáp. – Bà chẳng bảo vừa có chuyện xảy ra trong đám gia nhân của bà đó sao.

- Tôi không biết! – Memsahib kêu to. – Đi với tôi! Đi với tôi nào! – Đoạn bà quay lưng chạy vào nhà.

Ngay sau đó, những điều kinh hoàng xảy đến với Mary, và bí ẩn của buổi sáng đã được làm rõ. Bệnh tả đang bùng phát dữ dội, người chết đông như ruồi. Ayah đã bị căn bệnh tấn công trong đêm, và bởi vì cô vừa mới chết mà đám gia nhân gào lên trong lều. Cho tới ngày hôm sau, 3 gia nhân nữa cũng lần quay ra chết, số còn lại bỏ chạy tán loạn trong nỗi kinh hoàng. Sự hoảng loạn bao trùm khắp nơi, thi hài nằm ngổn ngang trong tất cả các ngôi nhà một tầng.

Trong cơn bối rối hoang mang của ngày hôm sau, Mary trốn vào căn

phòng dành riêng cho trẻ nhỏ, mọi người cũng quên khuấy mất nó. Không một ai nhớ đến nó, cũng chẳng ai màng tới nó, và những điều kinh sợ nhất vừa xảy ra xung quanh mà nó thì chẳng hiểu gì. Mary hét kêu khóc rồi lại ngủ thiếp đi từ giờ này sang giờ khác. Nó cứ tưởng mọi người bị ốm, nó còn nghe thấy những âm thanh huyền bí, ghê rợn. Có lần nó bò vào phòng ăn thì thấy căn phòng trơn trơn, mặc dầu thức ăn vẫn con dang dở trên bàn, ghế và đĩa ăn ngổn ngang khắp phòng như thể những người đang ngồi ăn đột ngột đứng phắt dậy bởi một lý do nào đó. Con bé ăn mấy trái cây và bánh bích quy, nó thấy khát nên uống cốc rượu vang vẫn còn khá đầy. Có vị ngọt, và nó không thể lường được rượu mạnh như thế nào. Chẳng mấy chốc, rượu khiến nó buồn ngủ rũ, nó bèn lê về phòng riêng, chốt cửa phòng lại. Lúc này, nó vẫn còn thấy sợ những tiếng kêu khóc từ dãy lều vắng lại cùng tiếng chân người vội vã. Rượu khiến nó buồn ngủ đến nỗi không thể mở nổi mắt ra, cứ thế nằm vật xuống giường, không còn biết trời đất gì nữa trong một khoảng thời gian dài.

Bao nhiêu chuyện đã xảy ra giữa lúc nó ngủ mê mết như thế. Những tiếng than khóc và âm thanh của mọi thứ diễn ra bên trong và bên ngoài toà nhà một tầng không lay động nổi nó.

Tỉnh giấc, nó nằm dài và nhìn chòng chọc vào bức tường. Ngôi nhà hoàn toàn yên tĩnh. Nó chưa bao giờ thấy ngôi nhà vắng lặng đến thế. Nó nghe rõ tiếng nói lẫn tiếng bước chân và tự nhủ không biết mọi người đã khỏi bệnh và những rắc rối đã qua đi chưa. Nó cũng tự hỏi bây giờ ai sẽ là người chăm sóc nó vì Ayah của nó đã chết rồi. Chắc hẳn sẽ là mợ Ayah mới, và có lẽ cô ấy cũng có biết một vài câu chuyện mới để kể nó nghe. Mary đã phát chán với các Ayah cũ. Nó không khóc khi nghe tin người vú em của nó chết. Nó không phải là một đứa trẻ quá quyến luyến hay thực sự quan tâm tới ai. Tiếng náo loạn và than khóc bởi dịch tả khiến nó thấy kinh sợ, và nó tức giận vì dường như không một ai biết rằng nó còn sống. Mọi người đều đang kinh hoàng đến nỗi chẳng còn nhớ tới một con bé không ai ưa. Khi tất cả đều nhiễm bệnh thì họ chẳng nhớ tới gì khác ngoài bản thân họ. Khi họ khỏi bệnh rồi, chắc sẽ có ai đó nhớ ra nó và đi tìm.

Nhưng chẳng một ai tới, trong khi nó nằm chờ đợi thì ngôi nhà dường như mỗi lúc một vắng lặng hơn. Nó nghe có tiếng sột soạt trên tấm thảm cói, nhìn xuống thì thấy một con rắn nhỏ vừa trườn đi vừa nhìn nó với đôi mắt tựa hai viên ngọc. Con bé không hề sợ vì nó biết con rắn chỉ là một sinh vật nhỏ bé vô hại. Con rắn kia có vẻ vội vàng muốn rút khỏi phòng. Nó lúi mắt dưới khe cửa ra vào trong khi Mary cứ mãi nhìn theo.

- Thật kỳ cục, sao lại yên lặng thế nhỉ? – Nó lẩm bẩm. – Hình như chẳng còn ai trong nhà ngoài mình và con rắn.

Gần như ngay tức thì, nó nghe thấy tiếng bước chân ở ngoài khoảng đất

rào kín, rồi ngoài hiên. Đúng là tiếng chân đàn ông, họ đang tiến vào ngôi nhà và thì thầm với nhau. Không có ai ra gặp hoặc nói gì với họ, và dường như họ đang mở cửa rồi nhìn vào từng phòng.

- Hoang tàn! – Nó nghe ai đó nói. – Một phụ nữ thật xinh đẹp. Và một đứa trẻ thì phải, tôi nghe nói có một đứa trẻ ở đây, mặc dầu chưa ai trông thấy nó.

Mary đứng sững giữa phòng trẻ khi họ mở cửa phòng chỉ ít phút sau đó. Trông nó thực xấu xí, đáng sợ, mặt rầu rĩ cau có bởi vì nó bắt đầu cảm thấy đói, và có cảm giác là mình bị bỏ mặc một cách thật khôn khéo. Người đàn ông đầu tiên bước vào phòng là viên sĩ quan có thân hình vạm vỡ mà nó đã có lần thấy khi ông đang nói chuyện với cha nó. Nom ông có vẻ mệt mỏi và buồn rầu, nhưng vừa thấy con bé ông giật mình sững sốt đến nỗi nháy lùi lại.

- Barney! – Ông kêu lên. – Có một đứa trẻ ở đây! Còn mỗi mình nó thôi! Giữa một nơi như thế này! Thật may cho chúng ta. Con cái nhà ai thế nhỉ?

- Cháu là Mary Lennox. – Con bé đáp và ngược lên một cách khó nhọc. Nó cho rằng người đàn ông này thật vô lễ vì dám gọi ngôi nhà một tầng của cha nó là “một nơi như thế này!” – Lúc mọi người bị mắc dịch tả thì cháu ngủ thiếp đi. Cháu cũng vừa mới dậy thôi. Tại sao không thấy ai tới?

- Chưa bao giờ gặp đứa trẻ nào như vậy! – Người đàn ông nọ thốt lên, quay sang mấy người đi cùng. – Con bé thật sự bị bỏ quên!

- Tại sao cháu lại bị bỏ quên? – Mary hỏi, giậm mạnh hai chân. – Sao không thấy ai đến?

Chàng trai có tên là Barney nhìn nó với vẻ mặt vô cùng rầu rĩ. Mary thấy anh ta chớp mắt liên tục tưởng như muốn ứa nước mắt.

- Em bé đáng thương! – Anh thốt lên – Làm gì còn ai mà đến.

Một cách kỳ lạ và bất ngờ, Mary nhận ra nó không còn cả cha lẫn mẹ: rằng họ đã chết và được chôn đi trong đêm, chỉ còn mấy tên đầy tớ người địa phương là sống sót và cũng nhanh chân chuồn khỏi nhà rồi; không một ai còn nhớ tới Cô chủ nhỏ. Đó là nguyên do tại sao khắp nơi lại vắng tanh vắng ngắt đến thế. Thực sự là chẳng còn ai trong ngôi nhà này ngoài con bé và con rắn nhỏ đang bò sột soạt.

Chương 2: Cô chủ Mary quá ư ngang ngược.

Mary thích ngắm mẹ từ xa và thầm nhủ mẹ rất đẹp. Nhưng nó chẳng biết về bà được bao nhiêu, vậy nên khi bà qua đời, cũng khó lòng mà mong nó sẽ thương yêu hay thấy nhớ bà nhiều lắm. Trên thực tế, nó hoàn toàn không nhớ bà, nó là đứa trẻ chỉ quan tâm đến bản thân và chỉ biết có mình, như nó vẫn thường vậy. Gái như lớn hơn chút nữa thì ắt hẳn nó sẽ vô cùng lo sợ khi chỉ còn lại một mình trên đời; nhưng nó còn ít tuổi, hơn nữa lại luôn được

hầu hạ chăm sóc nên nó cho rằng mình vẫn sẽ được như vậy. Điều nó quan tâm lúc này là liệu mọi người có đối xử tử tế và hầu hạ nó như Ayah và các đầy tớ người địa phương vẫn làm.

Con bé biết nó sẽ không ở lại nhà ông mục sư người Anh là nơi nó được gửi đến trước tiên. Nó không thích ở đây. Ông mục sư người Anh nọ vốn nghèo túng; ông có 5 đứa con sàn sàn tuổi nhau, đứa nào cũng ăn mặc lôi thôi xoàng xĩnh, suốt ngày chỉ choé vì tranh giành đồ chơi của nhau. Mary thấy căm ghét ngôi nhà một tầng lộn xộn bừa bãi của họ và tỏ ra khó chịu với bọn trẻ đến nỗi, chỉ sau một hai ngày, không đứa nào chịu chơi với nó. Sang ngày thứ 2, bọn trẻ đã tặng cho nó một biệt danh khiến nó vô cùng tức tối.

Thằng Basil là đứa nghĩ ra cái tên ấy trước tiên. Basil là một thằng nhóc có đôi mắt xanh hỏn xược và cái mũi hếch. Mary rất ghét thằng này. Con bé đang chơi một mình dưới tán cây, như nó từng chơi vào hôm bệnh tả bùng phát. Nó đang vun mấy đồng đất và vài lối đi cho một khu vườn thì thằng Basil tới đứng ngay cạnh nhìn nó. Chẳng mấy chốc thằng bé tỏ ra quan tâm và đột nhiên gợi ý:

- Sao mày không vun một đồng đất ở đây giả vờ làm một ngọn núi, hả? Ở chỗ giữa này này. – Có cú xuống phía con bé mà chỉ.

- Cút đi! – Mary kêu lên. – Tao không thích bọn con trai. Cút ngay!

Thế là thằng Basil cáu tiết, rồi nó bắt đầu chòng ghẹo. Nó là chúa hay trêu chọc các chị em nó. Thằng nhóc nhảy vòng quanh con bé, phồng mồm trợn mắt, vừa nhảy vừa cười.

Cô chủ Mary này, thật quá ư ngang ngược,

Làm sao vườn cô mọc nổi đây?

Khi chuông bạc rồi vỡ sò tạt nhạp,

Cùng cúc vạn thọ lẫn lộn cả một nơi.

Thằng nhóc hát ông ổng cho đến khi bọn trẻ nghe thấy và bật cười. Con Mary càng bỏ xa thì chúng càng hát oang oang câu “Cô chủ Mary quá ư ngang ngược.” Sau đó, những lúc con bé ở với chúng thì chúng chuyển sang gọi nó là “Cô chủ Mary Ngang ngược”, lúc thì nói với nhau, lúc thì nói với nó.

- Mày sắp được gửi về nhà rồi đấy, - Basil bảo nó, - vào cuối tuần này. Chúng tao mừng cho mày.

- Tao cũng mừng. – Mary đáp. – Nhưng nhà ở đâu?

- Nó không biết nhà ở đâu kìa! – Thằng Basil kêu lên với vẻ khinh thường ra mặt. – Dĩ nhiên là ở bên Anh. Bà nội của bọn tao sống ở đó, con em gái bọn tao là Mabel cũng được gửi sang cho bà vào năm ngoái. Nhưng mày thì không được gửi sang cho bà nội đâu. Vì mày làm gì có bà. Mày sẽ được gửi cho bác mày. Tên ông ấy là Archibald Craven.

- Tao không biết gì về ông ấy cả. – Mary gắt gỏng.

- Tao cũng rõ là mày không biết. – Thằng Basil đáp. – Mày chẳng biết gì hết. Bọn con gái đũa nào cũng vậy. tao có nghe cha mẹ tao nói về ông ta. Ông ta hiện đang sống trong một ngôi nhà cổ to tướng tiêu điều rộng lớn ở vùng quê, không một ai muốn tới gần ông ta. Ông ta hay cáu và không cho ai đến gần, mà mọi người cũng không ai đến nếu ông ta cho phép. Ông ta là một người lưng gù và rất đáng sợ.

- Tao không tin mày! – Mary đáp rồi quay phắt đi, lấy ngón tay bịt chặt hai tai lại bởi vì nó không muốn nghe thêm gì nữa.

Nhưng sau đó, điều ấy khiến nó suy nghĩ rất nhiều. Rồi đến đêm, lúc bà Crawford bảo với nó rằng trong vài ngày tới bà sẽ xuống tàu sang Anh để đến chỗ bác nó, ông Archibald Craven, hiện đang sống ở trang viên Misselthwaite, thì con bé trở nên lạnh lùng và thờ ơ bướng bỉnh đến nỗi mọi người không biết nghĩ sao về nó nữa. Họ cố đối xử tốt với nó, nhưng nó vẫn ngoảnh mặt đi khi bà Crawford muốn hôn nó, và cũng kiên quyết không nhân nhượng khi ông Crawford vỗ vỗ lên vai nó.

- Nó chỉ là đứa trẻ hết sức bình thường. – Bà Crawford nói với vẻ mỉm cười. Còn mẹ nó, một phụ nữ mới xinh đẹp làm sao. Bà ấy có phong thái vô cùng trang nhã. Còn Mary lại có cái lối kém dễ thương nhất tôi từng thấy ở một đứa trẻ. Thảo nào bọn trẻ vẫn gọi nó là “Cô chủ Mary quá ư ngang ngược”. Và mặc dù chúng nói vậy thật hư nhưng người ta có thể hiểu được lý do tại sao.

- Có lẽ nếu mẹ nó thường xuyên vào phòng trẻ với gương mặt dễ thương và kiểu cách thanh lịch của bà ấy thì hẳn là Mary cũng học được cách cư xử tử tế. Thực đáng buồn, con người xinh đẹp tội nghiệp ấy giờ đây đã khuất rồi, đâu có ngờ nhiều người chưa bao giờ biết rằng bà ấy có một đứa con.

Bà Crawford thở dài:

- Tôi cho rằng bà ta hiếm khi ngó ngang đến nó. Từ khi Ayah của nó chết thì chẳng một ai để ý đến đứa trẻ bé bỏng ấy nữa. Cứ thử hình dung cảnh bọn đày tớ tháo chạy, bỏ mặc con bé bơ vơ trong ngôi nhà hoang ấy thì rõ. Đại tá MacGrew bảo ông ấy đã giết bắn mình khi vừa mở cửa thì thấy nó đứng sừng sững ngay giữa phòng.

Mary đã trải qua một chuyến hành trình dài sang Anh, nhờ vào sự chăm sóc của vợ một viên sĩ quan, bà này đang mang các con sang để gửi vào trường nội trú. Cậu con trai và cô con gái bé bỏng đã choán hết tâm trí bà, và bà lấy làm vui mừng khi gửi được Mary cho người phụ nữ mà ông Archibald Craven đã cử tới gặp bà ở Luân Đôn. Người này là quản gia của ông tại Misselthwaite, tên là Medlock. Bà là một phụ nữ đầy đà, hai má đỏ hây hây, đôi mắt đen láy sắc sảo. Bà vận y phục màu tía, bên ngoài khoác chiếc áo choàng rộng không tay bằng lụa đen có đính diềm hạt huyền, chiếc mũ đen có dây buộc dưới cằm đính mấy bông hoa bằng nhung tía cứ rung tinh suốt mỗi khi bà quay đầu. Con Mary không ưa bà chút nào, cũng như nó hiếm khi

ura thích một ai, điều này chẳng có gì đáng lạ, hơn nữa rõ ràng bà Madlock không mấy để ý đến nó.

- Nói thực tình, con bé trông chẳng có gì đặc biệt. Chúng tôi nghe đồn mẹ nó là một người nhan sắc. Con bé chẳng thừa hưởng ở mẹ được bao nhiêu, phải không bà?

- Biết đâu khi lớn lên chút nữa nó sẽ khác. – Bà vợ viên sĩ quan đáp với vẻ hiền hậu. – Nếu con bé không vàng bủng vàng beo, lại biết biểu lộ tình cảm một cách dễ thương thì nó cũng có những nét khá đầy chứ. Trẻ con chóng thay đổi lắm.

Bà Madlock đáp:

- Vâng, con bé còn thay đổi nhiều. Và không nơi đâu cái thiện lữ trẻ tốt bằng ở Misselthwaite, nếu như bà muốn biết ý kiến của tôi!

Họ cứ tưởng Mary không nghe thấy bởi vì nó đứng bên cửa sổ cái khách sạn họ vừa mới tới, cách hai người khá xa. Con bé dù đang ngắm xe cộ và dòng người qua lại nhưng vẫn nghe rõ mồn một, nó hết sức tò mò về ông bác của mình và nơi ông đang sống. Chẳng hiểu chỗ ấy ra sao và ông ta là người như thế nào? Người lưng gù là người thế nào nhỉ? Nó chưa bao giờ nhìn thấy một người gù. Có lẽ ở Ấn Độ không có người gù.

Kê từ ngày ăn nhờ ở đậu nhà người và không có Ayah bên cạnh, nó bắt đầu cảm thấy cô đơn và nảy ra trong đầu những ý nghĩ kỳ quặc chưa từng có. Nó cứ tự hỏi tại sao nó chẳng phải là con của ai cả, thậm chí ngay cả lúc cha mẹ nó còn sống. Dường như đứa trẻ nào cũng thuộc về cha mẹ chúng, chỉ có mình nó chưa bao giờ thực sự là đứa con gái bé bỏng của ai đó. Nó đã từng có người hầu kẻ hạ, có cơm ăn áo mặc nhưng mấy ai để tâm tới nó. Nó không biết rằng đó là do nó là một đứa trẻ khó chịu; nhưng dĩ nhiên rồi, nó thì làm sao biết được nó lại là đứa trẻ khó chịu và đáng ghét kia chứ. Nó vẫn tưởng người khác mới như thế, chứ bản thân mình thì không.

Con bé cho rằng bà Madlock là người đáng ghét nhất mà nó từng gặp, với khuôn mặt hồng hào nhưng tầm thường, cùng chiếc mũ xinh xinh tầm thường của bà ta. Hôm sau, họ lên đường khởi hành tới Yorkshire, con bé rảo bước qua nhà ga để tới chỗ đoàn tàu hoả, nó ngẩn cao đầu và cố tránh càng xa bà ta càng tốt, bởi vì nó không muốn thiên hạ tưởng lầm rằng nó liên quan tới bà. Trong lòng vô cùng tức tối khi nghĩ tới việc mọi người cứ tưởng nó là đứa con gái nhỏ của bà ta.

Nhưng bà Madlock không hề bị làm phiền bởi sự có mặt và những duy nghĩ nung nấu của con bé. Bà thuộc tuýp phụ nữ luôn “tĩnh bơ trước sự nhỏ nhẻ của bọn nhóc”. Chỉ ít thì đó là điều bà sẽ đáp lại nếu như có ai hỏi bà. Quả tình bà không muốn tới Luân Đôn vào lúc cô con gái bà chị Maria của bà sắp cưới, nhưng vì bà đã kiếm được chân quản gia lương cao bổng hậu, công việc lại nhẹ nhàng tại trang viên Misselthwaite, âu cũng chỉ còn mỗi cách để bà có thể giữ được chỗ làm đó là phải răm rắp nghe theo những gì

ông Archibald Craven bảo. Bà chưa bao giờ dám hỏi dù chỉ một câu.

Ông Craven nói với một vẻ lạnh lùng cụt lủn:

- Đại tá Lennox và vợ ông đã qua đời vì bệnh tả. Đại tá là em vợ tôi và tôi là người giám hộ cho con gái của họ. Đứa trẻ đã được gửi đến đây. Bà phải đích thân đi Luân Đôn và mang nó về cho tôi.

Bà chỉ kịp sắp hành lý vào một cái rương nhỏ rồi đi ngay.

Mary ngồi nép vào một góc trong toa xe hoả, nom nó có vẻ buồn rầu và khổ sở. Chẳng có gì để đọc hoặc để ngắm, nó chỉ còn biết đặt hai bàn tay mang găng màu đen mỏng dính trên vạt váy. Bộ váy màu đen khiến trông nó còn vàng vọt hơn trước đây, mấy lọn tóc mỏng tang éo lá loà xoà dưới chiếc mũ làm bằng loại vải mỏng nhẹ màu đen.

“Một con nhóc hư nhất mình từng gặp trong đời.” - Bà Medlock nghĩ bụng. Quả thực bà chưa bao giờ thấy đứa trẻ nào cứ ngồi lì một chỗ chẳng động tay động chân; cuối cùng, đâm ra chán ngấy với việc phải nhìn nó, bà bèn cất giọng uy quyền với vẻ thản nhiên.

- Tôi cho rằng tôi có thể nói cho cô hay vài điều về nơi cô sắp đến. Cô có biết gì về người bác của cô không?

- Không. - Mary đáp.

- Cô chưa nghe cha mẹ cô nói gì về ông ta sao?

- Chưa. - Mary nhú mày trả lời. Nó nhú mày vì nó còn nhớ cha mẹ nó chẳng bao giờ nói với nó điều gì đặc biệt. Chắc hẳn họ chưa bao giờ nói với nó điều gì như vậy cả.

- Hừm... - Bà Medlock lườm bâu và nhìn chòng chọc vào khuôn mặt lạnh nhạt khó chịu của nó. Bà không nói gì trong giây lát, rồi lại lên tiếng.

- Thiết nghĩ cô cũng phải được nghe đôi điều để còn chuẩn bị trước. Cô sắp sửa tới một nơi hết sức kỳ cục đấy.

Mary chẳng nói chẳng rằng càng làm bà Medlock chưng hửng trước vẻ thờ ơ lộ liễu của con bé. Sau khi hít một hơi, bà lại tiếp tục:

- Đó không chỉ là một toà nhà đồ sộ, u ám, ảm đạm mà ông Craven vẫn tự hào theo cái cách riêng của ông ấy - dù kể ra thì nó cũng u ám thực. Toà nhà ấy những 600 tuổi rồi, nằm bên rìa một cánh đồng hoang và để có tới gần một trăm phòng trong đó, mặc dù hầu hết đều đóng kín và khoá chặt. Có cơ man nào là tranh, đồ nội thất cổ tinh xảo và những thứ đã nằm ở đó tự thưở nào. Cả một công viên lớn bao quanh nó, rồi các khu vườn, cây cối với tán lá loà xoà rủ cả xuống mặt đất - Bà ngừng lại một lát lấy hơi. - Ngoài ra chẳng còn gì. - Rồi đột nhiên, bà kết thúc.

Mary bắt đầu chú ý lắng nghe, mặc dù nó vẫn giả bộ thờ ơ. Tất cả những điều đó nghe có vẻ không giống Ấn Độ chút nào, và mọi thứ mới mẻ đều đang cuốn hút nó. Nhưng nó làm bộ không thèm quan tâm. Đó là một trong những cách nó gây khó chịu cho người khác. Và nó vẫn ngồi im.

- Vậy thì, - bà Medlock lên tiếng. - Cô nghĩ thế nào về chuyện đó?

- Chẳng nghĩ gì hết, - con bé đáp. – Tôi chẳng hiểu gì về những nơi như thế.

Câu trả lời khiến bà Medlock đột nhiên cười phá lên.

- Này, thế thì cô đúng là một bà già mất rồi. Cô không quan tâm gì sao?

- Tôi có quan tâm hay không thì chẳng có gì quan trọng. – Con bé đáp.

- Đến đây thì cô đúng, - bà Medlock đáp, - không có gì quan trọng. Cô được lưu lại trang viên Misselthwaite vì lý do gì thì tôi chịu, trừ phi bởi đó là cách dễ dàng nhất. Ông ấy chẳng bận tâm đến cô đâu, đó là điều chắc chắn. Ông ấy chưa bao giờ bận tâm đến ai cả.

Bà ta dừng lại như thể lúc ấy vừa chợt nhớ ra điều gì.

- Ông ấy gù lưng. Có lẽ điều đó khiến ông luôn trong tâm trạng bất ổn. Ông còn trẻ mà đã hay cúi kính, và cho tới khi lấy được vợ thì ông ấy chẳng biết dùng tiền bạc và cơ ngơi to lớn của mình vào việc gì.

Mary ngược mắt nhìn bà, mặc dù nó định tỏ vẻ là không thêm nghe. Nó quả chưa bao giờ tưởng tượng một người lưng gù lại có thể cưới được vợ nên thấy ngạc nhiên kinh khủng. Bà Medlock nhận ra điều này và vốn dĩ là một người đàn bà lăm mồm, bà ta lại tiếp tục, mỗi lúc một say sưa. Đó là một cách giết thời gian trong mọi hoàn cảnh.

- Bà ấy thật xinh xắn, đáng yêu, và ông ấy có thể đi khắp thế giới chỉ để kiếm cho bà một nhánh cỏ mà bà muốn. Không một ai nghĩ bà ấy lại lấy ông, vậy mà bà ấy đã làm thế, thiên hạ họ đồn bà ấy lấy ông chỉ vì tiền. Nhưng bà ấy không phải vậy – bà ấy không phải là người như vậy, tuyệt đối không. Khi bà ấy chết...

Mary bỗng giật nảy người.

- Ôi, bà ấy chết rồi à? – Con bé kêu lên, hoàn toàn vô thức. Nó chợt nhớ tới một câu chuyện thần tiên của Pháp mà có lần nó đã đọc tên là “Riquet à la Houpe”. Câu chuyện kể về một người lưng gù nghèo khó và một cô công chúa xinh đẹp, khiến con bé chợt thấy thương cảm cho ông Archibald Craven.

- Phải. – Bà Medlock đáp. – Chính chuyện này khiến ông ấy càng trở nên kỳ cục hơn bao giờ hết. Ông không còn quan tâm tới bất kỳ ai. Mà cũng chẳng muốn gặp gỡ người nào hết. Hầu hết thời gian ông đi đây đó và hễ cứ về tới Misselthwaite là ông lại giam mình trong chái nhà phía Tây, không cho ai ngoài Pitcher được phép gặp mặt. Pitcher là một lão già đã trông nom ông từ khi ông còn bé và chỉ có lão mới biết đường mà chăm sóc ông.

Câu chuyện đó tựa hồ như chỉ có trong sách, và nó không làm Mary thấy vui. Một ngôi nhà có đến ngót trăm căn phòng mà hầu như đều đóng kín mít, cửa khoá then cài – một ngôi nhà nằm bên rìa cánh đồng hoang, cho dù cánh đồng hoang có là cái gì đi nữa, thì cũng quả là thê lương. Một người đàn ông với cái lưng gù luôn tự giam mình thì cũng như thế. Nó đăm đăm nhìn ra ngoài cửa sổ. Nếu bà vợ xinh đẹp của ông ấy còn sống, hẳn bà ấy sẽ làm một

cái gì đó đầy hào hứng, tựa như người mẹ của nó, chạy ra chạy vào hoặc mặc những tà áo dài “đầy đặng ten” đi dự tiệc. Nhưng bà ấy làm gì còn trên đời.

- Cô đừng mong đợi gặp ông ấy làm gì, tôi dám cược 10 ăn 1 là cô không muốn đâu. – Bà Medlock bảo. – Cô cũng đừng mong có ai chuyện trò hỏi han. Cô sẽ phải tự chơi lấy và tự chăm sóc bản thân. Rồi cô sẽ được người ta bảo cho căn phòng nào thì được phép vào và căn phòng nào cô phải tránh xa. Ngân ấy vườn tược là đủ rồi. Nhưng khi đã đặt chân vào nhà thì đừng có lang thang đây đó hay tò mò lục lọi. Ông Craven không cho phép đâu.

- Tôi không thèm tò mò lục lọi gì hết. – Con bé Mary chanh chua đáp lại. Và cũng đột ngột như khi nó bắt đầu thấy xót xa cho ông Archibald Craven, lúc này nó đâm bốt thương cảm và nghĩ bụng ông ta khó chịu như thế, có gặp chuyện như vậy cũng đáng thôi.

Đoạn nó ngoảnh sang cánh cửa chớp của toa xe, nhìn chăm chăm vào cơn mưa đông xám xịt tưởng chừng như đang xối xả bất tận ngoài kia. Cho tới khi bầu trời mỗi lúc một xám xịt hơn. Mưa mỗi lúc một nặng hạt hơn trước mắt nó và nó ngủ thiếp đi lúc nào không hay.

Chương 3: Bên kia cánh đồng hoang.

Mary ngủ được một lúc khá lâu, khi nó tỉnh dậy thì bà Medlock đã mua sẵn một giỏ đồ ăn trưa tại một ga nào đó, và cả hai đánh chén thịt gà, thịt bò nguội, bánh mì với bơ và cả trà nóng nữa, một cách ngon lành. Cơn mưa dường như mỗi lúc một mạnh hơn, mọi người trên sân ga ai nấy đều khoác trên mình những chiếc áo mưa ước sũng và bóng loáng. Người phụ trách đoàn tàu đi thắp các ngọn đèn dầu trong toa, và bà Medlock tỏ ra vui vẻ hơn sau khi chén đầy các món thịt gà, thịt bò và trà. Sau một bữa no nê, bà ngủ thiếp đi, con bé Mary ngồi nhìn bà chòng chọc, ngắm ngía chiếc mũ tròn không vành xinh xắn của bà lúc này bị lệch sang một bên, cho tới khi chính nó cũng một lần nữa thiếp đi trong góc toa, được tiếng mưa táo vào cửa sổ vỗ về trong giấc ngủ. Khi nó tỉnh dậy lần nữa thì trời đã tối mịt. Đoàn tàu dừng bánh trước một sân ga, bà Medlock lay con bé.

- Cô ngủ được một giấc rồi đấy! Dậy đi nào! Chúng ta đã tới ga Thwaite, còn cả một chặng đường dài trước mắt nữa cơ mà.

Mary đứng dậy, cố mở mắt, trong khi bà Madlock thu xếp hành lý. Nó không tỏ ý muốn giúp bà, bởi vì ở Ấn Độ đám tôi tớ người địa phương thường phải khuân vác đồ đạc nên chuyện những người khác phải hầu hạ, phục dịch một người là lẽ đương nhiên.

Đây là một ga xép và dường như chẳng có ai xuống tàu trừ hai người. Người trưởng ga nói với bà Medlock bằng một giọng khề khà đôn hậu, với lối phát âm nặng nề hơi lạ tai của ông ta, và ngay sau đó, Mary biết được rằng đó là giọng Yorkshire.

- Tôi mừng bà đã trở về, - ông ta nói. – Lại còn mang theo một đứa trẻ

nữa.

- Đúng vậy, nó đấy, - bà Medlock đáp lời cũng bằng thứ giọng vùng Yorkshire và hát đầu về phía Mary. – Bà nhà ông thế nào?

- Cũng ổn. Xe ngựa đang ở ngoài kia chờ hai người đấy.

Cỗ xe độc mã đỗ bên đường trước thềm ga nhỏ. Mary thấy đó là một cỗ xe thanh nhã và một người hầu trông cũng rất lịch lãm, đỡ nó lên xe. Chiếc áo mưa dài cùng chiếc mũ trùm kín đầu của anh ta loang loáng và đang sũng nước mưa như tất cả mọi thứ xung quanh, kể cả ông trưởng ga lực lưỡng.

Khi anh ta đóng cửa xe rồi trèo lên chỗ ngồi với người đánh xe ngựa, và họ đánh xe đi, thì con bé nhận thấy mình đang ngồi trong một góc xe trải nệm vô cùng êm ái, nhưng nó cũng không định ngủ lại nữa. Đưa mắt ra ngoài cửa sổ, nó tò mò nhìn cảnh vật đang lướt qua bên đường, con đường rồi sẽ đưa nó đến một nơi kỳ dị mà bà Medlock vừa cho nó hay. Nó hoàn toàn không phải một đũa trẻ rụt rè, nó cũng chẳng sợ hãi gì mà chỉ cảm thấy không rõ điều gì sắp xảy đến trong ngôi nhà có đến 100 phòng lúc nào cũng đóng im ỉm kia – ngôi nhà nằm bên rìa một cánh đồng hoang.

- Cánh đồng hoang là gì hả bà? – Nó bỗng cất tiếng hỏi bà Medlock.

- Cứ nhìn ra ngoài cửa sổ chừng mười phút cô sẽ rõ. Chúng ta phải đi những 5 dặm xuyên qua cánh đồng hoang Missel, trước khi tới trang viên. Trời tối mịt nên cô chẳng thấy gì nhiều đâu, nhưng cũng có thể nhận ra một vài thứ.

Mary không hỏi thêm câu nào nữa mà ngồi im chờ đợi bóng tối của cỗ xe, mắt vẫn hướng về phía cửa sổ. Máy ngọn đèn trên cỗ xe ngựa chỉ đủ soi sáng một quãng ngắn phía trước họ, thế nhưng con bé vẫn loáng thoáng thấy cảnh vật khi họ lướt xe qua. Sau lúc rời khỏi nhà ga, khi qua một ngôi làng nhỏ, nó đã nhìn thấy mấy túp nhà gianh quét vôi trắng và ánh đèn từ một quán rượu hắt ra. Xe chạy qua nhà thờ và nhà xứ rồi lướt nhanh qua cửa sổ của một cửa hiệu nhỏ hay gì đó đại loại như vậy, cũng là nhà gianh, nơi nó thấy có bày bán đồ chơi, kẹo bánh và những thứ ngò ngộ. Khi ra đến đường cái, nó lại thấy hàng rào cùng cây cối vườn tược. Sau đó, chẳng có gì khác nữa trong cả thời gian dài, hoặc ít ra là một khoảng thời gian đối với con bé.

Cuối cùng, những con ngựa bắt đầu phi chậm dần, như thể chúng đang leo lên đồi vậy, rồi ngay lúc ấy chẳng thấy hàng rào cùng cây cối đâu nữa. Mary không còn thấy gì hết ngoài bóng đêm dày đặc hai bên đường. Nó ngả người dán mặt vào khuôn cửa sổ, đúng lúc đó, cỗ xe ngựa xóc nảy lên.

- À! Giờ thì chắc hẳn chúng ta đã tới cánh đồng hoang rồi. – Bà Medlock thốt lên.

Máy ngọn đèn của cỗ xe ngựa hắt ra một thứ ánh sáng vàng ệch xuống con đường khắp khệnh có vẻ đang xuyên qua các bụi rậm và những gì đó thấp lè te để rồi kết thúc trong màn đêm tối tăm mịt mùng đang trải rộng trước mặt và xung quanh họ. Một cơn gió đang nổi lên và tạo ra thứ âm

thanh rì rào, hoang dại và kỳ quặc.

- Đây... đây không phải là biển, phải không? Mary hỏi và quay sang nhìn người đi cùng.

- Không đâu, - bà Medlock đáp. - Đó cũng chẳng phải đồng ruộng, hay núi non mà chỉ là những dặm dài vô tận toàn đất hoang, chẳng có gì mọc nổi ngoài thạch thảo, kim tước và đậu chổi, cũng chẳng con gì sống nổi trừ loài ngựa hoang Pony(6) và cừu.

- Tôi cảm thấy như đây là biển, nếu có thêm nước, - Mary bảo. - Âm thanh nghe chẳng khác gì biển.

- Chẳng qua là gió đang thổi qua các bụi cây, - bà Medlock bảo nó. - Trong tâm trí tôi thì đây là một nơi thê lương hoang dã nhất, mặc dầu cũng có nhiều nơi như thế, đặc biệt là vào mùa thạch thảo ra hoa.

Cứ thế họ cho xe chạy xuyên qua đêm tối, và dù lúc này mưa đã tạnh nhưng gió vẫn hồi hã, gào rít, tạo ra những âm thanh kỳ dị. Con đường hết dốc lên lại đổ xuống, thỉnh thoảng cỗ xe lăn bánh qua một chiếc cầu nhỏ, bên dưới nước chảy xiết, âm âm. Mary có cảm tưởng chuyến đi này sẽ không bao giờ kết thúc, và cánh đồng hoang trống trải, mênh mông là cả một đại dương đen ngòm trải rộng đến vô cùng mà nó đang phải vượt qua.

- Mình không thích nơi này. Mình chẳng thích nó tí nào. - Nó thâm nhũ, và lại bặm môi chặt hơn.

Khi cỗ xe leo lên một đoạn đường đồi thì con bé nhận ra có một ánh đèn. Cùng lúc, bà Medlock cũng nhìn thấy ngọn đèn với nó, bèn thở phào nhẹ nhõm.

- Chà, tôi lấy làm mừng được trông thấy ánh đèn nhấp nháy, - bà ta thốt lên. - Kia là ánh đèn từ cửa sổ phòng người gác cổng. Chỉ một lát nữa là chúng ta sẽ được làm một tách trà ngon.

Quả là phải “một lát nữa”, như bà ta nói, bởi vì khi cỗ xe lăn bánh qua cổng vườn thì vẫn còn hai dặm đường nữa, thế rồi những tán cây (gần như ở ngay trên đầu) khiến họ tưởng như đang chạy dọc theo một mái vòm dằng dặc tối tăm.

Họ đánh xe ra khỏi vòm cây tới một chỗ quang đãng và dừng bánh trước ngôi nhà dài hun hút nhưng thấp tè, dường như bao quanh một cái sân lát đá. Thoạt đầu Mary cứ tưởng không có ánh đèn sau các cửa sổ, nhưng khi vừa bước ra khỏi cỗ xe ngựa, nó nhận thấy có một căn phòng ở phía góc tầng trên phát ra thứ ánh sáng mờ đục.

Cửa vào là một cánh cửa khổng lồ làm từ những tấm gỗ sồi chắc nịch, lạt mắt, được tán bằng những chiếc đi to tương trên các nẹp sắt to bản. Cánh cửa mở thông vào gian đại sảnh rộng thênh thang, nơi chỉ được chiếu sáng mờ mờ đến nổi những khuôn mặt trong các bức chân dung treo trên tường và hình dáng nhân vật trong các bộ trang phục áo giáp khiến Mary cảm thấy không còn muốn nhìn họ nữa. Khi nó dừng chân trên sàn lát đá, nom nó mới

nhỏ bé làm sao, một hình hài tí hon, đen đũi và kỳ quặc, mà chính nó cũng cảm thấy mình thực nhỏ bé, kỳ quặc và mất hết can đảm.

Một người đàn ông đứng tuổi, cao gầy, ăn mặc gọn gàng, đang đứng cạnh người hầu mở cửa cho họ.

- Hãy đưa cô đây về phòng, - ông ta nói bằng giọng khàn khàn. - Ông chủ chưa muốn gặp cô ấy. Ông ấy sắp sửa đi Luân Đôn vào sáng sớm ngày mai.

- Tốt thôi, ông Pitcher, - bà Medlock bảo. - Miễn là tôi biết người ta muốn gì ở tôi, tôi có thể giải quyết được mà.

- Điều người ta muốn ở bà, bà Medlock, - ông pitcher sẵn giọng - là bà phải đảm bảo là ông ấy không bị quấy rầy và không phải thấy những gì ông ấy không muốn thấy.

Rồi Mary được dẫn lên một cầu thang rộng, dẫn tới một hành lang dài, qua mấy bậc tam cấp thì đi xuyên qua một hành lang nữa, rồi một hành lang khác cho tới khi mở ra một cánh cửa, và con bé nhận thấy mình đang ở giữa một căn phòng có lò sưởi cùng với bữa tối đã dọn sẵn trên bàn.

Mà Medlock nói một cách thô lỗ:

- Được rồi, đến nơi rồi đấy! Phòng này và phòng bên là nơi ở của cô, cô phải ở nguyên đây. Chớ có quên!

Mary đã tới trang viên Misselthwaite như thế đấy, và có lẽ trong suốt cuộc đời nó, chưa bao giờ con bé cảm thấy trong lòng lại ngổn ngang đến vậy.

Chương 4: Martha.

Sáng hôm ấy,, người hầu gái trẻ vào phòng Mary cời thêm lửa trong lò sưởi và khiến nó thức giấc. Chị ta quỳ trên tấm thảm trước lò sưởi để cào than cháy dở nên gây ra tiếng động. Mary vẫn nằm, ngắm chị ta một lúc rồi đưa mắt khắp phòng. Nó chưa bao giờ thấy một căn phòng nào như thế, và nghĩ rằng căn phòng này thật lạ lùng, ảm đạm. Các bức tường đều được phủ kín bằng những tấm thảm có thêu cảnh rừng cây. Kia là những người ăn mặc phóng túng đứng dưới gốc cây, và xa hơn nữa là bóng dáng mấy tháp canh của một toà lâu đài. Rồi thì cảnh người đi săn, ngựa nghê, bầy chó săn và cả mấy phu nhân nữa. Mary có cảm tưởng như nó đang sống trong khu rừng ấy với họ. Phóng tầm mắt qua cửa sổ, nó nhận ra cả một vùng đất đai trải rộng mênh mông dường như không một bóng cây, nom tựa một đại dương vô tận, màu hung đỏ và chán ngắt.

- Gì thế kia? – Nó hỏi, chỉ tay ra ngoài cửa sổ.

Martha, người hầu gái trẻ nhòm người lên nhìn, tay cũng chỉ theo.

- Ngoài kia ấy ạ? – Chị hỏi.

- Phải.

- Đây là cánh đồng hoang, - chị đáp với nụ cười hiền hậu. – Cô có thích

không?

- Không, - Mary đáp. – Tôi ghét nó.

- Chẳng qua là vì cô chưa quen ở đây đấy thôi. – Martha vừa nói, vừa quay trở lại trước lò sưởi. Chắc cô cho rằng nó quá rộng và trống trải. Nhưng rồi cô sẽ thấy thích nó cho mà xem.

- Thế còn chị? – Mary dò hỏi.

- Ấy, tôi thích chứ! – Martha vui vẻ đáp, tay vẫn lau chiếc ghi lò. – Tôi yêu nó lắm. Nó chẳng trông trái tẹo nào. Khắp vùng này phủ đầy những cây cỏ mang hương vị ngọt ngào. Vào mùa xuân hay mùa hè thì lại càng đáng yêu hơn khi thạch thảo, kim tước và đậu chổi trở toàn hoa là hoa. Thơm tựa mật ong. Không gian tràn ngập không khí trong lành – bầu trời cao vợi vợi, từng bầy ong vo vo và chim chiền chiện thì cất tiếng hót lạnh lốt mới dễ thương làm sao. Chà! Tôi sẽ chẳng bao giờ sống xa cánh đồng hoang dù có các gì đi nữa.

Mary lắng nghe chị ta với vẻ mặt bối rối, nghiêm trang. Đám gia nhân người địa phương mà nó đã quen ở Ấn Độ hoàn toàn không giống thế này. Họ đều có vẻ khúm núm và quy lụy chứ không dám chuyện trò bình đẳng với chủ như thế. Họ thường chào kiêu salam(7), và gọi chủ mình là “người bảo hộ cho kẻ nghèo” cùng nhiều cái tên tương tự. Các gia nhân người Ấn được yêu cầu chỉ biết làm chứ không được thắc mắc. Chẳng lấy đâu ra thói quen nói “làm ơn” hoặc “cảm ơn” và Mary vẫn thường lăng mạ Ayah của nó mỗi khi nó tức giận. Nó hơi ngỡ ngàng tự hỏi không biết cô gái này sẽ làm gì nếu có kẻ dám lăng mạ cô. Cô ta mặc mặc ưa nhìn, hồng hào và tròn lẳn, nhưng ở chị ta có một vẻ vững chãi khiến cô chủ Mary thầm nghĩ không biết chị ta có phản ứng lại nếu người sĩ nhục mình chỉ là một đứa bé gái.

- Chị là một người ở kỳ lạ, - Mary vẫn vui mặt trong mấy chiếc gối nói với vẻ khá cao ngạo.

Martha ngồi xồm, tay cầm chiếc bàn chải màu đen, chị bật cười không một chút bực tức.

- Vâng, tôi cũng biết thế, - chị đáp. – Nếu như có một bà lớn ở Misselthwaite thì tôi thậm chí cũng không bao giờ được làm phụ hầu gái nữa kia. Có lẽ tôi chỉ được một chân ở phòng rửa bát là cùng, mà tôi cũng chẳng khi nào được phép lên gác. Tôi quá tầm thường, thêm cái giọng Yorkshire quá nặng. Nhưng đây là ngôi nhà lạ lùng, mặc dù nó thật tuyệt vời. Có vẻ như ông Pitcher và bà Medlock là Ông chủ và Bà chủ duy nhất ở đây. Ông Craven u, ông ấy chẳng bao giờ bận tâm về điều gì khi sống ở đây, mà ông ấy thì thường xuyên xa nhà. Bà Medlock vì lòng tốt đã cho tôi một chỗ ở. Bà ấy bảo tôi rằng bà ấy sẽ không khi nào cư xử như vậy nếu như Misselthwaite cũng giống các dinh thự khác.

- Chị sắp thành người hầu của tôi phải không? – Mary hỏi, nó vẫn giữ cái cung cách ngạo mạn từ hồi nhỏ khi còn ở Ấn Độ.

Martha bắt đầu chùi cái ghi lò lần nữa.

- Tôi là người hầu của bà Medlock, - chị nói với vẻ cả quyết, còn bà ấy là người hầu của ông Craven. Tôi phải làm phận sự của người hầu gái ở đây và đang đợi cô sai bảo. Nhưng cô cũng chẳng cần gì lắm thì phải.

- Ai sẽ mặc quần áo cho tôi? – Mary đòi hỏi. Martha nhòm dậy lần nữa và nhìn chòng chọc. Chị vẫn nói bằng giọng Yorkshire nặng nề, vẻ kinh ngạc.

- Chẳng nhẽ cô không tự mặc quần áo được hay sao!

- Ý chị là gì? Tôi không hiểu ngôn ngữ của chị.

- Ô, tôi quên khuấy đi mất. – Martha bảo. – Bà Medlock có dặn tôi phải nói năng cẩn thận kẻo cô không hiểu những điều tôi nói. Ý tôi là chẳng nhẽ cô không tự mặc quần áo được sao?

- Không. – Mary đáp một cách tức giận. – Từ bé tới giờ tôi chưa bao giờ làm việc đó. Người hầu của tôi phải mặc quần áo cho tôi, đó là việc đương nhiên.

- Chà, - Martha thốt lên, rõ ràng không chút ý thức rằng mình đang hỗn láo, - thế thì đến lúc cô phải học rồi đây. Cô không thể cứ trẻ con mãi như thế được, vậy thì cứ đợi chút cũng tốt thôi. Mẹ tôi luôn bảo bà không tài nào hiểu nổi tại sao các trẻ con các nhà quyền quý lại không biết bẻ chiếc bánh put-đinh cho đúng cách, cái gì cũng phải bảo mậ, nào giặt giũ, nào mặc quần áo, nào đưa đi dạo, như thể đó là những chú chó con vậy!

- Thật khác hẳn ở Ấn Độ, - Cô chủ Mary nói vẻ khinh khỉnh. – Khác hẳn đấy! – Nó thấy khó mà có thể chịu đựng điều này.

Martha cũng chẳng vừa.

- Ô, tôi cũng thấy khác hẳn, - chị trả lời với vẻ thông cảm. – Tôi dám nói rằng chẳng qua ở đó có quá nhiều người da đen, lại có ít người da trắng đáng kính. Lúc nghe nói cô sắp từ Ấn Độ trở về, tôi cứ ngỡ cô là người da đen cơ đấy.

Từ trên giường, Mary ngồi bật dậy, cau tiết.

- Cái gì! Cái gì! Chị nghĩ tôi là người bản xứ chắc. Chị... chị là đồ con lợn!

Martha nhìn nó chòng chọc, trông vẻ mặt chị thật giận dữ.

- Cô vừa nhắc tới ai đấy? Cô không cần phải bực bội đến thế. Đó không phải là cách nói năng của một tiểu thư. Tôi chẳng có vấn đề gì với đám da đen ấy. Khi đọc về họ trong sách cổ ta chỉ nhận thấy họ là những người vô cùng mộ đạo. ta luôn đọc thấy lời dạy rằng người da đen cũng là con người và là anh em với ta. Tôi chưa bao giờ gặp một người da đen, và tôi rất sung sướng khi nghĩ rằng tôi sắp được gặp họ trong một ngày gần đây. Lúc tôi vào nhóm lửa phòng cô sáng nay, tôi đã rón rén tới bên giường cô và nhẹ nhàng kéo tấm chăn để ngắm cô. Thì ra cô là... tôi thất vọng quá, cũng chẳng đen hơn tôi là mấy. Có thể mà cô cũng hét lên.

Mary không thèm kiềm chế cơn thịnh nộ và nổi bễ bàng của nó.

- Chị nghĩ tôi là bọn dân bản xứ à! Chị dám thế à! Chị không hiểu chút nào về dân bản xứ hết! Chúng không phải là người. Chúng chỉ là bọn tôi tớ, lúc nào cũng cúi đầu chào lạy người ta. Chị không hiểu gì về xứ Ấn Độ hết. Chị chẳng biết cái quái gì cả!

Con bé đang bị một cơn giận cuốn đi và giờ nó thấy tuyệt vọng trước cái nhìn chăm chăm bình thần của cô gái, tôi không rõ tại sao nó bỗng cảm thấy cô đơn kinh khủng, thấy mọi thứ đều xa lạ với nó, nó gieo mình xuống, vùi mặt vào mấy chiếc gối rồi bật khóc nức nở. Nó thôn thức không sao nên lại được đến nỗi chị Martha người Yorkshire với bản tính tốt bụng cũng thấy mũi lòng xót thương. Chị tiến đến bên giường, cúi xuống con bé.

- Ôi, cô không được khóc như thế đâu! – Chị khẩn khoản van xin. – Cô phải thế là không khóc nữa. Tôi quả không nghĩ cô lại phật lòng. Tôi thật chẳng biết gì sất, đúng như cô nói. Tôi xin cô tha thứ, thưa cô. Đừng khóc nữa.

Một cái gì đó thật thân thiết và dễ chịu trong lời nói Yorkshire kỳ quặc của chị, cả cái vẻ vững vàng, cứng cỏi của chị nữa cũng tác động tới Mary. Con bé dần dà nín khóc và im hẳn. Nom Martha cũng đã bớt căng thẳng.

- Đến lúc cô phải dậy rồi, - chị nói. – Bà Medlock bảo tôi phải dọn cho cô bữa sáng với trà, và bữa tối ở phòng bên cạnh. Nơi này đã được sửa lại thành phòng trẻ cho cô. Kho cô ra khỏi giường, tôi sẽ giúp cô mặc áo nếu cô không thể cài các khuy sau lưng được.

Cuối cùng, Mary quyết định ngồi dậy. Bộ đồ mà Martha lấy từ tủ quần áo không phải bộ mà nó đã mặc khi đến đây vào đêm hôm trước cùng bà Medlock.

- Bộ này không phải của tôi. Bộ của tôi màu đen cơ.

Nó ngắm nghía chiếc áo khoác ngoài bằng len trắng dày dặn rồi mặc vào. Nó chấp thuận với vẻ lạnh lùng.

- Bộ này đẹp hơn bộ của tôi.

- Đây chính là bộ mà cô phải mặc, - Martha đáp. - Ông Craven đã lệnh cho bà Medlock tìm mua chúng ở tận Luân Đôn kia đấy. Ông ấy bảo: “tôi không muốn thấy một đứa trẻ mặc đồ đen đi đi lại lại như một hồn ma”. Ông ấy còn nói: “Điều đó khiến nơi này càng trở nên buồn bã. Hãy phủ màu sắc rực rỡ lên người con bé.” Mẹ tôi bảo bà hiểu ý ông ấy muốn nói gì. Bà luôn hiểu suy nghĩ của người khác. Bà không bao giờ giữ màu đen bên mình.

- Tôi căm ghét những thứ màu đen, - Mary bảo.

Việc mặc quần áo cũng giúp cả hai hiểu ra một điều gì đó. Martha đã từng “cài khuy” cho các em gái bé bỏng của chị, và cả mấy đứa em trai nữa, nhưng quả thật chị chưa bao giờ thấy một đứa trẻ nào cứ đứng ngậy ra chờ người khác làm mọi việc cho nó như thế nó chẳng có tay chân vậy.

- Tại sao cô không tự đi giày vào? – cô bảo nó vì thấy Mary vẫn không

hề nhúc nhích hai chân.

- Ayah của tôi phải làm việc ấy, - Mary trả lời, vẫn nhìn chăm chăm. – Đó là tục lệ.

Nó rất hay nói thế - “Đó là tục lệ”. Ngay cả đám gia nhân bản xứ cũng thường nói thế. Giá có ai bảo họ làm một việc gì mà ông bà tổ tiên họ đã không làm từ hàng nghìn năm qua thì hẳn họ sẽ trừng mắt giận dữ với người đó và bảo: “Đây không phải là tục lệ”, và người đó hiểu ngay rằng nên kết thúc chủ đề đó cho xong đi.

Làm gì có cái lệ là Cô chủ Mary phải tự làm mọi thứ, ngoài việc đứng đờ người ta mặc quần áo cho mình như một con búp bê. Nhưng trước khi vào bữa sáng, nó đâm ra hồ nghi không rõ cuộc đời ở Trang viên Misselthwaite này liệu rồi có dạy cho nó vô vàn những điều hoàn toàn mới mẻ - như đi giày, đi tất, rồi nhặt những vật đánh rơi. Nếu Martha được dạy dỗ đúng đắn để làm hầu gái cho một tiểu thư trẻ thì chị ta cần khúm núm và kính cẩn hơn mới phải, chị ta cũng nên hiểu bổn phận của mình là chải tóc, đi giày, nhặt đồ vật và để gọn chúng lại. Nhưng dẫu sao thì, chị ta cũng là một con người mộc mạc chất phác vùng Yorkshire, sinh ra trong một túp lều gianh nơi vùng đất hoang vu với một bầy lít nhít em trai em gái, chẳng dám mơ đến gì khác ngoài việc hầu hạ phục dịch hoặc trông nom đám em vẫn đang chập chững đi và ngã nhào.

Nếu Mary Lennox là một đứa trẻ biết đùa thì hẳn nó sẽ bật cười trước sự mau mồm mau miệng của Martha, nhưng Mary chỉ nghe chị với vẻ lạnh lùng, và ngạc nhiên trước cử chỉ thoải mái của chị. Thoạt đầu nó chẳng mấy quan tâm, nhưng dần dà, khi chị cứ huyên thuyên trò chuyện với vẻ hồn nhiên than mật, thì Mary bắt đầu chú ý tới những điều chị nói.

- Ôi, cô nên gặp tất cả bọn tôi. 12 người chúng tôi. Cha tôi chỉ kiếm được 16 si-ling mỗi tuần. Tôi có thể nói với cô rằng với số tiền đó mẹ tôi chỉ đủ lo cháo đặc cho cả nhà. Bọn trẻ cứ chạy đùa trên cánh đồng hoang vu đó cả ngày, mẹ tôi bảo chính không khí của đồng hoang đã vỗ béo chúng. Bà còn bảo bà tin rằng chúng ăn cỏ như loài ngựa hoang vậy. Thằng Dickon nhà chúng tôi năm nay đã mười hai tuổi, nó cũng có một con ngựa non mà nó luôn bảo là của riêng nó.

- Cậu ta kiếm được con ngựa đó ở đâu? – Mary hỏi.

- Thằng Dickon tìm thấy con ngựa từ lúc nó còn bé tẹo trên cánh đồng hoang cùng với mẹ của nó, và từ đó Dickon làm bạn với nó, cho nó ăn vụn bánh, lại tìm cỏ tươi cho nó. Con vật tỏ ra mến thằng bé, lẻo đẻo theo Dickon suốt ngày rồi cho nó ngồi trên lưng. Dickon là một đứa tốt bụng nên súc vật đều yêu mến nó.

Mary chưa bao giờ có được một con vật cưng của riêng mình, và đã luôn nghĩ rằng nó nên có một con. Bởi vậy, nó bắt đầu cảm thấy hơi thích thằng Dickon. Nếu như trước đây nó chẳng thêm quan tâm đến ai khác ngoài

bản thân, thì lúc này trong nó bắt đầu nhen lên một thứ tình cảm lạnh mạnh tự nhiên.

Khi vừa bước chân vào căn phòng đã được sửa lại thành phòng trẻ cho nó, con bé nhận thấy nơi này khá giống với căn phòng nó đã từng ngủ. Đây không phải căn phòng dành cho trẻ con mà cho một người trưởng thành, với dăm ba bức tranh cổ u ám trên tường và đây đó vài chiếc ghế cổ bằng gỗ sồi nặng trĩu. Trên cái bàn kê giữa phòng đã thấy dọn sẵn bữa điểm tâm thịnh soạn. Con bé vốn chẳng mấy khi ăn uống ngon miệng nên chỉ thờ ơ liếc qua chiếc đĩa mạ bạc đầu tiên Martha đặt trước mặt nó.

- Tôi không thích món này, - nó bảo.

- Cô không thích món cháo này ư! – Martha thốt lên vẻ ngờ vực.

- Không.

- Cô không biết nó ngon lành như thế nào đâu? Cho một chút mật hoặc đường vào thì tuyệt.

- Tôi không thích món này, - Mary nhắc lại.

- Chao ôi! – Martha kêu lên. – Tôi không sao chịu nổi khi nhìn thấy thức ăn đồ uống ngon lành bị bỏ phí. Giá bọn trẻ nhà chúng tôi được ngồi vào bàn này thì chúng sẽ chén sạch chỗ ấy trong vòng năm phút.

- Tại sao? – Mary hỏi vẻ lạnh lùng.

- Tại sao à! – Martha đay lại. – Bởi vì hiếm khi chúng được no bụng trong đời. Chúng luôn đói khát như bầy điều bầy cáo vậy.

- Tôi quả không hiểu bị đói là gì, - Mary nói với vẻ hững hờ của kẻ không biết tới cái cảm giác này.

Martha trông có vẻ phần nộ.

- Hừ, cứ thử xem, chắc là tốt cho cô đấy, tôi thì thất quá rồi, - chị nói toạc ra – tôi không đủ kiên nhẫn với những người chỉ ngồi giương mắt nhìn bánh mì với thịt ngon lành. Trời ơi! Tôi chỉ ao ước Dickon, Phil và Jane và những đứa còn lại có được những gì tại đây.

- Sao chị không mang về cho họ, - Mary gợi ý.

- Những thứ này không phải của tôi, - Martha trả lời thẳng thắn. – Vả lại, hôm nay cũng không phải ngày về nhà của tôi. Tôi được phép về mỗi tháng một lần, coi như ngày nghỉ. Lúc ấy, tôi về ngay nhà và lai dọn nhà giúp mẹ, để bà có được một ngày nghỉ ngơi.

Mary nhấp ngụm trà, ăn chút bánh mì nướng và mút cam.

- Cô mặc cho ấm vào, rồi ra ngoài mà chơi. Như thế cô sẽ thấy sáng khoái, có đói bụng thì ăn mới ngon miệng.

Mary bước tới bên cửa sổ. Ngoài kia là vườn tược cùng mấy con đường mòn và dăm cái cây lớn, nhưng cảnh vật trông ảm đạm tựa mùa đông.

- Ra ngoài ư? Tại sao tôi phải ra ngoài vào một ngày như thế này?

- Nếu cô không muốn ra ngoài thì cô phải ở trong phòng, vậy cô sẽ làm gì?

Mary ngược nhìn xung quanh. Chẳng có gì để làm cả. Khi bà Medlock chuẩn bị phòng trẻ thì bà ta không nghĩ tới cái trò giải trí. Có lẽ nên ra ngoài kia xem mấy khu vườn ra sao.

- Ai đi cùng tôi? – Nó hỏi.

Martha trố mắt.

- Cô tự đi chứ, - chị đáp. – cô hãy học chơi như bọn trẻ vẫn chơi khi chúng không có anh chị em. Thằng Dickon nhà chúng tôi thường tự ra ngoài đồng hoang mà chơi hàng giờ. Nó cũng kết thân với mấy con ngựa hoang bằng cách ấy đấy. Nó cũng khiến được bà cừ ngoài cánh đồng hiểu nó, và chim chóc thù sà xuống ăn ngay trên hai bàn tay nó. Dẫu chẳng có mấy thức ăn, nhưng nó luôn dành dụm chút xíu bánh mì cho các con vật yêu của nó.

Quả tình cái lỗi kể lể này về Dickon đã khiến Mary quyết định ra khỏi nhà, dù nó không nhận ra điều đó. Sẽ có chim chóc ngoài kia, chứ không phải ngựa hoang với cừ. Chúng chắc phải khác chim chóc ở Ấn Độ, và ngắm nhìn chúng sẽ làm nó thấy vui.

Martha tìm cho nó áo khoác và mũ, lại thêm đôi giày bột vừa xinh vừa bền, xong xuôi chị chỉ cho nó lối ra cầu thang.

- Nếu cô đi theo đường kia thì cô sẽ ra tới vườn, - chị vừa ới vừa chỉ về phía cái cổng ản trong hàng giậu có nhiều cây bụi. - Ở đó có vô vàn hoa nở khi hè về, nhưng bây giờ thì chẳng cây nào nở hoa hết. Chị có vẽ lưỡng lự giây lát rồi nói thêm. - Một trong các khi vườn hiện đang bị khoá kín. Suốt mười năm qua chưa một ai đặt chân vào đó.

- Tại sao? – Mary buột miệng hỏi. Lại thêm một cánh cửa nữa bị khoá, thêm vào con số hàng trăm căn phòng bị khoa 1 trong ngôi nhà kỳ lạ này.

- Ông Craven đã cho khoá nó khi vợ ông đột ngột qua đời. Ông không cho phép ai bước vào trong. Đó chính là khu vườn riêng của phu nhân. Ông ấy tự tay khoá cánh cửa và đào một cái hố để giấu chìa khoá. Chuông của bà Medlock đang rung đấy, tôi phải chạy đi đây.

Sau khi chị đã rời xa, Mary quay xuống lối đi dạo dẫn tới cánh cổng chỗ cây bụi. Nó không thể không nghĩ đến khu vườn không có ai đặt chân vào trong suốt mười năm qua. Nó tò mò muốn biết khu vườn trông thế nào và tự nhủ không rõ có còn cây hoa nào sống sót trong đó không. Vượt qua cánh cổng bằng bụi cây, nó nhận ra mình đang đứng giữa một khu vườn rộng với những bãi cỏ lớn, những lối đi quanh co và những bờ câu được chăm tỉa. Cơ man nào là cây cối, thảm hoa và những cây trường xuân được xén tỉa tạo nên những hình thù kỳ lạ, với cả một hồ nước rộng có đài phun nước màu xám cũ kỹ ngay chính giữa. Nhưng lúc này các thảm hoa đều trơ trụi, tiêu điều, còn đài phun nước thì đã ngừng phun. Đây không phải là khu vườn bị khoá. Vườn tược mà phải khoá lại thì còn ra thể thống gì nhỉ? Người ta ai cũng có thể đi dạo trong vườn kia mà.

Đang nghĩ vậy thì nó trông thấy ở cuối con đường mòn mình đang đi,

hình như có một bức tường dài dằng dặc phủ kín dây thường xuân. Nó không biết nhiều về nước Anh để mà hiểu rằng nó sắp bước vào khu vườn dành cho nhà bếp, là nơi chỉ trồng toàn rau và quả. Nó tiến về phía bức tường thì phát hiện ra một cánh cửa ra vào sơn xanh thấp thoáng trong đám lá thường xuân, cửa để ngỏ. Rõ ràng khu vườn này không hề đóng, và nó có thể vào trong đó.

Nó tiến qua cánh cửa và nhận thấy đó là một khu vườn có tường bao, và chỉ là một trong số mấy khu vườn có tường bao quanh, vườn nọ dường như mở thông sang vườn kia. Con bé thấy một cánh cửa màu xanh khác mở ngỏ, để lộ mấy bụi cây và các đường mòn nhỏ chạy giữa những luống rau mùa đông. Cây ăn quả được trồng thành hàng dọc sát chân tường, và một số luống đất có khung kính che bên trên. Nơi này mới trơ trụi và xấu xí làm sao, Mary nghĩ bụng khi nó đứng ngắm nhìn quanh. Có lẽ vào mùa hè thì sẽ đẹp hơn, khi tất cả đều xanh tươi chứ lúc này thì chẳng có gì đẹp hết.

Ngay lúc đó, một ông lão vác mai trên vai từ cánh cửa khu vườn thứ hai bước vào. Ông lão giật nảy mình khi nhìn thấy Mary, rồi đưa tay chạm nhẹ trên vành mũ. Ông có vẻ mặt già nua cúi kính và chẳng hề tỏ ra mừng rỡ khi gặp con bé – nhưng lúc đó Mary nào có thích thú gì khu vườn, và cùng với bộ dạng ương bướng, nó cũng không tỏ vẻ gì là mừng khi thấy ông.

- Đây là đâu thế?

- Một khu vườn dành cho bếp ăn đây cô ạ, - ông lão đáp.

- Thế kia là gì? – Mary vừa hỏi, vừa đưa tay chỉ qua cánh cửa màu xanh kia.

- Một vườn nhà bếp khác. Và một vườn nữa ở bên kia bức tường và vườn cây ăn quả ở sau tất cả chúng.

- Tôi có thể vào trong các khu vườn ấy không? – Mary hỏi.

- Nếu cô muốn. Nhưng cũng chẳng có gì đáng xem.

Mary không đáp lại. Nó đi xuôi theo con đường mòn và bước qua cánh cửa màu xanh thứ hai. Ở đây, nó lại thấy mấy bức tường nữa với những luống rau vụ đông và nhà khung kính. Nơi bức tường thứ hai là một cánh cửa sơn xanh khép kín. Có lẽ cánh cửa này dẫn tới khi vườn mà suốt mười năm qua chưa một ai được tới. Vốn dĩ không phải đứa trẻ rụt rè, lại luôn làm những gì nó thích nên Mary bước dần tới chỗ cánh cửa xanh và xoay tay nắm. Nó hy vọng cánh cửa không mở, bởi vì nó muốn chắc chắn mình đã phát hiện ra khu vườn đầy bí ẩn đó. Thế nhưng cửa hoàn toàn dễ mở. Trước khi bước vào trong, nó nhận ra mình đang ở giữa một vườn cây ăn quả. Vẫn những bức tường bao quanh khu vườn, những cây cối dựa vào bờ tường, và những cây ăn quả trơ trụi mọc giữa vạt cỏ nâu xám mùa đông, nhưng chẳng thấy cánh cửa xanh nào hết. Con bé đưa mắt tìm kiếm cánh cửa đó, và khi tiến về cuối khu vườn, nó để ý thấy bức tường dường như không dừng lại chỗ vườn cây quả mà còn dài ra nữa, như còn chạy quanh thêm một khoảng đất phía bên kia. Từ đây trông thấy rõ mấy ngọn cây trên bờ tường, và khi

đứng im, nó trông thấy một con chim có bộ lông ửng đỏ rực, đang đậu trên cành cao nhất trong mấy ngọn cây, đột nhiên hát vang bài ca mùa đông của nó, như thể nó đã trông thấy con bé và cất tiếng gọi.

Con bé đứng lặng nghe chim hát. Không hiểu sao tiếng hát thân thiện, vui vẻ của nó làm dâng lên trong lòng Mary một cảm giác dễ chịu, dù cho đứa con gái nhỏ khó chịu đó có thể cô độc, và dù ngôi nhà đồ sộ khép kín này, cánh đồng hoang trơ trụi này và cả những khu vườn trồng trái rộng mênh mông này nữa cũng chỉ khiến cho sinh linh đó cảm thấy như thể không gì còn tồn tại trên thế giới này ngoài bản thân nó. Nếu là một đứa trẻ được yêu thương thì có lẽ trái tim nó đã rung lên thổn thức, nhưng bởi là “cô chủ Mary ngang ngược” cho nên con chim nhỏ có bộ lông ửng đỏ tươi kia cũng chỉ khiến cho khuôn mặt non nớt cáu kính của con bé khẽ nở một nụ cười.. Mary lặng người nghe con chim hát cho tới khi nó vỗ cánh bay đi. Nó chẳng thấy giống một loài chi Ấn Độ nào cả, con bé thấy thích và tự hỏi liệu có còn được gặp lại nó không. Biết đâu con chim ấy lại sống trong khu vườn bí ẩn và biết nhiều chuyện về khu vườn cũng nên.

Có lẽ chẳng có việc gì làm nên con bé cứ nghĩ mãi về khu vườn bị bỏ hoang. Nó tò mò về khu vườn và càng muốn xem sự thể ra sao. Vì có gì mà ông Archinald Craven phải vùi chìa khoá xuống đất? Nếu ông ấy yêu thương vợ đến vậy thì sao lại ghét khu vườn của bà? Nó tự hỏi không biết mình có bên gặp ông ấy hay không, nhưng nó biết rằng nếu có gặp thì nó sẽ chẳng thích ông, và hẳn ông cũng chẳng mến nó, và nó sẽ chỉ đứng mà nhìn ông chòng chọc, không nói một câu, mặc dầu nó thèm đến chết đi được muốn hỏi tại sao ông lại làm một việc kỳ dị như thế.

“Mọi người chẳng bao giờ ưa mình, mà mình cũng chẳng bao giờ ưa họ,” nó nghĩ. “Mình cũng chẳng bao giờ biết nói năng như bọn trẻ nhà Crawford. Chúng nó lúc nào cũng nói cười và làm âm ỉ cả lên.”

Con bé chợt nhớ tới con chim ửng đỏ và cách con chim hát bài ca như để dành cho nó. Nó đứng phất lại trên đường mòn khi đột nhiên nhớ ra ngọn cây nơi con chim đã đậu. “mình tin rằng cái cây ấy ở trong khu vườn bí mật. mình cảm thấy chắc chắn như vậy. Có một bức tường bao quanh nơi đó, nhưng không thấy cửa,” nó lẩm bẩm.

Nó quay lại khu vườn của nhà bếp lúc ban đầu, vừa tiến vào thì gặp ông lão đang đào xới ở đó. Nó bước tới đứng cạnh ông, ngắm ông với vẻ lạnh lùng trong giây lát. Ông lão không để ý tới nó, cuối cùng nó đành lên tiếng.

- Các khu vườn tôi đều vào cả rồi.
- Chẳng có gì ngăn cô cả, - ông lão đáp lại một cách cộc cằn.
- Tôi đã vào cả vườn cây ăn quả.
- Không có chó canh cửa cản cô đâu, - ông lão đáp.
- Làm gì có cửa thông sang khu vườn kia, - Mary nói.
- Vườn nào? – Ông lão hỏi bằng giọng thô lỗ, ngừng đào đất trong giây

lát.

- Vườn ở bên kia bức tường, - Mary trả lời, - cả cây cối ở đó nữa. Tôi đã thấy ngọn của chúng. Con chim ước đỏ đậu trên một ngọn cây, nó còn hót nữa.

Trước nỗi ngạc nhiên của con bé, khuôn mặt cái kính già nua dạn dày nắng gió ấy chợt biến đổi. Một nụ cười chậm rãi nở trên khuôn mặt ông già, và người làm vườn lúc này trông khác hẳn. Điều đó khiến con bé nghĩ thật kỳ lạ, một người lại có thể trở nên dễ thương biết bao khi nở một nụ cười. Trước đây nó quả chưa nghĩ tới điều đó.

Ông lão quay người về phía khu vườn quả và bắt đầu huýt sáo – tiếng sáo trầm trầm dịu dàng. Nó không thể hiểu nổi vì sao con người cau có ấy có thể tạo nên một âm thanh ngọt ngào đến vậy.

Gần như ngay lúc đó, một điều kỳ diệu đã xảy ra. Nó nghe tiếng loạt xoạt êm ái trong không trung, và con chim ước đỏ thắm vụt bay đến chẳng khác nào một đốm lửa, đậu xuống tảng đất lớn ngay sát chân người làm vườn.

Nó đây rồi, - ông lão cười một mình, đoạn quay sang nói với con chim như nói với một đứa trẻ.

- Mà y vừa ở đâu về, đồ nhãi con hư đốn, - lão đùa. – Từ hôm qua tới giờ tao chẳng thấy mày đâu cả. Mới đầu mày mà mày đã bắt đầu ve vãn bạn tình rồi sao? Thế là sớm quá đấy.

Con chim nghiêng nghiêng cái đầu xinh xắn sang bên, ngược nhìn ông lão bằng đôi mắt sáng dịu dàng tựa hai giọt sương đen. Hình như nó đã quá quen với lão và không chút sợ hãi. Nó nhảy lên mỗ mỗ đất để tìm ngũ cốc và côn trùng. Điều đó khiến Mary thấy rung động kỳ lạ, bởi con vật thật xinh xắn, vui vẻ, và trông mới giống con người làm sao. Nó có cái thân tròn như trái mận, cái mỏ thanh tú cùng hai cái cẳng thật mảnh mai.

- Hể ông gọi là nó bay đến liền sao?? – Nó hỏi như thể thì thầm.

- Phải, hể gọi là nó đến. Tôi biết nó từ khi nó mới ra ràng. Nó bay khỏi tổ từ khu vườn kia, lần đầu bay qua tường thì nó yếu quá, không đủ sức bay trở về nữa trong mấy ngày liền, và chúng tôi kết bạn với nhau. Đến lúc nó qua nổi bức tường thì những con cùng lứa cũng đã bay xa rồi, còn mỗi một mình nên nó trở lại với tôi.

- Nó là loài chim gì thế? – Mary hỏi.

- Cô không biết à? Nó là loài ước đỏ, loài chim thân thiện nhất, hiếu kỳ nhất còn sống cho tới ngày nay. Chúng thân thiện gần như bọn chó vậy, nếu cô biết cách làm quen với chúng. Nhìn nó đang mỗ đấy, nó đang ngó quanh và đôi lúc liếc nhìn chúng ta nữa. Nó hiểu chúng ta đang nói về nó.

Chẳng có gì trên thế gian này kỳ dị bằng ông lão ấy. Lão đang ngắm nghía con chim có bộ ước đỏ tươi, vừa tự hào vừa triu mến.

- Nó là hay tự phụ lắm đấy, - lão cười mồm mỉm. – Nó rất thích nghe người ta bàn tán về nó. Và thóc mách nữa chứ, chao ôi, chẳng có ai lại hay tò

mò và can thiệp vào chuyện người khác như nó. Nó thường xà xuống xem tôi đang trồng cây gì. Nó biết tất cả những điều mà bản thân ông Craven không buồn khám phá. Nó mới chính là người làm vườn hàng đầu ở đây.

Com chim ước đồ vẫn nhảy quanh, hồi hả mổ xuống đất, thỉnh thoảng dừng lại ngó nghiêng sang hai người. Mary nhận thấy đôi mắt như hai hạt sương đen của nó đang trân trân nhìn mình với vẻ hết sức lạ lẫm. Có vẻ như nó đang tìm hiểu mọi thứ về con bé. Cảm giác kỳ lạ trong lòng Mary mỗi lúc một tăng lên.

- Những con chim cùng lứa khác bay đi đâu? - Nó hỏi.

- Không biết. Những con chim già đẩy chúng ra khỏi tổ, dạy chúng bay, rồi chúng bay tản mác bốn phương trước khi ta kịp nhận ra. Tôi chỉ còn thấy con này, nó cũng biết mình đơn độc.

Cô chủ nhỏ Mary bước một bước lại gần hơn con chim ước đồ, nhìn nó và bảo:

- Tao cũng đơn độc như mày.

Trước đây con bé không biết đó là một trong những điều khiến nó khó chịu và khổ sở. Dường như nó nhận ra điều đó khi con chim ước đồ nhìn nó và nó cũng nhìn lại con chim.

Người làm vườn già đẩy cái mũ ra phía sau cái đầu hói, nhìn nó trân trân trong giây lát.

- Cô có phải cô tiểu thư từ Ấn Độ về không?

Mary gật đầu.

- Chả trách cô đơn độc là phải. Còn đơn độc hơn trước kia nữa cơ, - lão bảo.

Lão lại xới đất, lưỡi mai xắn sâu vào lớp đất vườn màu mỡ trong khi con chim ước đồ nhảy nhót gần đó, ra vẻ bận rộn.

- Tên ông là gì? - Mary hỏi.

Lão đứng thẳng người, đáp:

- Ben Weatherstaff. - Rồi lão nói thêm với nét cười cau có. - bản thân tôi cũng đơn độc, chỉ trừ khi có nó ở bên, - lão trở ngón tay cái về phía con chim ước đồ. - Nó là người bạn duy nhất mà tôi có.

- Tôi thì chẳng có bạn bè nào cả, - Mary bảo. - Tôi chẳng bao giờ có bạn. Ngay Ayah của tôi cũng chẳng thích tôi, và tôi chưa bao giờ chơi với ai hết.

Người Yorkshire có thói hay nói thẳng tuột những điều họ nghĩ, và lão Ben Weatherstaff chính là một cư dân của vùng đồng hoang Yorkshire này.

- Cô và tôi hơi giống nhau đó. Chúng ta cùng một giuộc với nhau. Đều không ưa nhìn, và đều gât gông. Chúng ta cũng có cái tính khí khó chịu, cả hai đều vậy, tôi cam đoan đây.

Nói thế thật là thẳng, và Mary Lennox chưa bao giờ nghe sự thật về bản thân nó. Đám gia nhân bản xứ vốn chỉ biết vâng dạ và phục tùng, bất kể chủ nhân mình làm gì. Con bé chẳng mấy khi nghĩ về diện mạo của mình, nhưng

nó tự hỏi không biết nó có khó coi như lão Ben Weatherstaff không, và nó cũng băn khoăn không biết trông nó có bản tính như lão lúc trước khi con chim ỨC ĐỎ bay tới. Nó thật sự bắt đầu phân vân không biết mình có phải là kẻ “khó chịu”. Nó cảm thấy không được thoải mái.

Bỗng có tiếng rì rầm khẽ vang lên gần đó, nó ngó nhìn quanh. Nó đang đứng cách một cây táo non mấy bước chân, con chim ỨC ĐỎ liệng xuống đậu trên một cành táo và hót lên một tràng líu lo. Lão Ben Weatherstaff cười phá lên.

- Nó làm gì đấy? – Mary hỏi.

- Nó quyết định đánh bạn với cô đấy. Quỷ tha ma bắt tôi đi nếu như nó không thích cô.

- Tôi ư? – Mary hỏi, nó rón rén lại gần cái cây nhỏ rồi ngược nhìn lên.

- Mà bạn có muốn làm bạn với tao không? – Nó nói với con chim ỨC ĐỎ, như thể với một con người. – Muốn không nào? – Nó nói câu ấy không hề gắt gỏng hay với cái giọng ÁN ĐỘ kiêu căng, mà bằng một âm điệu mượt mà, âu yếm và háo hức đến nỗi lão Ben Weatherstaff cũng phải sùng sốt, chẳng khác nào con bé lúc nghe lão huýt sáo.

- Sao thế nhỉ, - lão kêu lên, cô nói câu ấy thật hay., như một đứa trẻ thật sự chứ không phải một mụ gái cay nghiệt. Cô nói cứ y như thằng Dickon đang trò chuyện với mấy con thú hoang của nó ngoài đồng hoang.

- Ông biết Dickon sao? – Mary hỏi, vội quay người lại.

- Ai mà chẳng biết nó. Thằng Dickon lang thang khắp nơi. Các loài từ mâm xôi cho tới thạch thảo đều quen với nó. Tôi dám đánh cược rằng ngay đến bọn cáo cũng sẵn lòng chỉ cho thằng bé chỗ nằm của lũ cáo con, và cả bọn chiền chiện cũng chẳng giấu nó tổ của chúng.

Mary vẫn muốn hỏi thêm vài câu nữa. Nó tò mò về thằng Dickon không kém gì về khu vườn bỏ hoang. Nhưng đúng lúc ấy, con chim ỨC ĐỎ ngừng hót, khẽ vỗ cánh rồi tung mình bay đi. Nó đã xong chuyến viếng thăm của mình, còn nhiều việc khác đang chờ nó.

- Nó bay qua bức tường kia, - Mary kêu to, nhìn theo. – Nó bay vào vườn quả rồi, nó lại bay qua bức tường kia, vào trong khu vườn không có cửa!

- Nó sống ở đó, - Lão Ben bảo. – Chính ở nơi ấy nó nở ra từ trứng. Nếu nó đang tìm bạn tình thì hẳn nó phải bám theo nàng chim ỨC ĐỎ nào đấy sống trong mấy khóm hồng già ở đó rồi.

- Khóm hồng à, - Mary thốt lên. - Ở đó có những khóm hồng sao?

Lão Ben Weatherstaff nhắc cái mai và bắt đầu đào.

- Mười năm về trước, - lão lầm bầm.

- Tôi muốn được tận mắt thấy chúng, - Mary nói. – Cánh cửa xanh ở đâu? Chắc hẳn phải có một cánh cửa ở đâu đó.

Lão Ben xắn sâu lưỡi mai xuống và lại tỏ ra thiếu thân thiện như lần đầu con bé thấy lão.

- Mười năm về trước chứ không phải bây giờ, - lão bảo.

- Không thấy cánh cửa nào! – Mary kêu lên. – Phải có chứ.

- Chưa một ai có thể tìm thấy, và lại cũng chẳng phải việc của ai, cô đừng có như mấy cô nàng lảm chuyện cứ hay nhúng mũi vào chỗ không phải của mình. Hừ, tôi phải đi làm việc đây. Cô đi mà chơi đi. Tôi không được rảnh.

Lão thôi đào xới, nhắc mai lên vai rồi đi khỏi, cũng không buồn nhìn hay chào con bé.

Chương 5: Tiếng kêu trong hành lang.

Thoạt đầu, mỗi ngày trôi qua với Mary Lennox cũng giống như mọi ngày khác. Mỗi sáng thức dậy trong căn phòng có tường treo thảm của mình, nó lại thấy Martha đang quỳ trước lò sưởi để nhóm lửa; và sáng nào cũng vậy, nó ngồi ăn bữa sáng trong phòng trẻ chẳng có gì thú vị đó. Sau bữa sáng, nó lại dăm dăm nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn khắp cánh đồng hoang vô tận đang trải rộng tứ bề như dâng tới tận bầu trời. Chỉ sau khi đã nhìn dăm dăm hồi lâu, nó mới nhận ra rằng nếu không ra khỏi nhà thì chỉ còn biết ngồi lì mà chẳng làm gì hết – và thế là nó ra ngoài. Nó không hề biết rằng đó là điều tốt nhất mà nó có thể làm, và rằng mỗi khi nó bước nhanh hay chạy dọc theo những con đường mòn rồi xuôi ra đường cái, thì nó đang làm cho khí huyết lưu thông, cơ thể khỏe mạnh hơn bằng cách chống chọi với ngọn gió đang thổi đến từ cánh đồng hoang. Nó chạy chỉ để cho nóng người lên, nó thấy ghét ngọn gió cứ phả thốc vào mặt, gặm rú và tóm lấy lưng nó tựa hồ một gã khổng lồ vô hình. Nhưng khi hít một hơi thật sâu làn hương tươi mát trong trẻo từ bụi thạch thảo cho đầy hai lá phổi, một điều gì đó thật tốt lành tràn ngập cơ thể gầy gò của nó, khiến hai má nó hồng lên, đôi mắt rầu rĩ của nó trở nên long lanh mà nó không hề hay biết.

Sau mấy ngày hầu như toàn ở ngoài trời, một sáng nọ thức dậy nó mới hiểu thế nào là đói, và khi ngồi bên bữa điểm tâm nó không còn liếc nhìn món cháo với vẻ khinh khi rồi đẩy đi, mà cầm lấy thìa xúc ăn ngay, cho đến khi sạch nhẵn.

- Sáng nay còn ngon miệng đấy chứ, phải không cô? – Martha hỏi

- Hôm nay ăn ngon quá, - Mary đáp, tự nó cũng cảm thấy hơi ngạc nhiên.

- Chính khí trời ngoài đồng làm cô thấy đói bụng đấy, - Martha trả lời. –

Thực may mắn là cô đã thấy thêm ăn. Mười hai người trong túp nhà gianh của chúng tôi chẳng lúc nào được đầy bụng. Hằng ngày cứ chơi đùa chạy nhảy ngoài trời thì rồi cô sẽ có da có thịt lên đấy, và cô sẽ không còn cái kiêu la loi như vậy nữa.

- Tôi đâu có chơi. Tôi chẳng có gì để chơi cả.

- Không có gì để chơi ấy à! – Martha thốt lên. – Bọn trẻ nhà tôi có mỗi gậy gộc và đá để chơi thôi. Chúng chỉ biết chạy nhảy, hò hét và nhìn ngắm

mọi thứ nơi đây.

Mary không thích hò hét, nhưng nó thích ngắm nhìn cảnh vật. Và lại cũng chẳng biết làm gì hơn. Nó đi quanh quẩn qua các khu vườn rồi tha thân trên những con đường mòn trong vườn. Thảng hoặc có lúc nó đưa mắt tìm lão Ben Weatherstaff, đã mấy lần nó nhìn thấy lão hi hục làm việc đến nỗi không thèm ngược lên nhìn nó hay lại làm bộ mặt làm lì. Một lần khi nó đang tiến lại phía lão, lão liền nhặt ngay cái mai lên và quay đi, như thể cố ý làm vậy.

Có một nơi mà nó thường hay lui tới hơn những nơi khác. Đó là lối đi dạo dài dằng dặc bên ngoài các khu vườn có tường bao quanh. Hai bên đường là những thảm hoa tro bụi, dây thường xuân bám dày đặc trên mấy bức tường. Có một mảng tường nơi lá cây xanh thẫm rạp rạp hơn chỗ khác và dường như bị bỏ quên lâu lắm. Phần còn lại được xén tỉa gọn ghẽ hơn, nhưng ở phía cuối lối đi thì lại không hề được xén tỉa.

Sau hôm nói chuyện với lão Ben độ mấy ngày, Mary cũng chẳng buồn để ý tới điều này và tự hỏi không biết tại sao. Vừa lúc ngừng bước ngược nhìn một nhánh thường xuân đang đung đưa trước gió, nó thoáng thấy một ánh đỏ tươi cùng tiếng kêu chiếp chiếp trong trẻo, và kìa, con chim ỨC ĐỎ của lão Ben Weatherstaff đang đậu ngay trên bờ tường, nghiêng nghiêng cái đầu bé xíu sang bên nhìn con bé.

- Ô kìa, - Mary kêu to, - mà đây ư, mà đây ư? – Đối với con bé việc nó nói chuyện với chim ỨC ĐỎ, như thể con chim sẽ hiểu và đáp lại lời nó không còn kì lạ nữa.

Con chim đáp lại. Nó kêu líu ríu và nhảy dọc bờ tường như đang kể lể cho con bé đủ thứ chuyện trên đời. Dù không thể cất nên lời nhưng dường như Cô chủ Mary hiểu điều nó đang muốn nói:

- Chào buổi sáng tốt lành! Gió có mát không? Mặt trời có ấm không? Cảnh vật có đẹp không? Cả hai ta hãy cùng hát cùng nhảy và cùng bay liệng. Nào, nào!

Mary bắt đầu cười, khi con chim nhảy nhót và bay chuyềnh dọc bức tường thì con bé chạy theo ó. Con bé Mary vàng vọt, bé nhỏ và tội nghiệp ấy – hầu như chỉ trong phút chốc đã trở nên xinh xắn lạ thường.

- Tao cũng yêu mày! Tao yêu mày! – Con bé kêu lên và rảo bước, nó cũng nói líu lo và cố huýt sáo, nhưng cuối cùng nó không biết huýt ra sao nữa. Hình như con chim ỨC ĐỎ đã lấy làm toại nguyện nên nó kêu lên lãnh lớt để đáp lời con bé. Cuối cùng, nó xò rộng đôi cánh, bay vút lên ngọn cây cất tiếng hát vang.

Cảnh này khiến Mary nhớ lại buổi đầu nó nhìn thấy con chim, khi nó đang nhún nhảy trên một ngọn cây còn con bé đứng trong vường quả. Bây giờ thì con bé đang ở phía bên kia vườn quả và dùng chân trên con đường mòn phía ngoài bức tường thấp – trong vườn cũng có một cái cây giống hệt

như vậy.

“Nó ở trong khu vườn mà không ai có thể vào.” – Nó thảm nhũ. “Đây chính là khu vườn không có cửa. Con chim sống ở trong đó. Ước gì mình có thể vào trong xem sao!”

Nó chạy ngược lối đi dạo tới cánh cửa màu xanh mà nó đã vào trong buổi sáng đầu tiên. Đoạn nó chạy tới con đường mòn dẫn thông qua cánh cửa phía bên kia tường, vào vườn quả. Vừa dừng chân và ngược nhìn lên, nó bắt gặp cái cây bên kia tường, nơi con chim ức đỏ vừa ngưng tiếng hót và bắt đầu rĩa lông.

- Khu vườn này đây. Mình chắc thế.

Nó dạo quanh và quan sát gần hơn phía bên này bức tường khu vườn quả, nhưng chỉ phát hiện ra những điều đã thấy bữa trước: đó là không có cánh cửa nào để vào trong đó. Nó lại chạy qua vườn rau nhà bếp lần nữa, rồi đi dạo ra bên ngoài bức tường dài phủ đầy cây thường xuân. Nó đến phía cuối tường để quan sát, vẫn không thấy cánh cửa nào hết, nó lại đi về phía cuối một bức tường khác, nhìn ngó, nhưng cũng chẳng gặp một cánh cửa nào.

- Thật hết sức kỳ quặc, - nó thảm nhũ. – Ông Ben Weatherstaff đã nói là không có cửa và đúng là không có cửa thật. Nhưng mười năm về trước thì có, bởi vì ông Craven đã chôn giấu chìa khóa kia mà.

Điều đó khiến nó suy nghĩ rất lung, đến độ nó bắt đầu thấy hứng thú và thôi không hối tiếc vì đã đến Trang viên Misselthwaite. Hồi ở Ấn Độ, lúc nọ nó cũng thấy nóng nực và uể oải nên chẳng mất quan tâm đến gì khác. Sự thực là làn gió trong lành ngoài đồng hoang đã bắt đầu thổi tung tấm màng bao phủ bộ não non nớt của nó, làm thức tỉnh con bé đôi chút.

Con bé ở ngoài trời gần như cả ngày, nên khi ngồi vào bàn dùng bữa tối thì nó cảm thấy đói ngấu, lơ mơ buồn ngủ và vô cùng dễ chịu. Nó không thấy bực khi Martha tán gẫu, nó còn thích nghe chị nói đằng khác, cuối cùng nó nghĩ cần phải hỏi chị một việc cho ra nhẽ. Sau khi đã ăn uống xong xuôi, lại ngồi trên tấm thảm trải trước lò sưởi, nó mới lên tiếng.

- Tại sao ông Craven lại ghét khu vườn ấy hả chị?

Nó đã bảo Martha ở lại với nó, Martha cũng không phản đối. Chị còn rất trẻ, đã quen với túp lều gianh chật ních em trai em gái của mình, chị cảm thấy buồn tẻ nơi căn phòng lớn dành cho gia nhân ở tầng trệt, nơi có bọn hầu trai và hầu gái thường xuyên giễu cợt lối nói nặng âm giọng Yorkshire của chị, coi chị như một thứ vật vãnh, tầm thường rồi thì tào đảm tiếu với nhau. Martha hay chuyện, và đứa trẻ kỳ cục từng sống ở Ấn Độ và được những người “da đen” phục dịch kia chính là sự mới lạ đây cuốn hút với chị.

Không đợi phải bảo thêm, chị ngồi xuống bên lò sưởi.

- Cô đang suy nghĩ về khu vườn chứ gì? – Chị hỏi. – Tôi biết cô đang nghĩ về nó mà. Lần đầu tiên nghe nói về nó, tôi cũng vậy.

- Tại sao ông ấy lại ghét khu vườn? – Mary gặng hỏi.

Martha thu chân và ngồi lại cho thoải mái.

- Hãy lắng nghe tiếng gió hú ào ào quanh nhà, - chị nói. – Liệu cô có thể phớt mình ngoài cánh đồng hoang nếu cô ra ngoài đêm nay?

Mary không biết “hú” có nghĩa là gì, cho tới khi nó goings tai lên nghe và hiểu ra. Đó nghĩa là một thứ tiếng gầm rú ghê rợn âm ào cuộn quanh nhà, tưởng như có gã khổng lồ vô hình đang quật mạnh vào ngôi nhà, vào các bức tường và cửa sổ, cố xông vào trong. Nhưng ta thừa biết gã không thể vào được, và điều đó khiến ta cảm thấy an toàn, âm áp lúc đang ngồi trong phòng bên ngọn lửa hồng.

- Nhưng tại sao ông ấy lại ghét nó đến thế? – Con bé hỏi lại sau khi đã lắng nghe. Nó muốn biết nếu Martha chịu nói.

- Martha thấy vậy bèn phô luôn cả một mớ hiểu biết.

- Xin cô nhớ cho kỹ, - chị nói, - bà Medlock đã dặn chuyện này không được kể lung tung. Nhiều chuyện ở đây không được bàn tán xì xào. Đó là lệnh của ông Craven. Ông ấy bảo những vấn đề của ông không phải là việc của gia nhân. Còn đối với khu vườn thì ông cũng không ưa nổi. Đó là khu vườn của bà Craven mà bà đã gây dựng từ hồi họ mới cưới. Bà yêu nó lắm, và họ thường tự tay chăm sóc hoa trong đó. Và lại cũng chẳng người làm vườn nào được phép vào đó. Hai ông bà thường đến thăm vườn, họ đóng cửa và ở đó giờ này sang giờ khác, hết đọc sách lại chuyện trò. Bảy giờ bà mới đương tuổi thanh xuân. Sẵn có cái cây già ngã cành nom tựa một chỗ ngồi, bà bèn vặt mấy nhánh hồng cho lo lên cái cành ấy, và thường ngồi ở đấy chơi. Rồi một ngày khi bà đang ngồi thì cành cây gãy và bà ngã vật xuống đất, bị thương nặng đến nỗi hôm sau thì qua đời. Các bác sĩ đều nghĩ ông sẽ loạn óc và cũng chết theo. Đây là lý do khiến ông căm ghét khu vườn. Từ bấy đến nay, không một ai bước chân vào đó nữa, và ông cũng không cho phép ai được nói về nó.

Mary không hỏi gì thêm. Nó nhìn ngọn lửa cháy rùng rục, lắng nghe tiếng gió “hú”. Hình như gió đang “hú” to hơn bao giờ hết.

Chính lúc đó, một điều tuyệt vời xảy đến với nó.

Sự thực, từ ngày nó đặt chân đến Trang viên Misselthwaite, có bốn điều làm nó thấy dễ chịu: nó cảm thấy nó rất hiểu con chim ức đỏ và con vật cũng hiểu nó; nó được chạy nhảy giữa làn gió lộng, khi huyết lưu thông, thân thể khỏe mạnh; lần đầu tiên trong đời nó biết thế nào là đói; và rồi nó còn khám phá ra cái cảm giác thương cảm cho một người khác là như thế nào. Cứ đà này thì nó sẽ còn khá hơn nữa.

Giữa tiếng gió gào rít, con bé chợt nghe thấy một tiếng gì khác lạ. Nó không biết đó là cái gì, bởi lẽ thoát đầu khó lòng phân biệt được âm thanh đó với chính tiếng gió. Quả là một thứ âm thanh khác thường, nghe như tiếng một đứa trẻ đang khóc đâu đây. Đôi lúc tiếng gió nổi lên tựa như tiếng trẻ

khóc, nhưng chính lúc ấy Cô chủ Mary cảm thấy hoàn toàn chắc chắn âm thanh này phát ra từ bên trong chứ không phải bên ngoài ngôi nhà. Lúc xa, lúc gần. Nó nhón nhác rồi nhìn thẳng vào Martha.

- Chị có nghe tiếng ai khóc không? – Nó hỏi. Đột nhiên, Martha bối rối.

- Không, - chị đáp. – Chẳng qua là tiếng gió. Thỉnh thoảng nghe như tiếng ai bị lạc trên cánh đồng hoang đang kêu gào, than khóc. Chính gió tạo ra những âm thanh ấy đấy.

- Nhưng nghe này, - Mary bảo, - âm thanh phát ra từ trong nhà kia, chỉ một trong các hành lang này thôi.

Và ngay lúc đó, có tiếng cánh cửa bật tung đâu đó nơi tầng dưới, một luồng gió lùa ào vào thốc dọc lối đi. Cánh cửa căn phòng họ đang ngồi bật mở phát ra một tiếng khô khốc, cả hai đều bật dậy. Đèn vụt tắt, tiếng than khóc vang lên từ cuối hành lang nghe còn rõ hơn cả ban đầu.

- Đây! – Mary thốt lên. – Tôi đã bảo chị mà! Rõ ràng có ai đang khóc, và đó không phải tiếng của người lớn.

Martha chạy ù ra đóng cửa rồi xoay chìa khóa, nhưng trước lúc chị kịp làm việc đó thì cả hai lại nghe thấy tiếng cánh cửa ở một lối đi đầu đằng kia sập lại đánh rầm, rồi tất cả trở nên yên ắng, thậm chí tiếng gió cũng ngừng “hú” trong giây lát.

- Tiếng gió đấy mà, - Martha vẫn nói về ương ngạnh. – Và nếu không phải thế thì hẳn là con bé Betty Butterworth hầu gái ở phòng rửa bát thôi. Con bé kêu đau răng cả ngày hôm nay.

Nhưng vẻ mặt lo lắng và bộ dạng lung tung của chị khiến Cô chủ Mary nhìn chị chằm chằm. Nó không tin chị nói thật.

Chương 6: “Ai đó đang than khóc, ai đó...”

Ngày hôm sau, mưa lại tuôn như thác đổ. Lúc Mary nhìn qua cửa sổ buồng nó, cả cánh đồng hoang hầu như chìm trong màn sương và bầu trời đầy mây xám xịt. Vậy là không thể ra ngoài hôm nay.

- Chị làm gì trong túp nhà gianh của chị vào những ngày mưa như thế này? – Nó hỏi Martha.

- Hầu như phải giữ chân hết đứa nọ đến đứa kia, cô ạ. – Martha đáp. - Ày, bọn nhóc đông thế cơ mà. Mẹ tôi là người đôn hậu, và cũng rất công bằng. Những đứa lớn sẽ ra bãi chăn và chơi ngoài đó. thằng Dickon thì chẳng bao giờ sợ mưa ướt. Nó vẫn chạy nhón nhơ như thể trời đang nắng. Nó bảo nó thích ngắm nhìn cảnh vật vào những ngày mưa, nhìn những gì không thể thấy được khi thời tiết tốt. Có hôm, nó phát hiện ra một con cáo non sắp chết đuối trong hang, nó bèn ử con vật trong ngực áo sơ mi cho ấm rồi mang về nhà. Mẹ của nó bị chết ngay gần đấy, cái hồ thì ngập nước, mấy con sinh cùng lứa thì chết sạch. Nó đã mang con cáo ấy về nhà nuôi. Vào dịp khác, nó còn tìm được một chú quạ non ướt sũng nước mưa và cũng rước về nhà, dạy dỗ nó. Tên nó là Bồ hóng. Con vật đen như than cứ nhảy nhót, bay liệng theo thằng bé khắp nơi.

Thời gian trôi đi, Mary cũng quên cả bức mình trước lối ăn nói quê mùa của Martha. Thậm chí nó bắt đầu nhận thấy lối nói đó thú vị, lại còn lấy làm tiếc khi chị ngưng kể hoặc ra ngoài. Mấy chuyện ngắn ngủi nó được nghe từ Ayah hồi ở Ấn Độ hoàn toàn không giống những gì Martha đã kể về nếp nhà gianh trên cánh đồng hoang, với mười bốn con người chen chúc trong bốn gian phòng bé xíu và

chẳng bao giờ đủ ăn. Bọn trẻ dường như chỉ biết có chạy nhảy và tự nô đùa, như một bầy chó con vừa thân thiện, vừa hoang dã. Mary hầu như bị cuốn hút bởi câu chuyện về người mẹ và Dickon. Chuyện Martha kể về những gì mẹ chị nói hoặc làm luôn mang lại cảm giác dễ chịu.

- Nếu tôi có một con quạ, hoặc một con cáo non, tôi cũng chơi với nó, - Mary bảo. - Nhưng tôi chẳng có gì hết.

Martha tỏ ra bối rối.

- Cô có biết đan lát không?

- Không. - Mary đáp.

- Cô biết khâu vá chứ?

- Không.

- Cô biết đọc.

- Có.

- Vậy tại sao cô không đọc một cái gì đó, hoặc học viết chính tả? Cô cũng đến tuổi có thể đọc sách trôi chảy rồi còn gì.

- Tôi chẳng có cuốn sách nào cả, - Mary đáp. - Sách vở tôi để lại Ấn Độ cả rồi.

- Tiếc quá, - Martha bảo. - Nếu bà Medlock chịu để cô vào thư viện, thì trong ấy cơ man là sách.

Mary không hỏi thư viện ở đâu, nó chợt thấy hứng thú bởi một ý nghĩ mới lạ. Nó quyết định tự đi tìm. Nó không mấy may bận tâm về bà Medlock. Hình như bà ta luôn yên vị trong căn phòng dành cho quản gia đầy tiện nghi của mình ở tầng dưới. Trong cái nơi kỳ dị này, người này khó lòng nhìn thấy người khác. Thực tế, cũng chẳng có ai để gặp ngoài đám gia nhân mà cứ hễ chủ đi vắng lại thoải mái tung tãi ở tầng dưới, nơi có cả một nhà bếp không lò treo đầy những đồ đồng và hộp kim thiếc bóng, cùng một gian sảnh dành cho gia nhân rộng thênh thang, và hàng ngày dễ có đến bốn năm bữa ăn với các món ngon ê hề được dọn cho bọn họ, với vô vàn trận đùa náo nhiệt diễn ra mỗi khi bà Medlock đi vắng.

Các bữa ăn của Mary vẫn được phục vụ đều đặn, Martha vẫn hầu hạ nó, nhưng không ai mấy may bận tâm tới nó. Cứ một hoặc hai ngày, bà Medlock lại ghé thăm nó, nhưng chẳng ai buồn hỏi xem nó đã làm được những gì hay bảo nó cần làm việc gì. Con bé cho rằng có lẽ đây là cung cách người Anh dạy con trẻ. Ở Ấn Độ, nó luôn được Ahay của nó để mắt tới, họ thường bám theo từng bước chân để phục dịch nó. Nó từng chán ngấy những kẻ bám gót ấy. Giờ đây, nó chẳng bị ai lảng nhãng theo sau, được tự mình mặc lấy quần áo, bởi vì chỉ nhìn Martha là đủ biết chị sẽ cho rằng nó lười biếng và ngốc nghếch nếu nó cứ muốn mọi thứ phải được đưa tận tay hoặc đặt ngay trước mặt.

- Cô cảm thấy thế nào? - Có lần chị lên tiếng lúc Mary đang đứng đợi chị xỏ giày cho nó. - Con bé Sunsan Ann nhà chúng tôi còn lạnh lẽo gấp đôi cô mặc dù nó mới lên bốn. Trông cô nhiều khi èo là quá đấy.

Mary lại xì mặt cau có hàng giờ đồng hồ, nhưng chính chuyện đó khiến con bé nghĩ đến một vài điều hoàn toàn mới mẻ.

Sáng hôm đó, Mary đứng lì bên cửa sổ chừng mười phút, sau khi Martha quét dọn chỗ lò sưởi lần cuối cùng và đi xuống dưới gác. Nó đang nhớ lại cảm giác mới lạ mà nó từng có khi ở trong thư viện. Nó không quan tâm nhiều đến thư viện bởi nó vốn đọc rất ít sách, nhưng hễ nhắc tới thư viện thì hàng trăm căn phòng với những cánh cửa khép chặt lại lờn vờn trong không khí. Nó tự hỏi nếu tất cả đều khóa chặt thì nó sẽ tìm thấy gì bên trong khi bước vào căn phòng bất kỳ trong số đó. Có tới cả trăm phòng thật không? Tại sao nó không được phép đi lại để đếm xem có bao nhiêu cửa ra vào? Và thế là có việc để làm sáng nay, khi nó không thể ra khỏi nhà. Nó chưa bao giờ được dạy là phải xin phép trước khi làm việc gì, mà nó cũng chẳng biết gì về mọi thứ phép tắc, bởi thế nó không nghĩ nhất thiết phải hỏi bà Medlock nếu muốn lai vãng chỗ này chỗ nọ trong nhà, kể cả nếu bà ta có bắt gặp nó đi chẳng nữa.

Nó bèn mở cửa phòng, đi ra hành lang, tha thẩn. Đó là một hành lang dài dằng dặc, từ đây có các nhánh rẽ sang các hành lang khác, đưa con bé lên mấy đoạn cầu thang ngắn và những cầu thang này lại đưa tới các cầu thang khác. Hết cánh cửa này đến cánh cửa khác, và cơ man là tranh trên các bức tường. Đôi khi là những bức phong cảnh u ám, nhưng phần lớn là chân dung các quý ông, quý bà trong những bộ y phục trang trọng, lạ lẫm bằng sa tanh hay nhung. Nó chợt nhận ra mình đang đứng trong một phòng tranh sâu hun hút, trên tường đều phủ kín những bức chân dung kiêu đó. Nó quả không thể tưởng tượng nổi sao lại có nhiều tranh đến thế, dù ở bất cứ ngôi nhà nào. Đến đây nó chậm

chậm bước, đăm đăm nhìn các khuôn mặt, và họ dường như cũng đăm đăm nhìn lại nó. Nó cảm thấy như thể họ vô cùng ngạc nhiên trước những gì một đứa bé gái từ Ấn Độ trở về đang làm trong nhà họ. Một số là tranh trẻ con, chỗ này tùm tùm mây đứa bé gái mặc những chiếc áo sa tanh dài dài chấm gót, chỗ kia là đám ba cậu bé tóc dài, tay áo phồng lên, cổ còn thêu đăng ten, có đứa còn đeo những chiếc cổ áo xếp nếp. Con bé luôn dùng chân ngắm bọn trẻ con trong tranh, thậm chí không rõ tên chúng là gì, chúng đã đi đâu và tại sao chúng lại ăn vận thứ quần áo cổ lỗ như thế. Có chân dung một con bé trông không được ưa nhìn cho lắm, cứng nhắc, nom khá giống nó. Con bé mặc cái áo gấm thêu kim tuyến xanh, đang nâng một con vẹt màu xanh trên ngón tay của nó. Đôi mắt nó ánh lên cái nhìn tò mò, sắc sảo.

- Giờ này cậu sống nơi đâu? – Mary nói khá to với con bé nọ. – Tớ ước gì có cậu ở đây.

Từ trước tới giờ, chắc hẳn chưa đứa bé gái nào trải qua một buổi sáng lạ lùng đến vậy. Tưởng chừng chẳng một bóng người nào trong ngôi nhà khổng lồ ngoài hình hài bé nhỏ của nó, lang thang hết lên gác lại xuống nàh, qua các hành lang rộng rồi hẹp, những chỗ xưa nay có lẽ chưa hề có ai lui tới, ngoài nó. Kể từ ngày dựng lên từng ấy căn phòng, hẳn đã có nhiều người sống nơi đây, nhưng tất cả trông trái đên nỗi con bé không thể nào tin đó là sự thực.

Chỉ tới khi leo lên tầng hai, nó mới nghĩ tới việc mở một cánh cửa nào đó. Tất cả các cánh cửa đều khóa chặt, đúng như lời bà Medlock nói. Nhưng cuối cùng, nó đặt tay lên tay nắm một trong các cánh cửa ấy và xoay. Nó chợt thoáng cảm giác kinh sợ trong giây lát khi thấy tay nắm cửa xoay thật trơn tru, và cánh cửa nặng từ từ mở ra. Đó là một cánh cửa đồ sộ, mở thông vào một phòng ngủ lớn. Mây bức rèm thêu trên tường, đồ nội thất chạm khắc như nó đã thấy ở Ấn Độ bày la liệt trong phòng. Một cửa sổ rộng với những ô kính trong khung chỉ trông ra cánh đồng hoang; và trên mặt lò sưởi lại là bức chân dung khác của con bé khó ưa và cứng nhắc nọ đang đăm đăm nhìn nó với vẻ tò mò hết sức.

“Có một đạo cô ấy đã sống ở đây – Mary thầm thì, - Cô ấy cứ nhìn mình chòng chọc đến nỗi chính mình cũng cảm thấy kỳ quặc.”

Từ lúc đó nó mở thêm được nhiều cánh cửa nữa. Nó nhìn thấy nhiều phòng đến nỗi mệt lử và bắt đầu tin rằng đúng là phải có tới cả trăm căn phòng, dù nó không hề đếm. Hầu như căn phòng nào cũng treo tranh cổ, thậm chí với những cảnh trí lạ lẫm. Và hầu như tất cả các phòng đều bày biện những món đồ tranh trí và nội thất đáng ngạc nhiên.

Có một căn phòng nom tựa phòng khách của một quý bà nào đó; tất cả rèm cửa đều bằng nhung thêu; trong một chiếc tủ kính bày la liệt hàng trăm con voi nhỏ xinh được làm bằng ngà voi, một số con còn có quần áo cưới hay đồ kiêu trên lưng. Con to, con nhỏ, có con bé tí hìn như vừa lọt lòng. Mary đã được xem nhiều đồ chạm ngà voi ở Ấn Độ và nó biết khá nhiều về voi. Nó mở cửa tủ và đứng trên một chiếc ghế đầu chơi đùa với đàn voi hồi lâu. Đến lúc cảm thấy mệt, nó bèn sắp xếp lũ voi theo thứ tự rồi đóng cửa tủ lại.

Trong lúc lang thang dọc các hành lang dài dằng dặc hoặc giữa các căn phòng trống trải, nó không gặp một sinh vật nào, nhưng nó nhận thấy có cái gì đó ở chính giữa phòng này. Ngay khi đóng cửa tủ lại nó nghe tiếng sột soạt khe khẽ. Âm thanh ấy khiến nó giật nảy mình và ngó quanh bộ sofa bên lò sưởi: dường như tiếng động phát ra từ đó. Ở góc bộ sofa có một tấm đệm, và trên tấm nhung phủ ngoài mặt đệm thấy có một lỗ nhỏ, từ bên trong lộ ra một cái đầu bé xíu với cặp mắt hoảng hốt.

Mary rón rén đi ngang qua căn phòng để nhìn cho rõ, thì ra đôi mắt sợ sệt kia là của một chú chuột xám be bé, và chuột mẹ đã cắn thành cái hốc trên tấm đệm để tạo nên một cái tổ êm ái. Sáu con chuột con đang cuộn tròn ngủ bên nó. Nếu không còn ai trong hàng trăm căn phòng này thì bảy con chuột trông cũng chẳng cô đơn.

“Nếu tụi mày không sợ, tao sẽ đem tụi mày về ở với tao,” – Mary thì thào bảo.

Con bé còn lang thang thêm một lúc nữa cho tới khi mệt rã rời và không muốn đi xa hơn, nó liền quay về. Nó lạc lối vài lần bởi nhầm hành lang, và bắt buộc leo lên leo xuống cho tới khi tìm ra lối cũ; nhưng cuối cùng khi về đến chính tầng cũ của mình, dù chỉ còn cách phòng riêng có một quãng, nó lại không biết chính xác chỗ mình đang đứng.

“Chắc mình lại nhầm lối rồi” – nó nói và đứng sững tại một điểm dường như là cuối một hành lang ngắn, nơi cũng có những tấm thảm thêu trên tường. – “Mình không hiểu lối này dẫn đi đâu. Sao tất cả im lìm thế!”

Giữa lúc nó đang đứng đó, và ngay khi nói thế xong, một âm thanh bồng vang lên phá tan cảnh tĩnh lặng. Một tiếng khóc nào đó, không hẳn đã giống tiếng khóc nó nghe thấy đêm qua, một âm thanh

ngắn ngủi, cái kính, tiếng rên rĩ của một đứa trẻ con, nghèn nghẹt xuyên qua mấy bức tường.

“Nghe còn gần hơn trước,” – Mary bảo, tim con bé mỗi lúc một đập dồn. “Nó đang khóc kia.”

Con bé vô tình đặt tay lên một tấm thảm thêu gần đó, bỗng nó nhảy lùi ngay lại, cảm thấy vô cùng hoảng hốt. Tấm thảm thêu vừa rớt xuống lại chính là vật che chắn như một cánh cửa ra vào để ngõ và cho thấy một phần của hành lang khác đằng sau nó. Vừa lúc đó bà Medlock bước vào, tay cầm chùm chìa khóa to tướng với vẻ mặt vô cùng giận dữ.

- Cô làm gì ở đây? – Bà vừa nói vừa tóm lấy Mary, lôi nó đi xềnh xệch. – Tôi đã bảo cô những gì?

- Tôi đã nhầm lối rẽ, - Mary giải thích. – Tôi không biết đường, đang lúc đó thì nghe thấy tiếng ai khóc.

Nó vốn đã ghét bà Medlock lắm rồi, nhưng sau đây nó còn thấy căm ghét bà ta.

- Cô chẳng nghe thấy gì như thế sất, - bà quản gia nói. – Hãy đi theo dọc lối này mà về phòng trẻ của cô đi, hoặc là tôi sẽ cho cô một bạt tai.

Nói đoạn, bà lại đưa tay tóm lấy con bé, nửa kéo nửa đẩy hết lên lối này lại xuống lối khác cho tới khi tổng được nó vào phòng trẻ.

- Bây giờ, cô phải ở đúng nơi cô được phép ở hoặc cô sẽ bị khóa trái ở trong phòng. Ông chủ nên kiếm cho cô một nữ gia sư, đúng như ông đã định. Cô là cái thứ cần phải có ai đó để mắt sát sao. Tôi đã có đủ chuyện phải lo rồi.

Dứt lời bà bước ra khỏi phòng, đóng sầm cánh cửa lại sau lưng lại, còn Mary bước lại ngồi bên thềm lò sưởi, tái mặt vì giận dữ. Nó không khóc mà chỉ nghiến răng.

“Có ai đó đang kêu khóc... có ai đang kêu khóc... có ai đang...!” Mary thì thầm với chính nó.

Nó đã nghe thấy âm thanh đó hai lần, rồi có lúc nó sẽ khám phá ra. Riêng sáng nay nó biết được nhiều chuyện nhất. Nó có cảm giác như vừa trải qua một cuộc hành trình dài, và dù gì đi chăng nữa thì có một điều làm nó thấy vô cùng dễ chịu, đó là được chơi với bọn voi bằng ngà, được thấy chuột xám cùng bầy con của nó trong cái tổ giữa tấm đệm nhung.

Chương 7: Chìa khóa của khu vườn.

Hai ngày sau đó, Mary vừa tỉnh giấc đã ngồi bật dậy trên giường và gọi Martha.

- Nhìn trên cánh đồng hoang kia! Nhìn mà xem!

Mưa giông đã tạnh, những đám mây cùng sương mù xám xịt đã bị gió cuốn băng đi từ hồi đêm. Ngay cả gió cũng ngưng thổi và chỉ còn thấy vòm trời xanh thẫm, rực rỡ, cao vời vợi trên khắp miền đồng hoang. Chưa bao giờ, chưa bao giờ Mary mơ đến một bầu trời xanh ngần ngắt đến vậy. Ở Ấn Độ, không gian nóng hầm hập và chói chang; còn ngự trị nơi đây là một màu xanh mát mẻ, sâu thẳm, lấp lánh tựa làn nước của một cái hồ không đáy đáng yêu, và đây đó, cao tít trên vòm trời xanh là mây đám mây trắng mịn như lông cừu đang lững lờ trôi. Cái thế giới vượn dài tít tắp của đồng hoang chỉ còn một màu xanh dịu dịu, thay cho màu đen pha tia âm đạm hay màu xám xịt khủng khiếp.

- Ái chà! – Martha nói với nụ cười hơn hờ. – Cơn bão tan hẳn rồi. Dịp này năm ngoái cũng có bão như thế. Nó tràn qua mỗi một đêm thôi, như thể nó chưa từng đến và không còn trở lại. Bởi vì mùa xuân đã về. Mùa xuân xa vắng quá lâu, nhưng rồi đã trở lại.

- Tôi cứ ngỡ ở nước Anh, trời lúc nào cũng mưa mù và tối tăm kia đấy, - Mary bảo.

- Ồ, không. – Martha vừa nói, vừa ngồi xôm giữa đồng bàn chải đen sì. – Hoan toan không phai vậy!

- Câu ấy có nghĩa là gì thế? – Mary hỏi một cách nghiêm trang. Ở Ấn Độ, đám gia nhân cũng hay nói nhiều thứ tiếng địa phương khác nhau mà chỉ ít người hiểu nổi, bởi thế con bé không khỏi ngạc nhiên khi Martha dùng những từ mà nó không biết.

Martha bật cười như lần trong buổi sáng đầu tiên đó. Chị bảo:

- Vậy đây, tôi lại dùng cái giọng Yorkshire nặng nề rồi, bà Medlock đã được tôi không được nói thế. “Hoan toan không phai vậy” có nghĩa là “Hoàn toàn không phải vậy” cô ạ, - chị nói một cách chậm rãi, cẩn thận, - nhưng nói kiểu ấy mất thì giờ quá. Cứ hễ khi nào nắng thì Yorkshire là một nơi nhiều nắng nhất trên trái đất. Tôi chẳng bảo rằng cô sẽ thấy thích cánh đồng hoang sau khi ở đây ít lâu đó thôi. Cứ chờ cho tới khi cô tận mắt được thấy kim tước đơm hoa vàng rực, thấy mùa hoa đậu chổi, cùng với thạch thảo trở ra toàn bông chuông tím, rồi thì hàng trăm con bướm rập rờn bay lượn, và ong

vo vo khắp nơi, còn đàn chiến chiến thì bay vút lên ca hát. Rồi cô sẽ chỉ muốn ra khỏi nhà ngay lúc mặt trời mọc, sống ngoài trời cả ngày như thằng Dickon cho mà xem.

- Bao giờ tôi có thể ra đó? – Mary hỏi với vẻ bâng khuâng và đưa mắt qua cửa sổ nhìn về phía màu xanh tím tấp. Đó quả là một màu sắc mới mẻ, rộng lớn, kỳ diệu như thể trên thiên đường.

- Tôi không rõ, - Martha đáp, - Có lẽ từ khi sinh ra trên đời, cô chẳng bao giờ dùng đến đôi chân của cô. Cô không đủ sức cuốc bộ trong vòng năm dặm. Từ đây đến túp nhà gianh của chúng tôi cũng phải đến năm dặm.

- Tôi thích được đến túp nhà gianh của chị.

Trong giây lát, Martha đăm đăm nhìn con bé với vẻ ngờ vực, trước khi cầm chiếc bàn chải cọ đi cọ lại cái ghì một lần nữa. Chị đang nghĩ về khuôn mặt nhỏ nhắn kém xinh của Mary, lúc này nom không còn cau có như chị thấy vào buổi sáng đầu tiên. Nó hơi giống khuôn mặt của bé Susan Ann khi đang thèm khát một cái gì đó.

- Tôi sẽ hỏi mẹ tôi về chuyện này, - chị nói. – Bà là người gàn như lúc nào cũng nghĩ ra cách gì đó cho mọi chuyện. Hôm nay là ngày tôi được nghỉ và tôi sắp về đây. Ôi, tôi mừng lắm. Bà Medlock cũng là người quan tâm đến mẹ tôi. Có thể mẹ tôi sẽ nói với bà ấy.

- Tôi thích mẹ chị. – Mary bảo.

- Tôi có thể hiểu điều đó, - Martha đồng ý, tiếp tục đánh bóng ghì lò.

- Tôi chưa bao giờ được gặp bà. – Mary bảo.

- Chưa, cô chưa gặp. – Mary đáp.

Chị lại ngồi xồm, khễ giụi giụi mũi bằng mu bàn tay, chị có vẻ bối rối một chút rồi nhận định cả quyết.

- Vậy đây, bà là người biết điều, chăm chỉ, tốt bụng và sạch sẽ, khiến cho không ai là không quý mến, dù họ đã gặp bà hay chưa. Mỗi dịp sắp về nhà thăm mẹ và ngày nghỉ, tôi thật chỉ muốn nhảy lên vì sung sướng vào cái lúc băng qua cánh đồng hoang.

- Tôi thích cả Dickon nữa, - Mary nói thêm, - và cũng chưa gặp cậu ấy lần nào.

- Chà, - Mary đáp lại một cách chắc nịch. – Tôi đã bảo cô rằng các loài chim chóc đều quý nó, cả thỏ, cừu hoang, ngựa hoang, và bọn cáo nữa chứ. Tôi đang tự hỏi, - Martha chăm chăm nhìn con bé với vẻ suy nghĩ, - không hiểu thằng Dickon sẽ nghĩ gì về cô nhỉ?

- Cậu ấy không thích tôi đâu, - Mary trả lời chị theo cái lối lạnh lùng và không được thân mật của nó. – Chẳng ai thích tôi hết.

Martha lại nhìn sang, vẻ suy nghĩ.

- Cô có thích bản thân mình không? – Martha hỏi với vẻ hoàn toàn thành thực, như thể chị tò mò muốn biết.

Mary lưỡng lự giây lát rồi nghĩ ra.

- Không hề, thực đấy. – Nó đáp. – Nhưng trước đây tôi chưa bao giờ nghĩ đến điều đó cả.

Martha toét miệng ra cười như thể nhớ lại vài kỷ niệm chất phác về mẹ của chị.

- Có lần mẹ tôi bảo với tôi thế này. Bà ngồi bên chậu giặt, còn tôi thì đang cúi kính và chỉ trích người khác. Bà quay sang tôi và bảo: “Này, con là đứa xấu nết, lại còn hay gây gổ! Con chỉ biết đứng đây mà kêu không thích người này người kia. Vậy con có thích chính bản thân con không?” Câu nói ấy khiến tôi bật cười và tỉnh ngộ ra trong giây lát.

Ngay sau khi mang cho Mary bữa điểm tâm, chị ra về với tâm trạng vô cùng phấn chấn. Chị sắp phải cuốc bộ năm dặm đường qua cánh đồng hoang để về ngôi nhà gianh, giúp mẹ giặt giũ, làm món bánh nướng cuối tuần, và hưởng một niềm vui trọn vẹn.

Mary cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết khi biết chị sẽ không còn ở trong nhà một thời gian. Nó rảo bước ra ngoài vườn, và việc đầu tiên là nó chạy vòng quanh đài phun nước trong vườn hoa mười vòng liền. Nó cẩn thận đếm số vòng chạy, lúc dừng chân nó thấy tâm trạng phấn khích hơn. Ánh mặt trời khiến quang cảnh trở nên khác hẳn. Vòm trời xanh thẳm cao vợi vợi bao trùm lên Miselthwaite và cả cánh đồng hoang mênh mông. Con bé ngẩng mặt ngược nhìn trời, nó cố tưởng tượng xem nếu được nằm trên một trong những đám mây trắng xốp như tuyết kia thì sẽ như thế nào và chúng đang trôi về đâu. Nó vừa tiến vào mảnh vườn đầu tiên dành cho nhà bếp thì gặp lão Ben Weatherstaff đang làm việc với hai người làm vườn khác. Dường như thời tiết đổi thay làm lão thấy dễ chịu hơn. Lão vồn vã nói với con bé.

- Tiết xuân đã về. Cô cảm thấy nó chứ?

Mary hít hà và nghĩ rằng nó cũng cảm nhận được hương vị đó.

- Tôi nghĩ thấy một mùi gì đó rất tuyệt, vừa mát vừa ấm.

- Đó chính là hương của đất màu, - lão vừa đáp vừa xới đất. - Nhờ chất bổ phi nhiêu trong đó mà cây cối đâm chồi nảy lộc. Thật mừng vì mùa trồng trọt đã tới. Mùa đông thì buồn tẻ quá chẳng có gì để làm. Trong những vườn hoa ngoài kia, mọi thứ đang cựa mình dưới đất đen. Mặt trời sưởi ấm cho chúng. Chỉ ít ngày nữa thôi, cô sẽ thấy những mầm xanh dần nảy nở bên trên mặt đất đen sẫm.

- Chúng là những loại nào? - Mary hỏi.

- Nghệ tây và hoa giọt tuyết và hoa thủy tiên vàng. Chẳng lẽ cô chưa bao giờ thấy chúng sao?

- Chưa. Ở Ấn Độ sau cơn mưa, mọi thứ đều nóng, ấm và xanh tốt. - Mary đáp. - Tôi nghĩ cây cối chỉ mọc trong một đêm thì phải.

- Ở đây chúng không thể mọc trong một đêm được, - lão Weatherstaff đáp. - Cô sẽ phải chờ chúng. Chúng sẽ nhú ra một chút ở đây và nảy ra một chút ở kia, rồi ngày một ngày hai chiếc lá mới dần mở ra. Cô quan sát chúng mà xem.

- Tôi cũng định thế, - Mary trả lời lão.

Vừa dứt lời, nó nghe thấy tiếng vỗ cánh nhẹ nhàng, và ngay tức khắc nó hiểu rằng con chim ỨC ĐỎ đã quay lại. Con chim thật ngộ nghĩnh và nhanh nhẹn, nó nhảy nhót ngay sát chân Mary, đầu nghiêng nghiêng ngược nhìn con bé với vẻ ranh mãnh đến mức Mary phải cất tiếng hỏi lão Ben Weatherstaff.

- Ông có cho rằng nó còn nhớ tôi không?

- Nhớ cô ư! - Lão Weatherstaff nói với vẻ cáu kỉnh. - Nó biết rõ từng gốc cải bắp trong các khu vườn, huống hồ là con người. Trước kia nó chưa từng thấy một cô nàng trẻ tuổi nào ở đây, nên nó mới có ý tìm hiểu mọi sự về cô. Cô không cần phải giấu diếm nó điều gì cả.

- Có phải mọi thứ đang cựa mình dưới đất đen trong khu vườn nó sống không? - Mary căn vặn.

- Khu vườn nào? - Lão Weatherstaff nhăn mặt, thái độ lại trở nên gắt gỏng.

- Khu vườn có mấy khóm hồng già ấy, - nó không thể không hỏi, bởi vì nó đang muốn biết thật nhiều, - tại sao tất cả các cây hoa đều héo khô, hay là một số sẽ mọc lại vào mùa hè? Ở đó còn có bông hồng nào không?

- Cô hỏi nó mà xem, - lão Ben Weatherstaff nhìn về phía con chim ỨC ĐỎ rồi nhún vai, - nó là kẻ duy nhất biết rõ. Suốt mười năm qua không một ai ngó ngàng bên trong khu vườn đó.

Mười năm qua là một thời gian dài, Mary nghĩ. Nó cũng đã sinh ra mười năm về trước. Nó bước đi, chậm rãi suy nghĩ. Nó bắt đầu thấy yêu mến khu vườn, con chim ỨC ĐỎ, thằng Dickon và bà mẹ của Martha. Nó thấy quý mến cả Martha nữa. Dường như có rất nhiều người tốt để yêu quý - ngay cả khi ta không có thói quen yêu quý kẻ khác. Nó coi con chim ỨC ĐỎ là một trong số ấy. Mary bước theo lối đi dạo bên ngoài bức tường dài phủ đầy dây thường xuân, thấy rõ mấy ngọn cây lúp lỏ trên bờ tường: đây là lần thứ hai nó bước tới bước lui bên cái nơi thú vị hồi hộp này và tất cả đều từ con chim ỨC ĐỎ của lão Ben Weatherstaff mà ra.

Nó nghe thấy một hồi líu ríu. Đưa mắt nhìn luống hoa trợ trụ bên trái, nó nhận ra con chim đang nhảy nhót, làm bộ đang mổ vật gì trên mặt đất như bảo rằng nó không có ý bám theo con bé. Nhưng thừa biết con chim nhỏ vẫn theo sát mình, con bé vừa sừng sốt vừa sung sướng đến nỗi gần như run lên.

- Mà vẫn còn nhớ tao? - Nó gào to lên. - Mà vẫn còn nhớ tao. Mà xinh đẹp hơn bất kể thứ gì trên thế gian này.

Con bé cũng kêu lên ríu rít, chuyện trò, dỗ dành con chim, còn con chim ỨC ĐỎ thì nhảy nhót lia lịa, ngoáy ngoáy mắt cái lông đuôi và kêu lên rầm rĩ. Như thể nó cũng đang đáp lại lời Mary. Đám lông đỏ rực của nó mịn màng như sa tanh. Rồi nó phồng cái ức tí hon đó lên, thật đường bệ và xinh xắn, như thể muốn phô bày cho con bé thấy một con chim ỨC ĐỎ có thể trông giống con người và quan trọng đến độ nào. Cô chủ Mary quên khuấy rằng nó từng là một đứa ngang ngược biết bao. Lúc này, nó khễ nhích lại gần con chim hơn nữa, rồi quỳ xuống mà thì thầm, cố gắng bắt chước bằng được tiếng kêu của chim.

Ôi! Khó mà tin được nó lại để Mary tới gần đến thế. Nó biết không đời nào con bé giơ tay chộp nó hay làm nó mấy may hoảng sợ. Nó hiểu điều đó vì nó cứ như một con người thực sự - thậm chí còn tuyệt hơn bất kỳ con người nào khác trên thế gian này. Con bé hạnh phúc tới độ không dám thở.

Luống hoa thực ra không hoàn toàn trợ trụ. Nó không ra hoa bởi các cây lâu năm đã bị đốn bót cành để nghỉ đông, nhưng vẫn còn nhiều cây bụi cao thấp mọc san sát phía sau luống. Khi con chim ỨC ĐỎ

đỏ nhảy nhót dưới các lùm cây ấy, con bé trông thấy nó nhảy qua một đồng đất mới đào mùi ngai ngái và dừng lại đó để tìm côn trùng. Đồng đất ấy bị đào lên bởi có con chó đang muốn đào một cái hố sâu để tìm chuột chũi.

Mary nhìn cái hố. Nó thật sự không hiểu tại sao lại có cái hố ở đây. Đúng lúc mãi nhìn nó chợt nhận thấy có một cái gì được vùi giấu trong nền đất mới lật, trông tựa như một cái vòng bằng sắt hoặc đồng thau đã hoen gỉ. Khi con chim bay vút lên cái cây gần đó, con bé thò tay nhặt cái vòng lên. Còn hơn cả một cái vòng, đó là một chiếc chìa khóa cũ kỹ trông như đã được chôn từ lâu lắm.

Cô chủ Mary đứng dậy, và với vẻ gần như hoảng sợ, nó nhìn chiếc chìa khóa đang lủng lẳng nơi ngón tay mình.

“Có lẽ nó đã bị chôn vùi gần mười năm nay”. Nó thì thầm. “Có lẽ đó là chiếc chìa khóa mở ra cánh cửa khu vườn!”

Chương 8: Chim ức đỏ, kẻ dẫn đường.

Con bé ngấm nghĩa chiếc chìa khoá hồi lâu. Nó lật đi lật lại và suy nghĩ. Như đã nói ở trên, nó không phải một đứa trẻ được dạy bảo rằng phải xin phép hay hỏi ý kiến người lớn về mọi chuyện. Tất cả những gì nó đang nghĩ lúc này là nếu đó đúng là chiếc chìa khoá của khu vườn đóng kín và nếu nó có thể khám phá ra cánh cửa ở đâu, nó sẽ mở cửa để xem có gì đằng sau mấy bức tường, và điều gì đã xảy ra với những cây hồng già. Khu vườn bị khoá chặt quá lâu nên con bé càng thèm muốn nhìn thấy nó. Đó dường như là một nơi khác hẳn những nơi khác, và trong suốt mười năm qua ắt phải có điều gì đó kỳ lạ xảy ra ở đó. Ngoài ra, nếu con bé thích thì hàng ngày nó có thể vào trong, khép cửa lại, tự bày trò mà chơi một mình, bởi vì sẽ không ai hay nó ở trong vườn, họ sẽ tưởng cánh cửa vẫn khoá còn chiếc chìa khoá thì bị vùi đâu đó. Ý nghĩ này khiến Mary vô cùng thích thú.

Cuộc sống thui thủi trong ngôi nhà có hàng trăm căn phòng bí ẩn khép kín, cùng với việc bản thân chẳng có gì để làm cho khuây khoả đã khiến bộ óc biếng nhác của nó phải làm việc, và trí tưởng tượng của nó được đánh thức. Không nghi ngờ gì nữa, làn không khí mạnh mẽ, tinh khiết và tươi mát nơi cánh đồng hoang cũng góp phần lớn làm nên điều đó. Cũng giống như làn không khí đã khiến nó ăn ngon miệng và sự chống chọi với những cơn gió lớn khiến cho khí huyết nó được lưu thông, những thứ như vậy đã kích thích trí não của nó hoạt động. Ở Ấn Độ, nó quá nóng bức, uể oải, yếu ớt, và chẳng mấy quan tâm đến gì khác. Nhưng ở nơi đây, nó bắt đầu để ý tới mọi việc và muốn làm điều gì mới mẻ. Nó còn nhận thấy mình bớt “ngang ngược” hơn trước mà chính nó cũng chẳng hiểu tại sao.

Nó rút chiếc chìa khoá vào túi áo rồi bước tới bước lui trên đường. Hình như chưa một ai ngoài nó đặt chân tới chôn này, bởi vậy con bé có thể thong thả bước đi và ngược lên nhìn bức tường, đúng hơn là nhìn đám thường xuân đang leo lên đó. Đám thường xuân này quả là thứ cản trở tầm nhìn. Dù Mary xem xét kỹ lưỡng đến mức nào, nó vẫn chẳng thấy gì ngoài lớp cành cây lan dày đặc cùng những chiếc lá xanh bóng. Nó vô cùng thất vọng. Nhưng cái tính bướng bỉnh ngang ngạnh của nó lại thôi thúc, khi con bé đi tới đi lui dọc chân tường và ngược nhìn qua bờ tường lên mấy ngọn cây bên trong. Thật ngớ ngẩn – Mary thậm nhủ - nó ở ngay bên mình mà không sao vào nổi. Nó siết chặt chiếc chìa khoá trong túi áo; trên đường trở về nhà nó quyết định từ nay sẽ luôn mang chiếc chìa khoá bên mình mỗi khi ra ngoài, hễ tìm ra cánh cửa giấu kín đó thì nó sẽ mở ngay.

Bà Medlock đã cho phép Martha ngủ lại qua đêm tại túp lều gianh, nhưng chị vẫn đã trở về làm việc ngay từ sáng sớm, hai má hồng hào như thường lệ cùng với một tâm trạng vô cùng sáng khoái.

- Tôi dậy từ lúc bốn giờ sáng - chị kể - Ày, đồng hoang mới đẹp làm sao,

chim chóc líu lo, lũ thỏ thì nhớn nhơ đây đó, và cảnh mặt trời mọc nữa. Tôi không phải đi bộ cả quãng đường. Một ông đã cho tôi đi nhờ xe ngựa của ông ấy. Tôi muốn nói với cô rằng tôi vô cùng mãn nguyện.

Rồi chị kể hàng lô chuyện vui trong ngày về nhà. Mẹ đã tỏ ra vo cùng mừng rỡ khi thấy chị trở về, rồi hai mẹ con cùng giặt giũ nấu nướng. Chị còn làm cho bọn nhóc mỗi đứa một chiếc bánh bột nhào trộn với chút đường đỏ.

- Tôi đã dọn cho chúng những món nóng sốt sau khi chúng chơi đùa từ ngoài đồng trở về. Và khắp gian nhà gianh chỗ nào cũng sực nức mùi thơm tho, sạch sẽ và mùi của những món ăn nóng hổi trên bếp lửa hồng, còn bọn trẻ thì hò reo vui sướng. Thằng Dickon nhà tôi ấy, nó bảo rằng cái nhà gianh của chúng tôi để cho một ông vua ở cũng còn tốt chán.

Buổi tối cả nhà quây quần quanh bếp lửa, Martha cùng bà mẹ vá quần áo rách và mạng bít tất. Tiện thể Martha kể cho họ nghe về cô bé gái vừa từ Ấn Độ trở về, chuyện cô ta cả đời được hầu hạ bởi những người mà Martha gọi là dân “da đen”, rồi đến chuyện cô ta thậm chí không biết tự mình đi tất.

- Ày, mọi người đều thích nghe kể về cô, - Martha bảo. - Họ muốn biết mọi thứ về những người da đen và về con tàu chở cô. Tôi không thể kể cho họ nghe đủ hết mọi chuyện được.

Mary ngẫm nghĩ giây lát.

- Trước hôm về nhà sắp tới của chị, tôi sẽ kể thêm cho chị kỹ hơn nữa. Rồi chị tha hồ mà thuật lại. Tôi dám cược rằng họ sẽ thích nghe chuyện cười vui và lạc đà cho mà xem. và chuyện các sĩ quan đi săn hổ nữa.

- Đấy, tôi bảo mà, - Martha kêu lên vui sướng. - Chắc chắn có chuyện đó sẽ mở mang trí óc cho mọi người. Có thật là cô sẽ kể chứ, thưa cô. Có lẽ cũng giống chuyện một con thú hoang mà chúng tôi nghe rằng đã từng có ở York.

- Ấn Độ hoàn toàn khác với Yorkshire, - Mary chậm rãi nói, như thể đã suy nghĩ kỹ về vấn đề này. - Tôi chưa vào giờ nghĩ về chuyện đó. Có đúng là Dickon và mẹ chị thích nghe chị kể chuyện về tôi chứ?

- Sao kia? Thằng Dickon nhà tôi thì ruột để ngoài da, nó chỉ thích chạy nhớn thôi, - Martha trả lời. - Nhưng mẹ tôi, bà cứ lo lắng vì việc cô chỉ có một mình.

Bà bảo “Ông Craven không tìm một nữ gia sư hay một bảo mẫu cho cô ấy à?”, tôi bèn đáp: “Không ạ, ông ấy chẳng tìm gì cả, mặc dầu bà Medlock có nói rằng ông ấy sẽ làm vậy khi nào ông nghĩ đến điều đó, nhưng bà cũng bảo ông ấy vẫn chưa nghĩ đến đâu trong vài ba năm tới.”

- Tôi không muốn có một cô gia sư nào hết, - Mary nói một cách gay gắt.

- Mẹ tôi khuyên cô lúc này nên học hành sách vở đi là vừa, và cô cũng nên có một phụ nữ để chăm sóc cho cô, bà còn bảo: “Nào, Martha, con cứ thử hình dung con sẽ cảm thấy như thế nào khi phải sống trong một toà nhà đồ sộ như thế, một thân một mình lang thang đó đây, lại không còn mẹ. Con

phải gắng sức để cô ấy được vui vẻ.” Bà dặn dò như thế và tôi đáp rằng tôi sẽ cố gắng.

Mary đưa mắt nhìn chị hồi lâu, vẻ điềm tĩnh.

- Chị đã làm cho tôi vui rồi đấy thôi. Tôi thích nghe chị nói.

Ngay lập tức, Martha chạy ra khỏi phòng rồi trở lại với vật gì giấu trong hai bàn tay dưới cái tạp dề của chị.

- Đố cô biết cái gì đây? - Chị nói với nụ cười vui vẻ. - Tôi mang đến cho cô một món quà.

- Một món quà! - Cô chủ Mary thốt lên. Một mái nhà gianh với mười bốn con người đói kém, làm sao có thể tặng nổi ai một món quà.

- Có ông bán hàng rong đánh xe qua đồng cỏ. Ông ta dừng xe trước cửa nhà chúng tôi. Ông ta có nào là nồi, ấm làm bằng đất nung, nào là xoong, chảo cùng các thứ hàng linh tinh lặt vặt khác, nhưng mẹ tôi không có tiền để mua bất cứ thứ gì hết. Đúng lúc ông ta định đi thì con Lizbeth Ellen nhà tôi gọi to: “Mẹ ơi, ông ấy có sợi dây nhảy với hai tay cầm màu xanh đỏ kia.” Thấy vậy mẹ tôi đột nhiên gọi: “Này ông, gớm đã! Ông định bán thứ này bao nhiêu?” Ông ấy đáp: “Chỉ đáng một xu.” Mẹ tôi vội lục lọi túi áo bà, rồi quay sang bảo tôi: “Martha, con đã mang về cho mẹ tiền công của con như một cô gái ngoan, còn mẹ có tới bốn chỗ để giấu từng đồng tiền xu, và mẹ định lấy một xu trong số tiền ấy để mua sợi dây nhảy này.” Thế là bà đã mua nó, đây này.

Chị lấy nó ra từ dưới chiếc tạp dề rồi giơ cho Mary thấy với vẻ vô cùng hãnh diện. Đó là một sợi dây mảnh nhưng chắc chắn, ở đầu dây là một tay cầm có sọc đỏ và xanh. Mary Lennox chưa từng thấy một cuộn dây nhảy nào trước đó. Con bé ngó trân trân cuộn dây với vẻ lúng túng.

- Cái đó để làm gì? - Nó tò mò hỏi.

- Để làm gì ư? - Martha kêu lên. - Có phải ý cô là ở Ấn Độ mọi người chẳng hề chơi nhảy dây mà chỉ thích săn hổ, cưỡi voi và lạc đà đấy chứ? Thảo nào ai ai cũng đen nhem.

Cái này để làm gì ư, nhìn tôi đây.

Nói đoạn chị chạy ra giữa phòng, mỗi tay cầm một đầu dây rồi bắt đầu nhảy, nhảy, nhảy, trong khi Mary xoay người lại trên ghế đôi theo chị. Những khuôn mặt kỳ dị trên các bức chân dung cổ dường như cũng chăm chăm nhìn Martha, có lẽ các vị ấy đang tự hỏi không biết cái kẻ sống trong túp nhà gianh tầm thường kia đang làm gì ngay dưới mũi mình. Nhưng Martha chẳng nhìn họ. Vẻ quan tâm và tò mò hiển hiện trên khuôn mặt Cô chủ Mary khiến chị càng thấy thích. Chị tiếp tục nhảy và đếm theo bước nhảy cho tới khi được một trăm.

- Tôi còn có thể nhảy lâu hơn thế, - chị nói lúc dừng chân. - Tôi từng nhảy được năm trăm cái hồi tôi mười hai tuổi, hồi đó tôi không béo như bây giờ và luyện tập chăm chỉ lắm.

Mary nhòm dây khỏi ghế, trong người bắt đầu thấy phân chấn.

- Sợi dây đẹp quá. Mẹ chị thật tốt bụng. Chị có nghĩ tụi ó thể nhảy được như thế không?

- Cô hãy thử xem – Martha thuyết phục và đưa cuộn dây cho nó. - Thoạt đầu cô chưa thể nhảy một trăm vòng ngay đâu, nhưng nếu chịu khó tập thì cô sẽ nâng dần số vòng lên. Mẹ tôi nói vậy đấy. Bà bảo: “Không có gì làm cô ấy khoẻ hơn nhảy dây. Đây là thứ đồ chơi thích hợp nhất mà trẻ con nên có. Cứ để cô ấy nhảy dây thoả thích ngoài không khí trong lành, có thể chân tay mới dài ra và cứng cáp thêm lên.

Một điều đáng buồn là hai cánh tay và hai cẳng chân của Mary chẳng có bao sức lực vào

lần đầu tiên nó tập nhảy. Nó cũng chẳng phải đũa nhanh nhẹn trong trò này, nhưng tỏ ra thích thú đến nỗi không muốn dừng chân.

- Cô hãy mặc quần áo rồi mang dây ra ngoài mà nhảy, - Martha nói, - Mẹ dặn tôi phải nhắc cô rằng nên chơi bên ngoài càng nhiều càng tốt, ngay cả khi trời mưa lất phất, cô ẽ thấy ấm người lên cho mà xem.

Mary mặc áo choàng, đội mũ rồi mang theo sợi dây nhảy trên tay. Nó mở cửa bước ra ngoài, bỗng nghĩ ra điều gì nó chậm rãi quay lại.

- Chị Martha, - nó nói, - cuộn dây được mua từ tiền công của chị. Cũng phải mất tới hai xu của chị ấy chứ. Cảm ơn chị. – Con bé nói câu ấy một cách khó nhọc, bởi vì chị không quen cảm ơn mọi người hoặc để ý tới những việc họ làm cho nó. - Cảm ơn, - nó nói và chia tay ra, bởi vì không biết làm gì hơn.

Martha nắm lấy tay con bé và khẽ lắc một cách vụng về, có vẻ chị không quen với những việc như thế này lắm. Chợt chị phá lên cười.

- Eo ôi, cô kì quá, thế này chỉ hợp với bà già thôi. Nếu cô là con bé Lizabeth Ellen nhà chúng tôi thì cô đã tặng tôi một cái hôn rồi.

Nom Mary càng gượng gạo hơn bao giờ hết.

- Chị muốn tôi hôn chị ư?

Martha lại bật cười.

- Ôi, không, không phải đâu. Nếu cô là người khác, có lẽ chính cô cũng muốn. Đàng này lại không phải vậy. Thôi chạy ra ngoài kia mà chơi với sợi dây của cô đi.

Marry cảm thấy hơi lúng túng lúc nó rời khỏi phòng. Người xứ Yorkshire thật kì lạ, còn Martha thì luôn là một bí ẩn đối với nó. Thoạt đầu nó rất ghét chị, nhưng bây giờ thì không.

Sợi dây nhảy quả là một điều kỳ diệu. Nó vừa nhảy vừa đếm, cho tới khi hai má nó ửng hồng, từ thừa sinh ra đến giờ chưa khi nào nó thích thú đến thế. Mặt trời đang toả sáng, một cơn gió thoảng qua, không phải cơn gió mạnh mà là làn gió thoảng thoảng ngán ngủi mang theo niềm vui và mùi hương tươi mát của đất vừa lật xới. Nó nhảy vòng quanh khu vườn có đài

phun nước, hết vòng lên rồi lại vòng xuống. Cuối cùng, khi nhảy lùi dần vào khu vườn dành cho nhà bếp, nó nhìn thấy lão Ben Wêathrstaff đang xới đất, vừa trò chuyện với con chim ứ đỏ đang nhảy nhót quanh lão. Con bé nhảy dây trên lối đi dạo dẫn đến chỗ lão. Lão ngẩng đầu nhìn nó, vẻ tò mò. Con bé tự nhủ không biết lão có để ý tới nó không. Nó thực sự muốn lão nhìn thấy nó nhảy dây.

- Chà! – Lão thốt lên. - Lạ chưa kia! Có vẻ như cô đang trở thành một thiếu nữ, đang dồi dào sinh lực mà chẳng cần bơ sữa gì sất. Cô nhảy dây khiến hai má đỏ ửng, trông rõ ràng rành rành như tên tôi là Ben Weatherstaff vậy. Tôi thật khó tin cô cũng có thể làm được điều đó.

- Trước đây tôi chưa từng bao giờ nhảy dây, - Marry đáp. – Tôi mới chỉ bắt đầu, chỉ đủ sức nhảy hai mươi vòng thôi.

- Cô cứ tiếp tục đi, - Lão Ben bảo. - Nếu tập đều cô sẽ có thân hình cân đối khoẻ mạnh của một thiếu nữ, không như hồi còn ở với bọn nông phu. Cứ nhìn nó ngắm cô thì rõ, - vừa nói, lão vừa hát đầu về phía con chim ứ đỏ. – Nó theo cô suốt từ hôm qua đến giờ. Nó sẽ ở lì đây cả ngày hôm nay cho mà xem. Chắc chắn nó sẽ khám phá xem nhảy dây là gì, nó chưa bao giờ thấy ai làm thế. – Ê! - lão lắc đầu với con chim. – Mày tò mò thế thì sẽ có bữa chết, nếu mày không nhìn cho kỹ.

Marry nhảy dây vòng qua tất cả các vườn hoa rồi lại vườn quả, cứ vài phút lại nghỉ một chút. Cuối cùng nó đi xuống lối dạo chơi quen thuộc và quyết định xem mình có đủ sức nhảy suốt dọc lối đó không. Đó là một đường nhảy dây khá dài. Nó bắt đầu một cách chậm rãi, nhưng trước khi nhảy được nửa đoạn đường, nó cảm thấy nóng bừng cả người và hụt hơi đến nỗi phải dừng lại. Nó cũng không phiền lòng lắm bởi nó đã đếm được tới ba mươi vòng. Nó ngừng lại, và đang mỉm cười vì sung sướng thì kìa, thật lạ lùng, vẫn là con chim ứ đỏ đang đu đưa trên một nhánh thường xuân dài. Thì ra nãy giờ nó vẫn theo con bé, và còn cất cao giọng chào mừng Mary bằng tiếng hót líu lo. Nhảy về phía con chim, Marry cảm thấy một vật gì nặng nặng trong túi áo cứ thúc vào sườn theo mỗi bước chân, nó nhìn con chim ứ đỏ bật cười:

- Hôm qua mày đã chỉ tao chỗ giấu chiếc chìa khoá rồi thì hôm nay mày hãy chỉ cho tao cánh cửa ấy đi; nhưng tao không tin mày biết nó ở đâu.

Con chim ứ đỏ đang nhún nhảy trên nhánh thường xuân liền bay vút lên bờ tường, nó há mỏ và cất tiếng hót lanh lảnh hết sức đáng yêu – đơn giản là nó đang muốn trình diễn. Trên đời này chẳng có gì thú vị và đáng yêu bằng con chim ứ đỏ khi nó phô trương giọng hót của nó, và loài chim này hầu như lúc nào cũng thích làm thế.

Marry Lenox từng được nghe vô khối chuyện về Phép thuật theo lời kể của các Ayah. Nó tự nhủ hầu hết những gì vừa xảy ra cũng đều là Phép thuật.

Một cơn gió nhẹ và dễ chịu ào qua lối đi dạo, nhưng nó mạnh hơn những cơn gió khác. Gió đủ mạnh để lay động mấy cành cây, làm lung lay những nhánh thường xuân nhỏ đang bò ngổn ngang trên bờ tường. Marry rón rén tới gần bên com chim. Bỗng đâu một cơn gió thổi bạt đám thường xuân dạt sang một phía, và con bé đột ngột nhảy tới nắm chặt đám cành lá đó trong tay. Nó làm vậy nó vừa thấy một cái gì đó ở phía dưới - một nắm tay tròn trịa bị che phủ dưới lớp lá rủ xuống từ trên tường. Chính là tay nắm của một cánh cửa.

Con bé quơ cả hai bàn tay vào lớp lá dày và bắt đầu gạt chúng sang bên. Dây thường xuân bám dày, như một tấm màn buông rủ đung đưa, và đôi chỗ cành lá còn len lỏi qua lớp gỗ và sắt. Trống ngực Marry đập thình thịch, còn hai bàn tay khẽ run lên vì sung sướng và phấn khích. Con chim ức đỏ vẫn vừa hót vừa ríu rít liên hồi. Nó nghiêng cái đầu sang một bên, có vẻ cũng háo hức chẳng kém gì con bé. Cái vật vuông vuông bằng sắt nằm dưới tay Marry mà con bé còn đang dò dẫm tìm một cái lỗ trên nó làm cái gì vậy?

Đó chính là cái ổ khoá của cái cánh cửa đã đóng chặt suốt mười năm qua. Con bé thọc tay vào túi rút chiếc chìa khoá ra, nó nhận thấy chìa khoá vừa khít vào ổ. Nó ấn sâu chiếc chìa vào ổ rồi vặn chìa. Nó phải dùng cả hai tay để vặn, nhưng ổ khoá đã xoay.

Đoạn con bé hít một hơi dài, ngoái lại phía con đường dài hút tầm mắt xem có ai đang tiến lại gần không. Không thấy một ai, và dường như chưa từng có ai thì phải. Nó không nén được, hít thêm một hơi thật sâu, rồi vén tấm màn thường xuân đang đung đưa, tay đẩy cánh cửa đang mở ra từ từ, chậm rãi.

Nó lách mình vào bên trong, khép cánh cửa lại sau lưng, và đứng đó sững sờ tựa lưng vào cửa. Nó lướt nhìn khắp xung quanh, hơi thở dồn dập vì phấn khích, vì sững sốt và vì sung sướng nữa.

Nó đang đứng *bên trong* một khu vườn bí mật.

Chương 9: Ngôi nhà kỳ lạ nhất chưa ai từng thấy

Đó quả là nơi ngọt ngào, huyền bí nhất chưa ai có thể tưởng tượng nên. Mấy bức tường cao ngăn cách với bên ngoài phủ đầy những cánh hồng leo trụi lá đang mọc dày đến mức quện chặt cào nhau. Marry Lennox biết chúng là hoa hồng bởi nó đã từng thấy rất nhiều loại hoa hồng hồi ở Ấn Độ. Khắp mặt đất mọc đầy thứ cỏ mang màu nâu úa của mùa đông, phía bên ngoài nó mọc lên những bụi cành hắt sẽ là những khóm hồng nếu chúng còn sống. Có một vài loài hoa hồng thông thường đàng toả ra như những cái cây nhỏ. Trong vườn còn nhiều loại cây khác, thế nhưng một trong những điều khiến nơi đây trở nên khác lạ và đáng yêu chính là đám hồng leo đang vươn

cành toả nhánh khắp nơi, để rồi rủ xuống những tua dài kết thành những bức màn nhẹ đung đưa trước gió; đây đó chúng gặp nhau, khoms này đan cành vào khóm kia cho tới lúc tự chúng kết thành những chiếc cầu vòng vô cùng duyên dáng. Giờ này trên thân chúng không có cả lá lẫn hoa, Marry cũng không rõ liệu chúng còn sống hay đã chết, chỉ thấy những cành và nhánh mảnh dẻ màu nâu xám tựa một chiếc khăn choàng đang mơ hồ trải rộng bao trùm mọi vật, từ các bức tường, cây cối và ngay cả mặt cỏ úa vàng, nơi chúng quện chặt lấy nhau và bò lan trên khắp mặt đất. Cái mớ dây mơ hồ này giăng mắc từ cây nọ sang cây kia càng khiến cho cảnh vật trở nên bí ẩn. Marry nghĩ thầm, nơi này không giống với những khu vườn bỏ quên đã lâu, và quả thực, đó là nơi khác hẳn với bất kì nơi nào mà nó từng thấy trong đời.

- Yên tĩnh quá! – Nó thì thảo. – Yên tĩnh quá!

Con bé chờ đợi giây lát và yên lặng lắng nghe. Con chim ức đỏ nãy giờ đậu trên ngọn cây, cũng lặng thinh như cảnh vật bao quanh nó. Nó thậm chí còn không dám vỗ cánh, cứ đậu ở đó mà nhìn Marry.

- Yên tĩnh là phải, - nó lại thì thầm. – Mình là người đầu tiên lên tiếng ở đây trong suốt mười năm qua.

Nó bước khỏi cánh cổng, rón rén thật khẽ như sợ làm ai thức giấc. Nó mừng vì dưới chân mình là cỏ, vì như vậy bước chân của nó sẽ không phát ra tiếng động. Nó đi dưới một trong những vòm cây như trong truyện cổ tích, mắt ngược nhìn lên các nhánh cây và dây leo đã kết nên chúng.

- Mình băn khoăn liệu chúng đã chết cả chưa. Chẳng lẽ đây là khu vườn đã hoàn toàn chết ư? Ước gì không phải vậy.

Nếu là lão Ben Weatherstaff thì nhìn qua là có thể nói được một cái cây còn sống hay không, nhưng Marry chỉ có thể thấy đó là những nhánh có màu nâu hay xám, và chẳng hề có dấu hiệu nào của những chồi lá tí hon ở bất kì đâu.

Nhưng dù sao nó cũng đang ở trong khu vườn kỳ diệu, và có thể bước qua cánh cửa dưới giàn thường xuân bất cứ lúc nào – con bé tự mình vừa khám phá ra cả một thế giới. Mặt trời toả sáng bên trong bốn bức tường, vòm trời cao xanh phía trên mảnh đất đặc biệt này của Misselthwaite thậm chí còn rục rỡ và dịu dàng hơn khi bao trùm trên cánh đồng hoan. Từ ngọn cây nơi nó đang đậu, con chim ức đỏ sà xuống đất nhảy nhót và bay theo con bé từ bụi caay này sang bụi cây khác. Nó lú lo một tràng dài và có vẻ hết sức bận rộn, như thể đang chỉ cho con bé những thứ xung quang. Mọi thứ thật kỳ lạ và yên tĩnh, và con bé có cảm tưởng mình đang cách biệt với mọi người để tới hàng trăm dặm nhưng nó chẳng hề thấy cô đơn chút nào. Điều nó bận tâm lúc này là mong ước được biết các khóm hồng đã chết chưa, và những cây nào còn sống thì có thể đâmc hời nảy nọc khi thời tiết trở nên ấm áp không? Nó không muốn nơi này là một khu vườn chết. Nếu còn sống thì nơi này sẽ là một chốn tuyệt vời biết bao, với hàng ngàn, hàng ngàn cây hồng

đua nhau trôi dạt ở khắp mọi nơi!

Sợi dây nhảy vẫn ở trên cánh tay Marry khi nó bước vào, và sau khi lang thang một hồi, nó nảy ra ý nghĩ thử nhảy vòng dây quanh khắp vườn xem sao, mỗi khi muốn quan sát điều gì thì mới dừng chân. Dây đó có vẻ đã từng có vài con đường mòn cỏ mọc. Ở đôi chỗ trong góc vườn, có mấy vòm cây thường xuân cùng vài chiếc ghế đá hay chậu hoa rêu phong phủ kín.

Nó thôi nhảy khi tới gần vòm cây kế tiếp. Trước kia, chỗ này từng có một luống hoa, nó nghĩ vậy khi vừa nhìn thấy những gì đang nhú lên khỏi lớp đất đen - mấy cái chấu xanh nhạt nhọn nhọn và nhỏ xíu. Nhớ lại những gì lão Ben Weatherstaff đã nói, nó bèn quỳ xuống nhìn chúng.

- Phải, chúng đang nhú lên từng tí một, có lẽ là nghệ tây, hoa giọt tuyết hay thủy tiên hoa vàng đây, - con bé thì thầm.

Con bé cúi gập hơn nữa, hít sâu vào ngực làn hương thơm mát của đất ẩm. Nó thấy thích thú cái mùi đó vô cùng.

- Có lẽ còn nhiều loài khác đang nảy mầm quanh đây. Mình phải đi khắp vườn này xem sao.

Nó không nhảy dây nữa mà đi bộ, chân bước chậm rãi, mắt dán xuống mặt đất. Nó nhìn xuống những luống hoa cũ, vào giữa những vạt cỏ, và sau khi đã bước vòng vèo, cô không để sót một cái gì, con bé phát hiện ra rất nhiều những mầm xanh lá xanh nhạt, nhọn sắc. Một lần nữa, nó cảm thấy vô cùng phấn khích.

- Đây hoàn toàn không phải là khu vườn chết, - nó kêu khê. – Dù những đám hồng kia đã chết thì những cây khác vẫn còn sống.

Con bé chẳng biết gì về việc làm vườn, nhưng cỏ mọc dày ở nơi những chiếc mầm xanh đang nhú lên, đến nỗi nó thấy lo lắng về việc rồi sẽ không đủ chỗ cho chúng phát triển. Nó tìm kiếm khắp nơi cho tới khi nhặt được một mảnh gỗ có đầu khá nhọn, nó liền quỳ xuống hì hục xới đất, rầy cỏ dại cho tới khi đám đất chỗ đó đã gọn gàng đầu vào đấy.

- Bây giờ có vẻ như chúng đã dễ thở hơn, - con bé nói sau khi đã làm xong những việc đầu tiên. – Mình còn tiếp tục làm nữa. Mình sẽ làm tất cả những chỗ mình thấy. Nếu hôm nay không đủ thời gian thì ngày mai mình lại tới.

Nó đi hết chỗ này tới chỗ khác, xới đất và rầy cỏ, trong lòng vui sướng tràn trề đến nỗi nó cứ làm hết luống nọ tới luống kia, tới cả đám cỏ dưới các hàng cây. Hoạt động làm nó nóng người lên đến độ phải quăng cả áo khoác, rồi mũ xuống đất, và không hiểu sao miệng cứ mỉm cười cúi nhìn những vạt cỏ cùng những nụ mầm xanh nhạt mãi không thôi.

Con chim ứ đỏ cũng bận rộn không kém. Nó hài lòng lắm khi thấy việc làm vườn được bắt đầu ngay từ lãnh địa của nó. Nó thường sừng sốt về công việc của lão Ben Weatherstaff. Hễ nơi nào đất được lật xới lên là có đủ các thức ăn ngon lành đi kèm. Giờ đây lại có một sinh vật to không bằng phân

nửa lão mà đã biết cách vào được khu vườn của nó và bắt tay ngay vào việc.

Cô chủ Marry làm việc trong khu vườn của cô cho tới giờ phải về nhà ăn trưa. Thực ra, lúc con bé nhớ ra giờ giấc thì đã khá muộn. Mặc xong áo khoác, đội mũ và vợ lấy cuộn dây nhảy, nó không ngờ rằng mình đã làm việc liên tù tì hai ba tiếng đồng hồ. Tất nhiên rồi, đó là quãng thời gian hạnh phúc của nó; và giờ đây, có thể nhìn thấy hàng tá, hàng tá những chấm nhỏ xanh nhạt đang nhồi lên từ những khoảnh đất thoáng đãng, trông hào hứng bội phần so với lúc trước, lúc cỏ dại còn làm chúng ngạt thở.

- Buổi chiều mình sẽ quay lại nơi này, - nó vừa nói vừa đưa mắt ngắm nhìn khắp vương quốc mới mẻ của mình, miệng thâm thì với đám cây cối, bụi hồng, như thể chúng hiểu lời nó.

Đoạn nó chạy như bay qua bãi cỏ, hé cánh cửa cũ kỹ, rệu rạo ra rồi lách mình qua các nhánh thường xuân. Bữa trưa hôm đó, vó ngỗng ăn com một cách ngon lành với hai má đỏ hồng cùng với đôi mắt long lanh khiến Martha vui hẳn lên.

- Hai miếng thịt và hai chiếc bánh put đing! - Chị kêu lên. - Ôi, mẹ sẽ mừng lắm nếu tôi kể bà hay những gì mà sợi dây nhảy đã mang lại cho cô.

Trong lúc đào xới bằng miếng gỗ nhọn, Marry tìm được một nhánh rễ trắng trông khá giống củ hành. Nó đã đặt trả vật ấy vào chỗ cũ và cẩn thận vùi đất lên. Lúc này, nó tự nhủ không biết Martha có biết đó là cái gì không.

- Chị Martha này, các đoạn rễ trắng trắng trông khá giống củ hành là gì thế?

- Chúng là các loại củ, - Martha đáp. - Rất nhiều hoa xuân từ chúng mà ra. Số rất ít là hoa giọt tuyết và nghệ tây, còn phần nhiều hơn là thủy tiên, trường thọ và thủy tiên hoa vàng. Nhiều nhất là hoa ly ly và cờ tía. Chà! Chúng mới đẹp làm sao. Thằng Dickon đã sưu tầm đủ các loài rồi đem trồng trong mảnh vườn nhà chúng tôi.

- Dickon biết tất cả về chúng chứ? - Marry hỏi, một ý tưởng mới mẻ choán lấy toàn bộ suy nghĩ của nó.

- Dickon nhà chúng tôi có thể khiến một bông hoa mọc ngay cả trên tường gạch. Mẹ bảo nó chỉ cần cầu nguyện là mọi thứ liền nhú khỏi mặt đất.

- Các loại củ sống lâu lắm phải không? Liệu chúng có sống năm này qua năm khác mà không cần ai chăm sóc không? - Marry căn vặn với vẻ sốt ruột.

- Chúng đều là những loại tự lo cho mình được, cô ạ, - Martha đáp. - Đó là lý do tại sao mà những người nghèo đều có thể có chúng. Nếu cô không làm phiền chúng, thì hầu hết bọn chúng vẫn nảy nở dưới mặt đất trong vòng sinh trưởng để rồi vươn lên, sống đời vui vẻ. Có một chỗ trong khu rừng công viên, khi vào mùa chỉ tính riêng hoa giọt tuyết cũng phải tới hàng ngàn bông. Chúng là cảnh tượng đẹp mắt nhất ở Yorkshire lúc xuân về. Chẳng ai rõ người ta trồng chúng từ khi nào.

- Tôi ước sao mùa xuân về đây ngay bây giờ, - Marry nói. – Tôi muốn được nhìn thấy mọi thứ mọc lên ở nước Anh.

Con bé đã dùng xong bữa ăn trưa và tới ngôi chỗ ưa thích của nó trên tấm thảm trước lò sưởi.

- Tôi ước...tôi ước mình có được một cái mai nhỏ, - nó bảo.

- Cô cần tới mai để làm gì? – Martha bật cười hỏi, - cô đang muốn đào xới gì đó phải không? Tôi phải nói với mẹ việc này.

Marry nhìn ngọn lửa hồng và cân nhắc một chút. Nó phải thận trọng nếu muốn giấu kĩ lưỡng vương quốc bí mật của mình. Nó không định làm bất kì điều gì có hại, nhưng nếu ông Craven phát hiện ra cánh cửa đã bị mở, chắc ông ấy giận giữ ghê gớm và kiếm ngay ra một chiếc chìa mới và khoá chặt khu vườn mãi mãi. Nó thực sự không chịu nổi ý nghĩ đó.

- Đây quả là một toà nhà to lớn đơn độc, - nó chậm rãi nói, có vẻ như muốn trở lại những vấn đề vẫn còn lớn vờn trong tâm trí, - toà nhà đơn độc, khu vườn lớn đơn độc, các khu vườn nhỏ cũng đơn độc nốt. Chỗ nào cũng đều khoá chặt. Hồi ở Ấn Độ tôi không phải làm gì nhiều, vì có khối người lo cho tôi, người hầu rồi lính tráng, rồi thỉnh thoảng còn có các ban nhạc dân gian biểu diễn nữa, Aya của tôi cũng kể cho tôi vô khối chuyện. Còn ở đây, tôi chẳng có ai để chuyện trò, ngoài chị và ông Ben Weathrestaff. Chị phải làm việc của chị, còn ông Ben chẳng mấy khi nói chuyện với tôi. Tôi nghĩ nếu mình có một cái mai thì tôi sẽ tìm chỗ nào để đào xới giống như ông ấy vẫn làm, biết đâu tôi chẳng gây được một cái vườn nho nhỏ, nếu như ông ấy chịu cho tôi hạt giống. Cả khuôn mặt Martha bừng sáng.

- Đó, - Chị thốt lên – Đó chẳng phải là một trong những điều mẹ đã sai bảo sao. Bà nói: “Còn bao nhiêu đất còn thừa trong cái toà nhà khổng lồ ấy, tại sao họ không cho cô ấy riêng một khoảnh, ngay cả khi cô ấy không trồng gì khác ngoài mùi tây và củ cải. Cứ để cho cô ấy đào đất, san luống, có thể cô ấy mới thấy hạnh phúc vì được làm việc”. Đây, bà đã nói vậy đấy.

- Bà biết bao nhiêu là chuyện, chị nhỉ.

- À! Như bà vẫn nói: Người đàn bà một nách nuôi đủ mười hai đứa con, ngoài việc học mấy chữ cái ra thì cũng phải học lấy một cái gì chứ. Trẻ con cũng tựa như môn số học, giúp chúng ta giải đáp được rất nhiều điều”.

- Một cái mai nhỏ giá bao nhiêu, một cái nhỏ thôi?- Mary hỏi.

- Ừ thì, - Martha đáp, - bên làng Thwaite có một cửa hàng, đại khái cứ tạm gọi thế, tôi thấy ở đó có một bộ làm vườn cỡ nhỏ gồm có mai, cào và xiên - cả bộ hết có hai siling. Và chúng cũng khá chắc chắn để ta có thể sử dụng.

- Trong túi đựng tiền của tôi còn nhiều hơn thế, - Mary bảo. – Bà Morrison tặng tôi năm đồng siling, và bà Medlock cũng chuyển cho tôi một ít tiền từ chỗ ông Craven.

- Ông ấy nghĩ tới cô nhiều đến vậy sao? – Martha thốt lên.

- Bà Medlock bảo cứ mỗi tuần tôi sẽ được một siling để tiêu vặt. Bà ấy đưa tôi một đồng vào thứ Bảy hàng tuần. Quả thực tôi không biết tiêu nó vào việc gì.

- Đã bảo mà, cô giàu đến thế là cùng, - Martha bảo. Cô có thể mua bất cứ thứ gì trên đời mà cô muốn. Tiền thuê túp lều tranh của chúng tôi cũng chỉ đáng một siling và ba penny, vậy mà để kiếm được chỗ đó cũng phải vắn răng ra ấy chứ. Nào, tôi vừa mới nghĩ đến một thứ, - chị chống hai tay vào hai bên hông.

- Cái gì cơ? – Mary hỏi chị đây vẻ háo hức.

- Trong cửa hàng bên Thwaite, họ bán những gói hạt giống hoa, mỗi gói một penny. Thằng Dickon nhà chúng tôi biết rõ đâu là những giống hoa đẹp nhất và biết cách chăm cho chúng mọc lên. Nó thường cuốc bộ sang Thwaite ngày mấy lần chỉ bởi chuyện đó. Cô có biết cách in chữ không? Martha đột ngột hỏi.

- Tôi chỉ biết viết, - Mary đáp.

Martha lắc đầu.

- Thằng Dickon chỉ có thể đọc được chữ in. Nếu cô viết chữ in thì ta sẽ viết một bức thư cho nó, bảo nó đi mua giúp dụng cụ làm vườn và cả hạt giống luôn một thể.

- Ôi! Chị là một cô gái tử tế! – Mary kêu lên. - Chị đúng là như vậy. Tôi không ngờ chị lại tốt đến thế. Tôi biết nếu cố gắng thì tôi có thể viết được chữ in. Chị đi hỏi bà Medlock cho tôi một cây bút, lọ mực và ít giấy.

- Tôi cũng có riêng mấy thứ đó. Tôi mang vào phòng khi muốn viết một bức thư gửi cho mẹ vào Chủ nhật. Để tôi đi lấy cho.

Chị chạy ra khỏi phòng. Mary đứng bên lò sưởi, hai bàn tay nhỏ gầy guộc của nó đan siết vào nhau với niềm vui sướng vô bờ.

- Nếu mình có một cái mai, - nó thì thầm, - mình sẽ làm cho đất tơi xốp rồi nhổ hết cỏ dại. Khi có hạt giống mình sẽ chăm cho nó đơm hoa kết nụ, khu vườn không còn là vườn chết nữa, nó sẽ sống mãi mãi.

Con bé không ra ngoài vườn chiều hôm đó, bởi khi Martha quay lại với đám bút, mực và giấy thì chị còn phải dọn bàn và bung mấy cái đĩa xuống nhà. Vừa vào đến nhà bếp thì bà Medlock đã có mặt ở đó, bà lại sai chị mấy việc vặt, bởi vậy nên Mary phải đợi mãi. Nó có cảm tưởng thời gian cứ dài đằng đằng trước khi chị quay lại. Rồi còn chuyện viết thư cho Dickon cũng là một việc hệ trọng. Mary được dạy dỗ rất ít bởi vì các cô gia sư đều không ưa nó nên không ở lại với nó được lâu. Nhất là nó đánh vần không chuẩn, nhưng nó nhận thấy có thể viết được chữ in khi cố gắng. Đây là bức thư mà Martha đọc cho con bé viết.

Dickon thân mến!

Bức thư này gửi đến với hy vọng em cũng được khoẻ như chị lúc này. Cô Mary có rất nhiều tiền, vậy liệu em có thể sang bên Thwaite

mua giúp cô ấy một số hạt giống hoa và một bộ dụng cụ làm vườn để trồng một luống hoa được không. Hãy chọn những hạt giống hoa của những loài đẹp nhất và dễ nảy mầm, bởi vì cô ấy chưa làm việc đó bao giờ, và lại trước đó sống ở Ấn Độ là nơi khác hẳn đây. Cho chị gửi tình thương yêu tới mẹ và từng đứa trong các em. Cô chủ Mary đang kể cho chị nghe vô khối chuyện lạ, bởi thế vào ngày nghỉ ngơi của chị, các em sẽ được nghe về các chú voi, lạc đà và chuyện các quý ông đi săn hổ và sư tử.

Chị yêu quý các em,

Martha Phoebe Sowerby

- Chúng ta cho tiền vào phong bì rồi tôi đi tìm con trai người bán thịt nhờ cậu ta chuyển nó bằng xe ngựa. Cậu ta là bạn thân của thằng Dickon đấy, - Martha bảo.

- Làm cách nào tôi được đồ sau khi Dickon mua chúng? - Mary hỏi.

- Nó sẽ tự tay mang đến cho cô. Nó thích đi bộ như thế mà.

- Ôi, - Mary thốt lên, - rồi tôi sẽ được gặp cậu ấy! Tôi không thể ngờ lại gặp được Dickon.

- Thế ra cô muốn gặp nó? - Martha đột nhiên hỏi, nom chị hể hả ra mặt.

- Vâng. Tôi chưa bao giờ gặp một cậu bé nào mà đến cả lũ cáo, lũ quạ cũng quý mến. Tôi muốn trông thấy cậu ấy lắm lắm.

Martha hơi giật mình, như thể vừa chợt nhớ ra điều gì.

- Bây giờ mới sực nhớ, - chị buột miệng, - rằng tôi đã quên khuấy việc ấy; tôi định bụng sẽ kể cho cô điều đó trước tiên vào sáng nay. Tôi đã hỏi mẹ, bà bảo sẽ đích thân đến xin phép bà Medlock.

- Ý chị là... - Mary bắt đầu.

- Là việc tôi đã nói hôm thứ Ba vừa rồi. Tôi muốn hỏi bà xem liệu một hôm nào đó cô có thể thăm gian nhà gianh của chúng tôi và dùng thử một chút bánh yến mạch nóng hôi mẹ tôi làm, ăn cùng với bơ và sữa không.

Dường như tất cả những điều thú vị đều đến trong cùng một ngày. Thử tưởng tượng xem ta sắp được đến thăm túp lều gianh có mười hai đứa trẻ sống trong đó!

- Bà cho rằng bà Medlock bằng lòng để tôi đi à? - nó hỏi vẻ đầy lo lắng.

- Chà, mẹ tôi nghĩ bà ấy sẽ bằng lòng. Bà ấy biết mẹ tôi là một người phụ nữ ngăn nắp và luôn giữ cho nhà cửa được tinh tươm biết chừng nào.

- Nếu tôi được đi, tôi nên đến thăm mẹ chị cũng như Dickon, - Mary nói sau một hồi suy nghĩ và cảm thấy thích ý tưởng đó vô cùng. - Bà dường như chẳng giống bà mẹ nào ở Ấn Độ.

Việc làm lụng ngoài vườn và nổi phẩn chán buổi chiều rớt cuộc khiến nó đâm ra lặng lẽ trầm ngâm. Martha còn nán lại với nó cho tới bữa dùng trà, nhưng họ chỉ ngồi trong yên lặng với tâm trạng dễ chịu và nói chuyện rất ít. Nhưng ngay trước khi Martha xuống tầng dưới để lấy khay trà, Mary hỏi chị

một câu.

- Chị Martha, cô giúp việc ở phòng rửa bát hôm nay lại bị đau răng sao? Martha khẽ giật mình.

- Điều gì khiến cô hỏi thế?

- Bởi vì lúc đợi chị quay trở lại lâu quá, tôi bèn mở cửa bước ra hành lang để xem chị có quay lại không. Tôi lại nghe thấy tiếng than khóc vắng đến, hết như đêm nọ. Mà hôm nay thì làm gì có gió, chị thấy đấy, vậy nên đêm hôm nọ chẳng phải gió hú gì đâu.

- Ôi! – Martha nói với vẻ bồn chồn. – Cô tuyệt nhiên không được đi lang thang ngoài hành lang và nghe ngóng gì hết. Ông Craven chắc chắn sẽ nổi giận dùng đòn, chẳng ai biết rồi ông ấy sẽ làm gì.

- Nào tôi có nghe ngóng gì đâu, - Mary đáp. - Đang chờ chị thì tôi bỗng nghe thấy. Ba lần cả thấy.

- Tôi nói rồi đấy! Có tiếng chuông của bà Medlock kia, - Martha nói và gằn như chạy ra khỏi phòng.

Đúng là ngôi nhà kỳ dị nhất mà người ta đã từng sống, - Mary nói với vẻ uể oải khi nó ngả đầu xuống chiếc ghế bọc đệm gằn đó. Bầu không khí trong lành, việc rầy cỏ xới đất rồi cả nhảy dây khiến nó cảm thấy mệt mỏi một cách dễ chịu và chìm vào giấc ngủ.

Chương 10: Dickon

Ánh nắng chan hòa gần 1 tuần trên khu vườn bí mật. Khu vườn bí mật là cái tên Mary vẫn thầm gọi mỗi khi nghĩ về nơi đó. Con bé thích cái tên ấy lắm. Thích hơn nữa là cái cảm giác khi các bức tường cũ kỹ tuyệt đẹp vây kín nó bên trong khiến cho không ai còn biết nó đang ở đâu nữa. Điều đó giống như khi người ta được sống ở một xứ sở thần tiên nào đó, hoàn toàn tách biệt với thế gian này. Máy cuốn sách nó đã đọc và yêu thích đều là mấy cuốn truyện thần tiên, và nó được biết về những khu vườn bí mật qua một số truyện. Đôi khi người ta đến vườn để ngủ suốt cả trăm năm, là điều con bé cho rằng khá ngốc nghếch. Nó không hề có ý định chìm trong giấc ngủ, và thực tế, cứ mỗi ngày trôi qua ở Misselthwaite, nó càng nhận ra nhiều thứ. Nó bắt đầu thích sống ngoài trời; nó không còn căm ghét các ngọn gió lớn mà muốn tận hưởng chúng. Nó không những có thể chạy nhanh hơn, xa hơn mà còn có thể nhảy dây liên tục một trăm vòng. Các giống cây trong khu vườn bí mật chắc cũng phải kinh ngạc lắm. Phần đất quanh chúng được phát quang sạch sẽ, giúp cho chúng có chỗ để thở, và giá mà Mary biết được rằng dưới lớp đất đen thẫm kia, chúng đang hân hoan vui sướng và ra sức nảy nở

thì hay biết mấy.;

Ánh mặt trời ủa đến chỗ chúng, sưởi ấm cho chúng, và khi cơn mưa ào xuống thì nước mưa tìm đến chúng dễ dàng hơn, cho nên giờ đây chúng cảm nhận trong mình một sức sống tràn trề.

Mary vốn là một con bé cả quyết khác thường. Bây giờ lại có một điều thật thú vị để mà cả quyết nên nó mê mải vô cùng. Nó hì hục đào xới, đều đặn nhỏ cỏ dại, và thay vì trở nên chán nản thì càng ngày nó càng say mê công việc. Làm lụng đối với nó cũng giống như một trò chơi hấp dẫn. Nó phát hiện được thêm những chám xanh nhạt đang bắt đầu lộ ra, nhiều hơn nó từng hy vọng. Chúng nhú lên như thể có ở khắp mọi nơi. Ngày nọ nó cũng chắc mẫm vừa phát hiện ra những mầm cây mới, một số nhỏ li ti như mới chỉ lấp ló khỏi mặt đất. Chúng nhiều đến nỗi con bé chợt nhớ lại những gì Martha đã nói về “hàng ngàn hoa giọt tuyết”, về những thân củ đang lan tỏa khắp nơi và làm nảy nở thêm vô số thân củ mới. Suốt mười năm qua, chúng chẳng được ngó ngàng đến, và có lẽ chúng đã nảy nở thành hàng nghìn cây mới, như bọn hoa giọt tuyết. Con bé tự hỏi không biết còn bao lâu nữa chúng mới trở hoa. Thỉnh thoảng nó lại ngừng tay đào, đưa mắt ngắm nhìn khu vườn và cố tưởng tượng tới cái ngày nơi đây được bao trùm bởi hàng ngàn hàng vạn bông hoa.

Chính trong cái tuần lễ toàn những ngày nắng ấm ấy, con bé trở nên gần gũi với lão Ben Weatherstaff hơn. Mấy bận nó làm lão ngạc nhiên, khi bỗng dung xuất hiện cạnh lão như từ dưới đất chui lên. Quả thực con bé rất sợ lão sẽ vác dụng cụ bỏ đi khi thấy nó tới, vì thế nó luôn khẽ khàng tiến lại phía lão. Nhưng thực tình lão không còn “găng” với nó như hồi đầu. Có thể lão thậm cảm thấy hãnh diện trước mong ước coi lão như người bạn lớn tuổi của nó. Và nữa, giờ Mary cũng đã lễ độ hơn trước rồi. Lão đâu biết rằng lần đầu gặp lão, con bé nói năng với lão như thể với đám gia nhân người địa phương, chẳng cần hay rằng một lão già Yorkshire tráng kiện và cái kính có bao giờ lại quen cúi đầu trước ông chủ hay nhân nhục để người ta sai khiến công kia việc nọ.

Cô thật giống với con chim úc đỏ, - một buổi sáng lão nói với con bé khi vừa ngẩng đầu đã thấy nó đứng ngay bên cạnh. “Tôi chẳng bao giờ biết khi nào tôi sẽ thấy cô hay là cô từ phía nào đến”.

- Bây giờ nó là bạn tôi rồi, - Mary đáp.

- Nó là thế đấy. Kết bạn với phụ nữ thì cũng như đánh bạn với sự phù phiếm, đong đưa. Nó chẳng từ việc gì, chỉ cốt được khoe mẽ và ng hí ngoáy mấy cái lông đuôi. - lão Ben nói giọng gắt gỏng. - Nó lúc nào cũng ra vẻ hãnh diện lắm.

Lão hiếm khi nói nhiều, có lúc lão còn chẳng đáp lại những câu hỏi của Mary, ngoài mấy lời cầu nhàu. Nhưng sáng nay lão nhiều lời hơn thường lệ.

Lão đứng dậy, ghêch chiếc giày cao cổ tán toàn đỉnh đầu to lên cán mai trong khi nhìn con bé.

- Cô đã về đây được bao lâu rồi, - lão nói dần từng tiếng.

- Tôi nghĩ cũng phải được một tháng.

- Cô đang bắt đầu làm cho Misselthwaite được vẻ vang đấy, - lão nói. – Nom cô có da có thịt hơn trước, và không còn hay quát lác nữa. Hôm đầu bước vào khu vườn này trông cô khác nào con quạ non bị vặt trụi lông. Tôi thì bụng bảo dạ, rằng tôi không khi nào thèm để mắt tới mấy đứa trẻ ranh mặt mày cau có góc ghech.

Mary chẳng phải đứa tự phụ, nó vốn không quan tâm nhiều đến vẻ ngoài của mình, và nó cũng không lấy làm phiền lòng.

- Tôi biết tôi có béo lên. Mấy đôi tất tôi đi càng ngày càng chật, để lại cả nếp hằn trên da. Con chim ức đỏ kia, ông Ben Weatherstaff!

Quả nhiên là con chim ức đỏ. Con bé cho rằng chưa bao giờ trông nó đẹp mã đến vậy. Bộ lông ức đỏ rực của nó lóng lánh như sa tanh. Nó vỗ cánh, xòe đuôi, nghiêng ngó cái đầu và nhảy nhót với tất cả vẻ duyên dáng sinh động. Có vẻ nó quyết tâm làm ông lão Ben Weatherstaff phải thán phục. Nhưng lão chỉ châm chọc nó.

- Ủi cha, ra là máy đấy! – Lão bảo. – Thịnh thoảng mày hãy gắng chịu đựng tao tí chút, nhất là khi mày không kiếm được ai tốt hơn để bầu bạn. Chỉ mới hai tuần thôi mà cái áo chèn của mày đã thấm hằn lên, rồi lông tóc cũng óng ả ra trò. Tao biết mày đang định làm gì rồi. Mày đang theo đuôi một cô ả tảo tợn đâu đó quanh đây và xạo rằng mày là con ức đỏ trông đẹp nhất trên đồng hoang Missel này và đang sẵn lòng chằng nhau với tất cả những con trống khác nữa kia.

- Ôi! Nhìn nó kia! – Mary thốt lên

Con chim ức đỏ rõ ràng đang cao hứng. Nó nhảy lại gần hơn, gần hơn nữa và ngược nhìn lão Ben Weatherstaff với vẻ mỗi lúc một háo hức. Rồi nó bay vụt lên bụi cây lý chua gần đó, ghé ngoáy cái đầu rồi cất tiếng khe khẽ hót ngay cạnh lão.

- Mày nghĩ mày sẽ gạt được tao bằng cái trò đấy sao? – Lão Ben nói, làm bộ nhăn mặt khiến Mary chắc mẫm lão đang cố tỏ ra không hài lòng. – Mày nghĩ không một ai có thể cự nự mày đúng không? Mày đang nghĩ thế chứ gì?

Con chim ức đỏ giang rộng đôi cánh. Mary khó có thể tin vào mắt mình. Nó liệng mình phía trên cán mai của lão Ben Weatherstaff rồi đậu xuống đầu cán. Khuôn mặt nhăn nhó già nua của lão từ từ giãn ra. Lão đứng lặng người, dường như không dám thở nữa, như thể lão không dám làm kinh động, sợ rằng chim ức đỏ của lão sẽ bay đi mất. Lão nó gần như thì thầm.

- Chà, tao thật tệ! – Lão nói dịu dàng như thể đang nói về một chuyện hoàn toàn khác. – Mày hiểu để kiếm được một người bạn thì phải thế nào chứ, phải không! Mày thật phi thường, nên mày mới hiểu.

Nói đoạn lão đứng lặng không nhúc nhích, hầu như không cả thở, cho tới khi con chim vỗ cánh bay đi. Lão đứng đó ngắm nghĩa cán mai, nghĩ rằng chắc hẳn phải có phép lạ nào trong đó, rồi mới lại bắt tay vào xới đất và không nói gì trong mấy phút liền.

Bởi vì chốc chốc lão lại điềm đạm nở một nụ cười rạng rỡ nên Mary không ngại bắt chuyện tiếp với lão.

- Ông có một khu vườn riêng nào không? – Nó hỏi

- Không. Tôi là người độc thân, ở cùng với Martin ngay túp lều ngoài công Trang viên.

- Nếu ông có một khu vườn, ông sẽ trồng cây gì?

- Cải bắp, cần tây và hành củ.

- Nhưng nếu ông muốn tạo ra một vườn hoa thì ông sẽ trồng cây gì, - Mary khăng khăng hỏi gặng.

- Các loại củ và các loại cây có hương thơm ngào ngạt, nhưng nhiều nhất phải là hồng.

Cả gương mặt Mary bừng sáng.

- Ông cũng thích hoa hồng sao?

Lão Ben Weatherstaff cúi nhặt một cọng cỏ, vứt nó sang một bên, trước khi trả lời.

- Ô, thích chứ. Tôi đã học được điều đó từ một phu nhân trẻ mà tôi từng là người làm vườn cho bà. Bà có một khoảnh vườn ở nơi mà bà yêu thích nhất, và bà yêu thương cây cối như thể chúng là những đứa trẻ, hay như những con chim ước đồ vậy. Tôi đã từng tận mắt thấy bà cúi xuống mà hôn chúng. – Lão nhổ những nhánh cỏ dại khác, nhìn chúng về cái kính. – Cũng phải mười năm về trước rồi.

- Bây giờ bà ấy ở đâu? – Mary hỏi, vẻ quan tâm.

- Trên trời, - lão vừa đáp, vừa xắn mạnh lưỡi mai sâu xuống đất, - như người ta vẫn nói.

- Còn những bông hồng? – Mary nhắc lại, nó tỏ ra quan tâm hơn bao giờ hết.

- Chúng bị bỏ mặc hoàn toàn.

Mary trở nên kích động ghê gớm.

Chúng chết sạch rồi sao? Chẳng lẽ các khóm hồng đều chết sạch khi bị người ta bỏ mặc? – Con bé đánh bạo hỏi.

- Chà, tôi đã yêu chúng xiết bao, mà tôi cũng quý bà ấy nữa, còn bà ấy thì yêu chúng vô cùng, - lão Ben miễn cưỡng thú nhận. – Mỗi năm một hai lần tôi lại đến đó chăm sóc chúng tí chút. Tỉa, xén, sửa sang cho chúng, và cũng phải tróc bớt rễ đi nữa. Chúng sống hoang dại, nhưng vì mọc trên đất tốt nên một số trong đó vẫn sống.

- Còn khi chúng đã rụng sạch lá, cành xám nâu khô úa, ông có thể nói liệu chúng đã chết rồi hay còn sống? – Con bé ra sức cật vấn.

- Hãy đợi đến lúc xuân sang, hãy đợi tới khi có nắng chiều giữa cơn mưa và mưa rơi vào mùa nắng, bây giờ cô sẽ nhận ra.

- Thế nào, thế nào kia? – Mary kêu lên, quên mất là phải thận trọng.

- Cứ nhìn khắp các nhánh này thì rõ ngay, và nếu cô chịu nhìn kỹ một chút vào cái bướu nâu sậm đang phình lên ở đây và kia nữa, sau cơn mưa ẩm áp cô sẽ nhìn thấy điều gì đang xảy ra. – Lão đột ngột dừng lại và liếc nhìn về đây ngờ vực lên khuôn mặt háo hức của con bé. – Tại sao cô bỗng chốc lại quan tâm đến những cây hồng như vậy? – Lão gặng hỏi.

Cô chủ Mary cảm thấy mặt mũi đỏ bừng. Nó rất sợ phải trả lời.

- Tôi ... tôi muốn thử xem ... tôi có thể có một khu vườn riêng được không ... - con bé lắp bắp. – Tôi... chẳng có gì để làm cả. Tôi chẳng có gì, cũng không có một ai.

- Chà, chà... - lão Ben chậm rãi nói khi nhìn con bé. Đó là sự thật. Cô chẳng có gì cả.

Lão nói câu ấy với một vẻ kỳ quặc đến nỗi Mary tự nhủ có lẽ lão cũng có đôi chút xót thương đối với nó. Con bé chưa bao giờ cảm thấy thương xót hay ngậm ngùi cho bản thân ; nó chỉ thấy mệt mỏi và bức bối, bởi vì nó vô cùng chán ghét cả con người lẫn cảnh vật. Nhưng cái thế giới này đây dường như đang thay đổi và trở nên thú vị hơn. Nếu không một ai phát hiện ra khu vườn bí mật ấy thì nó sẽ được một mình tận hưởng mãi mãi.

Con bé nán lại chỗ lão chừng mười mười lăm phút nữa, chỉ hỏi lão vài câu trong chừng mực nó dám hỏi. Lão đáp lời nó từng câu một với cái vẻ cộc cằn kỳ quặc của lão, không có vẻ bức bối hay lại xách mai lên bỏ mặc nó. Vào lúc Mary sắp sửa ra về, lão nói thêm vài điều về những khóm hồng, khiến nó nhớ tới những gì mà lão bảo lão yêu quý.

- Bây giờ bác có thể đến thăm những khóm hồng đó không ? – Con bé hỏi.

- Không phải năm nay. Bệnh thấp khớp khiến các khớp xương của tôi trở nên cứng ngắt.

Lão càu nhàu nói, và rồi bắt chợt đâm nỗi căm với con bé, mặc cho nó không hiểu nguyên do tại sao.

- Trông đây này ! – Lão nói một cách gay gắt. – Cô đừng có hỏi lắm nữa ! Cô là cô nàng tệ nhất trong những trò lục vắn mà tôi từng gặp đấy. Cô kiếm chỗ nào khác mà chơi đi. Hôm nay tôi nói thế đủ rồi.

Lão nói câu ấy bức tức đến độ con bé hiểu ngay rằng không thể nán lại thêm phút nào nữa. Nó bèn nhảy chầm chầm xuống lại thêm phút nào nữa. Nó bèn nhảy chầm chầm xuống lối đi dạo, luẩn quẩn nghĩ ngợi về lão, trong bụng lại thầm nghĩ chuyện vừa rồi mới kỳ quặc làm sao: lại có thêm một người nữa mà nó thấy quý mến, bất kể cái tính cáu bẳn của lão. Nó quý lão Ben Weatherstaff. Phải, nó đã thấy quý mến lão. Nó lúc nào cũng muốn lão chuyện trò cùng nó, và bắt đầu tin rằng lão biết đủ mọi chuyện trên đời về

các loài hoa.

Có một lối đi dạo có hàng nguyệt quế lượn vòng quanh khu vườn bí mật và dừng lại trước một cái cổng, từ đây dẫn thẳng ra rừng cây trong công viên. Con bé đang tính chuyện nhảy dây vòng quanh lối đó và nhìn vào rừng cây để xem có thấy con thỏ nào đang nhảy quanh đây không. Nó khoái trò nhảy dây này vô cùng, và khi vừa tới bên cánh cổng nhỏ, chợt nghe thấy một tiếng sáo trầm trầm kỳ lạ nó mở cửa ra rồi đi thẳng vào trong. Nó muốn tìm hiểu xem đó là tiếng gì.

Đó quả là một điều lạ. Con bé nín thở khi ngừng lại trước cảnh tượng đó. Một thằng bé đang ngồi tựa lưng vào gốc cây, thổi sáo gỗ đơn sơ của nó. Thằng bé nom khá ngộ nghĩnh, tuổi khoảng mười hai, trông rất sạch sẽ, với cái mũi hếch và đôi mắt đỏ ửng như đóa hoa anh túc. Cô chủ nhỏ Mary chưa bao giờ bắt gặp đôi mắt nào trong xanh và to tròn đến thế trên gương mặt bất kỳ thằng con trai nào. Một con sóc nâu đang bầu vào thân cây thằng bé đang tựa vào và ngược nhìn nó, và từ sau bụi cây gần đây là con gà lôi đực đang vươn cổ ra một cách duyên dáng mà kêu líu ríu, rồi ngay bên cạnh nó, đôi thỏ đang ngồi trên hai chân sau nhú nhú cánh mũi phập phồng – như thể tất cả bọn chúng đang xúm lại để nhìn ngắm thằng bé và lắng nghe âm thanh trầm trầm, kì lạ phát ra từ cây sáo.

Vừa nhìn thấy Mary, thằng bé liền ngừng lại và nói với cô bằng một giọng khê khàng, giống như tiếng sáo của nó.

- Cô đừng cử động, - nó bảo, - kéo chúng sợ.

Mary vẫn đứng im phắc. Thằng bé ngừng thổi và đứng dậy. Nó đi chuyển chậm đến nỗi khó mà nhận ra được nó đang chuyển động, cuối cùng nó dừng lại, bấy giờ con sóc nâu mới vội lủi vào nắp sau đám cành lá của cái cây nó leo khi nãy, con gà lôi vội rụt cổ lại, đôi thỏ thì hạ hai chân trước xuống và nháy đi chỗ khác, mặc dù chúng chẳng tỏ vẻ gì sợ hãi.

- Tôi là Dickon. – Thằng bé nói. – Tôi biết cô là Cô chủ Mary.

Bấy giờ Mary mới nhận ra, không rõ bằng cách nào; thoạt nhìn nó cũng đoán ra đó là Dickon. Thì còn ai khác có thể thôi miên những con thỏ dễ thương cùng con gà lôi ấy nữa, giống như người bản xứ Ấn độ mê hoặc những con rắn của họ? Thằng bé có cái miệng rộng, đôi môi đỏ hơi cong cong, còn nụ cười thì như bùng lên trên gương mặt.

Tôi phải đứng dậy từ từ, - thằng Dickon giải thích, - bởi nếu cử động mạnh thì chúng sẽ giật mình. Người ta phải đi nhẹ nói khê khi có động vật hoang dã xung quanh mình.

Dickon không nói chuyện như thể hai đứa chưa hề gặp nhau, mà như thể nó đã biết khá rõ về con bé. Mary thì chẳng biết gì về bọn con trai, nó nói với thằng Dickon kia với giọng không được thân mật cho lắm bởi nó cảm thấy hơi xấu hổ.

- Anh đã nhận được bức thư của chị Martha chưa? – Nó hỏi

Thằng bé gật cái đầu có mái tóc quăn màu nâu nhạt.

- Vì vậy tôi mới tới đây.

Dickon cúi xuống nhặt mấy thứ vẫn đặt trên mặt đất trong lúc thời sáo.

- Tôi đã kiếm được dụng cụ làm vườn. Đây là mai nhỏ, cào, xiên và cuốc. Hi, chúng đều là thứ tốt cả. Lại thêm một cái xẻng búng cây nữa chứ. Người phụ nữ trong cửa hàng còn cho thêm một gói hạt hoa anh túc trắng và một gói la lét xanh khi tôi mua các loại hạt giống khác.

- Anh cho tôi xem chỗ hạt giống ấy chứ? – Mary bảo.

Con bé ao ước có thể nói năng như thằng Dickon. Lời lẽ của thằng bé vừa nhanh vừa thoải mái. Âm điệu của giọng nói cho thấy nó quý mến Mary và không mấy may ngại rằng con bé không quý lại nó, dù nó chỉ là một cậu bé nhà nghèo tầm thường nơi cánh đồng hoang, trong bộ quần áo vá vúi, với gương mặt ngộ nghĩnh và mái tóc hung bù xù. Tiến lại gần Dickon, con bé nhận ra mùi thơm tươi mát và thanh khiết của thạch thảo, của cỏ và lá tỏa ra từ thân thể nó, như thể nó bước ra từ hoa cỏ vậy. Mary thích mùi hương ấy lắm, nên khi ngược nhìn khuôn mặt ngộ ngộ có đôi má ửng hồng và đôi mắt xanh to của thằng bé thì nó quên khuấy đi cơn xấu hổ ban nãy của nó.

- Ta hãy ngồi xuống khúc cây đổ này ma xem đi, - con bé nói.

Hai đứa ngồi xuống, thằng bé lấy từ túi áo khoác ra một bọc giấy nhỏ màu nâu được gói vụng về. Nó cởi dây buộc, và bên trong là vô số những gói nhỏ gọn gàng hơn, mỗi gói đều có hình một bông hoa.

Có vô khối lưu ly, anh túc và thạch thảo. Thạch thảo có mùi thơm ngọt ngào dễ chịu nhất, chúng có thể mọc ở bất cứ nơi nào cô muốn trồng. Hoa anh túc cũng vậy. Chúng sẽ chóng mọc và đơm hoa nếu cô chịu khó huýt sáo thúc dục chúng. Chúng là thứ đẹp nhất trong các loài hoa.

Dickon ngừng lại, ngoái nhanh về phía sau, khuôn mặt có đôi má đot như hoa anh túc của nó bừng sáng lên.

- Đâu đây như có con chim ước đồ đang gọi chúng ta ấy nhỉ? – Thằng bé nói.

Tiếng hót vọng ra từ một bụi cây ô rô rậm rạp, Mary thừa biết là tiếng hót của ai.

- Nó đang gọi chúng ta thật sao? – Con bé hỏi.

- Ừ, - Dickon đáp như thể đó là điều tự nhiên nhất đời, - nó chỉ gọi những ai mà nó kết bạn thôi. Tiếng hót ấy như muốn nói: “Tôi đây. Nhìn tôi này. Tôi muốn chuyện gẫu một tí”. Kia nó đang ở trong bụi cây. Nó là của ai đấy?

- Của ông Ben Weatherstaff, nhưng tôi cho rằng nó cũng biết về tôi một chút. – Mary đáp.

- Ấy, nó biết cô đấy chứ, - Dickon đáp, giọng khẽ khàng, - nó cũng mến cô nữa. Nó đã nhận ra cô. Chỉ ít phút nữa nó sẽ kể tôi nghe tất cả về cô.

Thằng bé tiến sát tới bụi cây với những cử động chậm rãi mà Mary đã

thấy lúc trước, rồi Dickon phát ra một âm thanh gần như tiếng hót của chim. Con chim lắng nghe chăm chú mấy giây, nó đáp lại như thể muốn trả lời một câu hỏi.

- Đó, nó bảo nó là bạn cô. - Dickon cười khẽ.

- Anh nghĩ thế sao? - Mary kêu lên náo nức. Con bé muốn biết thật tường tận. - Anh cho rằng nó thực sự thích tôi?

- Nó sẽ không tới gần cô nếu nó không muốn. - Dickon đáp. - Chim chóc là loài kỹ tính hiếm có, và một con ỨC ĐỎ có thể coi thường một người còn hơn cả con người. Nhìn kia, giờ thì nó đang nhìn cô đấy. Nó bảo: “Cô không thể ngắm gã này một lát sao?”

Và điều đó gần như là sự thực. Con chim ỨC ĐỎ rón rén, kêu líu ríu và ngo nguậy cái cổ trong khi nhảy lên nhảy xuống trên bụi cây của nó.

- Anh hiểu được mọi điều loài chim nói à? - Mary hỏi.

Dickon ngoác đôi môi cong và đỏ của nó ra cười hết cỡ, rồi xoa mái đầu bù xù của mình.

- Tôi nghĩ rằng tôi hiểu, và chúng nghĩ rằng tôi hiểu chúng. Tôi đã sống trên đồng hoang với chúng bao năm nay. Tôi đã nhìn chúng mổ vỡ trứng mà chui ra, cho đến khi đủ lông đủ cánh, học bay học hót, cho tới ngày tôi có cảm tưởng mình là một con trong bọn chúng. Có lúc tôi nghĩ biết đâu mình cũng là một con chim trời, một con cáo, một con thỏ hay một con sóc, thậm chí một con bọ cánh cứng. Tôi không rõ có phải vậy không.

Thằng bé cười phá lên, bước về chỗ thân cây đổ và lại nói chuyện về hạt giống của các loài hoa. Nó giảng giải cho Mary cách gieo trồng, quan sát và cả cách chăm sóc, tưới tắm cho chúng.

- Đây nhé, - đột nhiên nó bảo và ngoái sang nhìn Mary, - tự tay tôi sẽ trồng chúng cho cô xem. Vườn của cô ở đâu?

Đôi bàn tay mảnh dẻ của Mary đan siết vào nhau, đặt trên lòng nó. Nó không biết phải nói thế nào, vì thế cả một phút trôi qua mà nó chẳng nói gì hết. Nó chưa bao giờ ngờ tới chuyện này. Nó cảm thấy mình thật khốn khổ. Mặt nó hết đỏ bừng lên rồi lại tái đi.

- Cô có mảnh vườn nhỏ, phải không? - Dickon nói.

Quả thực mặt nó đang đỏ lại tái ngắt. Dickon nhận ra điều đó. Khi nó vẫn không nói gì thì thằng bé bắt đầu thấy bối rối.

- Chẳng lẽ họ không dành đất cho cô, dù chỉ một mảnh nhỏ thôi sao? - Thằng bé hỏi. - Cô không có khoảnh vườn nào à?

Nó siết chặt hai bàn tay hơn trước, ngược nhìn Dickon.

- Tôi chẳng biết gì về đám con trai. - Con bé nói chậm rãi. - Anh có thể giữ kín bí mật không, nếu tôi kể cho anh một câu chuyện? Đây là cả một bí mật lớn. Tôi không biết phải làm gì nếu ai đó phát hiện ra nó. Tôi nghĩ tôi sẽ chết mất! - Con bé nói câu cuối với vẻ vô cùng dữ dội.

Dickon trông càng bối rối hơn bao giờ hết, đưa tay lên vò vò cái đầu bù

xù và rồi nó đáp lại một cách vui vẻ.

- Tôi xin thề sẽ giữ bí mật mãi mãi. Nếu tôi không giữ bí mật khỏi “bọn nhóc”, bí mật về các hang cáo, tổ chim và hang ổ của các loài thú hoang thì còn gì là an toàn ngoài cánh đồng hoang. Đó, tôi có thể giữ bí mật được mà.

Cô chủ Mary không có ý đưa tay ra nắm tay áo thằng bé, thế nhưng nó đã làm điều đó.

- Tôi đã đánh cắp cả một khu vườn, - con bé nói nhanh. - Nó không phải của tôi. Nó cũng chẳng phải của ai. Không một ai muốn có nó, chẳng người nào chăm sóc cho nó, chưa từng có người nào bước vào trong đó. Mà có lẽ mọi thứ trong ấy đều tàn lụi cả rồi; tôi không biết nữa.

Con bé bắt đầu nóng mặt và trở nên ương ngạnh như nó vẫn từng như vậy trong đời.

- Tôi không cần biết, tôi không cần biết! Không ai có quyền tước đoạt nó khỏi tôi, chừng nào tôi còn quan tâm tới nó thì họ không được phép. Họ đang bỏ mặc cho nó chết và khóa kín nó lại. - Và nó ngừng lại về đầy xúc cảm, đưa hai bàn tay bưng mặt và khóc nức nở. Thật tội nghiệp cho Cô chủ Mary bé bỏng.

Đôi mắt xanh trong tò mò của Dickon mỗi lúc một tròn xoe.

- Ôi... ôi... ôi! - Nó kêu lên, kéo dài sự kinh ngạc của mình, nó biểu lộ nỗi ngạc nhiên pha lẫn cảm thông.

- Tôi không có việc gì để làm, - Mary nói. - Không có gì là của tôi cả. Chính tôi đã tìm ra nó và chính tôi lọt được vào trong đó. Tôi thì cũng chỉ như con chim úc đỏ, và họ không thể tước đoạt khu vườn khỏi con chim ấy.

- Khu vườn ở đâu? - Dickon dịu giọng hỏi.

Cô chủ Mary lập tức đứng bật dậy khỏi thân cây đỗ. Nó biết nó lại tỏ ra ương ngạnh và khó lay chuyển nổi, nhưng nó chẳng bận tâm. Con bé vừa ngạo mạn theo cái kiểu của nó hồi ở Ấn Độ, vừa nóng nảy vừa rầu rĩ.

- Đi theo tôi, tôi sẽ chỉ cho anh.

Nó dẫn thằng bé vòng theo con đường mòn trông nguyệt quế rồi đặt chân lên loois đi dạo nơi có đám thường xuân đang mọc ken dày. Dickon bước theo nó với vẻ mặt vừa kinh ngạc, vừa thương tình. Nó cảm thấy như đang được đưa tới xem tổ một loài chim lạ và buộc phải đi thật khẽ. Tới khi con bé dừng bước trước bức tường, đưa tay vén các nhánh thường xuân đang đung đưa sang bên thì nó giật nảy mình. Đằng sau đó là một cánh cửa, Mary đẩy cho cửa từ từ mở ra, hai đứa cùng bước vào trong và rồi Mary ngừng lại, khoát tay về ngang ngạch.

- Nó đây, - con bé nói, - khu vườn bí mật ấy đây, và tôi là người duy nhất trên đời muốn nó sống lại.

Dickon đưa mắt ngắm quanh khu vườn, ngoảnh đầu nhìn hết lần này tới lượt khác.

- Ấy! - Thằng bé nói gần như thì thầm. - Đây quả là một chốn lạ lùng,

xinh đẹp. Như một người đẹp đang say giấc mộng.

Chương 11: Chiếc tổ chim hét

Trong khoảng hai ba phút, thằng bé cứ đứng nhìn quanh, còn Mary thì nhìn nó. Rồi Dickon bắt đầu bước thật nhẹ nhàng, nhẹ nhàng hơn cả Mary vào cái lần đầu tiên ở trong bốn bức tường. Đôi mắt thằng bé dường như gắn chặt lấy mọi thứ - đám cây cối xám màu có dây leo xám xịt quấn quýt khắp thân mình và lò xò rủ xuống từ trên cành, mở cành rồi bám trên tường rồi lan xuống cỏ, những góc vườn có thừng xuân mọc, cùng các ghế đá và chậu hoa cao cao ở giữa.

- Tôi không bao giờ nghĩ mình lại thấy một chỗ như thế này, - cuối cùng thằng bé thì thào bảo.

- Anh có nghe nói gì về nơi này không? - Mary hỏi.

Con bé nói khá to nên Dickon phải ra hiệu cho nó.

- Chúng ta nói khẽ thôi, - thằng bé bảo, - nhớ có người nghe thấy lại rắc mắt mình đang làm gì ở đây.

- Ô, tôi quên mất! - Mary bảo, nó chợt thấy lo sợ và vội đưa tay lên bịt miệng. - Anh có biết gì về khu vườn này không? - Nó hỏi lại khi đã trấn tĩnh.

Dickon gật đầu.

- Chị Martha bảo với tôi rằng có một nơi mà chưa từng có ai vào được bên trong. Chúng tôi thường tự hỏi không hiểu nơi đó thế nào.

Dickon ngừng lại, nhìn một lượt đám dây leo màu xám quanh vườn, đôi mắt to của nó ánh lên vẻ hạnh phúc lạ lùng.

- Chà, khi xuân sang thì quanh đây sẽ đầy ắp tổ chim, - thằng bé bảo. - Đây là chốn làm tổ an toàn nhất trên nước Anh này. Chẳng có loài nào chưa từng tới gần đám dây leo và bụi hồng kia làm tổ. Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao tất cả các loài chim trên cánh đồng hoang lại không làm tổ ở đây.

Cô chủ Mary lần nữa bất giác đặt tay lên cánh tay nó.

- Chúng có nở thành những bông hồng không, - con bé thì thào. - Anh có thể cho tôi hay chứ? Tôi cho rằng có lẽ chúng đã chết cả rồi.

- Ấy! Không đâu! Chúng không chết. Chẳng có cây nào chết cả! - Dickon đáp. - Cô trông đây!

Thằng bé dẫn bước tới cái cây gần nhất - một cái cây nom già cỗi, trên thân bám đầy địa y màu xám và từ trên ngọn rủ xuống cả một bức màn được kết bởi những nhánh dây leo. Nó lấy từ túi quần ra một con dao dày và mở một lưỡi dao.

- Có quá nhiều cành chết cần cắt bỏ, - Dickon nói, - cùng với khá nhiều bụi cây già nữa. Nhưng năm vừa rồi chúng cũng đâm ra được một số cành mới. Đây là một cành mới, - nó chạm tay vào một cành cây màu xanh xám thay vì màu nâu khô khốc.

Mary cũng tự tay chạm vào cành cây với vẻ háo hức, long trọng.

- Cành này sao? – Con bé nói. – Có phải cành này vẫn hoàn toàn sống?

Dickon toét miệng cười.

- Nó còn sống mệt nghỉ như cô và tôi vậy, - thằng bé nói; và Mary vẫn còn nhớ Martha bảo nó rằng “sống mệt nghỉ” có nghĩa là “vẫn sống” hoặc “đầy sức sống”.

- Tôi lấy làm mừng vì nó còn sống mệt nghỉ! – Con bé kêu lên khe khẽ. – Tôi muốn bọn chúng cứ sống mệt nghỉ. Bây giờ chúng ta thử đi vòng quanh vườn này và đếm xem bao nhiêu cây còn sống đi.

Con bé thở hắt hắt vì háo hức, Dickon cũng phấn khích chẳng kém gì nó. Chúng đi hết cây này sang cây khác, bụi này sang bụi khác. Dickon cầm sẵn con dao trong tay và chỉ cho Mary những thứ mà con bé cho rằng vô cùng tuyệt vời.

- Chúng sống hoang dại, nhưng những cây khỏe thì vô cùng phát triển. Cây nào yếu thì tàn lụi, nhưng bọn còn lại cứ thế mà lớn lên và vươn xa đến độ làm ta phải kinh ngạc. Nhìn này! – Dickon kéo xuống một cành cây xám nâu khô khốc. – Có thể người ta bảo đây là cành chết, nhưng tôi không nghĩ vậy. Nhìn xuống gốc này, tôi sẽ rạch thử xem.

Nó quỳ xuống, dùng dao cắt ngọt qua một nhánh cây khô tưởng như không còn sự sống, chỗ không xa mặt đất là mấy.

- Đó, thấy chưa! – Nó nói, vẻ mặt phấn khởi. – Tôi đã bảo cô mà. Có màu xanh bên trong thân gỗ. Cô nhìn vào đây này.

Mary đã quỳ trên hai đầu gối trước khi Dickon bảo, căng mắt ra nhìn.

- Chừng nào còn chút màu xanh và nhựa ứa ra thế này thì còn sống mệt nghỉ, - thằng bé giải thích. – Còn khi nào bên trong khô đét và dễ dàng bẻ gãy được như cái cành tôi vừa bẻ đây thì gay rồi. Nhìn bộ rể này là ta biết cây còn phát triển, - nó ngừng nói, ngẩng mặt nhìn những nhánh cây đang đung đưa trên đầu, - vào mùa hè nơi đây sẽ là cả một đài phun nước kết bằng hoa hồng.

Chúng tiếp tục đi từ bụi này sang bụi khác, từ cây này sang cây khác. Thằng bé tỏ ra mạnh mẽ và linh lợi với con dao trong tay, nó biết cách cắt bỏ đi những cành khô nhánh chết, và có thể chỉ cho Mary rõ cành nào tưởng chừng chẳng mấy hy vọng mà vẫn còn sự sống xanh rờn bên trong. Mới chưa đầy nửa giờ mà Mary thấy chính nó cũng tự biết được điều đó. Mỗi khi Dickon cắt ngang một nhánh cây trông như đã chết, nó lại cố kìm một tiếng kêu vui sướng khi bắt gặp dấu hiệu nhỏ nhoi thoáng qua của màu xanh ẩm ướt. Mai, cuốc và chĩa tỏ ra rất có ích. Dickon chỉ cho con bé cách dùng chĩa, trong khi nó dùng mai để xén bớt rể cây và xới đất cho thoáng khí.

Hai đũa miệt mài cắt tỉa quanh một trong những khóm hồng thường lớn nhất, bỗng Dickon nhìn thấy vật gì đó khiến nó kinh ngạc thốt lên.

- Tại sao thế nhỉ! – Thằng bé kêu khẽ và đưa tay chỉ vào vật cỏ cách đó

vài bước chân – Ai đã làm việc ấy?

Thì ra đó là một trong mấy khoảng đất quanh những chầm xanh đã được Mary dọn quang.

- Tôi làm đây. – Mary bảo.

- Sao, tôi cứ ngỡ cô không biết gì việc làm vườn cơ mà, - Dickon kêu lên.

- Tôi không biết, - Mary đáp, - nhưng chúng thì bé tẹo tẹo, mà cỏ dại thì dày đặc và mọc khỏe quá, tưởng chừng chúng không còn chỗ để thở nữa. Bởi thế tôi dọn chỗ cho chúng. Tôi thậm chí cũng không biết chúng là giống cây gì nữa.

- Dickon bước tời quỳ xuống bên đám mầm cây, rộng miệng cười

- Cô hoàn toàn đúng, - thằng bé bảo. – Một người làm vườn cũng không thể nói đúng hơn cô. Giờ đây chúng sẽ mọc nhanh như thổi. Toàn là nghệ tây, hoa giọt tuyết. Còn đây là thủy tiên, - quay sang khoảnh đất nhỏ khác, nó bảo – và kia là thủy tiên hoa vàng. Hãy chúng đều đã nhú lên rồi!

Thằng bé chạy từ khoảnh đất đã dọn sạch này sang khoảnh đất khác.

- Cô làm được hàng núi công việc, thật chẳng kém gì một cô gái trưởng thành, - thằng Dickon vừa nói, vừa đưa mắt nhìn Mary từ đầu đến chân.

- Tôi đang béo lên, - Mary bảo – và cũng thấy khỏe lên. Tôi vốn hay mệt mỏi, vậy mà khi đào xới thì chẳng thấy mệt gì hết. Tôi thích được ngửi mùi đất mới lật lên.

- Điều đó có lợi cho cô đấy, - vừa nói, Dickon vừa gật gù ra vẻ hiểu biết.

– Đó là mùi của đất sạch, và còn mùi của cây cối đang đâm chồi nảy lộc sau khi được tưới tắm dưới những trận mưa nữa. Nhiều bận đang lang thang trên cánh đồng hoang thì cơn mưa ập xuống, tôi liền nằm trú dưới một bụi cây, lắng nghe tiếng mưa rơi rả rích trên lá thạch thảo và cứ hít hà mãi. Mẹ tôi thường bảo cái mũi của tôi lúc nào cũng run run chẳng khác nào mũi một con chó.

- Anh không bao giờ bị cảm lạnh à? – Mary hỏi, chăm chăm nhìn thằng bé với vẻ hết sức ngạc nhiên. Con bé chưa từng gặp một đứa con trai nào lại ngộ nghĩnh và cũng dễ thương đến thế.

- Chưa, - Dickon nhe răng cười. – Tôi chưa bao giờ bị cảm lạnh từ khi ra đời, dù tôi chẳng được nuôi dưỡng đầy đủ. Tôi chạy băng băng trên khắp cánh đồng hoang, trong mọi thời tiết, như là bọn thỏ vậy. Mẹ bảo tôi đã hít quá nhiều không khí trong lành trong suốt mười hai năm qua nên một chút khí lạnh cũng chẳng thể làm tôi khụt khịt nổi. Tôi dẻo dai như một sợi dây kết bằng đay trắng.

Thằng bé vẫn làm việc không ngơi tay trong lúc trò chuyện, còn Mary lẻo đẻo theo sau và giúp Dickon khi thì bằng chiếc chĩa ba, khi thì bằng xẻng của nó.

- Còn rất nhiều việc phải làm ở đây!- Dickon nói và nhìn quan, vẻ hân

hoan.

- Liệu anh có quay lại cùng làm giúp tôi không? – Mary khẩn khoản – Tôi dám chắc tôi có thể giúp anh. Tôi có thể xới đất, nhặt cỏ và làm bất kỳ việc gì anh bảo. Ôi! Hãy đến nhé, Dickon!

- Tôi sẽ đến đây hàng ngày, nếu cô muốn, dù mưa hay nắng. – Dickon đáp lại chắc nịch.

- Đây quả là chuyện vui nhất mà tôi từng có trong đời: bị nhốt lại đây và đánh thức cả một khu vườn.

- Nếu anh tới, - Mary nói, - nếu anh giúp tôi làm cho nó sống lại thì tôi sẽ ... tôi quả không biết sẽ phải làm gì nữa! - Con bé dừng lại một cách tuyệt vọng. Bạn có thể làm gì nữa với một cậu bé như vậy?

- Tôi sẽ bảo cho cô những việc cô phải làm, - Dickon đáp, nhe răng cười vui vẻ. – Rồi cô sẽ béo tốt lên, sẽ thấy đói ngấu nghiêng như một con cáo non, và rồi cô sẽ học được cách nói chuyện với chim ứ đỏ chẳng kém gì tôi. Ôi! Chúng ta sẽ có biết bao trò vui.

Thằng bé bắt đầu đi loăng quăng, hết ngược trông các ngọn cây lại nhìn những bức tường và khóm cây với vẻ suy nghĩ.

- Tôi không muốn biến nó thành như vườn của người làm vườn, chỗ nào cũng được xén tỉa gọn ghẽ ngăn nắp, thế còn cô? – nó nói. – Cứ như thế này có khi lại đẹp, cứ để các cành các nhánh bò lan hoang dại, đu đưa rồi xoắn quện lấy nhau.

- Đừng làm chúng ngăn nắp quá, - Mary nói vẻ lo âu. – Nếu chúng ngay ngắn đâu ra đấy thì còn gì là một khu vườn bí mật.

Dickon đứng vò vò mái tóc nâu bù xù của nó, nom khá bối rối.

- Cứ như thế này trông cũng đủ là một khu vườn bí mật rồi, - nó bảo, - nhưng hình như ngoài con chim ứ đỏ ra, phải còn ai nữa sống ở đây kể từ ngày nó bị đóng kín cách đây mười năm.

- Nhưng cánh cửa thì bị khóa, còn chìa thì bị vùi kỹ, - Mary bảo. – Không ai có thể vào trong được.

- Sự thật là thế, - Dickon đáp. – Đây quả là một chốn kỳ dị. Tôi thấy hình như sau mười năm thì gần đây có ai đã tỉa xén bớt cây đi thì phải.

- Nhưng làm việc ấy bằng cách nào? – Mary hỏi.

Sau khi xem xét một nhánh hồng bình thường, Dickon lắc đầu.

- Phải rồi! Làm sao có thể làm việc đó được nhỉ? – Thằng bé thì thầm. – Với cánh cửa bị khóa, còn chìa thì bị vùi kín.

Mary luôn cảm thấy rằng dù con bé có sống bao nhiêu năm, nhưng nó sẽ không bao giờ quên cái buổi sáng đầu tiên khi khu vườn của nó bắt đầu sống dậy. Dĩ nhiên rồi, nơi ấy dường như đã bắt đầu sống dậy vì nó kể từ buổi sáng đó. Khi Dickon bắt tay vào dọn chỗ để gieo hạt, con bé nhớ lại những lời thằng Basil đã hát để chọc tức nó.

- Có giống hoa nào nom giống những quả chuông không? – Con bé hỏi.

- Hoa lan chuông, - Dickon đáp, tay vẫn đang cầm xẻng xới đất, - và cả hoa chuông vùng Canterbury.

- Chúng ta trồng thử một ít đi, - Mary bảo.

- Hoa lan chuông thì ta có sẵn ở đây rồi; tôi đã thấy chúng. Chúng sẽ mọc quá gần nhau, ta sẽ phải tách chúng ra. Còn giống kia phải mất tới hai năm mới nở hoa kể từ lúc gieo hạt, nhưng tôi có thể mang cho cô một số cây có sẵn từ vườn nhà chúng tôi. Nhưng tại sao cô lại muốn chúng?

Mary bèn thuật lại cho Dickon nghe về Basil cùng đám anh chị em của nó ở Ấn độ, và con bé đã ghét chúng ra sao, cả việc chúng gọi nó là “Cô chủ Mary quá ư ngang ngược”.

- Chúng thường nhảy nhót quanh tôi, nhìn tôi mà hát. Chúng hát rằng:

Cô chủ Mary này, thật quá ư ngang ngược

Làm sao vườn cô mọc nổi đây?

Khi chuông bạc rồi vỡ sò tạt nhạp,

Cùng cúc vạn thọ lẫn lộn cả một nơi.

- Tôi vừa chợt nhớ tới bài hát đó và tự hỏi không biết có đúng là có những bông hoa trông như những chiếc chuông bạc không.

Con bé khẽ cau mày rồi ấn chiếc xẻng của nó cuống đất khá là hần học.

- Tôi không hề ngang ngược như lời chúng hát.

Dickon bật cười.

- Ô! – Thằng bé tiếp lời, và trong lúc làm cho tôi lớp đất đen màu mỡ, nó hít hà hương thơm của đất, - dường như chẳng ai có thể ngang ngược được nữa khi hoa lá đua nở, muông thú thân thiện, ríu rít đào hang xây tổ và hát ca, phải không nào?

Mary đang quỳ bên Dickon, tay cầm hạt giống, nó nhìn sang thằng Dickon và thổi cau mày.

- Dickon, anh thật tốt, đúng như lời Martha đã nói về anh. Tôi rất thích anh, và anh trở thành người thứ năm rồi đấy. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình lại có thể thích những năm người.

Dickon ngồi tì lên gót chân, giống cách Martha vẫn ngồi trong khi đánh bóng chiếc ghi lô. Cậu ấy trông thật ngộ và vui tính, Mary nghĩ bụng, với đôi mắt to xanh biếc, hai má đỏ hồng và chiếc mũi hếch đầy mãn nguyện của cậu.

- Cô chỉ yêu quý có năm người thôi sao? Bốn người kia là những ai vậy?

- Mẹ anh và Martha, - Mary đếm họ trên các ngón tay của nó, - rồi chim ức đỏ và ông Ben Weatherstaff.

Dickon cười ngật nghễo đến nỗi nó phải vội đưa tay bịt miệng để ngăn tiếng cười lại.

- Tôi biết cô nghĩ tôi là một đứa kỳ quặc, nhưng tôi cho rằng cô mới là cô nàng bé nhỏ kỳ quặc nhất mà tôi từng thấy.

Lúc ấy, Mary đã làm một việc lạ lùng. Nó ngả người về phía trước, hỏi

thằng bé một câu mà nó không bao giờ tưởng tượng nó sẽ hỏi ai đó từ trước tới giờ. Nó cố gắng hỏi câu đó bằng giọng Yorkshire bởi đó là ngôn ngữ của thằng bé, và ở Ấn độ một người địa phương thường tỏ ra hài lòng nếu bạn thạo lời nói của anh ta.

- Anh có thích tôi không?

- Ôi! – Thằng bé thành thật đáp. – Tôi thích chứ. Tôi thích cô lắm, và chim ức đỏ cũng thế, tôi tin thế.

- Vậy là có hai. – Mary bảo. – Có tới hai người bạn dành cho tôi.

Từ lúc ấy trở đi, chúng làm việc chăm hơn và cũng vui hơn. Mary giặt mình và tiệt nuôi khi nghe tiếng chuông đồng hồ lớn trong sân điếm giờ ăn trưa của nó.

- Tôi phải về rồi, - nó buồn rầu nói. – Và anh cũng phải về, đúng không?

Dickon nhoen cười.

- Tôi mang theo bên mình bữa trưa của tôi một cách dễ dàng. Mẹ luôn cho phép tôi được nhét một thứ gì đó trong túi áo.

Nó nhặt chiếc áo khoác dưới bãi cỏ rồi lấy từ đó ra cái túi nhỏ, trong đó một vật được bọc giữa chiếc khăn tay màu trắng và xanh rất sạch sẽ. Chiếc khăn gói hai lát bánh mì đầy đặn cùng miếng gì đó kẹp ở giữa.

- Thường là chẳng có gì ngoài bánh mì, - nó nói- nhưng hôm nay tôi lại được thêm một chút thịt lợn xông khói béo ngậy ngon lành.

Mary thấy bữa ăn mới kỳ dị làm sao, nhưng có vẻ như thằng bé sẵn sàng thưởng thức nó.

- Cô về nhà mà ăn trưa đi. Tôi sẽ dùng bữa của tôi trước. Tôi sẽ nán lại thêm một chút trước khi về.

Nó ngồi xuống, tựa lưng vào một gốc cây.

- Tôi sẽ gọi con chim ức đỏ đến, cho nó chút thịt xông khói. Bọn chúng rất thích món ăn béo ngậy tuyệt vời này.

Mary không muốn để thằng bé ở lại. Đột nhiên, nó cảm thấy Dickon như một cậu tiên rừng sẽ biến mất khi nó trở lại khu vườn. Dickon là cậu bé tốt đến không thể tin được. Nó đã đi được nửa đường ra tới chỗ cánh cửa ẩn trong bức tường, nhưng rồi nó liền trở lại.

- Dù bất kể chuyện gì xảy ra, anh ... anh cũng không bao giờ nói ra chứ? – Nó nói.

Đôi má ửng màu hoa anh túc của thằng bé lúc này đang phồng lên vì miếng bánh to tương cùng với thịt xông khói, nhưng nó vẫn cố mỉm cười động viên Mary:

- Nếu cô là một con chim hét tầm gửi và chỉ cho tôi biết tổ ở đâu, cô có nghĩ tôi sẽ kể với ai không? Không đời nào. Cô thì cũng sẽ được an toàn không khác gì một con chim hét.

Và con bé cũng khá chắc chắn là nó sẽ được an toàn như thế.

Chương 12: Cháu có thể có một mảnh đất được không?

Mary chạy nhanh đến nỗi tưởng chừng đứt cả hơi khi về tới phòng riêng. Tóc nó xõa ra trên trán, còn hai má lại đỏ hây hây. Bữa trưa của nó đã dọn sẵn trên bàn, Martha đang ngồi ăn gần đó.

- Cô về hơi muộn,- chị nói - Cô ở đâu thế?

- Tôi vừa gặp Dickon! Tôi vừa gặp Dickon!

- Tôi cũng biết nó đến, - Martha nói với vẻ hân hoan - Cô thấy nó thế nào?

- Tôi nghĩ, tôi nghĩ...anh ấy rất đẹp! – Mary nói bằng một giọng cả quyết.

Martha sững sốt, nhưng vẻ mặt đầy vẻ thích thú.

- Chà, - Chị nói, - nó là đứa khá nhất trong những đứa trẻ nhà tôi được sinh ra, nhưng chúng tôi chưa bao giờ cho rằng nó đẹp trai. Mũi nó héch quá.

- Tôi thì lại thích cái mũi héch như thế, - Mary đáp.

- Mà đôi mắt nó thì cứ tròn như hai hòn bi, - Martha nói với đôi chút ngờ vực, - mặc dù chúng có màu khá đẹp.

- Tôi lại thích chúng tròn như thế, - Mary bảo, chúng có màu như màu của bầu trời trên cánh đồng hoang.

Martha tươi cười mãn nguyện.

- Mẹ vẫn bảo nói có màu mắt ấy bởi cứ luôn ngược nhìn chim chóc và mây bay. Nhưng còn cái miệng rộng ngoác nữa chứ?

- Tôi thì tôi yêu cái miệng rộng của anh ấy, - Mary đáp một cách ngoan cố - Tôi ước miệng của tôi cũng giống hệt như thế.

Martha tùm tùm vẻ sung sướng.

- Nếu thế thì cô sẽ có một bộ mặt khá ngộ đấy. Nhưng tôi đã biết sự thể sẽ như thế khi cô gặp nó. Thế cô có thích các hạt giống và dụng cụ làm vườn không?

- Làm sao chị biết anh ấy mang chúng cho tôi? – Mary hỏi.

- Ô! Tôi không bao giờ nghĩ nó không mang cho cô. Có thể tin chắc rằng nó sẽ mang chúng đến, miễn là chúng có ở Yorkshine. Nó là một đứa thật đáng tin cậy.

Mary đang lo sợ chị sẽ hỏi sang những câu mà nó sẽ khó bề trả lời, nhưng Martha đã không làm vậy. Chị quá quan tâm đến chuyện giống má và dụng cụ làm vườn. Vậy mà vẫn có lúc Mary thấy khinh hã, là khi Martha bắt đầu hỏi nó trồng hoa ở đâu.

- Cô đã xin phép ai chưa đấy? – Chị hỏi.

- Tôi chưa hỏi bất kỳ ai hết. – Mary lưỡng lự trả lời.

- Ừm, tôi sẽ không hỏi người quản vườn đâu. Lúc nào ông ta cũng ra vẻ

ta đây, ông Roach ấy mà.

- Tôi chưa bao giờ gặp ông ta. Tôi chỉ gặp những người giúp việc làm vườn và ông Ben Weatherstaff.

- Nếu là cô, tôi sẽ hỏi bác Ben Weatherstaff,- Martha khuyên con bé,- Bác ấy không đến nổi tệ như vẻ bề ngoài đâu, mặc dầu bác ấy rất hay gắt gỏng. Ông Craven để mặc bác ấy muốn làm gì thì làm, bởi vì bác ấy đã ở đây từ hồi bà Craven còn sống và là người khiến bà ấy vui vẻ bật cười nhiều phen. Bà quý bác ấy lắm. Biết đâu bác ấy chẳng tìm cho cô một góc vườn ở chỗ nào đó hẻo lánh cũng nên.

- Nếu nó làm một nơi xó xỉnh hẻo lánh không ai màng tới thì sẽ không có ai phiền lòng nếu tôi sở hữu nó phải không? – Con bé hỏi, giọng đầy lo lắng.

- Chẳng có lý gì mà không cho. Cô có gây thiệt hại gì đâu.

Mary ăn qua quýt cho xong, khi nó vừa rời khỏi bàn ăn và định chạy về phòng riêng lấy mũ đội thì Martha ngăn nó lại.

- Tôi có mấy việc muốn nhắc cô,- chị nói,- tôi nghĩ cứ để cô ăn uống xong xuôi đã. Ông Craven đã trở về sáng nay, và tôi cho rằng ông ấy muốn gặp cô.

Mặt Mary tái nhợt.

- Ôi! – nó thốt lên – Tại sao? Tại sao? Ông ấy đã không muốn gặp tôi hôm tôi tới đây cơ mà. Tôi nghe rõ ông Pitcher nói rằng ông ấy không muốn.

- Chà,- Martha giải thích – Bà Medlock bảo cũng chỉ tại mẹ tôi thôi. Bữa trước mẹ tôi sang bên làng Thwaite và bà đã gặp ông ấy. Trước đây bà chưa bao giờ được trò chuyện với ông ấy, nhưng bà Craven đã từng ghé thăm gian nhà gianh của chúng tôi đôi bà bận. Ông ấy quên rồi, nhưng mẹ tôi thì không, và bà đã đánh bạo cản bước ông ấy. Tôi không rõ bà đã nói gì với ông về cô, nhưng đại loại bà đã nhắc ông để tâm tới việc gặp cô trước khi ông ấy lại lên đường vào ngày mai.

- Ôi! – Mary kêu to,- Ông ấy sẽ đi vào ngày mai sao? Tôi mừng quá.

- Lần này ông đi lâu lắm đấy. Có lẽ mùa thu hoặc đông tới ông ấy mới trở về. Ông sẽ đi du lịch ở nước ngoài. Ông ấy luôn luôn làm vậy/

- Ôi! Tôi mừng quá! Tôi mừng quá! – Mary nói với vẻ biết ơn.

Cho đến mùa đông tới hoặc thậm chí chỉ cần đến mùa thu thôi mà ông ấy chưa trở về thì nó sẽ có đủ thời gian ngắm khu vườn bí mật của mình hồi sinh. Cho dù lúc bấy giờ ông ấy có phát hiện và tước đoạt khu vườn khỏi nó thì ít ra nó cũng đã được ngắm nhìn cảnh tượng ấy.

- Chị nghĩ khi nào ông ấy muốn gặp...

Mary chưa kịp nói hết câu thì cửa mở, bà Medlock bước vào. Bà vận chiếc váy đen đẹp nhất của mình, đội mũ mềm không vành, trên cổ áo có gài chiếc ghim lớn có hình khuôn mặt một người đàn ông. Đây là bức ảnh màu của ông Medlock đã qua đời mấy năm trước, bà luôn đeo nó mỗi khi ăn diện. Trông bà có vẻ bồn chồn, lo lắng.

- Tóc cô rối quá,- Bà nói với – Đi chải lại đi. Martha, chị hãy giúp cô đây thay bộ đồ đẹp nhất. Ông Craven bảo tôi đưa cô ấy tới phòng làm việc.

Tất cả vẻ hồng hào vụt biến khỏi hai má Mary. Tim nó đập thình thịch và nó cảm thấy mình lại trở về nguyên trạng một đứa trẻ câm lặng, khó ưa, cứng nhắc. Nó thậm chí không buồn trả lời bà Medlock mà quay bước về phòng riêng, Martha theo sau. Trong lúc thay quần áo và chải tóc, nó chẳng nói chẳng rằng. Sau khi đã hoàn toàn chỉnh tề, nó im lặng theo bà Medlock xuống hành lang. Mà nó còn biết nói gì đây? Nó buộc phải đi gặp ông Craven, ông ấy sẽ không ưa nó, và nó cũng sẽ chẳng ưa ông. Nó thừa hiểu ông ấy sẽ nghĩ gì về nó.

Con bé được đưa tới phần tòa nhà mà trước đó nó chưa hề đặt chân tới. Cuối cùng bà Medlock đưa tay gõ một cánh cửa, và khi có tiếng ai đó bảo “Mời vào”, cả hai cùng tiến vào trong phòng. Một người đàn ông đang ngồi trong chiếc ghế bành kê trước lò sưởi, bà Medlock lên tiếng.

- Đây là cô Mary, thưa ngài.

- Bà có thể đi và để cô bé ở lại. Tôi sẽ rung chuông báo cho bà khi tôi muốn bà đến đưa cô bé đi, - Ông Craven bảo.

Lúc bà ta ra khỏi phòng và khép cửa, Mary chỉ còn biết đứng đợi. Đứa con gái bé nhỏ không mấy ưa nhìn đó đứng vắn xoắn hai bàn tay vào nhau. Nó nhận thấy người đàn ông ở trên ghế cũng chẳng đến nỗi gù lùm, với đôi vai cao và không cân đối, và mái tóc đen của ông đã điểm bạc. Ông ngoái nhìn qua bờ vai cao và bảo nó.

- Hãy lại gần đây!

Mary tiến đến gần ông.

Ông ấy không hề xấu xí. Khuôn mặt ông hẳn cũng tuấn tú nếu nó không đượm vẻ đau khổ đến vậy. Hình như vẻ ngoài của con bé khiến ông băn khoăn và ông không biết nên làm gì với nó.

- Cháu khỏe chứ? – ông hỏi.

- Vâng. – Mary đáp.

- Họ đối xử với cháu có tử tế không?

- Có ạ.

Ông đưa tay xoa vàng trán vẻ đầy lo lắng khi nhìn ngắm nó từ đầu đến chân.

- Cháu gầy quá! – ông bảo.

- Cháu đang béo lên, - Mary trả lời, nó thừa biết vẻ cứng nhắc trong cách nói năng của nó.

Ông có khuôn mặt mới buồn rầu làm sao! Đôi mắt đen của ông như thể không nhìn vào nó mà nhìn vào một cái gì khác, và ông ấy khó mà có thể nghe nhiều về nó.

- Ta quên khuấy mất cháu,- ông nói – Làm sao ta có thể nhớ ra cháu cơ chứ? Ta đã tính đưa tới chỗ cháu một cô gia sư, một bảo mẫu hoặc ai đó đại

loại như vậy, thế mà ta lại quên khuấy đi.

- Bác làm ơn, - Mary mở đầu- làm ơn...- Nó cảm thấy cô hống nghẹn lại.

- Cháu muốn nói gì? – ông hỏi ân cần.

- Cháu...cháu đã quá lớn để cần đến bảo mẫu,- Mary đáp- Và xin bác... xin bác đừng bắt cháu phải có thêm một cô gia sư bên cạnh nữa.

Ông lại xoa trán và chăm chăm nhìn nó.

- Đó là những gì mà người phụ nữ nhà Sowerby đã nói mà,- ông lẩm bẩm.

Mary thu hết can đảm.

- Có phải bà...bà là mẹ của chị Martha không ạ?- Mary lắp bắp.

- Phải, ta cho rằng thế,- ông đáp.

- Bà ấy rất hiền trẻ con, - Mary bảo – Bà có tới mười hai người con, nên bà hiền.

Ông như choàng tỉnh.

- Thế cháu muốn gì ?

- Cháu muốn được chơi ngoài trời,- Mary đáp, nó hy vọng giọng mình không đến nỗi run, - Cháu chưa bao giờ thích điều đó khi ở Ấn Độ. Còn ở đây, làm thế khiến cháu thấy đói bụng, và cháu đang béo lên.

Ông nhìn con bé.

- Bà Sowerby bảo điều ấy sẽ làm cháu khỏe hẳn ra. Có lẽ đúng thế thật. Bà ấy cho rằng tốt hơn hết cháu hãy khỏe lên đã rồi mới cần một gia sư kèm cặp.

- Cháu cảm thấy rất khỏe mỗi khi được chơi đùa, cùng với nắng gió ngoài cánh đồng hoang,- Mary lý sự.

- Cháu thường chơi ở đâu ?

- Ở khắp mọi nơi,- Mary hồn hên đáp, - Mẹ chị Martha gửi cho cháu một sợi dây nhảy. Cháu nhảy dây khắp nơi...và cháu còn ngó quanh xem liệu có gì sắp trời lên khỏi mặt đất không. Cháu chẳng hề làm gì có hại.

- Đừng sợ hãi thế,- ông Craven nói giọng lo lắng – Một đứa trẻ như cháu thì chẳng thể làm gì có hại hết. Cháu có thể làm những gì cháu muốn.

Mary vội đưa tay lên che cổ, nó sợ ông nhìn thấy cái sự nghẹn ngào đầy kích động mà nó sắp rơi vào. Nó bước lại gần ông hơn.

- Cháu có thể, phải không ạ? – Nó nói với vẻ rụt rè.

Khuôn mặt bé nhỏ đầy khắc khoải của nó càng khiến ông lo lắng hơn bao giờ hết.

- Đừng có căng thẳng đến vậy,- ông thốt lên,- Dĩ nhiên là cháu có thể. Ta là người bảo hộ của cháu, vậy nhưng ta lại chẳng viết gì về trẻ con. Ta không thể dành cho cháu thời gian hoặc sự chăm sóc. Ta quá ốm yếu, lại không thể tập trung làm việc gì cho ra hồn, nhưng ta mong cháu được hạnh phúc và thoải mái. Ta quả không hiểu gì về trẻ nhỏ, nhưng bà Medlock được giao phó trách nhiệm phải lo cho cháu tất cả những gì cháu cần. Ta cho gọi cháu

tới hôm nay bởi vì và Sowerby bảo ta nên gặp cháu. Bà ấy cho rằng cháu cần không khí trong lành, tự do và được chạy nhảy đây đó.

- Bà ấy hiểu tường tận về trẻ con,- Mary nhắc lại, mặc dù nó không hề có ý làm vậy.

- Hẳn là thế,- ông Craven bài,- Ta nghĩ bà ấy khá là táo tợn lúc ngăn bước ta giữa cánh đồng, nhưng bà ấy chỉ nói : “Bà Craven đã từng đối xử tốt với tôi.» - Nhắc đến cái tên của người vợ quá cố dường như là điều quá khó khăn với ông,- “ Bà nhà là một phụ nữ rất đáng kính.» Bây giờ gặp cháu, ta nghĩ bà ấy đã nói ra những điều có lý. Cháu cứ việc chơi ngoài trời bao lâu tùy thích. Đây là một tòa nhà đồ sộ, cháu có thể vào chỗ nào cháu thích, cứ vui vẻ đùa nghịch nếu cháu muốn. Cháu còn cần gì nữa không? – Và một ý nghĩ tình cờ chợt nảy trong óc ông – Cháu có muốn đồ chơi, sách vở hay búp bê không ?

- Liệu cháu có thể,- Mary rụt rè,- cháu có thể có một ít đất không ạ?

Trong lúc đang háo hức, con bé không nhận ra mấy từ ấy nghe mới kỳ dị làm sao và chúng không phải là những lời mà con bé định nói. Ông Craven giật mình.

- Đất! – ông nhắc lại. – Ý cháu là gì?

- Để gieo hạt...để làm cho chúng sinh sôi nảy nở...để nhìn chúng được sống. – Mary đáp ứng.

Ông nhìn chòng chọc vào con bé hồi lâu, rồi đưa tay dụi mắt.

- Cháu...quan tâm chuyện vườn tược đến thế kia à? – Ông nói chậm rãi.

- Hồi ở Ấn Độ thì cháu chẳng biết gì,- Mary đáp,- Cháu lúc nào cũng ốm đau và mệt mỏi, và thời tiết lại quá nóng bức. Đôi khi cháu cũng vun những luống hoa trong cát rồi cắm mấy bông hoa lên đấy. Nhưng ở đây thì lại khác hẳn.

Ông Craven đứng dậy, chậm chạp bước ngang qua gian phòng.

- Một miếng đất,- ông như nói với chính mình. Mary nghĩ nó đã vô tình nhắc ông nhớ lại chuyện gì thì phải. Khi ông dừng bước để nói với nó, đôi mắt đen của ông trông hết sức dịu dàng, hiền hậu.

- Cháu muốn bao nhiêu đất thì cứ tùy thích. Cháu làm ta nhớ đến một người rất yêu quý đất đai và những gì mọc lên từ đấy. Khi cháu thấy mảnh đất mà cháu muốn,- miệng ông thoáng vẻ gì đó tựa như một nụ cười,- thì hãy nhận lấy nó, con gái ạ, và hãy làm cho nó sinh sôi nảy nở.

- Cháu có thể nhận bất kể chỗ nào không có ai dùng tới?

- Bất kể chỗ nào,- ông trả lời.- Thôi! Bây giờ thì cháu đi đi, ta thấy mệt rồi.- Ông rung chuông gọi bà Medlock – Tạm biệt cháu. Ta sẽ phải xa nhà suốt mùa hè này.

Bà Medlock bước vào phòng nhanh đến nỗi Mary có cảm tưởng này giờ bà vẫn chực sẵn ngoài hành lang.

- Bà Medlock này,- ông Craven bảo bà,- bây giờ gặp con bé tôi mới hiểu

những gì bà Sowerby muốn nói. Cô bé cần khỏe khoắn hơn trước khi bắt tay vào học tập. Hãy dọn cho con bé những món ăn nhẹ nhàng có lợi cho sức khỏe. Cứ mặc nó được chạy thỏa thích trong vườn. Đừng trông nom gò bó con bé quá mức. Mary cần tự do, không khí trong lành Sowerby sẽ tới thăm con bé, đôi khi cô bé cũng được phép tới chơi nhà họ.

Bà Medlock hể hả ra mặt. Bà thâm nhủ trong lòng rằng thế là từ này bà đỡ phải “chăm nom” Mary nhiều cho mệt xác. Bà vẫn cảm thấy con bé là một bổn phận phiền toái và cũng chẳng gặp con bé mấy. Và lại, bà mẹ Martha là người mà bà vẫn quý mến từ lâu.

- Cám ơn ngài,- bà nói.- Bà Sowerby và tôi đã cùng đến trường với nhau, bà ấy quả là một phụ nữ hiểu biết và nhân hậu, như ngài đã nhận thấy vào hôm đi dạo. Bản thân tôi chẳng có đứa con nào, nhưng bà ấy lại có những mười hai đứa, không đứa nào lại không khỏe mạnh, ngoan ngoãn. Cô Mary có thể tới chơi mà không sợ bị chúng làm hư. Chính tôi đã luôn suy ngẫm những lời khuyên nhủ về con trẻ của bà Sowerby. Bà ấy chính là người ta vẫn gọi là người có cái đầu sáng láng, nếu ngài hiểu ý tôi.

- Tôi hiểu,- ông Craven đáp,- Bà hãy đưa cô Mary đi và bảo ông Pitcher đến gặp tôi.

Khi bà Medlock rời con bé ở cuối hành lang, Mary chạy như bay về phòng. Nó thấy Martha đang đợi sẵn ở đó. Quả thật, Martha cũng đã vội vã trở lại sau khi dọn bàn xong.

- Tôi có thể có một khu vườn riêng! – Mary reo to,- Tôi có thể có nó ở bất cứ đâu tôi muốn! Tôi cũng sẽ chưa bị gia sư kèm cặp một thời gian dài nữa! Mẹ chị sắp tới đây thăm tôi, và có thể tôi cũng được tới thăm nhà chị. Ông ấy còn bảo một đứa con gái bé bỏng như tôi thì chẳng thể làm điều gì có hại hết, ngoài ra tôi có thể làm bất cứ điều gì tôi thích, ở bất kỳ đâu!

- Ôi! – Martha sung sướng nói,- Ông ấy dễ chịu đấy chứ phải không cô?

- Chị Martha này,- Mary nói về trịnh trọng,- ông ấy quả thực là một người tử tế, chỉ có điều sao mặt ông buồn đến thế, và chân thì lúc nào cũng nhú lại.

Con bé phóng như bay ra ngoài vườn. Nó đã vắng mặt lâu hơn nó tưởng, nó biết Dickon phải cuộc bộ những năm dặm⁽¹⁾ và hẳn cậu ấy đã lên đường từ sớm tinh mơ. Lúc con bé lách qua cánh cửa dưới đám cành thường xuân để vào trong, nó không thấy thằng bé làm việc ở chỗ chúng chia tay lúc trước. Dụng cụ làm vườn được xếp gọn gàng dưới một gốc cây. Nó chạy tới chỗ ấy, đưa mắt nhìn khắp xung quanh, nhưng không thấy Dickon. Thằng bé đã đi, khu vườn bí mật vắng tanh, ngoài con chim ỨC ĐỎ vừa bay qua bờ tường và đang đậu trên một khóm hồng liếc nhìn con bé.

- Anh ấy đi rồi,- con bé nói một cách buồn rầu,- Ôi! Liệu anh ấy...liệu anh ấy...liệu có phải anh ấy chỉ là một nhân vật tưởng tượng?

Ánh mắt nó bắt gặp một vật gì trắng trắng dính trên khóm hồng. Đó là

một mẫu giấy, đúng vậy, đó là mẫu giấy con bé đã in chữ nhờ Martha chuyển cho Dickon. Mẫu giấy được cài áo vào một chiếc gai dài, và trong phút chốc con bé hiểu Dickon đã để nó ở đó. Có mấy nét chữ thô kệch in rời rạc trên đó cùng một hình vẽ nghệch ngoạc. Thoạt tiên con bé không hiểu đó là cái gì. Rồi nó nhận ra đó là hình vẽ chiếc tổ với một con chim nằm ở bên trong. Bên dưới là mấy chữ in, rằng: “Tôi sẽ trở lại.”

Chương 13: Tổ là Colin

Mary mang hình vẽ về nhà. Đến bữa tối, nó đưa mẫu giấy cho Martha.

- Ô! – Martha kêu lên hân hoan.- Không ngờ thằng Dickon nhà tôi lại sáng dạ đến thế. Đây là bức vẽ một con chim hết tầm gửi đang ở trong tổ, to như thực và còn giống hơn cả ngoài tự nhiên.

Bấy giờ Mary mới hiểu Dickon có ý muốn sử dụng bức hình này là một lời nhắc. Ngụ ý rằng con bé có thể tin tưởng nó sẽ giữ kín bí mật của con bé. Khu vườn là cái tổ và con bé chính là con chim hết tầm gửi. Ôi, sao nó thấy thích cái cậu bé con nhà bình dân lạ lùng ấy đến thế.

Nó hy vọng ngày hôm sau Dickon sẽ quay lại và đi ngủ trong tâm trạng ngóng đợi cho trời mau sáng.

Nhưng không ai biết trước được thời tiết ở Yorkshire sẽ ra sao, đặc biệt vào mùa xuân. Mary bị đánh thức vào lúc nửa đêm bởi tiếng mưa rơi nặng hạt quất vào cửa sổ. Trời đang mưa như trút, gió thì gào rú tứ bề, cả trong các ống khói của ngôi nhà cổ đồ sộ. Mary ngồi bật dậy trên giường, nó cảm thấy khổ sở và tức giận vô cùng.

- Con mưa thật trái khoáy, chẳng khác gì mình đã từng như vậy. Nó thừa biết mình không thích mà vẫn cứ đến.

Nó gieo mình xuống gối và vùi mặt vào đó. Nó không khóc mà chỉ nằm vật ra, cảm thấy căm ghét tiếng mưa rơi nặng hạt đang quất xuống ràn tạt cùng tiếng gió gào rú. Con bé không tài nào ngủ lại được. Âm thanh thô lương ấy làm nó tỉnh ngủ, cảm thấy trong lòng buồn rầu vô hạn. Nếu đang lúc vui vẻ, tiếng mưa kia còn dễ ru nó vào giấc ngủ. Còn lúc này đây, có sao gió cứ phải gào lên, và những giọt mưa to tướng kia thì cứ quất mãi vào ô cửa sổ!

- Nghe như thể có kẻ đi lạc giữa đồng hoang đang lang thang than khóc,- nó nhủ thầm.

Con bé nằm đó không ngủ được, trở mình hết bên này rồi bên kia để đến gần tiếng đồng hồ, bỗng có tiếng gì khiến nó ngồi bật dậy trên giường và ngoái đầu về phía cửa, lắng nghe. Nó nghe ngóng một hồi lâu.

- Bấy giờ không phải là gió nữa,- nó thầm thì thành tiếng,- Không phải gió, tiếng gió nghe khác hẳn. Đây chính là tiếng khóc mình đã nghe thấy bữa trước.

Cánh cửa phòng nó khép hờ và âm thanh ấy vọng lại từ ngoài hành lang,

một tiếng khóc bản gât lúc xa lúc gần. Con bé lắng nghe mấy phút liền, mỗi lúc lại càng thêm tin chắc. Nó cảm thấy nó phải khám phá cho ra đó là cái gì. Chuyện này ven đường còn kỳ quặc hơn cả khu vườn bí mật với chiếc chìa khóa bị vùi kỹ. Và có lẽ đang trong tâm trạng nổi loạn nên nó mới bạo dạn đến vậy. Nó thò chân ra khỏi giường và đứng trên sàn nhà.

- Mình phải tìm cho ra đó là cái gì. Giờ này ai nấy vẫn còn trên giường, mình không cần phải lo tới bà Medlock, không cần!

Sẵn có cây nến cạnh giường, con bé cầm theo rồi rón rén ra khỏi phòng. Hành lang dài dằng dặc và tối mịt, nhưng Mary quá phấn khích để bận tâm đến điều đó. Nó nghĩ nó vẫn nhớ những chỗ ngoặc phải rẽ để tìm ra đoạn hành lang ngắn có cánh cửa ra vào phủ tấm thảm thêu - đoạn hành lang bà Medlock đã rẽ qua vào cái hôm nó bị lạc. Tiếng khóc lại vang lên dọc lối đi. Nó bước tiếp trong ánh nến lúc mờ lúc tỏ, hầu như chỉ nhận ra đường qua cảm giác của bàn chân, tim đập thình thịch đến nỗi tưởng chừng nghe rõ từng nhịp một. Tiếng khóc ai oán vẫn tiếp tục và dẫn đường cho nó. Có lúc âm thanh ấy ngưng bặt giây lát rồi lại nổi lên. Liệu đã đến chỗ rẽ chưa? Con bé dừng chân suy nghĩ. Phải rồi, chính là lối này. Đến cuối đoạn hành lang này thì rẽ trái, rồi bước lên hai bậc rộng thì rẽ phải. Đúng rồi, cánh cửa treo tấm thảm đây rồi.

Nó nhẹ nhàng đẩy cánh cửa rồi khép lại sau lưng, nó nhận ra mình đang đứng giữa một hành lang khác, tiếng khóc nghe còn rõ hơn mặc dầu không to lắm. Chỗ này đã là bên kia bức tường. Ở phía trái con bé, cách mấy mét, có một cánh cửa. Từ đây, nó nhìn rõ mấy tia sáng le lói hắt ra từ dưới khe cửa. Ai đó đang khóc trong phòng, và người đó còn trẻ.

Nó bước tới bên cánh cửa và mở ra, và thế là nó đang đứng trong căn phòng đó!

Đó là một gian phòng lớn, bên trong bày toàn đồ đạc cổ rất đẹp. Ngọn lửa leo lét cháy trong lò sưởi, một ngọn đèn ngủ lập loè bên chiếc giường có bốn cột chạm trổ treo rèm gấm thêu kim tuyến, và trên giường, một thằng bé đang nằm khóc hết sức thương tâm.

Mary ngỡ ngàng không biết phải chẳng mình đang ở một nơi có thực, hay mình đã thiếp đi và đang mơ nàng mà không hề hay biết.

Thằng bé đó có khuôn mặt dài dài, thanh tú, làn da trắng ngà và đôi mắt dường như quá lớn so với khuôn mặt của nó. Mái tóc buông thành những lọn nặng trước trán khiến khuôn mặt nó trông càng nhỏ hơn. Nó có dáng vẻ của một đứa trẻ bị ốm, nhưng đang gào khóc bởi một nỗi sợ hãi và căm giận hơn là vì đau yếu.

Mary đứng ngay bên cửa ra vào, tay cầm cây nến, nín thở. Nó rón rén bước tới, và khi nó đến gần hơn, ánh sáng đã thu hút sự chú ý của thằng bé và thằng bé quay đầu trên gối, nhìn Mary chòng chọc bằng đôi mắt màu xám mở to đến mênh mông của nó.

- Cậu là ai? – Cuối cùng, thằng bé lên tiếng bằng giọng thì thầm pha chút sợ hãi, - Cậu là ma à?

- Không, tớ không phải ma, - Mary trả lời, tiếng thì thầm của chính nó cũng pha lẫn sợ hãi, - Còn cậu là ma phải không?

Thằng bé vẫn nhìn chăm chăm không chớp, Mary không thể không chú ý đến đôi mắt kỳ lạ của nó. Chúng có màu xám mã não và nom quá to sợ với cả một hàng mi đen sậm viền quanh.

- Không, - thằng bé đáp sau một thoáng chờ đợi, - Tớ là Colin.

- Colin nhà ai? – Con bé áp úng hỏi.

- Tớ là Colin Craven. Thế cậu là ai?

- Tớ là Mary Lennox. Ông Craven là bác tớ.

- Ông ấy là cha tớ đấy. - Thằng bé bảo.

- Cha cậu ư! – Mary thờ hỏn hên, - Chưa từng thấy ai bảo tớ ông ấy có một người con trai. Tại sao họ lại làm như thế?

- Lại gần đây, - thằng bé bảo, đôi mắt kỳ lạ của nó vẫn nhìn như dán chặt vào Mary với vẻ lo lắng bồn chồn.

Mary tiến lại gần chiếc giường, thằng bé duỗi tay và chạm vào người nó.

- Cậu là người thực, phải không? Tớ rất hay có những giấc mơ giống như y như thực. Cậu có lẽ là một trong số đó.

Mary đã khoác vội một cái áo choàng bằng len trước khi rời khỏi phòng nó, nó liền đặt một mảnh áo vào giữa các ngón tay thằng bé.

- Cậu thử cạo nó vào da xem nó ấm và dầy thế nào, - con bé nói, - hay tớ sẽ véo cậu một cái nếu cậu muốn, để cho cậu thấy tớ thực đến thế nào. Ban này, cũng có lúc tớ thoáng nghĩ cậu chỉ là một giấc mơ.

- Cậu vừa từ đâu tới đây? – Thằng bé hỏi.

- Từ phòng tớ. Gió hú ghê quá khiến tớ không sao ngủ nổi, thế rồi tớ nghe có tiếng ai khóc, và muốn xem đó là ai. Cậu khóc cái gì thế?

- Bởi vì tớ cũng không tài nào ngủ được và tớ thấy đau đầu quá. Nói lại cho tớ tên của cậu đi.

- Mary Lennox. Không có ai từng nói cho cậu hay tớ đến sống ở đây à?

Thằng bé vẫn mân mê trên tay mảnh áo của Mary, và trông nó, có vẻ như đã tin hơn vào sự hiện diện của Mary.

- Chưa, - thằng bé trả lời, - Họ không dám.

- Tại sao? - Mary hỏi.

- Bởi vì chắc chắn tớ sẽ lo sợ là cậu nhìn thấy tớ. Tớ sẽ không để mọi người trông thấy và đổ dành mình.

- Tại sao? - Mary gặng hỏi lần nữa, mỗi lúc một cảm thấy hoang mang.

- Bởi tớ lúc nào cũng như thế này, ốm đau dặt dẹo và phải nằm suốt ngày. Cha tớ cũng không cho ai đổ dành tớ. Bọn gia nhân càng không được phép bàn tán về tớ. Nếu tớ sống, có lẽ tớ sẽ là một thằng gù, nhưng tớ sẽ không sống nổi đâu. Cha tớ ghét cái ý nghĩ rằng rồi tớ cũng sẽ giống như

ông ấy.

- Trời ơi, ngôi nhà này mới kỳ dị làm sao!- Mary kêu lên- Một ngôi nhà kỳ dị quá thể! Mỗi một thứ là cả một bí mật. Các căn phòng khóa chặt, những khu vườn cũng khóa kín, và ngay cả cậu nữa! Cậu đã bị nhốt kín trong phòng chẳng?

- Không. Tớ ở lì trong này bởi tớ chẳng muốn ra khỏi phòng làm gì. Di chuyển chỉ khiến tớ mệt lử.

- Cha cậu có hay đến thăm cậu không? – Mary đánh liều hỏi.

- Thỉnh thoảng. Thường thì vào lúc tớ đang ngủ. Ông ấy chẳng muốn gặp tớ.

- Tại sao? – Mary không thể không hỏi lại.

Nét mặt thẳng bé thoáng vẻ giận dữ.

- Mẹ tớ chết khi tớ vừa sinh ra, và điều đó khiến ông đau khổ mỗi khi nhìn thấy tớ. Ông cứ nghĩ rằng tớ không biết, nhưng tớ nghe thiên hạ bàn tán thể. Ông hầu như căm ghét tớ.

- Ông cũng ghét lây cả khu vườn, bởi vì bà đã chết,- Mary bảo, nửa như nói với chính mình.

- Khu vườn nào? – Thằng bé hỏi.

- Ồ! Chỉ...chỉ là khu vườn mà mẹ cậu ưa lui tới. – Mary thì thào.- Thì ra cậu luôn ở đây thôi sao.

- Gần như luôn luôn. Đôi lần tớ được đưa tới những chỗ nghỉ bên bờ biển. nhưng tớ không muốn ở lại bởi ai ai cũng nhìn tớ chòng chọc. Tớ thường phải mang một vật bằng sắt để giữ cho lưng thẳng, nhưng rồi có lần một vị bác sĩ giỏi từ Luân Đôn đến thăm bệnh cho tớ, ông ấy bảo chuyện đó quả là ngu xuẩn. Ông sai họ gỡ nó ra và bắt tớ phải sống ngoài trời thoáng đãng. Tớ chúa ghét khí trời và chẳng muốn ra ngoài.

- Ngày đầu mới tới đây tớ cũng vậy,- Mary bảo,- Tại sao cậu cứ nhìn tớ chằm chằm như thế?

- Bởi vì những giấc mơ đó lại quá thực,- thằng bé trả lời, hơi có vẻ cáu kỉnh,- Có những lúc mở mắt rồi mà tớ vẫn không tin mình thức.

- Chúng ta đều đang thức đây,- Mary bảo. Nó liếc quanh gian phòng có trần cao, các góc phòng tối tối trong ánh lửa mờ ảo,- Chuyện này cũng khá giống một giấc mơ. Cũng đã nửa đêm rồi, mọi người trong nhà đang ngủ cả, tất cả mọi người, trừ chúng ta. Chúng ta đang thức rõ ràng rành.

- Tớ không muốn đây chỉ là một giấc mơ,- thằng bé mới một cách bồn chồn.

Ngay lập tức, Mary nghĩ ra một điều gì đó.

- Nếu như cậu không muốn ai trông thấy cậu, cậu có muốn tớ đi khỏi đây không?

Thằng bé vẫn cầm mảnh áo choàng của con bé trong tay, và thử kéo cho giãn ra.

- Không,- nó nói,- tớ sẽ tin rằng cậu chỉ là một giấc mơ nếu cậu bỏ đi. Còn nếu cậu có thực thì hãy ngồi xuống chiếc ghế lớn để chặn này mà nói chuyện. Tớ rất muốn nghe về cậu.

Mary đặt cây nến của nó lên mặt bàn kê gần giường, rồi ngồi xuống chiếc ghế đầu bọc nệm. Con bé không muốn bỏ đi chút nào. Nó muốn nán lại trong gian phòng bí hiểm được giấu kín này để chuyện trò với một thằng bé cũng bí hiểm không kém.

- Cậu muốn tớ kể cậu nghe chuyện gì?

Thằng bé muốn biết nó đã ở Misselthwaite được bao lâu, phòng con bé nằm ở hành lang nào; nó còn muốn biết con bé đã làm được những gì; và liệu con bé có chán ghét cánh đồng hoang như nó không; và rồi con bé đã sống ở đâu trước khi đến Yorkshire. Con bé trả lời tất cả các câu hỏi của nó và còn nhiều hơn thế. Thằng bé kia ngả đầu trên gối lắng nghe. Nó bắt con bé kể cho nó nghe hàng lô hàng lốc chuyện về Ấn Độ cũng như chuyến vượt biển của Mary. Con bé nhận ra rằng bởi vì Colin là người tàn tật nên nó không học cùng những thứ với bọn trẻ khác. Một trong những bảo mẫu của nó đã dạy nó đọc từ khi còn rất nhỏ, và kể từ đó nó luôn đọc và ngắm các bức tranh trong các cuốn sách lộng lẫy.

Cho dù cha nó hiếm khi tới thăm lúc nó còn thức, nhưng Colin vẫn có đủ các thứ đồ chơi tuyệt vời để chơi. Mặc dầu vậy, nó dường như chẳng bao giờ thấy vui. Nó có thể có bất cứ thứ gì mà nó đòi hỏi và chưa bao giờ phải làm những gì nó không muốn.

- Ở đây, mọi người buộc phải làm đủ chuyện cho tớ vui,- nó nói một cách thờ ơ,- Tớ sẽ bị ốm thêm nếu tức giận. Không ai tin rằng tớ sẽ sống để mà lớn lên.

Nó nói như thể đã quen với cái ý nghĩ đó đến nỗi chẳng còn bận tâm gì nữa. Nó có vẻ thích giọng nói của Mary. Khi con bé tiếp tục nói, nó chăm chú lắng nghe với vẻ mặt mơ màng. Có lúc Mary tự nhủ có phải nó đang lơ mơ chìm vào giấc ngủ. Nhưng cuối cùng, thằng bé hỏi một câu khiến câu chuyện mở sang một hướng khác.

- Cậu bao nhiêu tuổi rồi?- thằng bé hỏi.

- Mười tuổi,- Mary trả lời, lúc đó nó đã dường như quên khuấy bản thân,- bằng đúng tuổi của cậu.

- Làm thế nào cậu biết được điều đó?- thằng bé hỏi vắn vỏi bằng giọng ngạc nhiên.

- Bởi vì khi cậu ra đời, cánh cửa khu vườn bị khóa lại, còn chiếc chìa khóa thì người ta đem vùi kín. Khu vườn ấy đã bị khóa suốt mười năm qua.

Colin nhòm nửa người lên, quay đầu về phía con bé và tựa mình trên hai khuỷu tay.

- Cánh cửa khu vườn nào bị khóa? Ai đã làm việc ấy? Chiếc chìa bị vùi ở đâu? – Thằng bé thốt lên, bỗng nhiên nó tỏ ra hết sức quan tâm.

- Đó...đó chính là khu vườn mà ông Craven căm ghét,- Mary nói về sợ hãi,- Ông đã khóa chặt cửa. Không ai...không ai biết chỗ ông chôn chiếc chìa khóa.

- Cái thứ vườn nào thế không biết? – Colin nhắc lại, vẻ háo hức.

- Không một ai được phép vào trong đó suốt mười năm qua,- Mary thận trọng đáp lời.

Nhưng thận trọng thì cũng quá muộn rồi. Thằng bé tỏ ra thích thú chẳng kém gì Mary. Bao lâu nay chẳng có gì để mà quan tâm tới, cho nên cái ý nghĩ về một khu vườn được giấu kín thu hút nó, hết như Mary lúc trước. Nó hỏi hết câu này sang câu khác. Khu vườn ở đâu? Mary chưa bao giờ tìm kiếm cánh cửa ấy à? Mary chưa hỏi những người làm vườn về chuyện đó sao?

- Họ chẳng chịu nói đâu,- Mary đáp,- Tớ nghĩ họ đã được dặn không được phép trả lời bất kỳ câu hỏi nào.

- Tớ sẽ bắt đám đó phải nói,- Colin bảo.

- Cậu bắt được à? – Mary ngập ngừng, và bắt đầu cảm thấy sợ hãi. Nếu thằng bé có thể bắt được mọi người trả lời, ai mà biết rồi chuyện gì sẽ xảy ra.

- Ở đây mọi người buộc phải làm vui lòng tớ. Tớ đã bảo cậu rồi đó. Nếu tớ sống được thì một ngày nào đó cả chôn này sẽ thuộc về tớ. Họ thừa biết điều đó. Chắc chắn tớ sẽ bắt họ phải nói.

Mary không biết bản thân nó cũng một đạo hư đồn, nhưng nó có thể nhận thấy rõ ràng thằng bé bí ẩn này cũng đang như thế: nó nghĩ rằng cả thế giới này thuộc về mình; nó mới thật là kỳ dị và cứ nhắc tới chuyện thôi không sống nữa mới thản nhiên làm sao.

- Cậu nghĩ cậu không sống nổi à? – Con bé hỏi, phần vì tò mò, phần vì hy vọng làm Colin quên đi chuyện khu vườn.

- Tớ không cho rằng mình có thể sống được,- thằng bé trả lời, vẫn hững hờ y như trước,- Kể từ khi tớ nhớ được mọi chuyện, tớ đã thấy người ta nói rằng tớ sẽ không sống được. Thoạt đầu, họ nghĩ tớ còn quá nhỏ để có thể hiểu được, còn bây giờ thì họ nghĩ tới không nghe thấy gì cả. Nhưng tớ biết hết. Bác sĩ của tớ là em họ của cha tớ. Ông ta nghèo rớt mùng tơi nên nếu tớ chết đi thì ông ta sẽ có cả trang viên Misselthwaite này khi cha tớ qua đời. Tớ vẫn nghĩ ông ta không muốn tớ sống.

- Thế cậu có muốn sống không? – Mary căn vặn.

- Không,- nó đáp lời với vẻ mệt mỏi buồn chán,- Nhưng tớ cũng không muốn chết. Khi cảm thấy ốm yếu, tớ nằm bệt ở đây suy nghĩ về chuyện đó cho tới khi chỉ còn biết khóc và khóc.

- Tớ đã nghe thấy tiếng khóc ba lần, nhưng không biết là ai. Thì ra cậu khóc về chuyện đó hả? – Con bé hỏi, chỉ muốn Colin quên đi chuyện khu vườn.

- Hẳn rồi. Nhưng chúng ta hãy nói chuyện khác đi. Về khu vườn chẳng

hạn. Cậu không muốn nhìn thấy nó à?

- Có chứ,- Mary trả lời bằng một giọng trầm hẳn xuống.

- Tớ cũng vậy,- thằng bé tiếp tục một cách dai dẳng, - Trước đây tớ không nghĩ mình lại thích ngắm cái này cái nọ, nhưng bây giờ tớ muốn tận mắt thấy khu vườn ấy. Tớ muốn chiếc chìa phải được đào lên. Tớ muốn cánh cửa được mở ra. Tớ sẽ bắt đám gia nhân khiêng tớ trong chiếc ghế bành đó. Ngoài ấy, chắc không khí trong lành lắm. Và rồi tớ sẽ bắt họ phải mở cánh cửa ấy ra.

Nó trở nên thật kích động, đôi mắt kỳ lạ của nó lấp lánh như hai vì sao và trông lại càng mênh mông hơn bao giờ hết.

- Bọn họ có bốn phận làm tớ hài lòng. Tớ sẽ bắt họ đưa tớ tới đó và tớ sẽ để cậu đi cùng.

Hai bàn tay Mary nắm chặt vào nhau. Mọi việc rồi sẽ hỏng hết cho mà xem, mọi việc. Dickon sẽ chẳng bao giờ quay lại nữa. Bản thân nó rồi cũng không bao giờ còn cái cảm giác của một con chim hét đang ẩn náu trong chiếc tổ an toàn nữa.

- Ôi, đừng...đừng...đừng làm vậy! – Con bé kêu lên.

Thằng bé nhìn trừng trừng như thể nó nghĩ con bé đang phát điên!

- Sao thế? Cậu bảo cậu muốn nhìn thấy nó cơ mà?

- Đúng là tớ muốn vậy,- con bé trả lời, gần như đang thôn thức trong cổ họng,- nhưng cậu bắt họ mở cánh cửa ấy và khiêng cậu vào như vậy thì còn gì là một bí mật nữa.

Thằng bé ngả hẳn người về phía trước.

- Một bí mật,- nó nói,- Ý cậu định nói gì? Bảo cho tớ biết đi.

Lời nói của Mary trở nên lộn xộn.

- Cậu cũng rõ...cậu cũng rõ...- nó thở hắt hắt,- nếu không một ai hay biết ngoài chúng ta...nếu có một cánh cửa, ẩn đâu đó dưới đám thường xuân...nếu có...và chúng ta có thể tự tìm thấy nó, và nếu chúng ta cùng lách qua cánh cửa đó rồi khép nó lại sau lưng mình, thì đó ai biết được có người ở bên trong, đến lúc ấy ta sẽ gọi nó là khu vườn của ta và giả vờ rằng...rằng chúng mình là những con chim hét, còn khu vườn là chiếc tổ của chúng mình, và rồi nếu ngày nào chúng mình cũng được chơi đùa ở đó, tha hồ mà đào xới, trồng cây, gieo hạt và chăm cho chúng được sống...

- Chẳng lẽ nó chết à? – Thằng bé ngắt lời Mary.

- Thì cũng chẳng mấy chốc, nếu không có người chăm sóc cho nó,- con bé nói tiếp,- các loại củ thì vẫn sống, trừ các nhánh hồng...

Thằng bé ngắt lời và tỏ ra phân khích chẳng kém gì Mary.

- Các loại củ là cái gì?- Nó hỏi rất nhanh.

- Chúng là thủy tiên hoa vàng, ly ly và hoa giọt tuyết. Lúc này, chúng đang cựa mình trong đất...nảy ra những mầm non xanh biếc vì mùa xuân đang tới.

- Mùa xuân đang tới ư? Nó như thế nào? Tớ không thể thấy nó trong phòng khi đang ốm đau bệnh tật thế này.

- Ấy là lúc mặt trời chiếu sáng trong cơn mưa và mưa rơi trong ánh nắng, muôn vật trở mình cửa quây dưới lòng đất,- Mary bảo,- Nếu khu vườn còn là một bí mật, thì chúng mình có thể lên vào trong ấy mà ngắm mọi thứ mỗi ngày một lớn dần, và xem có bao nhiêu khóm hồng còn sống. Cậu thấy không? Ôi, cậu không thấy sẽ tuyệt biết bao nếu nó còn là một bí mật hay sao?

Thằng bé buông người xuống chiếc gối, nằm thàn mặt ra đó.

- Tớ chưa bao giờ có một bí mật nào cả, ngoài cái điều là không được sống mà lớn lên. Họ không biết rằng tớ cũng hiểu được điều đó, vì vậy đó cũng có thể coi là một bí mật. Nhưng tớ thích cái kiểu bí mật này hơn.

- Nếu cậu không bắt họ đưa cậu tới khu vườn đó,- Mary khẩn khoản,- thì có thể...tớ cảm thấy gần như chắc chắn rằng có ngày tớ sẽ khám phá ra cách để vào trong đó. Và nếu ông bác sĩ muốn cậu ra ngoài trong chiếc ghế của cậu, và nếu cậu có thể làm những gì cậu muốn làm...thì có lẽ...có lẽ chúng mình sẽ kiếm lấy một cậu bé đẩy xe cho cậu, như vậy chúng mình có thể ra đi một mình với nhau, và khu vườn đó sẽ mãi mãi là một khu vườn bí mật.

- Tớ chắc chắn thích điều đó,- thằng bé nói thật chậm rãi, đôi mắt mơ màng,- Tớ chắc chắn thích điều đó. Tớ sẽ không cảm thấy phiền lòng với cái không khí trong lành trong một khu vườn bí mật đâu.

Mary bắt đầu thở phào, cảm thấy nhẹ cả người. Hình như ý tưởng giữ gìn bí mật đã làm cho thằng bé khoái chí. Nó cảm thấy gần như chắc chắn rằng nếu cứ tiếp tục câu chuyện và làm cho thằng bé mừng rỡ ra khu vườn như nó đã thấy tận mắt thì thằng bé sẽ thích thú tới mức không thể chịu đựng nổi nếu có kẻ lẹ đột nhập vào trong, một khi chúng đã chọn cho riêng mình.

- Bây giờ tớ sẽ kể cho cậu nghe tớ tưởng tượng nó sẽ như thế nào, nếu ta vào được trong đó nhé,- con bé nói. – Khu vườn đã bị khóa kín lâu đến vậy thì có lẽ mọi thứ mọc lộn xộn lắm...

Thằng bé nằm im thin thít lắng nghe, trong lúc Mary kể tiếp về các khóm hồng. Nó kể rằng biết đâu lúc này chúng chẳng bò từ cây này sang cây khác rồi rủ xuống, chim chóc biết đâu chẳng đang làm tổ ở trên ấy, bởi vì đó là nơi an toàn nhất. Đến đoạn nó kể cho thằng bé về con chim ức đỏ và lão Ben Weatherstaff, và có bao nhiêu chuyện đáng kể về con ức đỏ thì nó nói dễ dàng trôi chảy đến nỗi nó cũng cảm thấy sợ. Con chim ức đỏ đã làm thằng Colin thích thú quá đời, cứ mỉm cười suốt và trông đẹp trai hẳn lên, dù thoát đầu Mary thấy thằng bé còn xấu xí hơn cả mình, với đôi mắt to và những lọn tóc nặng trĩu rủ trên vàng trán.

- Tớ quả không hình dung nổi chim chóc lại như vậy. Nhưng, nếu cậu cứ ở lì trong phòng thì cậu sẽ chẳng thấy gì hết. Giờ cậu đã biết được bao thứ trên đời. Tớ có cảm tưởng như cậu đã từng vào trong khu vườn.

Mary không biết nói gì, vì thế nó chỉ im lặng. Thằng bé Colin rõ ràng cũng chẳng đợi câu trả lời, ngay lập tức nó làm Mary ngạc nhiên.

- Tớ định cho cậu xem cái này. Cậu có thấy tấm màn lụa màu hồng treo trên tường, phía trên bệ lò sưởi kia không?

Nãy giờ Mary không để ý tới tấm màn, nó ngược mắt lên và nhìn thấy vật đó. Một tấm màn bằng lụa mềm phủ lên một cái gì tựa như bức tranh.

- Có,- Con bé đáp.

- Có sợi dây treo ở đó đó,- Colin bảo,- Cậu tới kéo nó đi.

Mary đứng dậy, vô cùng tò mò. Nó tìm ra sợi dây. Khi nó kéo sợi dây, tấm màn lụa chuyển động, thu lại trên những chiếc khayên tròn, để lộ ra một bức tranh. Đó là bức chân dung một phụ nữ có khuôn mặt tươi cười. Bà có mái tóc sáng màu được buộc bằng một dải ruy băng xanh. Đôi mắt vui vẻ đáng yêu của bà nom giống hệt đôi mắt bất hạnh của thằng Colin, cũng một màu xám mã não và trông còn to hơn thực với viền mi đen nhánh bao quanh.

- Bà là mẹ tớ,- Colin nói giọng ca thán,- Tớ không rõ tại sao bà chết. Đôi khi tớ thấy hận bà vì việc đó.

- Ôi, kỳ quặc làm sao! – Mary kêu khê.

- Nếu bà còn sống, tớ tin rằng tớ sẽ không phải đau ốm liên miên thế này,- nó cáu kỉnh,- Tớ dám nói rằng mình cũng sẽ sống nữa. Và cha tớ hẳn sẽ không ghét phải nhìn thấy tớ. Tớ dám chắc tớ cũng sẽ có một cái lưng, khỏe mạnh. Thôi, cậu kéo tấm màn lại đi.

Mary làm theo lời nó rồi quay về chiếc ghế đầu.

- Bà đẹp hơn cậu nhiều, riêng đôi mắt nom giống hệt mắt cậu, ít ra là về hình dạng và màu sắc. Tại sao phải dùng tấm màn để che bức tranh?

Thằng bé cử động không được thoải mái lắm.

- Tớ bảo bọn gia nhân làm thế,- thằng bé nói,- Đôi khi tớ không muốn bà nhìn tớ. Bà thì luôn mỉm cười trong khi tớ ốm đau khổ sở thế này. Ngoài ra, bà là của tớ và tớ không muốn bất kỳ kẻ nào được ngắm bà.

Một thoáng im lặng, rồi Mary lên tiếng.

- Liệu bà Medlock sẽ làm gì nếu bà phát hiện ra tớ đã từng ở đây? – Con bé hỏi.

- Bà ấy sẽ làm những gì tớ bảo bà ấy làm. Và tớ sẽ bảo bà ấy rằng tớ muốn cậu tới đây nói chuyện với tớ mỗi ngày. Tớ lấy làm mừng vì cậu đã tới.

- Tớ cũng vậy. Tớ sẽ thường xuyên tới khi nào có thể, nhưng...- con bé lưỡng lự,- hằng ngày tớ còn phải tìm kiếm cánh cửa khu vườn.

- Ừ, cậu phải thế mới được,- Colin bảo,- rồi cậu có thể kể cho tớ nghe về nó sau đó.

Nó nằm suy nghĩ mấy phút như lúc trước, rồi lại lên tiếng.

- Tớ cho rằng cả cậu cũng là một điều bí mật. Tớ sẽ không kể cho mọi người cho tới khi họ phát hiện ra. Tớ vẫn thường cho cô bảo mẫu ra khỏi

phòng, bảo rằng tớ muốn ở một mình. Cậu có biết Martha không?

- Có chứ, tớ biết chị ấy rất rõ là đằng khác, - Mary bảo, - Chị ấy phục vụ tớ mà.

Colin hát hăm về phía ngoài hành lang.

- Chị ấy là người ngủ ở phòng bên cạnh. Cô bảo mẫu đi vắng từ hôm qua và ngủ lại qua đêm với em gái. Cô ấy thường bảo Martha trông nom tớ mỗi khi muốn đi đâu đó. Martha sẽ báo cho cậu khi nào nên đến đây.

Mary bỗng vỡ lẽ buồn rầu của Martha mỗi bận nó hỏi chị về tiếng khóc đó.

- Martha đã biết cậu suốt thời gian qua à? – Con bé hỏi.

- Phải, chị ấy thường xuyên chăm sóc tớ. Còn cô bảo mẫu thì chỉ muốn thoát khỏi tớ, mỗi lần như thế Martha lại tới.

- Tớ ở đây quá lâu rồi, - Mary bảo, - Bây giờ tớ đi được chứ? Mắt cậu díp cả lại kìa.

- Ước gì tớ ngủ được trước lúc cậu bỏ tớ mà đi, - nó nói với vẻ ngượng ngùng.

- Nhắm mắt lại nào, - Mary vừa nói, vừa kéo chiếc ghế đầu lại gần, - tớ sẽ làm những gì mà Ayah của tớ vẫn làm ở Ấn Độ cho cậu xem. Để tớ vỗ nhẹ bàn tay cậu, vuốt ve thế này rồi hát khê cho cậu nghe nhé.

- Chắc tớ sẽ thích lắm đấy, - thằng bé nói trong cơn ngái ngủ.

Không rõ tại sao, Mary cảm thấy thương thằng Colin và không muốn nó phải trần trọc, thế là con bé liền ngã người vào thành giường và bắt đầu xoa bàn tay nó, miệng khê hát một bài thánh ca bằng tiếng Hindu.

- Hay quá, - thằng bé nói trong cơn mơ màng. Mary vẫn tiếp tục hát và xoa nhẹ tay cho nó. Khi Mary nhìn Colin lần nữa thì đã thấy những sợi lông mi đen của nó rọp xuống đôi má, nó đã nhắm nghiền mắt, chìm nhanh vào giấc ngủ. Con bé bèn nhẹ nhàng đứng dậy, cầm cây nến rồi rón rén đi ra không một tiếng động.

Chương 14: Vị tiểu vương trẻ tuổi.

Vào buổi sang, cánh đồng hoang vẫn còn chìm đắm trong sương mù và mưa vẫn không ngừng trút xuống. Thực khó lòng ra khỏi nhà lúc này. Martha thì bận rộn đến nỗi Mary chẳng có dịp mà trò chuyện với chị, nhưng chiều hôm ấy nó gọi chị đến ngồi với nó trong phòng trẻ. Chị tới, mang theo chiếc bút tất chị vẫn đan mỗi khi không có việc gì khác để làm.

- Cô có chuyện gì đấy? – Chị hỏi ngay lúc cả hai vừa ngồi xuống. – Có vẻ cô đang có chuyện muốn nói thì phải.

- Đúng vậy. Tôi đã khám phá ra tiếng khóc ấy là gì. – Mary bảo.

Martha buông đồ đan của chị xuống đầu gối, ngược nhìn con bé bằng đôi mắt hốt hoảng.

- Cô không được! – Chị thốt lên – Không bao giờ được!

- Tôi đã nghe thấy nó trong đêm, - Mary tiếp tục. - Tôi bèn ngồi dậy và đi xem nó vọng từ đâu tới. Thì ra là Colin. Tôi đã tìm ra cậu ấy.

Khuôn mặt Martha đỏ bừng pha lẫn sợ hãi.

- Ôi! Cô Mary! - Chị nói nửa như khóc. - Cô không được phép làm điều ấy, cô không được! Cô sẽ gây cho tôi bao rắc rối. Tôi chưa bao giờ nói với cô về cậu ấy... nhưng cô sẽ đẩy tôi vào rắc rối đấy. Tôi sẽ bị mất việc và rồi mẹ sẽ ra sao!

- Chị chẳng việc gì phải mất việc, - Mary bảo. - Cậu ấy còn mừng là đằng khác. Chúng tôi đã nói chuyện suốt, cậu ấy bảo cậu ấy rất mừng vì tôi đã đến.

- Cậu ấy mừng?- Martha kêu tướng lên. - Cô có chắc không đấy? Cô còn chưa biết cậu ấy sẽ như thế nào khi có điều gì làm cậu ấy bực mình. Lớn tướng rồi mà vẫn khóc lóc như con nít, thế nhưng vào những lúc kích động cậu ấy lại gào thét dễ sợ làm mọi người chết khiếp. Cậu ấy thừa biết mọi người không ai dám phàn nàn, ca than.

- Cậu ấy không bực mình đâu. - Mary bảo. - Khi tôi hỏi xem liệu tôi đã đi được chưa, cậu ấy còn bảo tôi ở lại. Cậu ấy đã hỏi tôi rất nhiều, và tôi ngồi vào chỗ chiếc ghế đầu lớn, kể cho cậu ấy nghe về Ấn Độ, về chim ức đỏ và khu vườn. Cậu ấy vẫn không chịu để tôi ra về. Cậu ấy còn cho tôi xem bức vẽ chân dung mẹ mình nữa. Trước khi đi, tôi còn hát ru cho cậu ấy ngủ.

Martha há hốc miệng vì kinh ngạc.

- Tôi khó mà tin nổi cô! - Chị phản đối. - Chẳng khác nào cô bước thẳng vào hang hùm. Gặp phải lúc cậu ấy nổi cơn tam bành và làm âm ỉ cả nhà thì khôn. Cậu ấy không ưa người lạ nhìn mình đâu.

- Vậy mà cậu ấy đã để tôi nhìn thấy đấy. Suốt thời gian ấy, tôi nhìn cậu và cậu cũng nhìn tôi. Chúng tôi cứ chăm chăm nhìn nhau! - Mary bảo.

- Tôi không còn biết phải làm gì đây! - Martha kêu lên vẻ kích động. - Nếu bà Medlock phát hiện ra, bà ấy sẽ cho rằng tôi dám vi phạm luật lệ mà để cho cô biết, và tôi sẽ được gửi trả lại cho mẹ tôi ngay tức khắc.

- Cậu ấy không có ý định kể cho bà Medlock bất cứ điều gì. Trước hết đây là một bí mật. - Mary nói như đinh đóng cột. - Và cậu ấy bảo mọi người buộc phải làm những gì cậu ấy muốn.

- Hừ, thế là đủ, cái cậu này đến tệ! - Martha thở dài và lấy tạp dề lau văng trán.

- Cậu ấy bảo rằng bà Medlock phải nghe lời. Cậu ấy còn muốn tôi đến thăm hàng ngày và nói chuyện với cậu. Chính chị sẽ là người báo cho tôi khi cậu ấy muốn tôi đến.

- Tôi ư! - Martha kêu. - Để rồi tôi sẽ mất việc... chắc chắn vậy!

- Chị chẳng can hệ gì nếu chị làm những gì cậu ấy muốn chị làm và mọi người đều có bổn phận vâng lời cậu ấy, - Mary lý sự.

- Ý cô muốn nói, - Martha kêu to với đôi mắt tròn xoe, - rằng đối với cô,

cậu ấy thật dễ thương!

- Tôi nghĩ cậu ấy hầu như rất thích tôi.

- Hẳn cô đã bỏ bùa mê cho cậu ấy rồi! – Martha cả quyết nói và hít một hơi dài.

- Chị muốn nói đến phép thuật hả? – Mary hỏi vặn – Tôi từng nghe về Phép thuật hồi ở Ấn Độ, nhưng tôi có biết làm đâu. Vừa mới bước vào phòng cậu ấy, tôi đã ngạc nhiên đến nỗi chỉ biết đứng ngây ra đó mà nhìn chòng chọc. Thế rồi cậu ấy quay lại nhìn tôi đăm đăm. Cậu ấy ngỡ tôi là một hồn ma hay một giấc mộng, còn tôi nghĩ có lẽ cậu ấy cũng thế. Và thật kỳ quặc là chúng tôi đã ngồi cùng nhau giữa đêm khuya mà chưa từng biết gì về nhau. Chúng tôi bắt đầu hỏi nhau những chuyện khác, cho tới khi tôi bảo cậu ấy rằng đã đến lúc tôi phải đi thì cậu ấy vẫn ngăn lại.

- Vậy là sắp tới ngày tận thế rồi! – Martha hồn hên.

- Có chuyện gì với cậu ấy thế? – Mary hỏi.

- Không ai rõ nữa, - Martha đáp. – Ông Craven trở nên không bình thường từ khi cậu ấy chào đời. Bác sĩ cho rằng ông ấy có vấn đề về tâm lý. Chỉ vì bà Craven đã chết như tôi đã kể cho cô. Ông ấy không thèm để mắt tới đứa bé nữa. Ông ấy nói năng mê sảng, bảo lại thêm một thằng gù nữa giống ông ra đời và tốt hơn hết là nó chết đi cho rảnh nợ.

- Thì ra Colin là người gù? – Mary hỏi. – Cậu ấy chẳng giống một người gù tẹo nào.

- Cậu ấy đâu đến nỗi thế, - Martha bảo. – Nhưng cậu ấy bắt đầu xuống sức rồi. Mẹ tôi bảo đã có quá nhiều buồn rầu và đau đớn trong ngôi nhà này, khiến bất kỳ đứa trẻ nào cũng phải xuống sức. Họ sợ lung cậu bé yếu ớt nên luôn để tâm chăm sóc cậu, bắt cậu nằm, không cho đi lại. Có dạo họ còn bắt cậu mang một cái nẹp chông, nhưng cậu ấy khổ sở cái kỉnh đến nỗi đâm ra đổ bệnh. Rồi một ông bác sĩ có tiếng đến thăm bệnh cho cậu, và bắt họ tháo cái nẹp ra. Ông ấy nói với các thầy thuốc khác khá thô bạo, dù vẫn theo kiểu lịch sự. Ông ấy bảo bây giờ có cơ man là thuốc chữa bệnh, cứ để ông ấy chữa theo cách của mình.

- Tôi cho rằng cậu ấy quá được nuông chiều. – Mary bảo.

- Cậu ấy là đứa trẻ bất hạnh nhất từ trước tới giờ! – Martha tiếp tục. – Tôi không định nói rằng cậu ấy không ốm yếu. Đã vài lần cậu ấy bị ho và cảm lạnh suýt chết. Một bận, cậu ấy sốt vì thấp khớp, bận khác thì bị thương hàn. Chà! Bà Medlock sợ xanh cả mặt. Lúc cậu ấy đang bất tỉnh, bà ấy nói với cô bảo mẫu, cứ tưởng cậu ấy không biết gì: “Chắc chắn nó sẽ không qua khỏi lần này, mà như thế lại tốt hơn cho nó và mọi người”. Nói xong bà nhìn cậu. Cậu ấy vẫn nằm đó, đôi mắt to liền mở ra, chăm chăm nhìn bà, tỉnh táo. Bà Medlock không biết chuyện gì đã xảy ra, chỉ thấy cậu giương mắt nhìn mình và bảo: “ Bà cho tôi ít nước và đừng nói nữa”.

- Người ta cho rằng cậu ấy sắp chết à? – Mary hỏi.

- Mẹ tôi vẫn bảo có lý nào một đứa trẻ lại không cần tới khí trời trong lành, và chẳng làm gì ngoài nằm dài lưng, đọc truyện tranh và uống thuốc. Cậu ấy ôm đầu quặt quẹo và căm ghét bị mang ra khỏi cửa. Cậu cũng dễ bị nhiễm lạnh đến nỗi cậu bảo đó là nguyên do làm cho cậu ốm.

Mary ngồi nhìn ngọn lửa.

- Tôi vẫn tự hỏi, - con bé chậm rãi nói, - sao cậu ấy không ra ngoài vườn mà ngắm cây cối mọc lên có hơn không. Điều đó đã làm tôi khỏe ra đây.

- Một trong những lần tồi tệ nhất của cậu ấy, - Martha nói, - là vào cái dịp họ đưa cậu ấy ra chỗ khóm hồng bên đài phun nước. Lúc ấy, cậu đang đọc trong một tờ báo về những người mắc một chứng bệnh mà cậu gọi là “sốt dị ứng do phấn hoa”, và thế là cậu bắt đầu hắt hơi và bảo cậu đã bị đúng như thế. Ngay lúc ấy, một người mới vào làm vườn đi ngang qua, anh ta không biết luật lệ nơi đây nên cứ nhìn cậu hết sức hiếu kỳ. Cậu liền nổi giận đùng đùng và bảo rằng anh ta nhìn cậu vì cậu sắp trở thành một thằng gù. Cậu kêu thét lên, sốt đùng đùng rồi ôm suốt đêm.

- Cậu ấy mà tức giận với tôi, tôi sẽ chẳng đến thăm nữa đâu. – Mary nói.

- Cô sẽ phải đến nếu cậu ấy muốn, - Martha bảo. – Có thể cô chỉ gặp may buổi đầu thôi.

Ngay sau đây có tiếng chuông rung, chị cuốn đám đồ đan dở lại.

- Tôi đoán chắc cô bảo mẫu muốn tôi ở bên cậu ấy một lát đây. Hy vọng cậu ấy đang dễ tính.

Chị ra khỏi phòng khoảng mười phút rồi quay lại với vẻ bối rối.

- Chà, cô đã bỏ bùa cậu ấy hả, - chị nói. – Cậu đang ngồi trên ghế sofa với cuốn truyện tranh. Cậu bảo cô bảo mẫu có thể đi đâu đó cho tới sáu giờ. Tôi đợi ở phòng bên cạnh. Vào lúc cô ấy đi khỏi, cậu ấy gọi tôi tới và bảo: “Tôi muốn Mary Lennox tới đây và nói chuyện với tôi, và nhớ là không được kể lại với bất kỳ ai đâu đấy”. Tốt nhất là cô nên đi ngay đi.

Mary cũng muốn đi ngay. Tuy không háo hức gặp Colin như gặp Dickon, nhưng nó cũng thích gặp lại Colin lắm.

Ngọn lửa cháy rùng rục trong lò sưởi khi nó tiến vào phòng thằng bé, và trong ánh sáng ban ngày con bé nhận căn phòng quả thực là đẹp. Màu sắc rực rỡ trên các tấm thảm trải sàn, thảm treo tường, các bức tranh và sách trên tường khiến căn phòng trông thật vui tươi và dễ chịu, ngay cả giữa lúc bầu trời xám xịt và mưa rơi sùi sụt. Colin trông cũng khá giống một bức chân dung. Nó được ủ kín trong chiếc áo khoác ngoài bằng nhung, ngồi tựa lưng vào một chiếc nệm bọc gấm thêu to tướng. Hai má nó đỏ lựng.

- Mời cậu vào. Tớ đã nghĩ về cậu suốt buổi sáng.

- Tớ cũng nghĩ về cậu, - Mary trả lời. – Cậu không thể hình dung nỗi chị Martha đã sợ hãi đến mức nào đâu. Chị ấy bảo bà Medlock sẽ biết chị ấy kể với tớ về cậu, rồi chị ấy sẽ bị đuổi việc.

Thằng bé cau mày.

- Cậu hãy đi ra bảo chị ấy vào đây. Chị ấy đang ở phòng bên.

Mary ra ngoài rồi đưa Martha vào. Chị Martha đáng thương đang run lẩy bẩy cả người. Colin vẫn cau mày.

- Chị có muốn làm những việc để tôi hài lòng không? – Nó nói như ra lệnh.

- Tôi phải làm những thứ khiến cậu hài lòng, thưa cậu.- Martha ngập ngừng, mặt đỏ lên.

- Thế bà Medlock có phải làm những gì để tôi hài lòng không?

- Mọi người đều phải thế, thưa cậu. – Martha nói.

- Hừ, vậy thì, nếu tôi ra lệnh cho chị đưa Mary tới cho tôi, thì làm sao bà Medlock dám đuổi chị nếu bà ta phát hiện ra việc này ?

- Làm ơn đừng để bà ấy biết, thưa cậu. – Martha khẩn khoản.

- Tôi sẽ đuổi bà ấy ngay tức khắc nếu bà ấy dám nói một lời về những chuyện này, - cậu chủ Craven đĩnh đạc tuyên bố. – Bà ấy chẳng muốn điều đó đâu, tôi có thể khẳng định với chị như vậy.

- Xin cảm ơn cậu, - chị khẽ nhún gối. – Tôi muốn được làm tròn phận sự của mình, thưa cậu.

- Những gì tôi muốn là phận sự của chị. – Colin nói, mỗi lúc một rành mạch đâu ra đấy. – Từ nay tôi sẽ để tâm đến chị. Bây giờ thì đi đi.

Khi cửa đã khép lại sau lưng Martha, Colin nhận thấy Mary đang nhìn nó chằm chằm như thể nó đã khiến con bé ngạc nhiên lắm.

- Tại sao cậu lại nhìn tớ như vậy? Cậu đang nghĩ gì?

- Tớ đang nghĩ về hai điều.

- Điều gì nào? Ngồi xuống kể tớ nghe đi.

- Điều thứ nhất là, - Mary vừa nói vừa ngồi xuống chiếc ghế đầu to. – Có lần ở Ấn Độ tớ đã gặp một thằng bé vồn là một thiếu vương. Khắp người nó đính đầy ngọc rubi, ngọc lục bảo và kim cương. Nó nói với thần dân của nó y như cậu nói với Martha vậy. Ai ai cũng phải làm mọi việc mà nó bảo, ngay tức khắc. Tớ nghĩ họ sẽ bị giết nếu họ dám trái lời.

- Tớ sẽ bắt cậu phải kể cho tớ nghe về các vị tiểu vương ngay, nhưng trước hết hãy nói cho tớ điều thứ hai là gì.

- Tớ đang nghĩ, cậu và Dickon mới khác nhau làm sao.

- Dickon là ai? Cái tên nghe kỳ thế!

Nó có thể kể cho thằng bé nghe về Dickon lắm chứ, con bé nghĩ. Nó có thể kể về Dickon mà không hề nhắc tới khu vườn bí mật. Chính nó cũng thích nghe Martha kể về Dickon. Hơn thế, nó thích nói về thằng bé. Điều ấy dường như mang Dickon lại gần nó hơn.

- Cậu ấy là em trai chị Martha. Cậu ấy mười hai tuổi, - nó giải thích, - cậu ấy chẳng giống bất kỳ ai trên thế giới này. Cậu ấy có thể mê hoặc các loài cáo, sóc và chim chóc chẳng khác gì những người Ấn Độ mê hoặc lũ rắn của họ. Khi cậu ấy cất tiếng sáo nhẹ nhàng thì chúng kéo tới lắng nghe.

Có mấy quyển sách to tướng trên bàn cạnh chỗ nó, thằng Colin đột ngột kéo một quyển lại phía mình.

- Trong sách này cũng có bức tranh một người dụ rắn. Đến mà xem.

Cuốn sách này quả là đẹp tuyệt vời, với những hình minh họa đủ các sắc màu. Thằng bé trở lại câu chuyện của mình.

- Cậu ấy có thể làm được thế kia à? – Nó hỏi một cách háo hức.

- Lúc ấy cậu thôi sáo, chúng đều lắng nghe, - Mary giải thích. Nhưng Dickon không gọi đó là ma thuật. Cậu ấy bảo, sở dĩ được như vậy là vì cậu đã sống trên đồng hoang quá lâu nên hiểu rõ tính nết của chúng. Cậu còn bảo có lúc cậu cảm thấy chính mình như một con chim hoặc con thỏ, bởi đã yêu chúng đến vậy. Tôi nghĩ cậu ấy đã hỏi con chim ước đở vài điều. Dường như họ đã dùng những tiếng líu ríu thật nhẹ nhàng để nói chuyện cùng nhau.

Colin ngả lưng trên tấm nệm, đôi mắt nó mỗi lúc một mở rộng và hai má nó ửng hồng.

- Kể thêm cho tớ về cậu ấy đi, - nó nói.

- Cậu ấy biết tất cả mọi điều về trứng chim và tổ chim, - Mary tiếp tục.

- Cậu ấy còn rõ bọ cáo, lửng và rái cá sống ở đâu. Cậu ấy giữ bí mật về bọn chúng ghê đến nỗi bọn con trai khác không tài nào tìm ra tổ chúng để làm cho chúng sợ hãi. Cậu ấy còn biết về mọi thứ đang mọc hoặc sống trên cánh đồng hoang.

- Cậu ấy thích đồng hoang đến thế sao? Làm sao cậu ấy thích được khi đó chỉ là một nơi rộng lớn, trơ trụi và thô lương như vậy?

- Đó là nơi tươi đẹp nhất chứ, - Mary phản đối. – Hàng ngàn sinh vật đáng yêu đang mọc trên đó, cùng hàng ngàn con vật bé nhỏ suốt ngày đêm bận rộn xây tổ, đào hang, ríu rít ca hát và la lối cùng nhau. Lúc nào chúng cũng bận rộn đùa vui dưới mặt đất, trên cây hoặc trong bụi rậm. Đó là thế giới của chúng.

- Làm cách nào mà cậu biết được tất cả những chuyện ấy? – Colin hỏi, xoay mình trên khuỷu tay để nhìn con bé.

- Thực ra tớ chưa một lần tới đó, - Mary nói, rồi như chợt nhớ ra điều gì.

- Tớ chỉ mới đi xe ngựa qua đó trong màn đêm. Lúc đó, tớ nghĩ nó thật gớm ghiếc. Martha đã kể với tớ về nơi ấy trước, rồi mới đến Dickon. Khi nghe Dickon kể về cánh đồng hoang, ta có cảm tưởng được tận mắt nhìn thấy, nghe thấy mọi thứ, ngỡ như mình đang đứng giữa bụi thạch thảo dưới ánh nắng, trong khi cây kim tước dậy mùi hương mật ong, còn khắp quanh ta, ong bướm rập rờn bay lượn.

- Người ta chẳng thể thấy gì khi đau yếu, - Colin nói về bồn chồn. Trông nó như thể một người đang lắng nghe một âm thanh xa lạ vọng lại từ xa, lòng phân vân tự hỏi không biết đó là cái gì.

- Cậu không thể nếu cậu cứ ngồi lì trong một căn phòng, - Mary nói.

- Tớ không đủ sức đi trên đồng hoang, - thằng bé nói với giọng uất ức.

Mary im lặng giây lát rồi nó nói bằng vẻ cả quyết.

- Đôi lúc cậu sẽ có thể.

Thằng bé cử động như thể bị giật mình.

- Đi trên cánh đồng hoang! Làm sao được? Tớ sắp chết rồi.

- Sao cậu biết? – Mary đáp lại, vẻ không đồng tình. Nó không ưa cái lối thằng bé nói về cái chết. nó thấy không đồng cảm cho lắm. Nó cảm tưởng thằng kia cứ thổi phồng mọi thứ thì đúng hơn.

- Ôi, tớ đã nghe điều đó từ khi tớ biết nhớ, - Colin trả lời, vẻ cău kinh. – Họ lúc nào cũng thì thì thăm thăm và nghĩ rằng tớ không để ý. Họ cũng mong tớ chết cho rảnh nợ.

Cô chủ Mary liền nổi cơn tam bành. Nó bặm môi, rồi bảo thằng Colin.

- Còn nếu họ mong tớ chết ấy à, thì đừng hòng. Vậy ai là người muốn cậu chết?

- Đám gia nhân ấy và, dĩ nhiên, cả bác sĩ Craven nữa, bởi ông ta có thể đoạt lấy Misselthwaite và trở nên giàu có chứ không nghèo xơ xác như bây giờ. Ông ta không dám nói ra, nhưng luôn có vẻ hả hê khi thấy tớ trong tình trạng tồi tệ. Đạo tớ bị chết vì thương hàn, mặt ông ta tròn căng hẳn ra. Tớ cho rằng cha tớ cũng mong điều đó nữa.

- Tớ không tin ông ấy lại như thế nữa. – Mary đáp lại khẳng khẳng.

Thế là Colin quay ra nhìn nó lần nữa.

- Cậu không tin ư? – thằng bé nói.

Nói đoạn, nó nằm ngả người trên tấm nệm và im lặng, như đang bận suy nghĩ. Yên lặng hồi lâu. Cả hai đứa cùng suy nghĩ về những sự việc kỳ quặc mà lẽ ra bọn trẻ con chẳng mấy khi bận tâm.

Chương 15 : Xây tổ ấm

Sau một tuần mưa, bầu trời cao xanh vời vợi lại hiện ra cùng với vầng dương nóng bỏng. Dù không có cơ hội để ngắm nhìn khu vườn bí mật hay gặp mặt Dickon, vậy mà cô chủ Mary vẫn cảm thấy vô cùng vui sướng. Tuần lễ dường như không kéo dài. Con bé được ở bên Colin vài giờ mỗi ngày trong căn phòng của thằng bé để kể về các vị tiểu vương, các khu vườn hoặc về Dickon và túp nhà gianh trên cánh đồng hoang. Hai đứa chụm đầu xem những cuốn sách tuyệt đẹp với vô số tranh vẽ bên trong, thỉnh thoảng Mary đọc vài truyện cho Colin và có lúc Colin cũng đọc cho nó nghe chút ít. Vào những lúc thằng bé vui cười và thích thú, Mary không thấy nó có vẻ gì của một người tàn tật, trừ khuôn mặt trắng nhợt nhạt và rằng nó luôn phải ngồi trên chiếc sofa.

- Cô thật láu cá khi cứ giồng tai lên nghe ngóng rồi xuống giường lần ra mọi chuyện vào cái đêm hôm đó. – Một bữa, bà Medlock vừa tùm tùm vừa bảo. – Nhưng phải công nhận như thế lại may cho chúng tôi. Từ ngày có cô cùng chơi, cậu ấy không còn cáu bẳn hay khóc than sâu thẳm nữa. Cô bảo mẫu đã định bỏ việc vì quá mệt mỏi với cậu ấy đấy. Nhưng giờ cô ấy bảo ở lại cũng không sao vì đã có cô chia sẻ nhiệm vụ.

Trong các buổi trò chuyện với Colin, Mary cố thật thận trọng khi nói về khu vườn bí mật. Còn một số điều nó muốn biết về thằng bé, nhưng nó cảm thấy mình có thể tìm hiểu mà không cần phải hỏi thằng Colin. Ngay từ buổi đầu, khi bắt đầu thích ở chỗ Colin, nó muốn biết liệu thằng bé có phải loại con trai mà người ta có thể gửi gắm một bí mật. Thằng bé không có gì giống như Dickon, nhưng rõ ràng nó vô cùng thích thú trước ý tưởng về một khu vườn chưa một ai hay biết, đến độ con bé nghĩ có lẽ sẽ tin tưởng được đó. Nhưng vì biết nó chưa lâu, nên Mary cũng không chắc lắm. Và còn điều nữa, đó là nếu thằng bé là người có thể tin cậy, nếu nó thực sự đáng tin, thì liệu có thể đưa nó đến khu vườn mà không sợ bị ai phát hiện? Ông bác sĩ tốt bụng đã dặn rằng Colin cần được sống trong bầu không khí trong lành, còn thằng bé cũng bảo nó chẳng quản ngại không khí tươi mát trong khu vườn bí mật. Biết đâu khi được hít thở đến thỏa thích khí trời nhẹ nhõm, được làm quen với Dickon và chim ức đỏ, được tận mắt thấy muôn vật sinh sôi nảy nở, thì nó chẳng còn nghĩ nhiều đến cái chết nữa. Thời gian gần đây, Mary thường ngắm nhìn mình trong gương, nó nhận ra một hình hài khác hẳn đứa trẻ nó từng thấy hôm mới từ Ấn Độ sang. Đứa bé này xinh hơn nhiều. Cả Martha cũng nhận ra những thay đổi đáng kể ở con bé.

- Khí trời ngoài cánh đồng hoang đã khiến cô khỏe hẳn lên. Cô không còn la hét, không còn gầy nhẳng như trước. Thậm chí tóc cô cũng không còn lơ thơ trên trán mà đã dày dặn hơn. Khi tóc mọc dài hơn một chút, cô sẽ có

một mái tóc óng ả.

- Tóc tôi cũng giống tôi vậy, - Mary bảo. - Đang khỏe ra và dày dặn hơn. Chắc chắn tóc tôi còn dài ra nữa chứ.

- Cứ nhìn là biết, - Martha vừa nói vừa khẽ rũ những lọn tóc quanh mặt con bé. - Cô sẽ không còn xấu xí khi tóc mọc dài ra, với thêm một chút hồng hào trên đôi má.

Nếu khu vườn và không khí trong lành có lợi cho nó, thì có lẽ cũng sẽ như vậy với Colin. Nhưng có điều, Colin ghét mọi người nhìn mình, có thể cậu chàng chẳng thích thú gì khi gặp Dickon.

- Tại sao cậu lại tức giận khi có ai nhìn mình hả? - Một hôm, con bé vặn hỏi.

- Tớ luôn căm thù chuyện đó, - thằng bé đáp, - ngay cả khi tớ còn bé tí. Đạo họ đưa tớ tới bãi biển, tớ chỉ nằm lì trong xe ngựa của tớ, ai ai cũng nhìn tớ chăm chăm, cả các quý bà cũng chẳng chịu tha, họ vắt chuyện với người vú em rồi quay sang thì thào to nhỏ, và lúc ấy tớ thừa biết họ đang bảo tớ sẽ chẳng sống nổi chứ đừng nói là lớn lên. Thịnh thoảng có bà còn vỗ vỗ vào hai má tớ mà nói: “Đứa trẻ thật đáng thương!” Có lần, một bà vừa làm thế là tớ khóc ré lên và cắn vào bàn tay bà ta. Bà ta kinh hoàng chạy biến.

- Chắc bà ta cho rằng cậu điên như một con chó, - Mary bảo, tỏ vẻ không than phục.

- Tớ không cần biết bà ta nghĩ gì, - Colin nhú mày nói.

- Tớ đang tự hỏi tại sao cậu không kêu lên và cắn tớ hôm tớ bước vào phòng cậu? - Mary nói. Rồi nó khẽ nhoen miệng cười.

- Lúc đó tớ tưởng cậu là một con ma hay giấc mộng. Người ta không thể đi cắn một con ma hay giấc mộng được, và nếu có kêu gào lên thì cũng chẳng ai thèm quan tâm.

- Liệu cậu có thấy căm ghét không nếu... nếu có một anh bạn nhìn cậu? - Mary ngập ngừng hỏi.

Thằng bé lại ngả người trên tấm nệm và ngẫm nghĩ.

- Một anh bạn, - nó nói hết sức chậm rãi, như đang cân nhắc từng từ, - có một anh bạn mà tớ cho rằng không cần phải băn khoăn. Đó chính là cái cậu bé biết cả chỗ bọn cáo đang sống. Dickon chứ gì?

- Tớ cả quyết rằng cậu không phải lo về anh ấy, - Mary bảo.

- Ngay đến chim chóc và súc vật cũng không phải lo về cậu ấy cơ mà, - Colin nói, vẫn vẻ ngẫm nghĩ, - đó có lẽ là lý do tại sao tớ không lo. Cậu ấy là một tay thu phục được cả thú hoang, và tớ chính là một gã thú hoang chính công.

Nói đoạn, nó phá lên cười, và con bé cũng cười theo; quả thực, câu chuyện đã kết thúc với cảnh hai đứa cùng cười ngặt nghẽo và thấy rằng cái ý tưởng một gã thú hoang đang nấu mình trong cái hang của gã nghe thật ngộ quá.

Rốt cục, Mary cảm thấy nó không cần phải lo lắng gì về Colin nữa.

Vào cái buổi sáng đầu tiên khi bầu trời trong xanh trở lại, Mary thức dậy từ rất sớm. Mặt trời đang tỏa những tia nắng xiên xiên qua mấy tấm rèm cửa, và có một cái gì vui tươi trong cảnh tượng ấy đến nỗi con bé nhảy phắt khỏi giường, chạy tới bên cửa sổ. Nó tự tay kéo rèm và mở cửa sổ, một làn khí thơm mát, trong lành thoang thoảng lướt qua. Cánh đồng hoang đượm một màu xanh ngắt. Tưởng chừng như vừa có một phép màu nào đó vừa xảy đến với thế giới đó vậy. Đây đó mọi nơi vang lên những âm thanh nhẹ nhàng xao xuyến, của các loài chim đang bắt đầu dọn giọng cho một buổi hòa nhạc. Mary chìa bàn tay ra ngoài cửa sổ, hong nó trong ánh nắng.

- Ấm quá! Ấm quá! Ấm áp thế này thì các mầm non sẽ chóng nhú, chồi và rễ sẽ chóng mọc lên với tất cả sức mạnh của chúng từ trong lòng đất.

Con bé quỳ xuống và ngả hẳn người ra ngoài cửa sổ, hít một hơi sâu rồi khịt khịt mũi cho tới khi nó cười phá lên khi chợt nhớ tới những gì mà bà mẹ Dickon đã nói về chóp mũi rung rung như mũi thỏ của cậu ấy.

- Còn sớm quá, - con bé thầm nghĩ. - Mấy đám mây nhỏ kia toàn một màu hồng, mình chưa từng nhìn thấy bầu trời như vậy bao giờ. Chưa một ai thức giấc. Mình thậm chí còn chưa nghe thấy tiếng của những người làm trong chuồng ngựa nữa.

Một ý nghĩ bất chợt khiến con bé giật mình.

- Mình không thể đợi được! Mình phải ra ngó lại khu vườn bí mật xem sao!

Lúc này, Mary đã có thể tự mặc quần áo được rồi, nó chỉnh tề váy áo trong vòng có năm phút. Nó biết một cửa ngách nhỏ mà nó có thể tự mở lấy, nó chạy như bay xuống tầng dưới, trên đôi chân mới chỉ vội xỏ tất, ra đến gần đại sảnh nó mới xỏ xong giày. Con bé tháo xích cửa, gạt then cài, tra chìa khóa xong thì cánh cửa mới chịu mở ra. Nó lao xuống bậc thềm chỉ với một cú nhảy, và thế là nó đã đặt chân lên bãi cỏ xanh mơn mớn, nơi ánh nắng chan hòa tỏa xuống thân mình nó, mùi hương thoang thoảng ngọt ngào ấm áp vây quanh nó, cùng tiếng vi vu réo rắt và tiếng hót lanh lảnh từ khắp các bụi râm, lùm cây đang vọng đến bên tai. Con bé xiết chặt hai bàn tay trước niềm vui thuần khiết rồi ngược nhìn bầu trời, bầu trời ấy vừa xanh ngắt vừa phơn phớt hồng, pha chút ánh ngọc trai lẫn trong màu trắng nõn nà và rồi tràn ngập ánh sáng của tiết xuân, đến nỗi con bé cảm thấy nó muốn tự mình huýt sáo và hát vang lên, biết rằng các con chim hét, chim ưc đỏ và cả chim chiến chiến cũng khó lòng mà nén nổi điều đó. Con bé chạy lẩn theo các bụi cây và đường mòn dẫn tới khu vườn bí mật.

- Tất cả đều khác rồi, - con bé nói. - Thảm cỏ xanh tươi hơn, các chồi biếc đang nhú lên khắp mặt đất, các búp lá đều mở ra và các mầm xanh đang lấp ló. Mình đoán chắc chiều nay Dickon sẽ đến.

Con mưa ấm áp kéo dài đã làm nên điều kì diệu cho những luống cỏ viền

quanh lối đi dạo cạnh bức tường thấp. Có gì đó đang bắt đầu đâm chồi và nhú lên từ bộ rễ của các lùm cây, và đây đó thậm chí đã thấy lóe lên sắc tím vương giả cùng sắc vàng đang trào ra từ những than cây nghệ tây. Sáu tháng trước, cô chủ Mary không tài nào hình dung nổi thế giới sẽ bùng tỉnh thế nào, nhưng giờ đây nó không bỏ lỡ một điều gì hết.

Lúc con bé đặt chân đến chỗ cánh cửa ẩn dưới đám dây thường xuân, nó giật nảy mình bởi một âm thanh lớn kì quặc. Thì ra là tiếng kêu quàng quạc của một chú quạ, từ đỉnh bờ tường. Ngược mắt nhìn lên, nó nhận ra một con chim có bộ lông xanh đen bong loáng – là một con quạ đang ngó nhìn con bé với vẻ khôn ngoan tinh quái. Từ trước tới giờ, Mary chưa từng nhìn thấy một con quạ gần đến thế, khiến nó thấy hơi lo. Nhưng ngay sau đó, con quạ kia trải rộng đôi cánh bay ngang qua khu vườn. Mary hi vọng nó không định ở lại trong đó, liền đẩy cánh cửa ra xem con quạ có còn đó không. Khi đã vào hẳn trong vườn, con bé nhận ra con chim đã sà xuống đậu trên một cây táo còi, dưới tán cây táo là một con vật bé xíu có bộ lông hung đỏ và chiếc đuôi bông xù – cả hai con vật đều đang ngấm nhìn tám lưng trần cúi rạp và cái đầu tóc hung hung của thằng Dickon lúc này đang quỳ trên thảm cỏ làm việc cật lực.

Mary phóng như bay qua thảm cỏ tới bên thằng bé.

- Ôi, Dickon! Dickon! – Con bé kêu toáng lên. – Sao anh có thể đến đây sớm thế? Hả anh? Mặt trời mới chỉ vừa mọc kia mà!

Thằng bé đứng dậy, nó cười to sôi nổi, rồi đưa tay vò vò cho mái tóc rối bù lên; đôi mắt nó chẳng khác nào một mảng trời xanh.

- Ô! Tôi thức dậy trước đó từ lâu rồi. Làm sao có thể lần chân trên giường cơ chứ! Mọi thứ của thế giới đều bắt đầu trở lại vào sáng hôm nay. Tất cả đang vận động, rì rầm, bới tìm, líu lo, làm tổ, và cùng nhau hít thở làn hương thơm ngát, đến nỗi người ta phải ra ngoài mà sống chứ chẳng ai chịu nằm dài lưng ở nhà. Khi mặt trời thức dậy, lúc ấy tôi đang nằm giữa bụi thạch thảo, bản than cũng tưởng mình sướng đến phát điên lên, tôi cứ hét tướng lên rồi lại hát. Rồi tôi tới thẳng đây. Tôi không thể không tới. Tại sao ư: bởi khu vườn nằm đây và đợi tôi!

Mary đưa hai bàn tay lên ngực, hỏn hển, như người vừa mới chạy.

- Ôi, Dickon! Dickon! – Nó thốt lên. – Tôi thấy hạnh phúc đến nỗi khó mà thở nổi!

Thấy Dickon chuyện trò với kẻ lạ mặt, con vật tí hon có cái đuôi xù góc đầu khỏi chỗ của nó dưới gốc cây và sán lại gần thằng bé, còn con quạ lại cất tiếng kêu quàng quạc lần nữa, tung cánh từ trên cành cây nơi nó đậu đỗ xuống thật êm ru xuống bên vai Dickon.

- Đây là cáo con, - thằng bé nói, xoa xoa lên cái đầu màu đỏ xinh xinh của con vật. – Tên nó là Đại úy. Còn đây là Bò hóng. Con Bò hóng ấy à, nó đã bay qua đồng hoang theo tôi, còn Đại úy, nó chạy thực mạng như thể có

bây chớ sẵn đang truy đuổi đằng sau. Cả hai đứa đều có cùng cảm giác với tôi.

Hai con vật đều nhìn Mary không chút sợ hãi. Khi Dickon bước đi, con Bò hóng vẫn đậu trên vai thằng bé, còn Đại úy thì quần quýt liền bên nó.

- Trông này! – Dickon kêu lên. – Xem chúng đang nhú lên này, và đây, đây nữa! Ôi! Nhìn kia nữa kia!

Nó quỳ thụp xuống, Mary chạy lại bên nó. Chúng thấy cả một khóm nghệ tây đang đua nhau khoe những sắc vàng, da cam và tím từ bao giờ. Mary cúi sát mặt xuống và hôn, hôn mãi lên chúng.

- Người ta chẳng bao giờ hôn ai như thế này, - con bé nói khi ngẩng đầu lên. – Nhưng với những bông hoa thì là chuyện khác.

Thằng Dickon có vẻ bối rối, nhưng chỉ mỉm cười.

- Ô! Tôi đã hôn mẹ nhiều lần như vậy khi từ đồng hoang trở về sau một ngày lang thang, và bà đứng đó, bên cánh cửa, trong ánh nắng, thật vui sướng và dễ chịu.

Hai đứa chạy từ góc vườn này sang góc vườn kia và khám phá ra bao điều kì diệu, đến nỗi chúng buộc phải tự nhắc nhau nói khẽ. Thằng bé chỉ cho Mary xem búp lá quăn tít trên một nhánh hồng mà bề ngoài tưởng chừng đã chết. Nó cũng chỉ cho con bé hàng ngàn chồi xanh non đang nhú lên từ lớp đất mùn. Chúng ghé sát những cái mũi trẻ thơ đầy háo hức của mình xuống mặt đất, rồi hít lấy hít để hơi thở mùa xuân ấm áp của đất, chúng xới đất, nhổ cỏ và cười khẽ trong nỗi sung sướng vô ngần cho tới khi mái tóc cô chủ Mary rối bù như tóc của Dickon và hai má nó đỏ ửng không khác gì thằng bé.

Biết bao niềm vui tràn thế đã đến với khu vườn bí mật buổi sáng hôm ấy, trong đó có một niềm vui còn lớn hơn hết thảy, kì diệu hơn hết thảy. Một cái gì nhanh như ánh chớp bay vụt qua bức tường, rồi phóng qua cả các lùm cây tới một góc vườn sát ngay đó – con chim ức đỏ tựa như ngọn lửa rực rỡ, mờ ngậm một vật gì, từ đâu xuất hiện. Dickon đứng lặng người, vịn tay vào Mary, như thể hai đứa chợt nhận ra mình vừa phá lên cười trong một nhà thờ.

- Đừng làm náo động, - thằng bé thì thầm bằng thứ giọng Yorkshire thật nặng. – Chúng mình phải tránh cả thở mạnh nữa. Trông thấy nó lần vừa rồi là tôi biết nó đang mùa kết đôi. Đây là con chim ức đỏ của ông Ben Weatherstaff. Nó đang xây tổ của nó đấy. Nó sẽ ở đây, nếu chúng mình không làm nó sợ.

Hai đứa nhẹ nhàng nằm xoài xuống bãi cỏ, không dám cử động.

- Chúng mình đừng nhìn nó gần quá, - Dickon bảo. – Cậu chàng sẽ bay khỏi đây, nếu lúc này mà bị quấy rầy. Chỉ là hơi khó tính một chút thôi cho tới khi tất cả chuyện này qua đi. Nó đang đảm đương gánh nặng gia đình đấy. Nó dễ e dè và không thoải mái. Nó không có thì giờ để chơi bời thăm

hỏi hay nói chuyện tầm phào đâu. Chúng mình cần giữ im lặng thêm chút nữa, và cố vờ như mình là cây cỏ hay bụi rậm. Cho tới khi nó quen với chúng mình, tôi sẽ hót một hồi, và rồi nó sẽ hiểu chúng mình chẳng hề cản đường nó.

Cô chủ Mary không chắc có làm nổi như Dickon không: giả vờ bắt chước cỏ cây, bụi rậm cho bằng được. Nhưng thằng bé nói về những điều lạ lùng đó như những chuyện đơn giản và tự nhiên nhất đời vậy. Quả thực con bé cảm thấy việc đó hoàn toàn dễ dàng đối với Dickon. Nó thậm chí quan sát thằng bé mấy phút liền, tự nhủ biết đâu Dickon lại chẳng lặng lẽ mà biến thành cành lá cũng nên. Nhưng thằng bé chỉ ngồi im phăng phắc, và bất chợt buông thấp giọng đến mức cũng lạ là Mary còn nghe được nó, dù rằng con bé đã nghe được.

- Vào cỡ này của tiết xuân, chim thường xây tổ ấm, - thằng bé nói. - Tôi dám đánh cược rằng kể từ khi có thể giới thì năm nào chuyện đó cũng đến. Vạn vật có cách nghĩ và cách làm riêng của chúng, và con người tốt hơn hết là đừng có can thiệp vào. Dễ mất một người bạn vào tiết xuân hơn bất kì mùa nào khác, nếu người ta quá tò mò tọc mạch.

- Nếu cứ bàn mãi về nó như vậy, ta sẽ chẳng thể nào ngưng nhìn nó được. - Mary nói khễ kháng. - Ta nên nói chuyện khác đi. Có điều này tôi muốn nói với anh đây.

- Nó sẽ thích hơn nếu ta nói chuyện gì khác. - Dickon tiếp lời. - Cô định bảo gì tôi?

- Phải rồi. Anh có biết gì về Colin không? - Mary thì thào hỏi.

Dickon ngoái đầu nhìn con bé.

- Thế cô biết những gì về cậu ấy?

- Tôi đã từng gặp cậu ấy. Suốt tuần vừa rồi, ngày nào tôi cũng được nói chuyện với cậu ấy. Cậu ấy rất muốn tôi tới. Cậu ấy bảo tôi đã giúp cậu ấy quên hẳn việc ốm đau chết chóc. - Mary trả lời.

Dickon trông nhẹ nhóm hẳn, ngay khi sự ngạc nhiên trên khuôn mặt bầu bĩnh của nó biến mất.

- Tôi lấy làm mừng vì điều đó, - Dickon thốt lên. - Đáng mừng lắm. Như thế tôi sẽ thấy dễ chịu hơn. Tôi vẫn biết không được phép nói bất cứ chuyện gì về cậu ấy, mà tôi thì lại không thích che giấu điều gì.

- Chẳng lẽ anh không thích giấu chuyện khu vườn bí mật?

- Tôi chưa hề kể với ai về nó, - Dickon đáp. - Nhưng tôi có bảo mẹ: “Mẹ ạ, con có một bí mật buộc phải giấu kín. Đây không phải là điều xấu, mẹ biết đấy. Chẳng tệ hơn việc che giấu một tổ chim. Mẹ chẳng cần bận tâm làm gì, phải không mẹ?”

Mary lúc nào cũng thích được nghe về người mẹ.

- Vậy bà đã nói gì? - Nó hỏi mà không hề sợ phải nghe câu trả lời.

Dickon tóet miệng cười ngọt ngào.

- Thì cũng giống như bà và những gì bà vẫn nói, - thằng bé đáp. – Bà khẽ xoa đầu tôi rồi cười bảo: “Hừ, anh chàng này, con cứ việc giữ cái bí mật mà con thích. Mẹ biết cái tính của con mười hai năm nay rồi còn gì.”

- Anh biết Colin như thế nào? – Mary hỏi.

- Mọi người ai nấy đều biết ông Craven có một đứa con trai sinh ra vốn què quặt, và họ cũng biết ông Craven không thích nó bị đem ra bàn tán. Dân chúng đều lấy làm tiếc cho ông Craven, bởi bà Craven là một phu nhân xinh đẹp và hai người đã yêu thương nhau đến vậy. Bà Medlock thường dừng chân ở ngôi nhà gianh của chúng tôi mỗi bận bà sang bên Thwaite, và lần nào bà cũng nói chuyện với mẹ tôi, trước mặt cả lũ trẻ con chúng tôi, vì bà biết chúng tôi đã được dạy dỗ thành những đứa đáng tin cậy. Làm thế nào mà cô phát hiện ra cậu ấy? Lần vừa rồi về thăm nhà, nom chị Martha lo lắng lắm. Chị ấy kể rằng cô đã nghe thấy cậu ấy khóc, và cô đã hỏi những câu hỏi khiến chị ấy chẳng biết trả lời sao.

Mary bèn thuật lại chuyện tiếng gào của gió giữa đêm khuya đã khiến nó thức giấc, tiếng nước nở xa xăm đã dẫn bước nó tới những hành lang tối tăm với cây nến trên tay, rồi việc nó mở cánh cửa căn phòng có ánh sáng lờ mờ với chiếc giường có bốn cột chạm trổ kê ở góc phòng. Đến đoạn nó miêu tả khuôn mặt trắng ngà nhỏ nhắn và đôi mắt có mi đen kì lạ của Colin thì thằng Dickon lắc đầu.

- Chúng giống hệt đôi mắt bà mẹ, chỉ có điều đôi mắt bà luôn biết cười, tôi cũng nghe họ nói vậy. – Thằng bé tiếp, - họ còn bảo ông Craven không thể chịu đựng được việc nhìn cậu ấy khi cậu ấy thức dậy, bởi vì đôi mắt cậu giống bà mẹ quá đỗi, có khác chẳng là về đau khổ trên khuôn mặt cậu.

- Anh có cho rằng ông muốn cậu ấy chết cho rảnh nợ không? – Mary thì thầm hỏi.

- Không, nhưng ông ước giá cậu ấy đừng bao giờ sinh ra thì hơn. Còn mẹ tôi, bà bảo rằng đó là điều bất hạnh nhất trên đời đối với một đứa trẻ. Ông Craven đã mua bất kể thứ gì mà tiền bạc có thể mua được cho anh chàng tội nghiệp ấy, chỉ có điều ông muốn quên đi sự hiện diện của cậu ấy trên đời này. Có một việc khiến ông sợ hãi là sẽ tới một ngày ông phải đối mặt với con trai mình, và nhận ra cậu ấy đã lớn lên với cái lưng gù.

- Bản thân Colin khiếp sợ việc ấy đến nỗi cậu ấy không muốn ngồi dậy nữa, - Mary nói. – Cậu ấy bảo cậu ấy luôn nghĩ rằng nếu thây một cái bước mọc ra là cậu ấy sẽ phát điên và gào khóc cho tới khi chết.

- Trời ơi! Cậu ấy không nên nằm ì ra mà tưởng tượng những điều như vậy, - Dickon bảo. – Chẳng ai có thể khỏe mạnh được nếu chỉ nghĩ rặt những chuyện vớ vẩn như vậy.

Con cáo này giờ vẫn nằm trên vạt cỏ ngay cạnh Dickon, thỉnh thoảng nó ngước lên như muốn được vỗ về, Dickon cúi xuống xoa nhẹ vào cổ nó và im lặng nghĩ ngợi vài phút.

Đột nhiên, thằng bé ngẩng đầu và ngó quanh khu vườn.

- Lần đầu chúng ta vào đây, - nó nói – hình như mọi vật đều xám. Bây giờ nhìn xung quanh mà xem, cô không nhận ra có gì đổi khác sao.

Mary nhìn quanh và hít một hơi nhẹ.

- Sao thế này! – Con bé kêu lên, - bức tường màu xám đang biến đổi, khác nào có một màn sương màu xanh đang lan toả trên đó. Như một tấm mạng che mặt bằng sa xanh.

- Ấy! – Dickon bảo. – Rồi nó sẽ còn xanh hơn, xanh hơn nữa cho tới khi màu xám úa hoàn toàn biến mất. Cô có đoán tôi đang nghĩ gì không?

- Tôi biết phải là cái gì hay lắm, - Mary đáp lại vẻ háo hức. – Tôi tin rằng điều đó có liên quan đến Colin.

- Tôi đang nghĩ nếu cậu ấy được ra đây thì đời phải lo chuyện cai bấu mọc trên lưng, thay vào đó cậu ấy được ngắm những nụ no hé nở trên các khóm hoa hồng, và chắc chắn sẽ khỏe hẳn ra, - Dickon giảng giải. – Tôi tự hỏi nếu ta giúp cậu ấy được vui vẻ, được ra ngoài này mà nằm dưới tán cây thì hay biết mấy.

- Tôi cũng thường tự hỏi về chuyện đó. Hầu như lúc nào tôi cũng nghĩ tới điều đó mỗi khi nói chuyện với Colin, - Mary bảo. – Tôi tự nhủ không biết cậu ấy có giữ được bí mật không, và liệu chúng ta có thể đưa cậu ấy ra đây mà không sợ ai trông thấy không. Tôi nghĩ có lẽ anh sẽ là người đẩy xe giúp cậu ấy. Bác sĩ bảo cậu ấy cần được hít thở không khí trong lành, và một khi cậu ấy muốn chúng ta đưa ra ngoài trời thì đó ai dám không vâng lời. Cậu ấy sẽ không ra ngoài với những người khác, và có lẽ mọi người sẽ lấy làm mừng khi cậu ấy bằng lòng đi với bọn mình. Cậu ấy có thể ra lệnh cho những người làm vườn đi chỗ khác, thế nên họ sẽ không tài nào phát hiện ra đâu.

Dickon đắm chiêu suy nghĩ trong lúc đưa tay gãi lưng cho con Đại úy.

- Được thế thì thật tốt cho cậu ấy, tôi tin chắc như vậy, - thằng bé nói. – Sẽ không ai còn dám nghĩ thà cậu ấy đừng sinh ra trên đời. Trước đây chỉ có hai đứa chúng mình được ngắm cây cối trong vườn mọc lên, giờ thêm cậu ấy nữa là ba. Hai chàng và một nàng cùng nhau ngắm mùa xuân. Tôi dám đánh cược rằng điều đó còn tốt hơn mấy món thuốc của ông bác sĩ.

- Bấy lâu nay, cậu ấy phải nằm bẹp trong phòng và luôn lo sợ cái lưng sẽ khiến mình dị dạng, - Mary bảo. – Cậu ấy hiểu biết nhiều nhờ sách vở, ngoài ra thì chẳng có gì. Cậu ấy bảo cứ ốm yếu suốt thế thì lấy đâu ra sức lực để nhận biết mọi thứ khác, thành thử cậu ấy ghét ra khỏi nhà, ghét vườn tược và ghét luôn cả người làm vườn. Nhưng cậu ấy lại thích nghe về khu vườn này, bởi nói là cả một bí mật. Tôi không dám kể lắm, nhưng cậu ấy bảo rất thèm được ngắm nó.

- Đợi tới khi thật chắc chắn ta mới đưa cậu ấy ra đây, - Dickon tiếp – Tôi đủ sức đẩy xe cho cậu ấy. Cô có để ý thấy con chim ứ đỏ và con mái của nó

vẫn mãi mê làm việc trong lúc ta ngồi đây không? Hãy xem nó đang đậu trên cái cành kia kia, nó đang phân vân tự hỏi đâu là chỗ tốt nhất để nó cái cành nhỏ vừa ngậm trong mỏ mang về.

Thằng bé huýt một tiếng trầm ngâm, con chim ức đỏ quay đầu nhìn nó về dò hỏi, mỏ vẫn ngậm cái cành non. Dickon nói với nó theo kiểu lão Ben Weatherstaff vẫn thường làm, nghe như một lời khuyên thân thiện.

- Nơi nào mà chọn để làm tổ, hẳn đó là nơi yên lành. Trước khi rời khỏi vớ trứng thì mà đã hiểu phải làm một cái tổ cho gia đình mình ra sao rồi. Tiếp tục đi, anh bạn. Đừng để phí thời gian.

- Ôi, tôi thích nghe anh nói chuyện với nó! – Mary nói và bật cười sung sướng. – Ông Ben Weatherstaff cứ mắng mỏ và trêu chọc nó, còn nó thì nhảy nhót xung quanh và hiểu được từng từ một, và tôi biết nó thích thế lắm. Ông Ben bảo nó tự phụ đến mức thà bị ném đá chứ không thể không được ai đề ý.

Dickon nghe thế cũng phải bật cười, thằng bé tiếp tục trò chuyện.

- Mà ừ thừa biết bọn tao không muốn quấy rầy mày, - nó bảo với con chim ức đỏ. – Như bọn tao đây cũng gần như những kẻ sống đời hoang dã. Bọn tao cũng đang xây tổ đấy. Chúa phù hộ cho mày. Coi chừng, đừng nói với ai về bọn tao nhé, nghe không?

Và mặc cho con chim ức đỏ không trả lời, bởi vì nó đang ngậm đầy mỏ, Mary vẫn biết rằng khi nó bay đi cùng với cái cành nhỏ, trở về góc vườn của nó, bong sẫm trong đôi mắt như giọt sương của nó ngụ ý rằng nó không đời nào đi kể lại bí mật của chúng cho thế giới này.

Chương 16: Mary: “Tớ sẽ không đến!”

Buổi sáng hôm đó, hai đứa trẻ tìm ra vô khối việc để làm. Lúc Mary quay về nhà thì đã muộn, sau đó nó còn vội vã trở lại với công việc đến nỗi quên khuấy cả Colin, cho tới phút cuối.

- Chị bảo với Colin rằng tôi không thể tới thăm cậu ấy được, - nó nói với Martha. – Tôi đang rất bận ngoài vườn.

Martha trông có vẻ hoảng hốt.

- Kìa, cô Mary, việc đó có thể khiến cậu ấy bực bội điên lên khi tôi báo tin.

Nhưng Mary đâu có sợ Colin như những người khác, và nó vốn dĩ không phải một người biết hy sinh.

- Tôi không thể ở lại. Dickon đang đợi tôi, - đoạn nó chạy ngay đi.

Buổi chiều hôm ấy còn bận bịu và dễ thương hơn cả buổi sáng. Hầu như tất cả cỏ dại đều được dọn sạch và các khóm hồng cùng cây cối trong vườn đều được xén tỉa, vun gốc. Dickon mang mai của mình đến, nó còn dạy Mary cách sử dụng mọi dụng cụ, nên lúc này chôn hoang dại đáng yêu đầy tuy chưa giống một khu vườn của người làm vườn chuyên nghiệp, nhưng sẽ

biến thành cả rừng cây vươn lên trước khi mùa xuân trôi qua.

- Hoa táo và hoa anh đào sẽ tới đầu tiên, - Dickon nói trong khi hăng hái làm việc, - kể đến là mùa đào, rồi thì đám mận bên bờ tường cũng thi nhau nở rộ, và bãi cỏ này rồi sẽ biến thành một thảm hoa cho mà xem.

Con cáo nhỏ và con quạ cũng ra điều sung sướng và bận rộn như bọn chúng, còn chim ức đỏ cùng bạn đời của nó thì bay qua bay ại như những vệt sang bé xíu. Thỉnh thoảng con quạ lại vỗ vỗ đôi cánh đen của nó rồi bay vút lên ngọn cây trong vườn. Mỗi lần trở lại đậu gần Dickon, nó kêu lên mấy tiếng quạ quạ như đang kể lại những chuyến phiêu lưu của nó, Dickon bèn trò chuyện với nó như với con chim ức đỏ lúc trước. Một lúc khi Dickon đang bận tay không kịp trả lời nó, Bò hóng bèn bay ngay lên vai và lấy cái mỏ to tướng véo nhẹ lên vai thẳng bé. Khi Mary muốn nghỉ tay một lát, Dickon bèn ngồi xuống bên con bé dưới một tán cây. Nó rút cây sáo ra khỏi túi, và khi mấy nốt nhạc êm ái vừa mới cất lên thì hai con sóc từ đâu xuất hiện trên bờ tường, nghiêng ngó lắng nghe.

- Trông cô thế mà khỏe hơn tôi tưởng đấy, - Dickon nói trong lúc nhìn con bé xới đất. - Đã bắt đầu khác hẳn xưa rồi, thật đấy.

Cả người Mary hồng rục lên bởi hoạt động chân tay và tinh thần phấn chấn.

- Tôi mỗi ngày một béo ra, - nó hớn hờ nói. - Bà Medlock sẽ kiếm cho tôi mấy chiếc áo rộng hơn. Chị Martha thì bảo tóc tôi ngày một dày hơn. Nó không còn mỏng dính và rối tung như trước nữa.

Mặt trời đang lặn dần và chiếu những tia nắng vàng thắm chên chéch xuống tán cây khi hai đứa trẻ chia tay nhau.

- Ngày mai trời sẽ đẹp, - Dickon bảo. - Mặt trời mọc là tôi bắt đầu làm việc ngay.

- Tôi cũng sẽ như vậy. - Mary đáp.

Con bé guồng chân chạy hết tốc lực. Nó chỉ muốn kể lại cho Colin nghe về con cáo, con quạ của Dickon và những gì mùa xuân đã và đang mang lại. Nó chắc chắn rằng Colin sẽ thích nghe. Thế nhưng mọi thứ chẳng lấy gì làm vui, khi nó mở cửa phòng và bắt gặp

Martha đang đứng đợi với bộ mặt sầu thảm.

- Chuyện gì vậy? - nó hỏi. - Colin nói gì khi chị báo rằng tôi không thể tới được?

- Ôi!- Martha đáp. - Tôi ước gì cô có mặt tại đó mà chứng kiến. Cậu ấy lại lên con cáu giận điên cuồng như trước đây. Suốt buổi chiều chẳng có cách nào làm cho cậu ấy yên được. Cậu ấy cứ nhìn đồng hồ suốt.

Đôi môi của Mary bậm lại. Thực ra nó ích kỷ chẳng kém Colin là bao, và nó nhận thấy chẳng có lý nào một thằng bé hay bản gắt lại được phép can thiệp vào những thứ nó đang vô cùng thích thú. Con bé không hình dung ra nỗi nỗi khổ của những kẻ đang ốm đau rầu rĩ, những kẻ không có ý thức tự

kiềm chế mình và bắt người khác cũng mệt mỗi phút ôm theo. Đạo ở Ấn Độ, mỗi khi bị nhức đầu, nó đã cố làm cho những người khác cũng bị đau đầu hay một cái gì tệ hại như thế. Và nó cảm thấy mình hoàn toàn đúng; dĩ nhiên, bây giờ nó cho rằng Colin hoàn toàn sai.

Lúc Mary bước vào phòng riêng của Colin thì thằng bé không còn trên ghế sofa. Nó đang nằm dài trên giường, không thêm ngoái đầu lại nhìn khi con bé bước vào. Đây quả là một sự mở đầu tồi tệ. Mary cũng tiến lại chỗ thằng bé trong dáng điệu cứng nhắc của nó.

- Tại sao cậu không ngồi đây? - Nó hỏi.

- Sáng nay tớ đã dậy vì nghĩ thể nào cậu cũng tới, - thằng bé đáp, mắt không nhìn Mary. - Đến chiều tớ mới sai bọn họ đưa tớ về giường. Tớ đau lưng, nhức đầu và thấy mệt mỏi. Tại sao cậu không tới hả?

- Tớ làm việc trong vườn với Dickon.

Colin trau mày rồi mới chiếu cố nhìn đến nó.

- Tớ sẽ không cho phép thằng nhóc ấy đến đây nếu cậu cứ bỏ đi và ở lại với thằng ấy, trong khi lẽ ra phải đến đây nói chuyện với tớ, - nó nói.

Mary nổi giận lôi đình. Nó có thể giận dữ mà không làm huyên náo. Nó chỉ trở nên gay gắt, ương ngạnh và không cần biết chuyện gì sẽ xảy ra.

- Nếu cậu đuổi Dickon đi, tớ sẽ không bao giờ bước chân tới căn phòng này nữa, - con bé trả miếng.

- Cậu phải đến nếu tớ muốn, - Colin nói.

- Tớ sẽ không đến! - Mary đáp lại.

- Tớ sẽ ép cậu, - Colin bảo. - Bọn họ sẽ kéo cậu vào.

- Họ dám à, ngài tiểu vương! - Mary nói một cách tức giận. - Họ có thể kéo tớ vào, nhưng không thể bắt tớ nói sau khi ép buộc tớ tới đây. Tớ chỉ ngồi im, bịt miệng và không thêm nói với cậu dù chỉ một lời. Thậm chí tớ cũng sẽ không thêm nhìn cậu, mà chỉ nhìn xuống sàn!

Và chúng vẫn cứ là hai đứa trẻ dễ thương khi chúng đưa mắt gườm gườm nhìn nhau. Giả sử là hai thằng nhóc bụi đời ngoài phố thì hẳn chúng đã lao vào và choảng nhau ra trò.

- Cậu là đồ ích kỷ! - Colin gào lên.

- Thế còn cậu? - Mary nói. - Người ích kỷ nào mà chẳng nói vậy. Bất cứ ai cũng thành ích kỷ, nếu không tự mình đi làm những gì họ muốn. Cậu còn ích kỷ hơn tớ. Cậu là thằng nhãi ích kỷ nhất mà tớ từng thấy.

- Tớ không phải thế! - Colin vặc lại. - Tớ không ích kỷ như anh chàng Dickon xinh trai của cậu! Hẳn giữ cậu lại mà chơi đùa ở cái nơi bẩn thỉu ấy trong khi hẳn thừa biết tớ chỉ có một thân một mình. Hẳn quả là ích kỷ, cậu cứ đi mà thích!

Đôi mắt Mary nảy lửa.

- Anh ấy còn tốt đẹp hơn bất cứ đứa con trai nào trên đời! - Nó nói. - Anh ấy... anh ấy giống như một thiên thần! - Có lẽ nó thật ngốc khi nói ra

điều đó, nhưng nó chẳng quan tâm.

- Một thiên thần xinh đẹp! – Colin mĩa mai một cách dữ tợn. – Đây là một thằng nhóc bình dân trong túp lều gianh ngoài đồng hoang!

- Anh ấy còn hay hơn một gã tiểu vương tâm thường! – Mary trả miếng. – Anh ấy ngàn lần hay hơn!

Bởi vì trong hai đứa, con bé có giọng điệu đanh thép hơn, nên nó bắt đầu thắng thế so với thằng kia. Sự thực là trong đời, thằng Colin chưa bao giờ phải đối co với bất kỳ đứa trẻ nào giống mình, nhưng tựu trung thì chuyện này cũng tốt cho nó, mặc dù cả nó và Mary đều chẳng hề nhận ra. Nó trở đầu trên gối, nhắm tịt mắt lại, một giọt nước mắt lớn ứa ra chảy trên xuống má nó. Thằng bé bắt đầu cảm thấy đau đớn xót xa cho thân phận mình.

Tớ không đến nỗi ích kỷ như cậu nói, bởi tớ lúc nào cũng ốm, tớ dám nói chắc rằng có một cục bướu đang hình thành trên lưng tớ. Hơn thế nữa, tớ sắp chết đến nơi rồi.

- Cậu không hề như vậy! – Mary phủ nhận một cách không thương xót.

Thằng bé mở to đôi mắt phần nộ. Từ trước tới giờ, nó chưa từng nghe ai nói một câu tương tự. Nó vừa giận dữ vừa thoảng thấy vui mừng, nếu như người ta có thể cùng lúc có cả hai cảm xúc đó trong mình.

- Tớ mà không hề như vậy sao? – Nó kêu to. – Tớ là thế đấy! Cậu cũng thừa biết tớ như thế mà! Ai ai cũng nói thế.

- Tớ không tin! – Mary gắt gỏng. – Cậu chúa là hay nói vậy để mọi người phải rầu lòng. Tớ chắc cậu tự hào về điều đó lắm. Tớ thì tớ không tin! Nếu cậu là một cậu bé ngoan thì có lẽ đúng vậy, nhưng đằng này cậu quá hư đốn!

Không đếm xỉa tới cái lưng chưa ớn của nó, thằng bé ngồi bật dậy trên giường trong cơn thịnh nộ.

- Cút ngay khỏi phòng! – Nó quát to, đoạn vớ lấy cái gối ném thẳng vào con bé. Nó không đủ sức ném cái gối xa hơn, nên cái gối rớt xuống ngay cạnh chân con bé, nhưng khuôn mặt Mary vẫn rần đanh như cái kẹp hạt dẻ.

- Tớ về đây. Và sẽ không bao giờ trở lại!

Con bé bước thẳng ra cửa, vừa đến đó nó quay lại và mở miệng.

- Tớ định bụng sẽ kể cho cậu nghe biết bao chuyện hay. Dickon mang con cáo và con quạ của anh ấy đến, và tớ định kể cho cậu mọi điều về chúng. Bây giờ thì một mẩu chuyện cũng đừng hòng tớ kể!

Con bé chạy vụt ra khỏi phòng rồi khép cánh cửa lại sau lưng, tại đó nó kinh ngạc nhận ra cô bảo mẫu, có vẻ như đã nghe thấy hết câu chuyện và vẫn còn ngạc nhiên, cô cười phá lên. Cô là một thiếu nữ xinh đẹp, vóc người cao lớn và chẳng có vẻ gì là một bảo mẫu chuyên nghiệp cả. Hơn thế nữa, cô không thể chịu đựng được người tàn tật. Cô luôn kiếm cớ bỏ mặc Colin cho Martha hay bất kỳ ai khác thay chân giúp cô. Mary chưa bao giờ thấy ư cô nên nó chỉ đứng nhìn cô chằm chằm, trong khi cô cười rúc ríc sau cái khăn

tay che miệng.

- Chị cười gì hả?- Nó hỏi cô.

- Cười hai bạn trẻ, - cô bảo mẫu nói. – Đó là điều tốt nhất ta có thể làm cho một kẻ ốm yếu và được nuông chiều thái quá. Hết người nọ đến người kia hầu hạ chỉ tỏ làm hồng cậu ấy mà thôi, - nói đoạn cô lại đưa khăn tay che miệng cười. – Giá mà cậu ấy có một cô em gái đão để mà choảng nhau, có khi lại cứu được cậu cũng nên.

- Cậu ấy sắp chết thật sao?

- Tôi không biết mà cũng chẳng quan tâm, - cô bảo mẫu nói. – Sự nóng nảy kích động là một nửa những gì đã hại cậu ấy.

- Kích động cái gì? – Mary hỏi.

- Rồi cô sẽ thấy nếu cô đẩy cậu ấy vào một cơn điên giận sau chuyện vừa rồi. Nhưng dù thế nào đi nữa, cô đã làm cho cậu ấy một cái cơ để kích động, và tôi lấy làm mừng vì điều đó.

Mary trở về phòng mà không hề xao xuyến như cảm giác nó đã từng có lúc từ vườn về nhà. Nó chỉ hơi bực mình và không hề thấy thương xót gì thằng Colin. Nó đã mong đến lúc kể lại cho thằng nhóc ấy biết bao chuyện lạ, và nó cũng đã tính, sẽ quyết định xem liệu có tin cậy mà thổ lộ với Colin cái điều bí mật to lớn ấy không. Con bé đã bắt đầu tính đến chuyện đó, nhưng bây giờ thì nó suy nghĩ khác hoàn toàn. Nó sẽ chẳng bao giờ nói cho thằng ấy biết, thằng ấy cứ việc nằm dài trong phòng, không khi nào được tận hưởng bầu không khí trong lành và sẽ chết như nó muốn! Thế cũng đáng đời lắm! Con bé cảm thấy mình cứng rắn và tàn nhẫn đến mức trong giây lát nó hầu như quên hẳn Dickon cũng tấm màn xanh mỏng mỏng đang dần bao trùm lên thế giới, cùng với cả làn gió dịu dàng đang từ cánh đồng hoang thổi về.

Martha đang đợi con bé, nét buồn rầu trên gương mặt chị lúc này tạm thời chuyển sang vẻ quan tâm pha chút tò mò. Một chiếc hộp gỗ để trên bàn, nắp đã mở sẵn, để lộ những gói buộc gọn gang chặt nịch.

- Ông Craven gửi nó cho cô đấy, - Martha bảo. – Có vẻ là mấy cuốn truyện tranh.

Mary bỗng nhớ lại những gì ông đã nói với nó vào cái hôm nó đến phòng ông. “Cháu thích gì nào: búp bê, đồ chơi, sách?” Con bé mở gói đồ, tự hỏi không biết ông có gửi cho nó búp bê hay không, và nghĩ bụng nó biết làm gì với con búp bê đây nếu ông gửi. Nhưng ông không gửi cho nó con búp bê nào cả. Thế vào đó là mấy cuốn sách tuyệt đẹp chẳng kém gì của Colin, hai trong số đó viết về những khu vườn và đây những tranh minh họa, cùng mấy thứ đồ chơi, một hộp đựng bút bé xinh trên có khắc chữ lồng mạ vàng, cùng một cây bút bằng vàng và cái giá để lọ mực.

Tất cả đều đẹp đến nỗi niềm vui bắt đầu đẩy lùi mọi tức tối ra khỏi tâm trí của nó. Nó không dám mong được ông nhớ đến, trái tim bé nhỏ khô cằn của nó trở nên ấm áp lạ thường.

- Tôi viết chữ thường đẹp hơn chữ in, - nó nói, - và việc trước tiên là tôi sẽ viết, bằng chiếc bút này, một bức thư để nói với ông rằng tôi cảm ơn ông.

Giá như còn là bạn bè với Colin, thì chắc hẳn nó sẽ chạy đến khoe món quà với thằng bé ngay tức khắc, rồi chúng sẽ cùng nhau xem các bức vẽ, đọc mấy cuốn sách về vườn tược, và có thể còn mang đồ chơi ra chơi nữa, và thằng Colin chắc sẽ sung sướng đến nỗi từ nay không bao giờ nghĩ rằng nó sắp chết, hay lại đặt tay lên xương sống để xem cục bướu có mọc lên không. Nó cứ làm vậy thì Mary không chịu nổi. Việc đó gây cho con bé một cảm giác kinh sợ bất an, bởi vì chính thằng bé trông cũng quá sợ hãi. Nó bảo nếu một ngày nào đó nó cảm thấy có một cái bướu nhỏ thôi thì nó hiểu ra rằng cái lưng của mình bắt đầu gù đi. Những gì bà Medlock thăm thì với cô bảo mẫu đã khiến ý nghĩ ấy hình thành. Nó âm thầm nung nấu ý nghĩ đó đến mức ăn sâu vào tâm trí. Bà Medlock cho rằng cái lưng của cha nó đã lộ vẻ méo mó từ khi ông còn bé tí. Nó chưa bao giờ thổ lộ với ai khác ngoài Mary rằng “những cơn tam bành” của nó, như thiên hạ thường gọi thế, đã nảy sinh từ nỗi sợ điên cuồng giấu kín đó. Khi nó kể chuyện đó, Mary cũng động lòng thương cảm.

“Cậu ấy luôn nghĩ về điều đó mỗi khi tức giận hay mệt mỏi, - nó thậm chí nhủ. - Hôm nay cậu ấy cũng đang tức giận thì phải. Có lẽ ... có lẽ suốt chiều nay cậu ấy sẽ bị ám ảnh về chuyện ấy.”

Con bé đứng lặng người, cúi nhìn tâm thần và suy nghĩ.

“Mình đã bảo sẽ không bao giờ thèm quay lại đây nữa cơ mà, - con bé lưỡng lự, cau mày, - nhưng có lẽ, chỉ là có lẽ thôi, mình sẽ tới và xem xem ... nhờ cậu ấy sẽ lại ném chiếc gối vào mình cũng nên, nhưng ... mình cho rằng mình sẽ tới.”

Chương 17 : Một cơn cuồng nộ

Ngày hôm ấy, Mary thức dậy rất sớm và làm việc miệt mài ngoài vườn, nên giờ nó thấy thậm chí mệt và buồn ngủ. Martha vội dọn bữa cho nó, con bé ăn xong thì hả hê leo lên giường. Vừa ngả đầu xuống gối, nó đã nhủ thầm: “Mình sẽ ra ngoài vào trước bữa sang, làm việc với Dickon rồi sau đây ... mình nghĩ ... mình sẽ đi gặp cậu ấy.”

Nó cứ tưởng như đã tới nửa đêm, khi những âm thanh khủng khiếp vang lên khiến nó tỉnh giấc, và ngay lập tức nó nhảy phắt ra khỏi giường. Cái gì thế ... cái gì thế? Chỉ phút sau nó đã hiểu việc gì vừa xảy ra. Các cánh cửa vừa mở ra rồi lại đóng sập, bước chân ai đang hối hả trong hành lang, cùng lúc đó là tiếng người đang vừa la hét vừa than khóc một cách khủng khiếp.

- Đó là Colin, - con bé bảo. - Cậu ấy đang nổi cơn tam bành mà chị bảo mẫu gọi là chứng kích động cuồng loạn. Âm thanh mới dễ sợ làm sao.

Nghe những tiếng hét lẫn trong tiếng thỏn thức đó, nó không lấy làm ngạc nhiên khi thấy mọi người sợ hãi đến độ thà nhượng bộ mọi yêu cầu của

thằng bé còn hơn là phải nghe những tiếng ấy. Con bé đưa tay bịt tai, cảm thấy mệt mỏi và run rẩy: “Mình biết làm gì bây giờ. Mình biết làm gì đây. Mình không tài nào chịu nổi nữa.”

Có lúc nó tự hỏi không biết Colin có thôi kêu khóc nếu nó dám đến với thằng bé, chính lúc ấy nó nhớ lại cảnh thằng bé đã đuổi mình ra khỏi phòng và nhủ thầm, có lẽ sự có mặt của nó đã đẩy thằng bé vào tình trạng tồi tệ ấy. Ngay cả khi nó ép chặt hơn nữa hai bàn tay vào hai bên tai, nó vẫn không thể ngăn được âm thanh khủng khiếp nọ. Nó thấy ghét và kinh hoàng thứ âm thanh đó đến độ nó chột nổi giận, nó cảm tưởng bản thân cũng đang bị cuốn vào một cơn giận điên rồ và muốn đe dọa thằng bé như thằng bé đang đe dọa mình. Mary chưa bao giờ phải chịu đựng cơn nóng nảy của bất kỳ ai, ngoài bản thân nó. Nó buông hai tay ra, ngồi nhồm dậy và thong chân xuống sàn.

- Nó thôi đi được rồi đấy! Ai đó nên bảo nó thôi đi! Ai đó hãy cho nó một trận! – Con bé gào lên.

Đúng lúc ấy, nó nghe có tiếng chân chạy dọc hành lang, cánh cửa phòng nó bật mở, cô bảo mẫu bước vào. Lúc này, chẳng còn thấy cô ta cười cợt gì nữa. Thậm chí mặt cô còn hơi tái đi.

- Cậu ấy đang rơi vào cơn kích động cuồng loạn, - cô nói vội vàng. Như thế chỉ làm hại chính cậu ấy. Chẳng ai có thể làm gì với cậu ấy. Mong cô tới và thử xem sao, cô bé tốt bụng. Cậu ấy chỉ thích mỗi mình cô.

- Sáng nay cậu ấy đã đuổi tôi khỏi phòng, - Mary vừa nói, vừa giậm chân.

Cái giậm chân dường như đã khiến cô bảo mẫu thích thú. Sự thực là trước đó, cô đã lo có thể sẽ thấy Mary đang khóc và vùi đầu dưới tấm phủ giường.

- Đúng như vậy đấy, - cô nói. – Cô đang vui. Cô đi mà quở trách cậu ấy đi. Hãy cho cậu ấy cái gì mới mới mà động não. Đi đi, cô bé, nhanh chân lên nào.

Chẳng phải sau này Mary mới nhận ra điều đó vừa buồn cười lại vừa đáng sợ - buồn cười vì tất cả những người lớn ở đây đều kinh hoàng đến nỗi họ phải chạy tới cầu cứu một đứa bé gái mà họ cho rằng cũng tệ hại chẳng kém gì Colin.

Con bé chạy như bay dọc hành lang, càng tới gần tiếng kêu, nổi tức giận của nó càng dâng cao hơn. Vào lúc chạm tới cánh cửa, con bé mới cảm nhận hết sự nguy hiểm. Nó đưa tay đẩy cánh cửa mở toang, rồi chạy tới bên chiếc giường có bốn cọc chạm trổ.

- Cậu thôi đi cho! – Con bé hầu như quát lên. – Cậu thôi đi! Tớ căm ghét cậu! Ai cũng căm ghét cậu! Tớ ước gì mọi người chạy hết khỏi ngôi nhà này, để mặc cậu gào thét một mình cho tới chết! Cậu sẽ được gào khóc một mình cho tới chết, tớ ước gì cậu sẽ phải thế!

Một đứa trẻ dễ thương có lòng trắc ẩn chẳng thể nào nghĩ hay nói những

điều như vậy. Nhưng cú sốc trước những lời nói ấy lại là điều khả dĩ nhất cho một đứa trẻ đang kích động như thằng bé, một kẻ mà không một ai dám ngăn cản hay trái lời.

Thằng Colin đang nằm úp mặt, hai tay nện thình thịch xuống gối, nó giật mình quay ngất về phía giọng nói giận dữ của con bé. Khuôn mặt nó nom thật đáng sợ, trắng bệch và đỏ lựng, sung vù lên, nó hét thở hỗn hển rồi lại ho sù sụ, nhưng Mary bé bỏng độc ác vẫn không mảy may quan tâm.

- Cậu mà gào thêm tiếng nữa thì tớ cũng sẽ gào cùng, mà tớ còn gào to hơn nữa kia, tớ sẽ làm cho cậu phải khiếp sợ, tớ sẽ làm cậu khiếp sợ cho mà xem!

Đương nhiên là thằng bé im bật, vì Mary đã làm nó sừng sốt. Việc kêu gào cũng khiến nó nghẹt thở. Mấy dòng lệ tuôn trào trên mặt nó.

- Tớ không thể dừng được! – Nó hỗn hển, thốn thức. – Tớ không thể ... tớ không thể!

- Cậu có thể! – Mary quát to. – Một nửa bệnh tật chính là sự kích động và tính khí nóng nảy của cậu: kích động, kích động, kích động! – Con bé giậm chân sau mỗi lần nói.

- Tớ cảm thấy rõ cục bướu ... tớ cảm thấy nó, - Colin nói như nghẹn thở. – Tớ biết tớ sẽ bị. Rồi tớ sẽ mang một cục bướu trên lưng và sẽ chết, - nó lại bắt đầu rên rỉ, quay mặt đi khóc thốn thức, nhưng không gào lên nữa.

- Cậu chẳng cảm thấy cái bướu nào hết! – Mary phủ nhận một cách giận dữ. – Đây chỉ là một cái bướu mê sảng mà thôi. Sự kích động đã làm ra những cái bướu. Chẳng có vấn đề gì với cái lưng quá quắt của cậu cả, chẳng có gì hết ngoài sự mê sảng! Quay lưng lại để tớ xem!

Con bé rất thích cái từ “kích động”, và không rõ tại sao nó cảm thấy từ ấy đã có hiệu quả nhất định đối với Colin. Thằng bé hình như cũng giống như nó, chưa từng nghe thấy từ ấy trước đây.

- Chị bảo mẫu, - nó ra lệnh, - vào đây và ngay bây giờ vén cho tôi xem lưng cậu ấy.

Cô bảo mẫu, bà Medlock và Martha này giờ vẫn cũng nhau đứng gần cửa ra vào đều trở mắt nhìn nó, miệng há hốc ra. Cả ba hỗn hển vì sợ hãi hơn bao giờ hết. Cô bảo mẫu tiến về phía trước, có vẻ đã bớt sợ. Colin đang thốt ra những tiếng thốn thức nghẹn ngào.

Có lẽ cậu ấy ... cậu ấy không để tôi, - cô lương lự nói với giọng khe khẽ.

Dù sao thì Colin cũng chịu nghe lời con bé, nó hỗn hển nói giữa hai tiếng nức nở.

- Cho... cho cô ấy xem đi ... để cô ấy xem!

Lúc nó trần trụi mới thấy rõ một cái lưng gầy nhom tội nghiệp. Có thể đếm được từng chiếc xương sống, mặc dù cô chủ Mary không hề đếm trong lúc cúi xuống xem xét kĩ lưỡng với khuôn mặt nhỏ nhắn vừa nghiêm khắc vừa trịnh trọng. Con bé nom cau có đến nỗi cô bảo mẫu phải quay đầu sang

bên để giấu khoe miệng của cô đang giật giật. Một phút im lặng thoáng qua, Colin nín thở trong khi Mary chăm chú hết nhìn lên lại nhìn xuống cột xương sống của nó như thể con bé chính là ông bác sĩ giỏi đến từ London vậy.

- Chẳng hề có cục bướu cục biếc gì cả, - cuối cùng nó lên tiếng. – Không có lấy một mẫu, dù chỉ bằng cái đầu ghim, trừ những đốt sống, và cậu chỉ cảm thấy thể thôi bởi cậu quá gầy gò. Ngay tới đây cũng có những cục xương sống, chúng thường lồi lên mỗi lúc ta cử động, cho tới khi tới béo ra, ấy thế mà tới vẫn chưa đủ béo để lấp hẳn chúng. Không hề thấy một cục bướu nào dù chỉ bằng đầu ghim. Nếu cậu cứ lải nhải mãi, tớ sẽ cười cho đấy!

Không một ai ngoài bản thân thằng Colin có thể thấy được hiệu quả của những câu nói hết sức trẻ con được nói ra một cách cáu bẳn dường ấy đối với nó. Giá như thằng bé có ai để mà kể về những nỗi hãi hùng bí mật của nó, giá như nó dám hỏi han mọi người, giá như nó có mấy đứa nhóc để cùng chơi đùa và không phải nằm dài suốt ngày trong ngôi nhà đồ sộ khép kín ấy, thở hít bầu không khí nặng nề cùng với nỗi sợ hãi của những người mà hầu hết là bọn ngốc đã chán ngấy nó, thì hẳn nó đã nhận ra rằng tất tật nỗi sợ hãi và đau ốm của nó đều do chính bản thân nó tạo ra. Đẳng này nó chỉ biết nằm dài và ngẫm nghĩ về bản thân và nỗi đau cũng âm ỉ kéo dài cũng như sự mệt mỏi buồn chán hết giờ này sang giờ khác, ngày này sang ngày khác, tháng này sang tháng khác, rồi năm này sang năm khác. Thế mà giờ đây, một con bé cáu kỉnh, khó ưa lại cứ khăng khăng bảo rằng nó không hề ốm như nó nghĩ thì mặc dù có vẻ hơi kì lạ, nhưng nó cảm thấy có lẽ con bé đang nói sự thực.

- Tôi không hiểu, - cô bảo mẫu đánh bạo nói, - vì lẽ gì cậu ấy lại nghĩ rằng mình có một cái bướu trên sống lưng. Lưng cậu ấy yếu chẳng qua vì cậu ấy không cố ngồi dậy. Tôi cũng có thể thấy là cậu ấy chẳng có bướu biếc nào hết.

Colin nuốt nước bọt rồi khẽ ngoảnh lại nhìn cô.

- Chị ... mà cũng nói vậy? – Nó hỏi, nghe thật tội nghiệp.

- Vâng, thưa cậu.

- Thấy chưa! – Mary bảo, và nó cũng ực nước bọt một cái.

Colin ngoảnh mặt lại lần nữa, và như để lấy lại hơi sức sau cơn khóc lóc vừa nãy, nó nằm lịm người đi trong giây lát, mặc dầu mấy giọt nước mắt lớn vẫn trào ra và thấm đẫm xuống gối. Đương nhiên, những giọt nước mắt ấy muốn nói lên rằng một niềm khuây khỏa vô cùng kì lạ đang đến với nó. Bỗng nó quay lại nhìn cô bảo mẫu, và lạ thay nó chẳng có vẻ một vị tiểu vương chút nào khi nói với cô.

- Chị có cho rằng ... tôi có thể ... sống v à lớn lên không?

Cô bảo mẫu là người chẳng lấy gì làm thông minh mà cũng không phải người dễ mũi lòng, nhưng cô vẫn biết nhắc đúng từng lời của ông bác sĩ

London.

- Cậu sẽ khỏe nếu cậu chịu làm những gì được dặn dò phải làm, bỏ thói giận dữ, và sống cho thỏa thích ngoài khí trời trong lành.

Con giận dữ của Colin đã nguôi ngoai và giờ nó thấy mệt lả đi vì gào khóc, nhưng biết đâu điều đó lại giúp nó được yên lòng. Nó khẽ chìa bàn tay về phía Mary, và ta lấy làm mừng mà nói rằng con bé cũng đã qua đi nó thôn thức, bàn tay nó gặp bàn tay thẳng bé ở giữa chừng, âu cũng là một sự đền bù cho tổn thất vừa qua.

- Tớ sẽ... tớ sẽ đi ra ngoài với cậu, Mary ạ. Tớ sẽ không cảm thấy ghét không khí ngoài trời nữa nếu chúng mình cùng tìm thấy... - Đúng lúc ấy, nó sực nhớ ra và kịp không nói hết câu, “nếu chúng mình cùng tìm thấy khu vườn bí mật,” nên nó chỉ kết thúc bằng câu – tớ sẽ đi với cậu, nếu Dickon cùng đi đẩy xe giúp tớ. Sao tớ muốn gặp Dickon cùng mấy con quạ và con cáo đến thế.

Cô bảo mẫu xếp lại chiếc giường bừa bộn và đặt lại mấy cái gối cho ngay ngắn. Sau đó, cô bung cho Colin một bát nước thịt bò hầm, tiện thể cũng bung cho Mary một bát, con bé thật sự vui mừng nhận lấy món ấy sau cơn náo động vừa qua. Bà Medlock và Martha mừng rỡ lui khỏi phòng, sau khi mọi thứ đã gọn gang, êm ả đâu vào đó, cô bảo mẫu cũng hớn hờ lui ra theo. Cô vốn là một thiếu nữ khỏe mạnh, nên lúc này cảm thấy tức giận vì bị mất giấc ngủ đang ngon lành. Cô vừa ngáp dài, vừa nhìn Mary khi con bé kéo chiếc ghế đầu to tướng lại cạnh giường và cầm tay Colin.

- Chị về mà ngủ tiếp đi, - con bé bảo. – Chỉ lát nữa cậu ấy sẽ ngủ thôi, nếu cậu ấy không cảm thấy khó chịu. Lúc đó, tôi sẽ sang nằm ở phòng bên.

- Cậu có muốn tớ hát cho nghe một bài tớ học được từ Ayah của tớ không? – Mary thì thầm bên tai Colin.

Bàn tay thẳng bé khẽ kéo bàn tay Mary, nó hướng đôi mắt mệt mỏi về phía con bé với vẻ đầy thiện cảm.

- Ô, có chứ! Với bài hát nhẹ nhàng như thế, tớ sẽ ngủ ngay trong ít phút.

- Để tôi ru cho cậu ấy ngủ, - Mary nói với cô bảo mẫu đang ngáp dài. – Chị có thể đi nếu chị muốn.

- Vâng, - cô bảo mẫu nói với một cố gắng miễn cưỡng. – Nếu trong nửa giờ nữa mà cậu ấy chưa ngủ được thì cô cứ gọi tôi.

- Được lắm. – Mary đáp.

Cô bảo mẫu rời khỏi phòng trong chớp mắt; chờ cô đi khỏi, Colin lại cầm tay Mary mà nói.

- Suýt nữa thì tớ đã nói ra, nhưng tớ đã kịp ngậm miệng. Tớ sẽ không khi nào nói ra đâu và tớ sẽ ngủ ngay, nhưng cậu chớ bảo cậu có vô số chuyện hay để kể cho tớ cơ mà. Cậu ... cậu có cho rằng cậu đã khám phá ra mọi chuyện về con đường dẫn đến khu vườn bí mật ấy không?

Mary nhìn khuôn mặt nhỏ mệt mỏi và tội nghiệp của thằng bé, cả đôi mắt sung mọng của nó nữa. Nó thấy mũi lòng.

- Ủ... ừ, - nó đáp- tớ cho là có đấy. Nếu cậu chịu ngủ đi, ngày mai tớ sẽ kể cho cậu nghe.

Bàn tay thằng bé run rẩy.

- Ôi, Mary! – nó nói. – Ôi, Mary! Giá như được vào trong khu vườn đó, tớ nghĩ tớ sẽ sống mà lớn lên! Cậu có cho rằng, thay vì hát bài ca của Ayah... cậu có thể kể tớ nghe với cái giọng dịu dàng như hôm đầu, xem cậu đã tưởng tượng ra trong khu vườn ấy như thế nào? Tớ cam đoan nó sẽ làm tớ chóng ngủ.

- Được, - Mary đáp. – Nhắm mắt lại nào.

Thằng bé nhắm mắt, nằm im phăng phắc, con bé cầm bàn tay nó rồi bắt đầu chậm rãi kể bằng một giọng khẽ khàng.

- Tớ cho rằng nó đã bị người ta quên lãng từ lâu... đến nỗi cây cối mọc ngổn ngang thành một mớ rối bù dễ thương. Tớ hình dung ra các khóm hồng cứ leo, leo mãi cho tới khi cứng buông lơ lửng từ các cành cây, rủ xuống các bờ tường rồi bò lan trên mặt đất... trông chẳng khác nào một màn sương màu xám kỳ lạ. Một số đã chết, nhưng rất nhiều khóm vẫn còn sống, khi mùa hè tới chúng sẽ biến thành những tấm rèm và và dòng chảy tét bằng vô vàn bong hồng. Tớ hình dung mặt đất lúc ấy sẽ tràn ngập những đóa thủy tiên hoa vàng, hoa giọt tuyết, ly ly và diên vĩ. Bây giờ mùa xuân đã tới, ...biết đâu... biết đâu...

Giọng kể đều đều nhẹ nhàng của nó khiến thằng bé yên dần, yên dần. Con bé cũng nhận ra điều đó, nó tiếp tục thì thầm:

- Có lẽ chúng sẽ mọc xuyên qua lớp cỏ... có lẽ thoát đầu sẽ là những khóm nghệ tây màu tím xen vàng... thậm chí ngay lúc này đã thấy chúng xuất hiện. Có lẽ những chiếc lá non sắp nhú và không còn quăn tít nữa... và có lẽ màu xám xỉn đang ngả sang màu khác, và một tấm mạng mỏng màu xanh mượt sẽ lan dần...lan dần...che phủ trên khắp mọi cảnh vật... Rồi chim chóc sẽ bay về để chiêm ngưỡng... bởi có ở đâu an toàn và yên bình hơn nơi đây. Và, biết đâu... biết đâu...biết đâu ... con chim ước đồ ấy chẳng tìm thấy một bạn tình... để cùng nhau làm tổ.

Colin đã ngủ từ lúc nào không hay.

Chương 18: “ Ta đừng để lỡ thời gian”

Dĩ nhiên, Mary không thể dậy sớm vào sáng hôm sau Nó đã phải ngủ muộn vì thấy quá mệt. Khi Martha dọn bữa sáng lên, chị bảo nó rằng mặc dù Colin hoàn toàn yên lặng nhưng cậu lại đang ốm và ngây ngất sốt như vẫn thường thế mỗi khi kiệt sức sau cơn gào thét. Mary vừa ăn chậm rãi vừa lắng nghe.

- Cậu ấy bảo mong cô tới gặp cậu sớm chừng nào hay chừng ấy. Quả khó

mà tưởng tượng nổi những điều kỳ lạ đã xảy ra. Đêm qua, chính cô là người đã cho cậu ấy thấy điều đó, phải không cô? Chưa một ai dám làm việc ấy. Ôi, anh chàng tội nghiệp! Cá đã ươn thì có ướp muối vẫn ươn. Mẹ tôi vẫn bảo có hai điều tội tệ có thể đến với một đứa trẻ, đó là không bao giờ có được điều mình muốn, hoặc là luôn luôn có nó. Nhưng chính bà cũng không hiểu cái nào tệ hại hơn. Giờ cô đang tâm trạng vui vẻ. Vừa nãy, cậu ấy bảo khi tôi vào phòng: “Làm ơn hỏi cô Mary xem liệu cô ấy có vui lòng tới đây nói chuyện với tôi không?” Xin cô nhớ cho là cậu ấy đã phải nói câu làm ơn! Liệu cô có đi

không, thưa cô?

- Tôi sẽ chạy đi gặp Dickon trước. – Mary đáp. – Mà không, tôi đi gặp Colin trước và nói chuyện với cậu ấy, tôi biết mình sẽ nói gì rồi. – Con bé đột nhiên đổi ý.

Mary đội mũ khi xuất hiện trong phòng Colin, và trong một thoáng thẳng bé có vẻ tức giận. Nó nằm trong giường, khuôn mặt trắng bệch thảm hại, đôi mắt thâm quầng.

- Tớ lấy làm mừng vì cậu đã đến. Đầu tớ nhức như búa bổ, khắp người mỗi nhừ vì quá mệt. Cậu định đi đâu phải không?

Mary bước tới vịn vào thành giường, nói.

- Tớ đi không lâu đâu. Tớ định tới gặp Dickon, rồi tớ sẽ quay lại ngay. Colin này, về việc... về việc khu vườn bí mật ấy mà.

Cả gương mặt thẳng Colin sáng bừng lên, một chút hồng ửng trên hai má nó.

- Ô! Là chuyện đó sao! – Thằng bé kêu to. – Tớ đã mơ thấy nó suốt đêm qua. Tớ đã nghe cậu nói gì đó về màu xám ngả sang màu xanh rờn, thế rồi tớ đã mơ thấy mình đứng giữa một nơi tràn ngập những chiếc lá non run rẩy... và đâu đâu cũng bắt gặp những chú chim non trong tổ, tất cả mới dịu dàng yên tĩnh làm sao. Tớ sẽ nằm mà nghĩ đến điều đó cho tới lúc cậu trở về.

Năm phút sau, Mary đã ở bên Dickon ngay giữa khu vườn của chúng. Con cáo và con quạ vẫn bám theo thằng bé, nhưng lần này nó còn mang theo hai con sóc đã thuần dưỡng.

- Sáng nay tôi cưới con ngựa đến đây. Này, nó là một gã tuy bé nhỏ mà tốt bụng lắm... Nó nhảy kia! Tôi còn mang theo hai đứa nữa trong túi. Đây là Hạt dẻ, còn kia là Vò sò.

Lúc nó vừa bảo “Hạt dẻ”, một con sóc leo phất lên bên vai phải, và khi nó gọi tên “Vò sò” thì con kia nhảy phốc lên vai trái.

Chúng ngồi bệt xuống bãi cỏ, Đại úy nằm cuộn tròn bên cạnh, còn Bồ hóng thì nghiêm nghị lắng nghe trên cành cao, Hạt dẻ và Vò sò đang héch héch cái mũi về phía bọn trẻ. Cứ nhìn Mary thì rõ, nó khó lòng chịu rời xa một niềm vui thích đến nhường này, nhưng khi nó cất tiếng kể lại câu chuyện của nó thì không hiểu sao, những gì hiện lên trên khuôn mặt ngộ

ngĩnh của Dickon dần làm con bé thay đổi ý nghĩ. Nó nhận ra Dickon còn sót xa cho Colin hơn cả nó. Dickon ngược nhìn bầu trời, suy nghĩ.

- Hãy lắng nghe tiếng chim hót mà xem... thế giới này dường như đang ngập tràn tiếng líu lo... tất cả chỉ còn là những âm thanh véo von, lạnh lót. Hãy nhìn chúng chao lượn rồi lắng nghe chúng gọi nhau. Mùa xuân đang tới gần, muôn loài đều cất tiếng hát ca. Những chiếc lá đang mở dần ra làm ta thấy chúng được rõ hơn. Muôn vàn làn hương thuần khiết đang lan tỏa khắp không trung! – thằng bé đưa chiếc mũi héch lên hít một hơi dài. – Thế mà anh chàng tội nghiệp ấy lại phải nằm nhà bó gối nhìn trần mà nghĩ ngợi lung tung rồi gào thét. Ôi! Ông bạn! Chúng mình phải đưa cậu ấy ra ngoài này... chúng mình phải để cậu ấy được nhìn, được nghe và hít thở, bắt cậu ấy phải tắm mình trong ánh nắng mặt trời. Chúng mình đừng bỏ lỡ thời gian.

Hễ tập trung vào điều gì là nó lại nói giọng Yorkshire đặc sệt, dù lúc khác nó thường cố chỉnh cái tiếng địa phương của mình sao cho Mary có thể hiểu được. Vậy mà Mary lại mê cái giọng Yorkshire đặc sệt của nó, và lại còn bắt chước theo. Con bé liền nói thử mấy câu cho vui.

- Ấy, đây, bọn mình phỏng... - nó nói, (câu này có nghĩa “ừ, thực vậy, chúng ta phải...”) – tôi sẽ bảo anh nghe trước tiên chúng ta phải làm gì. – Nghe con bé nói, thằng Dickon nhe răng ra cười, bởi vì khi một cô bé cố uốn lưỡi sang giọng Yorkshire thì nghe thật kỳ khôi. – Cậu ấy muốn gặp anh và cũng muốn được gặp cả Bò hóng và Đại Úy nữa. Khi nào trở vào nhà, tôi sẽ lập tức báo cho cậu ấy biết, nếu như anh bằng lòng đến gặp cậu ấy vào sang mai... và mang theo mấy con vật của anh... và rồi... chẳng mấy nữa, chờ khi những cái cây đâm chồi nảy lộc, chúng ta sẽ đưa cậu ấy ra ngoài và anh sẽ đẩy xe cho cậu ấy, và ta sẽ mang cậu ấy đến đây, cho cậu ấy xem mọi thứ.

Con bé dứt lời, thấy vô cùng hãnh diện về bản thân. Xưa nay, nó chưa bao giờ nói được một thôi một hồi bằng giọng Yorkshire như thế, kể ra thì nó có trí nhớ khá tốt.

- Cô hãy thử nói mấy câu giọng Yorkshire như thế với Colin xem sao. – Dickon cười tùm tùm. – Cô sẽ làm cậu ấy bật cười và chẳng có gò lợn cho một người ôm bằng được cười cho thỏa thích. Mẹ tôi vẫn bảo bà tin rằng một trận cười thỏa thích trong nửa tiếng mỗi sáng sẽ chữa lành một gã sắp lên cơn sốt phát ban.

- Từ giờ hằng ngày, tôi sẽ nói giọng Yorkshire với cậu ấy, - Mary nói, ngay cả nó cũng bật cười.

Khu vườn đã đến thời kỳ mà cứ mỗi ngày mỗi đêm trôi qua, dường như nó được lướt qua bởi các nhà ảo thuật gia và được họ vung những chiếc đĩa thần vẽ nên vẻ yêu kiều trên mặt đất và các cành cây. Chẳng thể nào bỏ mặc khu vườn mà đi, nhất là khi con Hạt dẻ đang rón rén bò trên vạt áo Mary, còn Võ sò thì đang bám trên thân cây táo có hai quả ngồi dưới và cứ ở nguyên đó mà nhìn con bé với đôi mắt dò hỏi. Khi về đến nhà, Mary tới ngồi

bên giường của Colin rồi bắt chước cái điệu khụt khịt của Dickon, mặc dù không được giống cho lắm.

- Người cậu toàn hương hoa, và cả hương gì thật tươi mát nữa, - thằng bé kêu toáng lên vì vui thích, - cậu có mùi gì vừa mát vừa ấm vừa ngọt ngào thế?

- Đây là bởi gió từ ngoài đồng hoang đưa đến, - Mary bảo. - Tớ đã ngồi trên bãi cỏ dưới một gốc cây với Dickon và Đại úy và Bò hóng và Hạt dẻ và Vò sò. Mùa xuân đang chờ ngay ngoài cửa và cả nắng ấm cũng có mùi ngào ngọt như thế.

Con bé đã nói câu ấy với giọng Yorkshire đặc sệt nhất, và người ta khó mà hình dung được âm điệu Yorkshire ấy nặng ra sao cho tới khi được nghe ai đó nói ra. Colin bật cười.

- Cậu làm cái trò gì thế? Xưa nay có thấy cậu nói thế bao giờ đâu. Giọng gì mà lạ thế.

- Thì tớ đang thử cho cậu nghe mấy câu theo kiểu Yorkshire mà, - Mary trả lời đắc thắng. - Tớ không thể nói trơn tru như Dickon và Martha, nhưng cậu thấy không, tớ có tiến bộ đấy chứ. Chẳng lẽ cậu không hiểu nổi một vài câu Yorkshire? Và bản thân cậu cũng là một gã Yorkshire được sinh ra và lớn lên ở đây kia mà! Ôi! Tớ tự hỏi sao cậu không thấy ngượng nhỉ?

Dứt lời con bé cất tiếng cười, rồi cả hai cùng cười lăn cười lóc, không sao nín được, cười vang khắp căn phòng khiến bà Medlock vội mở cửa bước vào hành lang và lắng nghe, vô cùng kinh ngạc.

- Ủa! - Bà thốt lên bằng thứ giọng Yorkshire nặng trịch của chính bà, phần vì chẳng sợ ai nghe thấy. Bà tỏ ra hết sức sùng sốt, - chưa từng thấy! Chẳng một ai trên đời có thể ngờ tới điều này!

Thế là có bao nhiêu chuyện để mà tán dóc. Có vẻ trước đó Colin chưa được nghe thỏa thích về Dickon với mấy con Đại úy, Bò hóng, Hạt dẻ và Vò sò, và nay lại thêm chú ngựa con có tên là Nhảy Phốc nữa. Mary đã phải chạy vòng vèo trong rừng cây với Dickon để tìm con Nhảy Phốc. Đây là một con ngựa hoang bé tí sống ngoài cánh đồng, bộ lông bờm rậm rì rủ xuống hai bên mắt, với cái mặt xinh xắn dễ thương, cùng hai cánh mũi mượt như nhung lúc nào cũng rung rung. Con ngựa này khá gầy guộc vì chỉ sống bằng cỏ ngoài đồng hoang nhưng được cái bền bỉ và dẻo dai, như thể những bắp thịt trong các cẳng chân nhỏ xíu của nó được làm từ những chiếc lò xo thép. Nó ngẩng đầu hí lên khe khẽ lúc trông thấy thằng Dickon, nó chạy nước kiệu tới bên rồi ngả đầu lên vai thằng bé. Dickon nói rủ rủ vào tai con vật, còn nó đáp lại bằng mấy tiếng khe khẽ lạ lung, vừa phì nhẹ nhẹ vừa khịt khịt. Dickon bảo nó giơ cái móng guốc phía trước của nó cho Mary bắt và hôn vào má con bé bằng cái mũi ươn ướt mịn như nhung của nó.

- Nó có thực sự hiểu những điều Dickon nói không? - Colin hỏi.

- Có vẻ như nó hiểu, - Mary đáp. - Dickon bảo con gì cũng hiểu được

nếu người ta thực tâm làm bạn với nó, mà trước hết phải là bạn bè thật sự cơ.

Colin nằm lặng người giây lát, đôi mắt xám kì lạ của nó dường như đang đăm đăm nhìn vào bức tường, Mary nhận ra nó đang suy nghĩ.

- Tớ ao ước được đánh bạn với tất cả, - cuối cùng nó lên tiếng, - vậy mà tớ không thể. Tớ chẳng có gì để làm bạn, mà tớ thì không thể chịu đựng được con người.

- Cậu không thể chịu đựng được tớ?

- Có chứ, - nó đáp, - chuyện này quả thật lạ lùng, tớ thậm chí còn quý mến cậu.

Ông Ben Weatherstaff bảo rằng tớ có cái gì đó giống ông ấy. Ông ấy bảo dám đánh cuộc rằng cả tớ với ông ấy đều có những điếm xấu như nhau. Tớ nghĩ cậu thì cũng giống y ông ấy. Cả ba đều giống nhau – cậu, tớ và ông Ben. Ông ấy nói tớ với ông ấy bề ngoài chẳng có gì hay, cũng cấu kính như nhau. Nhưng giờ tớ không còn thấy bức tức như trước, kể từ khi tớ gặp được chim ức đỏ và Dickon.

- Cậu có cảm giác như thể căm ghét mọi người phải không?

- Đúng vậy, - Mary trả lời không chút màu mè kiêu cách. – Tớ sẽ ghét cậu nếu như tớ gặp cậu trước chim ức đỏ và Dickon.

Colin đưa bàn tay gầy guộc chạm vào người con bé.

- Mary ạ, tớ ước gì chưa bao giờ nói tới việc đuổi Dickon đi. Tớ thấy tức khi cậu bảo cậu ấy tựa một thiên thần và tớ đã nhạo báng cậu, nhưng ... nhưng có lẽ cậu ấy như thế thật.

- Chà, cũng thật kỳ, - con bé thẳng thắn thừa nhận, - bởi vì mũi cậu ấy thì héch, miệng thì rộng ngóac, quần áo lại vá chằng vá đụp, còn hể nói thì đặc một thứ giọng Yorkshire đặc sệt nhưng ... nhưng nếu có một thiên thần hạ cánh xuống Yorkshire mà sống trên cánh đồng hoang... nếu có một thiên thần của xứ sở Yorkshire này... thì tớ tin rằng người ấy sẽ hiểu mọi loại cây và biết làm cho chúng đâm chồi nảy lộc, biết cách chuyện trò với những con thú hoang y như Dickon đang làm và chúng sẽ nhận ra đó chính là người bạn đáng tin cậy.

- Tớ không có ý bắt Dickon đến đây gặp tớ, mà tớ muốn gặp Dickon trước.

- Tớ lấy làm mừng vì cậu đã nói thế, - Mary nói, - bởi vì... bởi vì...

Hoàn toàn bất chợt, trong đầu con bé lóe lên ý nghĩ rằng đây chính là lúc để nói cho cậu bạn biết. Colin cảm nhận có điều gì mới.

- Bởi vì cái gì hả? – Thăng bé kêu to một cách háo hức.

Mary lo lắng tới nỗi nó rời khỏi cái ghế đầu, tiến tới bên Colin và cầm lấy hai bàn tay nó.

- Tớ có thể tin tưởng ở cậu chứ? Tớ đã tin vào Dickon bởi ngay lũ chim chóc cũng tin vào anh ấy. Liệu tớ có thể tin cậu... một cách chắc chắn... một cách chắc chắn? – Con bé khẩn khoản.

Vẻ mặt nó trông nghiêm nghị đến nỗi thằng Colin gần như phải thì thầm khi trả lời nó.

- Có... có chứ!

- Được, Dickon sẽ đến gặp cậu sáng mai, và sẽ mang theo mấy con vật của anh ấy.

- Ôi! Ôi!... – Colin kêu lên vui sướng.

- Nhưng thế chưa hết, - Mary tiếp tục, mặt nó tái đi vì xúc động. – Phần còn lại còn hay hơn nhiều. Có một cánh cửa dẫn vào bên trong khu vườn. Tớ đã phát hiện ra nó từ trước đây. Cánh cửa ẩn khuất dưới đám dây thường xuân trên bờ tường.

Giá là một đứa trẻ khỏe mạnh thì có lẽ Colin đã hét tướng lên: “ Hoan hô! Hoan hô! Hoan hô!” nhưng nó còn yếu quá, lại vừa trải qua cơn cuồng loạn; mắt nó mở to và nó phải thở hổn hển để lấy hơi.

- Ôi! Mary này! – Nó kêu to, giọng đờm chút nghẹn ngào. – Rồi tớ sẽ được trông thấy nơi ấy chứ? Tớ sẽ được vào bên trong phải không? Tớ sẽ còn sống để vào trong ấy chứ? – Thằng bé túm lấy hai bàn tay Mary và kéo nó lại gần mình.

- Dĩ nhiên, cậu sẽ được trông thấy nó! – Mary gất gồng đầy phần nộ. – Dĩ nhiên, cậu sẽ sống để vào trong đó! Đừng có mà ngốc thế!

Con bé thật bình thản, tự nhiên và ngây thơ, đến mức khiến thằng bé kia phải trấn tĩnh lại và bắt đầu tự cười mình. Mấy phút sau, Mary tới ngồi bên chiếc ghế đầu để kể cho Colin, không phải những gì nó tưởng tượng về khu vườn bí mật, mà là những điều có thực. Thằng Colin quên sạch những đau đớn mệt mỏi và say sưa lắng nghe.

- Đó là những gì cậu nghĩ sẽ là như thế, - cuối cùng thằng bé lên tiếng. – Nghe như thể cậu đã được nhìn tận mắt vậy. Cậu có nhớ tớ đã nói vậy, hôm cậu kể tớ nghe lần đầu ấy.

Mary lưỡng lự ít phút rồi đánh bạo nói ra sự thật.

- Tớ đã trông thấy... và tớ đã từng ở trong đó. Tớ đã tìm thấy chiếc chìa khóa, rồi vào hẳn được bên trong khu vườn từ mấy tuần trước. Nhưng tớ không dám kể cậu nghe. Tớ không dám bởi vì tớ e rằng tớ chưa thể tin tưởng ở cậu... hoàn toàn!

Chương 19: “Nó đã đến rồi đó!”

Dĩ nhiên, bác sĩ Craven được mời tới ngay buổi sáng sau cái đêm Colin nổi cơn cuồng nộ. Hễ có chuyện như thế xảy ra là ông ta được mời tới ngay tức khắc. Lần nào tới nơi ông ta cũng thấy một thằng bé run rẩy, trắng bệch đang nằm vật vã trên giường, mặt mày u ám và vẫn còn trong cơn kích động đến nỗi chỉ chực òa lên thốt thức khi có ai mở miệng nói gì. Sự thực mà nói, bác sĩ Craven cũng rất kinh hãi và ngại ngần những lần đến thăm khó khăn đó. Vào dịp này, ông ta ra khỏi Trang viên Misselthwaite đến chiều mới về.

- Cậu nhà thế nào. - Ông ta hỏi bà Medlock với giọng câu kính khi vừa đến nơi. - Rồi sẽ có ngày cậu ta vỡ mạch máu vì một trong những cơn động kinh như thế cho mà xem.

Thằng bé này cũng gần mất trí vì kích động và buông thả thái quá rồi còn gì.

- Ô, thưa ông, - bà Medlock đáp, - ông sẽ khó mà tin vào mắt mình khi ông thấy cậu ấy. Con bé với khuôn mặt câu kính và cũng khó ưa như cậu Colin đã bỏ bùa mê cho cậu. Con bé làm việc đó như thế nào thì không ai hay. Có Chúa chứng giám, nó chẳng có gì đặc biệt, chả mấy khi mở miệng lấy một câu, vậy mà nó lại làm được những điều mà không một ai trong chúng tôi dám làm. Đêm hôm qua, nó như một con mèo nhỏ chạy như bay đến chỗ cậu nhà rồi giậm chân ra lệnh cho cậu đừng có gào toáng lên, làm cậu ấy giật mình hoảng hốt đến nỗi cậu ấy nín bật, và chiều hôm nay thì... chà, ông thử đến mà xem, thật không thể tin nổi.

Cảnh tượng mà bác sĩ Craven trông thấy lúc tiến vào phòng bệnh nhân của mình quả thực khiến ông sững sốt. Khi bà Medlock mở cửa ra, ông nghe thấy tiếng nói cười trò chuyện rôm rả. Colin ngồi ngay ngắn trên chiếc ghế sofa trong bộ quần áo mặc nhà, đang dán mắt vào bức hình của một trong những cuốn sách dạy làm vườn và nói chuyện với con bé có khuôn mặt xấu xí, nhưng vào lúc ấy thì khó có thể bảo là xấu xí bởi nó đang ngồi lên rạng rỡ.

- Này, những ngọn tháp màu xanh này thì chúng mình sẽ có vô khối. - Colin tuyên bố. - Chúng được gọi là phi yến.

- Nhưng Dickon lại gọi là cây la lét kia đấy, - Cô chủ Mary kêu toáng lên. - Và còn các khóm nhỏ này nữa.

Thấy bác sĩ Craven bước vào cả hai liền im bật. Mary ngồi im phăng phắc, còn Colin trông rõ ra dáng câu kính.

- Chú lấy làm tiếc nghe tin cháu bị ốm đêm hôm qua, cháu yêu ạ, - bác sĩ Craven nói hơi bồn chồn. Ông là người hay lo lắng.

- Bây giờ cháu đã khá hơn rồi, khá hơn rất nhiều. - Colin đáp lại, như một vị tiểu vương. - Cháu định sẽ đi ra ngoài trên ghế trong một hai ngày tới, nếu thời tiết đẹp. Cháu muốn được hưởng không khí trong lành.

Bác sĩ Craven ngồi xuống bên giường và xem mạch cho nó, đoạn ông nhìn nó một cách tò mò.

- Nhưng phải vào một ngày đẹp trời kia, - ông nói, - và cháu cần hết sức thận trọng đừng để bị mệt quá.

- Không khí trong lành chẳng thể làm cháy mệt, - tiểu vương trẻ đáp.

Bởi quý ngài trẻ tuổi đó đã nhiều lần la lối và một mực cho rằng không khí ngoài trời sẽ làm nó phải cảm và rồi hủy diệt nó, nên ta cũng chẳng lấy làm lạ khi vị bác sĩ kia phải giật mình.

- Chú tưởng cháu chẳng gì không khí ngoài trời?

- Là như thế nếu cháu chỉ có một mình, - vị tiểu vương đáp, - nhưng bây giờ thì cô em họ sẽ đi cùng cháu.

- Và dĩ nhiên cả cô bảo mẫu nữa, - bác sĩ Craven gợi ý.

- Không, cháu không cần bảo mẫu.

Câu trả lời long trọng đến nỗi Mary không thể không liên tưởng đến một vị hoàng tử trẻ người bản xứ, trên mình đeo đầy kim cương cùng đồ trang sức nạm đá quý và ngọc trai, với bàn tay nhỏ đen nhẻm của chàng mang chiếc nhẫn gắn những viên hồng ngọc lớn và đang vẫy bọn gia nhân đến gần mà nhận lệnh.

- Cô em họ đây biết phải lo cho cháu thế nào. Cháu luôn cảm thấy ôn mỗi khi có cô ấy bên cạnh. Đêm qua, nhờ cô ấy mà cháu thấy đỡ hẳn. Có một cậu bé rất khỏe mà cháu quen biết sẽ đẩy xe giúp cháu.

Bác sĩ Craven cảm thấy hơi lo. Nếu cái thằng nhóc mắc chứng cuồng loạn và nhiều sự này bỗng nhiên khá lên thì ắt hẳn ông sẽ mất hết mọi cơ hội thừa kế Misselthwaite; nhưng ông đâu phải người không có nguyên tắc đạo đức, dẫu rằng ông kém cỏi và yếu đuối, và ông không có ý định để mặc nó lao vào một nguy hiểm thực sự.

- Nhưng nó phải là một thằng bé thật thà, khỏe mạnh, - ông nói – và chú phải được biết đôi điều về nó. Nó là ai? Tên nó là gì?

- Đó là Dickon! – Mary đột nhiên lên tiếng. Không hiểu sao nó cảm tưởng ai biết về cánh đồng hoang thì cũng phải biết Dickon. Quả nhiên nó đúng. Trong giây lát, nó thấy khuôn mặt lo lắng của bác sĩ Craven dịu hẳn đi, ông mỉm cười nhẹ nhõm.

- À, thì ra là Dickon, - ông bảo. – Nếu là Dickon, cháu mới đủ an toàn. Cậu ấy khỏe như một con ngựa hoang ngoài đồng.

- Anh ấy còn đáng tin cậy nữa, - Mary bảo. – Anh ấy là người đáng tin nhất xứ Yorshire này.

Con bé đang nói bằng giọng Yorkshire cho Colin nghe và đã quên khuấy điều đó.

- Dickon đã dạy cho cháu đấy à? – Bác sĩ Craven hỏi, cười khá cởi mở.

- Cháu đang học thổ ngữ vùng này, coi như tiếng Pháp vậy. – Mary đáp khá lạnh lùng. – Thì cũng như một thứ tiếng địa phương ở Ấn Độ. Có rất nhiều người thông minh đang cố gắng học chúng. Cháu thích và Colin cũng vậy.

- Được, được lắm, - ông Craven nói. – Nếu như cái đó làm cháu thấy vui thì có lẽ nó cũng chẳng hại gì. Đêm qua cháu đã uống thuốc an thần chưa, Colin?

- Chưa, - Colin đáp. – Lúc đầu cháu không chịu uống, sau khi Mary khiến cháu im lặng, cô ấy đã kể chuyện cho cháu ngủ...thật khẽ khàng...kể cháu nghe về mùa xuân đang len lỏi vào trong một khu vườn.

- Nghe êm đềm quá, - bác sĩ Craven bảo, ông tỏ ra bối rối hơn bao giờ

hết và quay sang liếc nhìn Cô chủ Mary đang ngồi trên ghế đầu, im lặng nhìn xuống tấm thảm. – Rõ ràng cháu đã khá hơn, nhưng cháu cần phải nhớ rằng...

- Cháu chẳng muốn nhớ gì hết, - vị tiểu vương trở lại và ngắt lời. – Khi cháu nằm đây một mình mà nhớ tới đủ mọi thứ thì cháu bắt đầu thấy đau đớn khắp người, cháu nghĩ đến những điều khiến cháu phải gào lên bởi vì cháu căm ghét chúng vô cùng. Nếu ở đâu đó có một ông bác sĩ có thể khiến chú quên rằng chú đang ốm thay vì phải nhớ tới điều vớ vẩn nào đó, thì hãy mang ông ấy tới đây ngay cho cháu. – Nói đoạn, thằng bé vẫy vẫy bàn tay gầy guộc, bàn tay lẽ ra phải đeo dây nhẫn hồng ngọc vương giả của nó. – Chẳng qua cô em họ đây đã khiến cháu quên hết mọi thứ đó nên mọi chuyện mới được vậy.

Bác sĩ Craven chưa khi nào ở lại trong khoảng thời gian ngắn ngủi đến thế sau “con tam bành” của thằng bé; thường thì ông buộc phải ở lại rất lâu để làm đủ thứ việc. Nhưng chiều nay, ông chẳng buồn kê thuốc, chẳng hề dặn dò gì hết, và cũng không phải chịu những cảnh khó chịu. Khi bước xuống cầu thang, nom ông có vẻ suy nghĩ. Và lúc ông dừng chân nói chuyện với bà Medlock trong thư viện, bà có cảm tưởng ông đang lúng túng hay bối rối về chuyện gì đó.

- Vâng, thưa ông, - bà đánh bạo nói – ông đã có thể tin rồi chứ?

- Đây chắc chắn là một trạng thái mới, - ông bác sĩ bảo. – Nhưng cũng không thể không thừa nhận rằng có tốt hơn trước.

- Tôi tin rằng bà Susan Sowerby đã có lý. Tôi xin cả quyết thế. – Bà Medlock nói. – Ngày hôm qua khi trên đường sang Thwaite, tôi có ghé vào ngôi nhà gianh của bà ấy để nói dăm ba câu chuyện. Bà ấy có bảo tôi: “Chà, Sarah Ann ạ, con bé chưa phải đứa được giáo dục tốt, và nó cũng chẳng xinh xắn gì, nhưng nó chỉ là một đứa trẻ, mà trẻ con chỉ cần trẻ con mà thôi”. Trước kia, Susan Sowerby và tôi, chúng tôi đã cùng đến trường với nhau đấy.

- Bà ấy quả là một bảo mẫu chăm sóc người ốm tốt nhất mà tôi được biết, - bác sĩ Craven bảo. – Kể từ hôm gặp bà ấy trong túp nhà gianh, tôi đã biết đây là cơ hội để tôi cứu được bệnh nhân của mình.

Bà Medlock mỉm cười. Bà rất yêu quý bà Susan Sowerby.

- Bà ấy luôn có cách của riêng mình. – Bà tiếp tục liến thoắng. – Tôi đã suy nghĩ suốt buổi sáng một điều bà ấy nói hôm qua. Bà ấy bảo: “Một hôm tôi phải bảo ban bọn trẻ mấy câu sau khi chúng choảng nhau, tôi đã nhìn chúng mà nói rằng ‘Đạo mẹ còn đi học, thầy giáo dạy môn địa lý bảo trái đất này có hình giống quả cam, và trước khi lên mười thì mẹ đã phát hiện ra rằng cả quả cam này không phải là không thuộc về ai. Không một ai được quyền sở hữu hơn cái phần của mình và cũng có những lúc dường như không có đủ các phần để chia khắp lượt. Nhưng các con – không ai trong các con

lại không nghĩ mình được có toàn bộ quả cam, hoặc rồi sẽ nhận ra mình đã mắc sai lầm, hoặc không nhận ra được cho tới khi phải có những cú đấm nặng nề đúng không nào” Những gì mà trẻ con học được từ trẻ con,” – bà ấy bảo, - “là chẳng nghĩa lý gì đâu khi cố chộp lấy cả quả cam, tất tật kể cả vỏ, bởi vì như thế thì rồi sẽ chỉ còn hạt thối, mà hạt cam thì đáng lắm.”

- Bà ấy quả là một phụ nữ khôn ngoan sắc sảo, - bác sĩ Craven vừa nói, vừa mặc áo khoác.

- Vậy đây, bà ấy có cách của riêng mình để nói những chuyện như vậy, - bà Medlock kết thúc, hể hả ra mặt. – Thỉnh thoảng tôi vẫn phải bảo bà ấy: “Này, chị Susan, giá chị ở một vị thế khác và đừng có cái giọng Yorkshire đặc sệt như vậy thì khỏi hẳn tôi phải nói rằng chị quả là thông minh.”

Đêm ấy, Colin ngủ say tí không một lần thức giấc. Khi choàng tỉnh dậy vào buổi sáng, nó vẫn nằm dài, mỉm cười một cách vô thức, bởi nó cảm thấy dễ chịu lạ lùng. Nó thấy thật tuyệt khi được thức dậy. Nó vươn người, duỗi chân duỗi tay một cách thoải mái. Nó có cảm tưởng những sợi dây căng cứng trong cơ thể nó lúc này đang giãn ra và cho phép nó đi lại dễ dàng. Nó không biết cả ông bác sĩ Craven cũng phải thừa nhận thần kinh nó đã được thư giãn và nghỉ ngơi. Thay vì nằm lì trên giường giương mắt nhìn các bức vách và ước ao đừng thức dậy, tâm trí nó lúc này đây ấp các kế hoạch mà nó đã cùng với Mary vạch ra hôm qua, cùng những hình ảnh về khu vườn, về Dickon và các con thú hoang của thằng bé. Thật tuyệt vời biết bao khi ta có thứ gì đó để mà nghĩ đến. Nó còn chưa dậy được mười phút thì đã nghe có tiếng chân người chạy ngoài hành lang và Mary xuất hiện bên cửa ra vào. Ngay sau đó, con bé đã ở trong phòng. Nó chạy tới bên giường thằng bé, mang theo một làn không khí trong lành đầy ấp hương thơm buổi sáng.

- Cậu đã ra ngoài! Đã ra ngoài rồi kia à! Còn sự nức mùi thơm dễ chịu của cây cỏ! – Thằng bé kêu lên.

Con bé vừa chạy về, tóc nó buông xõa ra, hồ hởi vì khí trời, hai má hồng rục, mặc dù thằng bé không nhận thấy điều ấy.

- Thật là đẹp! – Mary vừa nói, vừa thở hỏn hển, vì chạy nhanh. – Cậu chưa bao giờ nhìn thấy cái gì đẹp đến thế đâu. Nó đến rồi đó! Mình cứ ngỡ nó đã đến vào một buổi sáng nào rồi cơ, không ngờ chỉ vừa mới. Bây giờ nó đang ở đây! Mùa xuân đến rồi! Dickon bảo thế!

- Đến rồi sao? – Colin kêu lên, và mặc dù thực sự nó không rõ là cái gì, nó vẫn cảm thấy tim mình đập mạnh. Nó ngồi bật dậy trên giường.

- Mở cửa sổ ra! – Nó nói thêm rồi bật cười vì niềm phấn khích, và bởi tưởng tượng của riêng nó. – Có lẽ chúng ta có thể nghe thấy tiếng kèn trompét⁽¹⁾ bằng vàng đâu đây!

Mặc cho thằng bé đang cười, Mary lưu lại bên cửa sổ một lúc, và mỗi lúc trôi qua, sự tươi mát, dịu dàng, hương thơm và cả tiếng chim đang ca hát lại càng tràn ngập vào trong căn phòng.

- Đó là không khí trong lành, - con bé nói. – Hãy nằm ngửa ra và hít một hơi thật sâu. Dickon vẫn làm vậy khi nằm trên đồng hoang. Anh ấy bảo anh ấy cảm thấy khí trời tỏa đi trong từng mạch máu của mình, khiến anh ấy khỏe mạnh và có cảm tưởng rồi mình sẽ sống mãi. Cậu hãy hít lấy nó, hít nữa đi.

Con bé chỉ nhắc lại những điều Dickon đã nói cho nó, nhưng nó nhận ra sự ngạc nhiên thích thú của Colin.

- Mãi mãi! Cái đó khiến anh cảm thấy thế sao? – Thành Colin bảo, rồi làm theo lời Mary, hít liền mấy hơi thật sâu, cho tới khi nó cảm nhận ra một cái gì đó hoàn toàn mới mẻ và hứng khởi đang xảy đến với nó.

Mary đến bên giường thằng bé.

- Cây cối đang đua nhau vươn khỏi mặt đất, - nó hồi hả nói. – Hoa đang tỏa cánh chứ không cuộn mình, mọi thứ đều đâm chồi nảy lộc, cả một tấm mạng xanh đang che phủ hầu như nơi nơi, chim chóc bện rộn bên tổ của chúng như sợ rằng chúng có thể đến trễ, đến nỗi một vài đôi còn choảng nhau để giành chỗ trong khu vườn bí mật. Chỗ hạt giống bọn tớ trông giờ đã nhú mầm xanh mướt. Dickon còn mang theo cáo, quạ, hai chú sóc và cả một con cừu non mới sinh nữa chứ.

Nói đoạn, nó dừng lại lấy hơi. Con cừu non mới sinh ấy Dickon đã tìm thấy ba ngày trước, lúc nó nằm bên xác cừu mẹ giữa mấy bụi kim tước ngoài cánh đồng hoang. Đây không phải con cừu non mất mẹ đầu tiên mà thằng bé bắt gặp. Dickon biết phải làm gì với con vật tội nghiệp, liền mang con vật về ngôi nhà gianh, bọc nó trong chiếc áo khoác của mình, đặt nó nằm gần ngọn lửa rồi cho nó uống sữa ấm. Con vật mềm mại như cục bông, cái mặt như một đứa trẻ thơ đáng yêu, cùng mấy cẳng chân khá dài so với thân thể. Dickon đã ôm nó trên tay khi vượt qua cánh đồng hoang, còn chai sữa cho con vật thì thằng bé để bên túi áo, cùng với một con sóc. Khi Mary ngồi xuống dưới một gốc cây với cái vật âm âm ẻo lả ấy nằm cuộn tròn trên vạt váy của mình, con bé cảm thấy trong lòng tràn ngập một niềm vui kỳ diệu khó nói thành lời. Một chú cừu con! Một chú cừu non! Một con cừu non sống hẳn hoi đang nằm trên vạt váy nó như một đứa trẻ!

Con bé đang say sưa miêu tả chuyện đó, còn Colin lắng nghe và hít thở không khí thì cô bảo mẫu bước vào. Cô hơi giật mình sững sốt trước cánh cửa sổ để ngỏ. Cô đã phải chịu cảnh kín hơi trong căn phòng ấy nhiều bận, kể cả những ngày ẩm áp bởi vì bệnh nhân của cô luôn cả quyết rằng cửa sổ để ngỏ sẽ khiến người ta bị lạnh.

- Cậu chắc cậu không bị lạnh chứ, cậu Colin, - cô gắng hỏi.

- Không, - nó trả lời. – Tôi đang hít thật sâu vào người làn không khí trong lành. Nó làm tôi thấy khỏe hẳn ra. Tôi định ra sofa để dùng bữa sáng, và cô em họ sẽ cùng ăn với tôi.

Cô bảo mẫu ra khỏi phòng, cố giấu một nụ cười. Cô đi yêu cầu người ta chuẩn bị hai suất ăn sáng. Đối với cô, gian phòng lớn dành cho gia nhân thú vị hơn căn phòng của người ốm và ở đó lúc này ai nấy đều háo hức muốn nghe tin tức từ trên gác. Có nhiều lời đùa cợt về cậu chàng ẩn dật khó ưa đó, như anh bếp đã nói: “Cậu chủ đã tìm được thầy cho cậu ấy rồi đấy, thật tốt cho cậu ấy!” Đám gia nhân từ lâu đã quá ư mệt mỏi với những trận cuồng phong kích động của cậu, còn lão quản gia, một người đã có gia đình, cũng có lần phải bảo với cái kẻ ốm o ấy thì chỉ còn mỗi cách là “yêu cho vọt”.

Khi Colin đã yên vị trên chiếc sofa cùng với bữa sáng cho hai đứa được dọn trên bàn, nó mới tuyên bố với cô bảo mẫu bằng cung cách tiểu vương nhất của mình.

- Sáng hôm nay, có một anh bạn cùng với một con cáo, một con quạ, hai con sóc và một con cừu non mới sinh sẽ tới đây thăm tôi. Tôi muốn bọn họ được đưa lên gác ngay khi tới nơi. Cô không được đùa với các con vật trong phòng gia nhân hay giữ chúng ở đó. Tôi muốn chúng ở đây.

Cô bảo mẫu há hốc mồm và cố che giấu nó bằng một trận ho.

- Vâng, thưa cậu, - cô đáp.

- Tôi sẽ bảo cô những gì cô cần làm, - Colin nói thêm rồi khoát tay. – Cô bảo Martha đưa họ lên đây. Anh ấy là em trai chị Martha. Tên anh ấy là Dickon, anh ấy là người biết cách thu phục muông thú.

- Tôi hy vọng lũ súc vật sẽ không cắn, thưa cậu Colin. – cô bảo mẫu nói.

- Tôi vừa bảo cô, anh ấy là người biết cách thu phục muông thú mà, - Colin nói một cách nghiêm nghị. – Các con thú trong tay người thuần dưỡng không bao giờ cắn.

- Những người dụ rắn ở Ấn Độ, - Mary nói, - họ có thể đưa cả đầu các con rắn vào tận trong miệng cơ.

- Lay Chúa lòng thành! - Cô bảo mẫu rùng mình kêu lên.

Hai đứa ăn bữa sáng trong bầu không khí trong lành của buổi ban mai. Món điểm tâm của Colin rất ngon, Mary ngắm nhìn nó với vẻ mặt quan tâm.

- Rồi cậu sẽ béo ra như tớ. Tớ chẳng bao giờ muốn dùng bữa sáng từ hời ở Ấn Độ, còn bây giờ thì lúc nào cũng thấy thích.

- Chỉ sáng nay tớ mới muốn chén. Có lẽ nhờ không khí. Cậu bảo khi nào Dickon tới?

Quãng đường để Dickon đến đây cũng chẳng lấy gì làm xa. Mười phút sau đã thấy Mary giơ một tay lên.

- Nghe kìa! – Con bé nói. – Cậu có nghe thấy tiếng quạ quạ không?

Colin lắng tai và nhận ra tiếng ấy, đó quả là âm thanh kỳ quặc nhất trên đời khi ta nghe thấy nó bên trong một ngôi nhà – một tiếng khàn cộc cằn: “quạ-quạ”

- Có, - thằng bé trả lời.

- Con Bò hóng đây, - Mary bảo. – Chú ý lần nữa nào! Cậu có nghe thấy một tiếng be be nhỏ xíu không?

- Ô, phải rồi! – Colin hét lên, mặt đỏ bừng.

- Ấy là tiếng chú cừ non mới sinh, - Mary bảo, - cậu ấy đang đến.

Tiếng đôi giày ông từng đi khắp cánh đồng hoang của Dickon nằng nặng vụng về, và mặc dù đã cố bước thật êm, chúng vẫn phát ra tiếng thình thịch khi bước qua những hành lang dài hun hút. Mary và Colin nghe tiếng chân đều đều bước, qua cánh cửa có treo tấm thảm thêu và dừng lại trên miếng thảm mềm ở lối đi riêng của Colin.

- Nếu cậu vui lòng, thưa cậu, - Martha vừa lớn tiếng, vừa mở cửa. – Nếu cậu vui lòng, thưa cậu, thì đây là Dickon cùng mấy con thú của cậu ấy.

Dickon bước vào phòng, miệng cười rạng rỡ. Con cừ non mới sinh vẫn nằm trên tay thằng bé, con cáo đỏ bé tí quần quýt bên chân nó. Hạt dẻ ngồi trên vai trái, Bò hóng đỡ trên vai phải, cái đầu của Vò sò cùng mấy chiếc móng chân thập thò ngoài miệng túi áo khoác của nó.

Colin chậm chậm ngồi dậy, mắt nhìn trân trân không chớp. Nó từng nhìn Mary như vậy vào buổi đầu trông thấy con bé. Nhưng lúc này, đây là cái nhìn kinh ngạc và vui sướng. Sự thật là cho dù nó đã được nghe kể rất nhiều nhưng nó không thể hình dung nổi anh chàng này trông sẽ như thế nào và vì sao anh chàng này và con cáo, con quạ, hai con sóc, chú cừ non lại có thể gần gũi nhau đến vậy, đến mức chúng hầu như là một phần của con người Dickon vậy. Trong đời mình, Colin chưa từng chuyện trò với một thằng bé nào, từ đáy lòng nó tràn ngập niềm vui và sự háo hức tò mò đến nỗi nó thậm chí không nghĩ đến việc phải cất lời.

Nhưng Dickon chẳng mấy may ngại ngùng hay kỳ quặc. Nó không cảm thấy bối rối, bởi lần đầu tiên gặp nhau con quạ cũng đâu có hiểu ngôn ngữ của thằng bé mà chỉ giương mắt nhìn, chẳng nói chẳng rằng. Mọi sinh vật đều như vậy cho tới lúc chúng hiểu về bạn. Nó bước tới bên ghế sofa của Colin, lặng lẽ đặt chú cừ non lên vạt áo thằng bé, và con vật be bé ấy ngay lập tức cựa quậy trong chiếc áo khoác nhưng âm áp rồi bắt đầu rúc vào các nếp gấp của áo, húc cái đầu xoắn tít long của nó vào bên sườn thằng bé. Dĩ nhiên, thằng Colin chẳng thể nào có thể ngồi yên lặng được nữa.

- Nó làm gì thế này? – Colin kêu tướng lên. – Nó muốn gì thế?

- Nó muốn mẹ của nó, - Dickon đáp rồi lại mỉm cười. – Tôi mang nó đến cho cậu vào lúc nó hơi đói, bởi tôi biết cậu thích nhìn nó bú.

Rồi Dickon quỳ xuống bên chiếc sofa, lấy chai sữa từ trong túi ra.

- Nào, cừu bé bỏng của ta, - nó nói rồi với bàn tay rám nắng mà thanh tú, nó xoay nhẹ cái đầu long trắng xoắn xoắn nhỏ xinh về phía mình. – Xem đằng sau mày có gì này. Mày núc cho cạn đi, còn hơn là rúc vào áo nhưng. Nào, thế nhé, - nói đoạn nó ấn nút vú cao su của chai sữa vào cái miệng đang rúc ráy tìm hơi. Con cừu non bắt đầu tọt lầy tọt để tìm nút vú.

Sau đó, không cần phải băn khoăn xem sẽ nói những gì. Vào lúc con cừu lăn ra ngủ, hết câu hỏi này đến câu hỏi khác dồn dập đưa ra và Dickon trả lời tất thảy. Nó kể cho hai đứa, nó đã tìm thấy con cừu như thế nào vào lúc mặt trời lên cách đây ba buổi sáng, vào lúc nó đang đứng trên đồng hoang nghe tiếng chim chiền chiện hót, ngắm cánh chim bay vút lên cao, cao mãi giữa bầu trời xanh thẳm, cho tới khi chỉ còn là một cái chấm trong không trung vời vợi.

- Nó hầu như mất hút trước mắt tôi, ngoại trừ tiếng hót, tôi tự hỏi không biết tại sao người ta còn nghe được tiếng hót ấy khi dường như nó đã biết mất khỏi thế gian này trong giây lát... và chính lúc ấy tôi nghe một âm thanh gì đó phát ra từ bụi kim tước. Thì ra là tiếng be be yếu ớt và tôi hiểu một con cừu non mới lọt lòng đang khát sữa mẹ. Tôi cũng thấy ngay nó sẽ không bị đói nếu không lạc mất mẹ vì một lý do nào đấy, thế là tôi bèn đi tìm. Chà! Tôi đã thấy nó. Tôi cứ ra ra vào vào giữa những bụi kim tước, rồi lại đi vòng quanh, và có vẻ như tôi luôn rẽ nhầm. Nhưng cuối cùng, tôi thấy một vật gì trắng trắng bên tảng đá trên một gò đất cao của cánh đồng hoang, bèn leo lên đó và phát hiện con vật tí hon này đang ngoác ngoải vì lạnh và đói.

Trong lúc nó kể chuyện, Bò hóng trịnh trọng bay ra bay vào cánh cửa sổ để ngỏ, miệng kêu quạ quạ như thể bình phẩm về cảnh tượng. Hạt dẻ và Vỏ sò thì dạo chơi trong vòm lá của mấy cây to bên ngoài cửa, chạy lên chạy xuống dọc thân cây rồi thập thò qua các kẽ lá. Còn Đại úy nằm cuộn tròn gần Dickon, lúc này được ưu tiên ngồi trên tấm thảm trải trước lò sưởi.

Bọn trẻ dán mắt vào các bức tranh trong mấy cuốn sách về vườn tược. Dickon biết tên địa phương của tất cả các loài hoa, nó còn biết chính xác loài nào hiện đang mọc trong khu vườn bí mật.

- Tôi không biết tên của loài này, - nó nói và đưa tay chỉ một loài hoa bên dưới có dòng chữ "Aquilegia", - nhưng chúng tôi gọi nó là columbine(1), còn kia là hoa mồm chó (2), cả hai đều mọc hoang nơi các bờ giậu nhưng ở đây, được trồng trong vườn, trông chúng lớn hơn và sang trọng hơn. Đây là mấy khóm columbine lớn trong vườn, tựa như một tấm thảm màu xanh pha trắng có ong bướm rập rờn bay lượn vào mùa ra hoa.

- Tớ phải đi xem chúng mới được! - Colin kêu to. - Tớ phải đi xem chúng mới được!

- Đúng đấy! Cậu nên đi. - Mary nói với vẻ thật nghiêm túc. - Và cậu cũng đừng để lỡ thời gian nữa.

Chương 20: “Tớ sẽ sống mãi! – mãi mãi!”

Vậy mà bọn trẻ buộc phải chờ hơn một tuần lễ nữa, bởi mấy ngày sau đó gặp phải những cơn gió lộng toại bời, lại thêm việc Colin có nguy cơ cảm

lạnh, hai chuyện đó, chuyện này nối tiếp chuyện kia, đã đẩy Colin vào một cơn thịnh nộ. Chúng còn phải vạch kế hoạch sao cho thật công phu và bí mật, và Dickon hầu như ngày nào cũng đến chơi, dù chỉ trong ít phút, để kể chúng nghe những việc đang diễn ra ngoài cánh đồng hoang, trên những lối mòn, hàng giậu và hai bên bờ suối. Những chuyện của nó thường là về ngôi nhà của bọn lửng, rái cá và chuột nước(chuột nước là loài động vật giống như con chuột, bơi dưới nước, sống trong hang bên bờ sông, bờ hồ), và còn chưa kể các tổ chim, chuột đồng và hang hóc của chúng. Chỉ riêng những chuyện đó thôi cũng đủ khiến người ta run lên vì thích thú, nhất là khi được nghe mọi điều riêng tư về muông thú từ miệng một người yêu quý chúng và người ta nhận ra rằng toàn thể thế giới nơi lòng đất lúc này đây đang bận rộn với niềm náo nức và hâm hở đến nhường nào.

-Chúng cũng giống như chúng tôi thôi,- Dickon nói. – Chỉ có điều mỗi năm chúng lại phải xây nhà một lần. Điều đó khiến chúng phải lo giành giật cho được những chỗ tốt.

Tuy nhiên hấp dẫn nhất là việc chuẩn bị để đưa Colin ra ngoài, trong khi vẫn giữ được bí mật cho khu vườn. Không ai được nhìn thấy chiếc xe đẩy cùng Dickon và Mary sau khi chúng rẽ vào một góc quanh có bụi cây, rồi tiến vào lối đi dạo bên ngoài mấy bức tường phủ đầy thường xuân. Mỗi ngày trôi qua, Colin càng tâm niệm rằng điều bí mật xung quanh khu vườn là một trong những nét quyến rũ nhất của nơi ấy. Không gì được phép làm hỏng điều đó. Và không ai được phép làm hỏng điều đó. Và không ai được phép nghi ngờ rằng bọn trẻ có cả một bí mật. Mọi người phải nghĩ rằng Colin ra ngoài cùng với Mary và Dickon bởi nó mến hai đứa ấy và không phản đối việc chúng nhìn nó. Bọn trẻ đã vui vẻ bàn tán rất lâu về lộ trình của chúng. Chúng tính sẽ đi ngược lên đường mòn này rồi tạt xuống đường mòn kia, vượt ngang lối đi nọ, từ đây đi vòng vèo giữa các luống hoa có vòi phun, như thể chúng đang ngắm nghía những thảm cây được cắt tỉa gọn gàng mà người quản vườn, ông Roach, đã dày công cho sắp đặt. Chuyện đó thật hợp lý, nên sẽ chẳng ai may mắn ngờ rằng ở đây có điều gì đó bí hiểm. Rồi chúng sẽ tạt vào các lối đi có nhiều cây bụi để cho khuất dạng, cho tới khi đến bên những bức tường dài. Đó quả là những dự tính nghiêm túc và tỉ mỉ, chẳng khác nào bản kế hoạch tác chiến do các tướng lĩnh tài ba vạch ra.

Những lời xàm xì về những chuyện mới mẻ khá thường trong phòng người ốm, dĩ nhiên, đã lan ra, từ phòng gia nào nhân sang khu chuồng ngựa cho tới đám thợ làm vườn. Thế nhưng mặc dù đã biết điều đó, một bữa nọ ông Roach vẫn không khỏi giật mình khi nhận được lệnh từ phòng riêng của cậu Colin rằng ông phải thân chinh đến báo cáo tại căn phòng mà chưa người ngoài nào được thấy, bởi kẻ ốm o kia muốn nói chuyện với ông.

-Chà, chà,- ông nhủ thầm khi vội vã thay áo khoác. – Bây giờ ta biết làm gì đây? Vị hoàng thân không thể cho gọi một kẻ mà ông ta chẳng bao giờ

thèm để mắt.

Ông Roach không khỏi tò mò. Ông chưa bao giờ thấy, thậm chí dù chỉ thoáng qua, bóng dáng thằng bé đó. Ông cũng đã nghe hàng tá những câu chuyện đồn thổi về diện mạo kỳ quặc và tâm tính khác thường của nó. Những gì mà ông hay được nghe nhất, đó là thằng bé có thể chết bất kỳ lúc nào, cùng với một lô một lốc những mô tả kỳ khôi về một người gù lưng và những cái bấu vô phương cứu chữa từ miệng những kẻ chưa bao giờ nhìn thấy cậu.

-Biết bao điều đang đổi thay trong ngôi nhà này, ông Roach ạ. – Bà Medlock bảo khi bà đưa ông lên đoạn cầu thang phía sau dẫn tới cầu thang, từ đó mở thông sang gian phòng ngủ mà cho đến giờ vẫn chìm trong màn bí ẩn.

-Hy vọng mọi thứ đổi thay theo chiều hướng tốt, thưa bà,- ông đáp.

-Không thể xấu đi được,- bà tiếp tục,- và lạ lùng không kém là bọn trẻ đã biết bốn phận của chúng, nên cũng thấy dễ chịu hơn nhiều. Ông đứng có ngạc nhiên, ông Roach, nếu bất chợt nhận thấy mình đang ở giữa một bày thú, và thấy thằng Dickon em trai Martha ở đó thoải mái như ở nhà, còn hơn cả ông và tôi.

Thật sự thì như có một thứ phép lạ gắn liền với cái tên của Dickon như Mary vẫn thâm tin tưởng. Ông Roach vừa nghe tên cậu liền mỉm cười khoan dung.

-Với thằng bé này thì dù có ở Điện Buckingham hay dưới đây hầm than thì cũng như ở nhà thôi,- ông nói. – Nó cũng chưa bao giờ láo xược. Nó là người tốt.

Có thể ông đã chuẩn bị tinh thần hay chính ông cũng bị bất ngờ. Khi cánh cửa phòng ngủ mở ra, một con quạ to tướng, như thể đang ở nhà nó, đậu lên lưng tựa cao của chiếc ghế chạm trổ, loan báo sự có mặt của vị khách bằng cách kêu tướng lên “quạ-quạ”. Dù đã có lời báo trước của bà Medlock, ông Roach vẫn phải cố giữ tư thế chững chạc bằng cách nhảy lùi về phía sau.

Vị tiểu vương trẻ không nằm trên giường mà cũng không ngã lưng trên sofa. Cậu ta đang ngồi trong ghế bành, con cừ non đứng cạnh ve vẩy đuôi đúng điệu cừ non bú mẹ, trong khi Dickon quỳ giữ chai sữa cho nó. Một con sóc ngồi trên cái lưng khom khom của Dickon đang mãi mê nhả hạt dẻ. Còn con bé đến từ Ấn Độ ngồi trên chiếc ghế đầu lớn chăm chú nhìn ra.

-Thưa cậu Colin, đây là ông Roach,- bà Medlock bảo.

Vị tiểu vương trẻ quay ra nhìn người nô bộc của mình từ đầu đến chân – chỉ ít đó là điều mà người quản vườn đã nghĩ.

-Ồ, ông Roach đây à,- nó nói. – Tôi cho gọi ông để giao cho ông mấy việc quan trọng.

-Tốt quá, thưa cậu,- ông Roach đáp lại, tự nhủ không biết có phải mình sắp nhận được lệnh đôn bỏ toàn bộ sỏi trong công viên hay chuyển vườn cây

ăn quả thành vườn thủy tạ.

-Tôi định ra ngoài trên ghé của mình vào chiều nay,- Colin bảo,- nếu khí trời hợp với tạng người tôi thì tôi có thể sẽ đi dạo hàng ngày. Mỗi khi tôi đi dạo thì không người làm vườn nào được phép có mặt ở bất kể nơi đâu gần với lối đi dạo ven các bức tường bao quanh khu vườn. Không một ai được phép ở đó. Khoảng hai giờ chiều tôi sẽ ra khỏi nhà và mọi người phải tránh xa cho tới khi tôi bảo rằng họ có thể quay trở về làm việc.

-Dạ, được ạ, thưa cậu,- ông Roach trả lời và cảm thấy nhẹ cả người khi rặng sồi vẫn còn và các vườn cây ăn quả vẫn yên ổn.

-Mary,- Colin vừa nói vừa ngoảnh sang con bé,- ở Ấn Độ người ta nói gì khi họ kết thúc câu chuyện và muốn mọi người đi ra.

-Người ta bảo: “Người được phép lui”. – Mary đáp.

Vị tiểu vương vẫy tay ra hiệu.

-Ông được phép lui, ông Roach, nhưng cần nhớ rằng việc này rất hệ trọng.

“Quạ- quạ”, con quạ phụ họa bằng giọng khàn khàn cộc cằn, nhưng không hề vô lễ.

-Tốt quá, thưa cậu. Cảm ơn cậu,- ông Roach bảo. Rồi bà Medlock đưa ông ra khỏi phòng.

Ra tới hành lang, vốn bản chất hiền hậu, ông cứ mỉm cười mãi cho tới khi cười lên thành tiếng.

-Lạy trời! – ông bảo,- cậu ấy có một phong cách quý tộc rất ư tao nhã, phải không? Bà có cho rằng cậu ấy thừa hưởng cả truyền thống Hoàng gia trong người mình, như một vị hoàng tử và gì gì nữa chứ?

-Hừ! – Bà Medlock biểu lộ sự không tán thành. – Chúng ta đã để cho cậu ấy giẫm đạp lên tất cả kể từ khi cậu ấy chập chững biết đi, và cậu ấy quen nghĩ mọi người sinh ra là để như vậy.

-Có thể rồi đây cậu ấy sẽ không còn như thế, nếu cậu ấy còn sống. – ông Roach gợi ý.

-Chà, đó là điều có thể tin được,- bà Medlock nói,- nếu cậu ấy sống và đưa trẻ từ Ấn Độ còn ở đây, tôi cam đoan rằng con bé dạy cậu ta rằng cả quả cam không thuộc về cậu ấy, như bà Susan Sowerby đã ví von. Và đây có vẻ là lúc thích hợp để cậu ấy khám phá xem phần cam của cậu ấy là bao nhiêu.

Bên trong căn phòng, Colin đang ngồi tựa lưng vào tấm nệm.

-Vị vậy tất cả đều ổn,- nó nói,- chiều nay mình sẽ nhìn thấy nó, chiều nay mình sẽ được ở trong đó.

Dickon trở lại khu vườn cùng với mấy con thú. Mary vẫn ở bên Colin. Con bé không nghĩ Colin đang mệt, nhưng thẳng bé hoàn toàn im lặng trước bữa trưa được dọn ra và suốt thời gian dùng bữa nó vẫn chẳng nói lấy một câu. Mary ngạc nhiên không hiểu tại sao, liền lên tiếng hỏi:

-Colin này, cậu có đôi mắt to thật. Khi cậu đang suy nghĩ điều gì thì

trông chúng như hai chiếc đĩa vậy. Lúc này, cậu đang nghĩ gì thế?

-Tớ không thể không suy nghĩ trông nó sẽ như thế nào,- thằng bé đáp.

-Khu vườn ấy à? – Mary hỏi.

-Mùa xuân! – thằng bé đáp. – Tớ đang tự nhủ trước đây mình chưa bao giờ thực sự thấy nó. Tớ hiếm khi ra bên ngoài, mà hễ có ra thì tớ cũng chẳng thèm đoái hoài tới. Tớ thậm chí còn không nghĩ tới nó nữa kia.

-Tớ chưa bao giờ thấy mùa xuân ở Ấn Độ, bởi vì làm gì có. – Mary nói.

Sống khép kín và bệnh hoạn, Colin thậm chí còn tưởng tượng nhiều hơn cả con bé. Ít nhất, nó cũng đã dành khá nhiều thời gian cho những cuốn sách và những bức tranh đẹp đẽ.

-Sáng nay, khi cậu chạy vào và bảo: “Nó đến rồi! Nó đến rồi!”, cậu khiến tớ cảm thấy hết sức kỳ lạ. Cậu ấy vang lên như báo hiệu đang đến với đám rước linh đình đang tiến lại cùng những âm thanh huyền ảo tuôn trào, lẫn trong tiếng nhạc. Tớ đã thấy một bức tranh như thế trong một quyển sách: đám đông những con người đáng yêu cùng bày trẻ nhỏ đeo các tràng hoa, tay cầm nhánh hoa, ai nấy nói cười, nhảy múa, tụ tập, thối sáo. Đó là lý do tại sao mà tớ bảo, “Biết đâu chúng mình sẽ được nghe tiếng kèn trumpet bằng vàng”, và giục cậu mở toang cửa sổ ra.

-Vui quá nhỉ! – Mary nói. – Đó đúng là những gì mà người ta có thể cảm thấy. Và nếu như tất cả hoa lá, cây cỏ, chim chóc và muông thú hoang dại cùng một lúc nhảy múa reo ca thì là cả một đám đông rồi còn gì! Tớ dám chắc rằng nếu chúng cùng nhảy nhót, ca hát và líu lo thì chắc hẳn sẽ làm nên bản hòa tấu tuyệt vời.

Cả hai đứa cất tiếng cười, không phải bởi ý tưởng buồn cười, mà bởi chúng đều thấy thích cảnh tượng đó vô cùng.

Chỉ một lát sau, cô bảo mẫu đã sửa soạn xong cho Colin. Cô nhận thấy thay vì cứ nằm ì như một khúc gỗ trong khi mặc quần áo thì hôm nay nó ngồi ngay dậy và gắng tự mình mặc lấy, trong suốt thời gian đó vẫn luôn mồm cười nói với Mary.

-Đây là một trong những ngày vui vẻ của cậu ấy, thưa ngài,- cô nói với bác sĩ Craven vừa tạt qua để kiểm tra tình trạng thằng bé. – Cậu nhà tinh thần thoải mái nên khỏe khoắn hẳn ra.

-Tôi sẽ ghé lại lần nữa vào buổi chiều, sau khi cậu ấy vào trong nhà,- bác sĩ Craven bảo,- Tôi phải xem việc ra ngoài có thích hợp với cậu ấy không. Tôi mong rằng,- ông hạ thấp giọng,- cậu ta để cô đi cùng.

-Trong trường hợp này tôi thà từ chối ngay từ bây giờ, thưa ngài, còn hơn ở lại nghe theo lời gợi ý của ngài,- cô bảo mẫu đáp lại thẳng thừng.

-Quả tình tôi không định đưa ra gợi ý đó,- bác sĩ trả lời, vẻ hơi thiếu quyết đoán. – Chúng ta cứ thử nghiệm xem sao. Dickon là một anh bạn trẻ mà tôi hoàn toàn tin tưởng.

Người hầu lực lưỡng nhất trong nhà đã bế Colin xuống tầng dưới, đặt nó

vào chiếc xe lăn, gần chỗ Dickon đang đứng đợi bên ngoài. Sau khi anh ta sắp lại tấm mền đắp lên đầu gối và tấm nệm của nó cho ngay ngắn, vị tiểu vương khoát tay bảo bác sĩ và cô bảo mẫu:

-Các vị có thể lui.

Hai người nhanh chóng biến mất. Cũng phải thú thật rằng họ đã khúc khích cười với nhau khi vào đến trong nhà.

Dickon bắt đầu đẩy chiếc xe lăn một cách chậm rãi, chắc chắn. Cô chủ Mary đi bên cạnh xe, Colin ngồi tựa lưng và ngẩng mặt nhìn bầu trời. Vòm trời cao vợi vợi, mấy đám mây nhỏ trắng xóa như tuyết nom tựa một bầy chim trắng đang lững lờ sải cánh trên bầu trời xanh trong như pha lê. Làn gió từ cánh đồng hoang thổi tới, thoang thoang hương thơm ngào ngạt, tinh khôi và hoang sơ. Colin rướn bộ ngực mảnh khảnh hít lấy hít để, lúc này đôi mắt của nó trông như thể đang căng ra lắng nghe, thay cho đôi tai.

-Có bao tiếng hát ca, ríu rít và gọi mời quanh ta,- Colin nói,- Mùi hương gì gió vừa đưa tới thế?

-Đó là mùi hoa kim tước đang nở rộ ngoài đồng,- Dickon trả lời,- Ôi! Ong bay ra nhiều thế này thì hôm nay trời đẹp lắm.

Trên các nẻo đường mòn chúng đi không có lấy một bóng người nào. Thực ra đám làm vườn đã được dặn dò phải tránh đi chỗ khác. Nhưng chúng vẫn lẩn qua lẩn lại giữa các đám cây bụi, rồi lại ló ra và đi vòng qua các luống hoa. Rốt cuộc, khi bọn trẻ rẽ vào lối đi dạo bên mấy bức tường cao phủ đầy dây thường xuân, cái cảm giác phấn khích trước nỗi xúc động đang tới gần khiến chúng, vì một lý do kỳ lạ nào đó mà chúng không thể giải thích nổi, bắt đầu mở miệng thì thảo với nhau.

-Đây là,- Mary nói qua hơi thở. – Đây là nơi tớ thường đi tới đi lui và luôn băn khoăn suy nghĩ.

-Thế hả? – Colin khẽ kêu và đưa mắt nhìn đám dây thường xuân với nỗi tò mò háo hức. – Nhưng tớ chẳng thấy gì hết,- nó thì thầm. – Không có lấy một cánh cửa.

-Đó chính là điều đã khiến tớ suy nghĩ,- Mary nói.

Xung quanh im phăng phắc, không cả tiếng thở nhẹ, chiếc xe lại lăn bánh.

-Kìa là khu vườn nơi ông Ben Weatherstaff làm việc. – Mary bảo.

-Thật hả? – Colin nói.

Thêm mấy nét nữa, Mary lại thì thầm.

-Còn đây là nơi con chim ức đỏ hay bay qua bức tường,- con bé nói.

-Thật chứ? – Colin kêu toáng lên. – Ôi! Ước gì nó trở lại!

-Và kia,- Mary nói với vẻ trang trọng xen lẫn thích thú, chỉ tay vào dưới bụi tử đinh hương(cây bụi có hoa màu tím nhạt hoặc trắng , mùi thơm dễ chịu) lớn- chính là nơi nó đậu trên một đồng đất nhỏ mà chỉ cho tớ chiếc chìa khóa.

Thế là Colin nhòm hản người lên.

-Đâu? Đâu? Chỗ đó hả? – Thằng bé kêu lên, đôi mắt mở thao láo như mắt sói. Dickon đứng lặng yên, chiếc xe đẩy cũng dừng bánh.

-Còn đây,- Mary nói, nó rón rén bước tới luống hoa gần đám dây thường xuân,- là nơi tớ nói chuyện với nó khi nó từ trên bờ tường kia hót vọng xuống. Chỗ này là đám dây thường xuân bị gió thổi lật lên,- nói đoạn con bé đưa tay vén tấm rèm màu xanh đang buông rủ xuống.

-Ôi! Thế sao! – Colin thở hỏn hên.

-Và đây, cái tay nắm, còn đây là cánh cửa ra vào. Dickon, đẩy cậu ấy vào trong đi, đẩy cậu ấy vào trong nhanh lên!

Dickon ra tay bằng một cú đẩy mạnh, chắc và hết sức tuyệt.

Colin buòng phịch người tựa vào tấm đệm, thở hỏn hên vì sung sướng, nó đưa tay bưng kín mắt để không thấy gì cho tới khi cả ba đã vào tới bên trong, chiếc xe dừng khựng lại như được điều khiển bởi phép thuật và cánh cửa khép lại sau lưng. Chỉ đến khi đó nó mới bỏ tay ra và nhìn quanh một lượt, như Dickon và Mary trước đây đã từng làm. Và trên bức tường, đất đai, cây cối cùng những cánh nhánh mềm mại đang đung đưa trong gió là cả một tấm mạng màu xanh tuyệt đẹp do ngàn vạn chiếc lá nhỏ xíu mềm mại dệt thành đang phủ kín khắp nơi; trên bãi cỏ dưới bóng cây, nơi các bình xám trong hốc tường, chỗ này chỗ kia, hết thấy đều rực lên những đóm hoa màu vàng, tím, trắng; và những cây cao cũng đang khoe những đóa hoa màu phớt hồng và màu trắng như tuyết ngay trên đầu thằng bé; rồi thì tiếng vỗ cánh đầy xao xuyến của chú chim nào đó và tiếng líu lo ngọt ngào mơ hồ, tiếng vo ve cùng muôn vàn mùi hương. Vàng dương buòng những tia nắng ấm áp lên khuôn mặt Colin giống như có một bàn tay mơn man dịu dàng. Trong ánh mắt kinh ngạc, Mary và Dickon cũng người đăm đăm nhìn nó. Thằng bé trông thật lạ lùng và hoàn toàn khác trước bởi sắc diện ửng hồng lan dần trên toàn bộ cơ thể nó- từ khuôn mặt trắng ngà cho đến cổ, hai bàn tay và tất cả.

-Tớ sẽ khỏe! Tớ sẽ khỏe! – Nó gào to. – Mary! Dickon! Tớ sẽ khỏe mạnh! Và tớ sẽ sống mãi mãi!

Chương 21: Lão Ben Weatherstaff

Một trong những điều lạ lùng về cuộc sống nơi trần thế là thỉnh thoảng có người dám cả quyết rằng học sẽ sống mãi mãi. Đôi khi người ta có cơ hội cảm nhận điều đó, khi thức dậy vào lúc bình minh uy nghiêm mà dịu dàng, một mình ra khỏi nhà, ngược nhìn bầu trời nhợt nhạt đang từ từ hồng lên, với bao điều tuyệt vời không ai hay biết đang diễn ra cho tới khi cả phương Đông bừng sáng, và ta thảng thốt kêu lên, trái tim lặng đi trước vẻ uy nghi đường bệ muôn đời không đổi thay của cảnh mặt trời mọc – là điều vẫn xảy ra mỗi sáng từ muôn triệu năm qua. Trong khoảng khắc, ta nhận ra điều đó. Và đôi khi ta lại nhận ra khi đứng một mình trong rừng vào buổi hoàng hôn,

khi màu vàng tĩnh lặng thăm sâu huyền bí chiếu xiên qua vòm cây như đang chậm rãi nhắc đi nhắc lại một điều gì đó ta hầu như không nghe thấy cho dù có cố gắng đến đâu. Rồi đôi khi sự im lặng mênh mang của màn đêm xanh thăm cùng hàng triệu vì sao đang mong ngóng dõi theo khiến ta cảm nhận điều đó thật rõ ràng; và một nốt nhạc trầm vắng tới biến mọi chuyện thành sự thật; hay đôi lúc, là nhờ một ánh nhìn trong mắt ai.

Cảm xúc ấy đang dâng trào trong Colin khi lần đầu nó được nhìn, nghe và cảm nhận mùa xuân ngay giữa bốn bức tường cao ngất của một khu vườn được giấu kín. Buổi chiều hôm ấy, dường như cả thế giới đã dâng hiến cho riêng một đứa trẻ vẻ đẹp hoàn hảo, rạng rỡ cùng sự bao dung của mình. Mấy bạn Dickon dừng bước, sững người lại, mắt lộ vẻ mỗi lúc một ngạc nhiên, rồi khẽ lắc đầu.

- Ôi! Thật là huy hoàng, - Dickon bảo. - Tớ mười hai tuổi, sắp bước sang tuổi mười ba rồi. Đã có bao buổi chiều trong suốt mười hai năm qua, nhưng tớ dường như chưa thấy buổi chiều nào lộng lẫy như buổi hôm nay.

- Đúng, đây là một buổi chiều huy hoàng, - Mary nói, rồi thở dài luyến tiếc. - Tớ dám đánh cược rằng đây là buổi chiều huy hoàng nhất chưa từng thấy trên thế gian này.

Chúng kéo chiếc xe tới dưới gốc mận hoa trắng xóa có bầy ong đang vo ve. Cây mận trông như một bức tường của nhà vua, một vị vua trong những câu chuyện cổ. Mấy cây anh đào gần đó đang nở hoa, kê bên dăm ba cây táo đầy nhụy nụ hoa nửa hồng nửa trắng, một vài nụ đã nở tung ra... Giữa đám cành nhánh đang trở hoa dẹt nên tấm gương ấy, ẩn hiện mấy mảnh trời xanh đang ngó xuống như những con mắt tò mò.

Mary và Dickon quanh quẩn làm việc, còn thằng Colin ngồi xem. Chúng chỉ cho thằng bé mấy nụ này sắp nở, dăm nụ kia còn phong kín, những đoạn cành có lá non mọc ra, chiếc lông vũ của một con chim gõ kiến vừa rơi nhẹ xuống thảm cỏ, và cả chiếc vỏ trứng của con chim nào đó vừa nở sớm... Dickon chậm chậm đẩy chiếc xe vòng quanh khu vườn, thỉnh thoảng dừng lại để Colin được nhìn những thứ diệu kỳ đang nhú lên khỏi mặt đất hoặc buông xuống từ trên cây. Cảnh tượng ấy khiến người ta liên tưởng đến các chuyên vi hành trong giang sơn của đức vua và hoàng hậu để thưởng ngoạn non nước đẹp tươi.

- Chúng mình sẽ gặp chim ứ đỏ chứ? - Colin hỏi.

- Từ giờ trở đi cậu sẽ được gặp chim ứ đỏ thường xuyên, - Dickon trả lời. - Hễ ỏ trứng nở ra lũ chim non là nó phải bận bịu lắm. Rồi cậu sẽ được thấy cảnh tượng nó bay đi bay về tha những con sâu còn to bằng nó, đám chim non nhón nhác giành ăn trong tổ khiến cho nó bối rối không biết cái miệng nào to nhất để mớm cho miếng mồi đầu tiên. Mỏ chúng cứ há hoác ra, miệng kêu chiêm chiêm rầm rĩ. Mẹ tôi bảo khi bà thấy những việc con chim ứ đỏ phải làm để cho đầy mỏ lũ con của nó, bà có cảm giác mình như một

phu nhân suốt ngày chẳng động đậy chân tay. Bà bảo bà đã thấy bọn chim non dường như cũng toát cả mồ hôi trong khi chẳng ai thấy điều đó cả.

Câu chuyện khiến chúng khúc khích cười vui vẻ đến nỗi phải đưa tay bịt miệng, sợ nhờ có người nghe thấy. Từ mấy ngày trước, Colin đã được dặn dò phải thì thầm, nói khẽ. Nó thích sự bí ẩn vây quanh chuyện này, nhưng giữa lúc niềm vui đang dâng lên tột đỉnh thì khó lòng mà kìm nổi.

Từng giây từng phút của buổi chiều hôm ấy đầy ắp những điều mới mẻ. Mỗi giờ trôi qua, ánh nắng lại càng rực rỡ óng ả hơn. Chiếc xe được kéo trở lại dưới tán cây ban nãy, Dickon ngồi xuống bãi cỏ rồi rút cây sáo ra, trong lúc Colin ngắm nghía cái gì đó mà nó không kịp để ý lúc trước.

- Đằng kia có một cây cổ thụ thì phải? - Colin hỏi,

Dickon đưa mắt qua bãi cỏ về phía cái cây, Mary cũng nhìn theo, một hồi yên lặng ngẩn ngui.

- Ừ, - Dickon đáp, và cái giọng trầm trầm của nó thoát nhẹ bỗng.

Mary chăm chăm nhìn cái cây, vẻ suy nghĩ.

- Cảnh nào cũng xám xịt, chẳng có lấy một chiếc lá, - Colin tiếp tục. - Nó hoàn toàn chết rồi, phải không?

- Đúng thế, - Dickon thừa nhận. - Nhưng những nhánh hồng kia đang phủ lên cây, rồi chúng sẽ trở đầy hoa lá để che kín thân gỗ chết. Khi ấy thì chẳng còn vẻ gì là cây chết. Có khi lại là chỗ đẹp nhất vườn ấy chứ.

Mary vẫn đăm đăm nhìn cây và suy nghĩ.

- Có vẻ như một cành lớn đã bị gãy, - Colin bảo. - Tớ tự hỏi làm sao lại ra nông nỗi ấy?

- Nó đã từng bị thế nhiều lần trong năm, - Dickon trả lời. - Kia! - Dickon bỗng giật mình và đặt bàn tay lên vai Colin. - Nhìn những con chim ức đỏ kia! Nó đấy! Nó đang tìm con mái của nó.

Colin đã quá chậm, nhưng nó cũng kịp nhìn thấy bóng chim tựa một vệt màu sáng đỏ vụt qua, mỏ nó đang ngậm một vật gì đó. Nó lao vụt qua đám cây xanh mượt và biến mất sau góc vườn cây cối mọc san sát nhau. Colin lại ngả người vào tấm nệm, cười khe khẽ.

- Nó mang trà cho vợ nó đấy mà. Cũng phải năm giờ rồi. Tớ muốn có một tách trà.

Thế là hai đứa kia thoát nạn.

- Một phép màu nào đó đã gửi chim ức đỏ đến với chúng ta, - Mary bảo Dickon với vẻ bí mật. - Tớ nghĩ đó là cả một Phép màu.

Con bé và Dickon, cả hai đều rất sợ Colin có thể hỏi han gì đó về cái cây có một cành bị gãy mười năm về trước, chúng đã bàn kỹ với nhau chuyện này và Dickon cứ vò đầu bứt tai mãi.

- Chúng mình phải làm bộ rằng cây nào mà chẳng giống cây nào, - thằng bé nói. - Chúng mình đừng bao giờ kể cho cậu ấy nó đã gãy ra làm sao, anh bạn tội nghiệp. Giả sử cậu ấy có hỏi bất cứ điều gì về nó thì chúng mình

phải... chúng mình phải gắng tỏ ra vui vẻ.

- Ừ, chúng mình sẽ phải làm thế. - Mary đáp.

Nhưng nó chẳng hề thấy vui chút nào khi ngoái lại nhìn cái cây nọ. Những lúc như vậy, nó tự hỏi liệu có bao nhiêu phần sự thực trong những câu chuyện khác mà Dickon đã kể nó nghe. Thằng bé cứ vò đầu với vẻ bối rối, thế nhưng trong đôi mắt xanh biếc của nó lại lộ ra ánh vô tư.

- Bà Craven là một quý bà trẻ đáng yêu, - Dickon tiếp tục, vẻ hơi lưỡng lự. - Mẹ tôi cho rằng có lẽ bà ấy đã quay lại Trang viên Misselthwaite rất nhiều lần để chăm sóc cho cậu chủ Colin, như các bà mẹ thường làm khi đã rời bỏ thế gian này. Họ phải trở về, cô cũng biết đấy. Ngẫu nhiên bà xuất hiện trong vườn, ngẫu nhiên bà xui khiến chúng mình bắt tay vào việc, và bảo chúng mình mang con trai bà đến đây.

Mary nghĩ thằng bé muốn ám chỉ tới Phép màu. Con bé vốn một lòng tin tưởng vào Phép màu. Tự đáy lòng, nó hoàn toàn tin rằng Dickon biết làm ra phép thuật, tất nhiên là những phép thuật tốt lành lên mọi thứ xung quanh cậu ấy và đó là lý do tại sao mọi người lại yêu quý cậu ấy đến vậy, còn các loài thú hoang thì coi cậu như một người bạn. Nó kinh ngạc vô cùng vì chính vào lúc Colin đưa ra câu hỏi nguy hiểm đó thì chim ức đỏ lại từ đâu bay đến. Nó có cảm tưởng phép thuật của Dickon đã hiển hiện trong suốt buổi chiều hôm ấy và biến Colin thành một đứa trẻ hoàn toàn khác trước. Quả khó mà hình dung thằng Colin trong vai cái tạo vật điên cuồng đã từng gào rú, đánh đập và cắn nghiền cả chiếc gối của mình. Đến màu da trắng bệch của nó cũng dường như thay đổi. Cái sắc đỏ mơ hồ ửng lên trên mặt, cổ và tay nó khi lần đầu tiên bước vào khu vườn chưa bao giờ mất đi. Giờ trông nó như được làm bằng xương bằng thịt chứ không phải một bức tượng sáp.

Chúng thấy chim ức đỏ tha mồi cho con mái mấy lần liền, và chính cảnh tượng ấy đã gợi ý về bữa trà chiều mà Colin cảm thấy cần phải có.

- Cậu đi bảo một gia nhân nào đó dọn trà chiều cho chúng ta ở lối đi dạo có hàng đỗ quyên đằng kia nhé, - nó bảo. - Rồi sau đó cậu và Dickon ra bưng nó về đây.

Đó quả là một ý tưởng hay, lại dễ thực hiện, và khi tám vải trắng được trải rộng trên bãi cỏ, trà nóng, bánh mì nướng phết bơ với bánh xốp đã được những đứa trẻ đang đói ngấu vui vẻ chén ngay tức thì. Mấy con chim đang nhảy nhót trên một đoạn lối mòn trong vườn dừng lại như muốn dò hỏi chuyện gì đang diễn ra và bị cuốn vào cuộc điều tra, tìm hiểu những mảnh bánh vụn. Hạt dẻ và Vỏ sò tốt vội lên cây cùng với mấy mẩu bánh, còn Bò hóng đóp lấy cả một nửa miếng bánh xốp phết bơ lui về một góc rìa rìa, lật đi lật lại, sau đó nó kêu lên quạ quạ như để ghi nhận chiến lợi phẩm trước khi quyết định nuốt chửng với tất cả niềm vui sướng hả hê.

Buổi chiều hôm ấy đã trôi qua mang theo bao phút giây ngọt ngào êm dịu. Mặt trời đang chìm dần trong ánh hoàng hôn vàng, bầy ong đang bay về

tổ và bóng chim chóc qua lại cũng thưa thớt dần. Dickon và Mary vẫn ngồi trên bãi cỏ, chiếc giỏ đựng bữa trà đã được xếp lại để mang về nhà. Bấy giờ Colin vẫn còn ngả người trên tấm nệm, mấy lọn tóc dày được vén hai bên trán, gương mặt hoàn toàn mang khí sắc tự nhiên.

- Tớ không muốn buổi chiều này qua mau, nhưng ngày mai tớ sẽ trở lại, và ngày kia, ngày kia, ngày kia cũng thế.

- Cậu đã lấy đủ không khí trong lành rồi, phải không? - Mary hỏi.

- Tớ chẳng mong gì hơn, - nó trả lời. - Lúc này, tớ đã được thấy mùa xuân và rồi tớ sắp được thấy mùa hạ. Tớ sắp được thấy mọi thứ sinh sôi nảy nở ở đây. Ngay bản thân tớ cũng đang lớn lên ở chính nơi đây.

- Cậu sẽ như vậy, - Dickon bảo, - sẽ dạo chơi quanh vùng, sẽ đào xới như mọi người vẫn làm từ bao lâu nay.

Colin xúc động ghê gớm.

- Đi dạo! Xới đất! Tôi sẽ như thế thật chứ?

Dickon liếc nhìn nó với vẻ thận trọng đầy tế nhị. Cả nó lẫn Mary chưa từng hỏi xem liệu có vấn đề gì với đôi chân của Colin hay không.

- Hẳn là vậy rồi, - nó nói một cách cả quyết. - Cậu... cậu có đôi chân gầy, giống như chân của những người khác!

Mary hơi hoảng hốt, cho tới khi nó nghe Colin đáp lại.

- Thực ra hai chân tôi cũng chẳng đau đớn gì, - cậu ta đáp, - mỗi tội gầy yếu quá. Chúng run rẩy đến nỗi tôi e rằng khó mà đứng vững được.

Mary và Dickon cùng thở ra nhẹ nhõm.

- Một khi cậu đã không còn thấy sợ phải đứng lên, - Dickon nói với niềm vui vừa trở lại,

- thì cậu chẳng có gì phải sợ nữa.

- Tôi sẽ thế ư? - Colin hỏi, nó nằm lặng người như thể đang kinh ngạc trước những điều mới mẻ ấy.

Chúng hoàn toàn im lặng hồi lâu. Mặt trời xuống thấp dần. Đây chính là giờ phút mà mọi thứ đều vô cùng tĩnh lặng, và chúng đã có một buổi chiều thật bận rộn và hứng thú. Colin trông ra dáng một anh chàng đang nghỉ ngơi thư thái. Ngay đến mấy con vật cũng thôi nhảy nhót tới lui mà túm tụm vào một chỗ, nằm nghỉ gần bên lũ trẻ. Bò hóng đậu trên một cành cây thấp, co một cẳng lên và mơ màng ngủ gật. Mary thậm nghĩ có lẽ vài phút nữa nó còn ngáy cũng nên.

Giữa lúc đang yên lặng như vậy, cả bọn giật mình khi Colin ngẩng lên thốt ra một tiếng gằn như thì thầm.

- Người đàn ông kia là ai?

Dickon và Mary vội đứng bật dậy.

- Người đàn ông nào? - Cả hai đứa kêu lên khe khẽ.

Colin chỉ về phía bức tường cao.

- Kia kia! - Nó thì thào về đây kích động. - Kia kia!

Mary và Dickon quay chiếc xe lại và trông thấy. Đó chính là bộ mặt giận dữ của lão Ben Weatherstaff đang đứng trên thang gỗ mà trừng trừng nhìn chúng qua bờ tường. Lão dứ dứ nắm đấm về phía Mary.

- Nếu tôi không phải một lão già độc thân, và cô là cô gái của tôi, - lão gào lên, - thì tôi sẽ nhốt cô lại!

Lão leo thêm nấc thang nữa với vẻ hăm dọa, ra bộ lão thừa sức nhảy xuống để tóm lấy cô bé, nhưng thấy Mary tiến lại phía mình, lão lại nghĩ tốt hơn cả là đứng tại nấc thang trên cùng mà dứ dứ nắm đấm xuống phía con bé.

- Tôi không sao chịu được cô! - Lão nói to giận dữ. - Tôi không tài nào chịu nổi cô ngay từ lần đầu nhìn thấy cô. Mặt thì gầy rạc, tóc thì như chổi xể, đã vậy lại còn hay hỏi lung tung và nhúng mũi vào đủ chuyện. Thế mà không hiểu sao cô lại dính dáng đến tôi. Nếu như không phải vì con chim ứ đỏ... cái con chim chết tiệt ấy...

- Ông Ben Weatherstaff, - Mary kêu to và cố lấy hơi. Nó đứng bên dưới lão mà nói vọng lên bằng giọng hỗn hển, - ông Ben Weatherstaff, chính là chim ứ đỏ chỉ đường cho cháu đấy chứ!

Có vẻ như lão Ben định trèo xuống mé tường phía con bé, lão đã quá tức giận.

- Cô thật tệ hại! - Lão kêu vọng xuống. - Cô làm hỏng cả con chim ứ đỏ. Nó không có gan để phạm tội một mình đâu. Nó đã chỉ đường cho cô! Là nó kia đấy! Chà chà! Cô thật là..., - con bé có thể hình dung lão chuẩn bị tuôn ra hàng tràng lời lẽ bởi lão đang tò mò quá đỗi..., - làm thế quái nào mà cô vào được trong đó hả?

- Chim ứ đỏ chỉ đường giúp cháu đấy chứ! - Con bé bướng bỉnh phản đối. - Nó không hề biết điều nó đang làm, nhưng nó đã làm. Và từ chỗ này thì cháu không thể nói gì với ông, khi mà ông cứ dứ dứ nắm đấm vào cháu như vậy.

Bất chợt lão thôi giơ nắm đấm và há hốc mồm khi đưa mắt nhìn qua đầu con bé tới một cái gì đó đang tiến về phía lão qua bãi cỏ.

Tràng dọ nạt của lão thoát tiên đã khiến Colin ngạc nhiên đến nỗi nó ngồi thẳng dậy mà đỏng tai nghe chẳng khác nào bị yểm bùa. Nhưng đến giữa chừng thì nó kịp trấn tĩnh lại và vẫy tay đầy ngạo mạn về phía Dickon.

- Đẩy xe đưa tớ đến đằng kia! - Nó ra lệnh. - Cho xe tới thật gần và dừng ngay trước mặt lão.

Và đây, nếu quý vị vui lòng nghe, đây là những gì đã khiến lão Ben Weatherstaff phải sừng sốt há mồm. Một chiếc xe đẩy với những tấm nệm và áo choàng sang trọng tiến thẳng tới chỗ lão như một cỗ xe ngựa bốn bánh của hoàng gia, bởi bên trong đó là một vị tiểu vương trẻ đang ngồi tựa lưng với vẻ uy nghi vương giả hiện lên qua đôi mắt to rợp hàng mi đen, bàn tay trắng trẻo mảnh dẻ của cậu trở thẳng về phía lão. Chiếc xe dừng ngay dưới

mũi lão Ben. Chẳng trách lão phải sững sốt rụng rời.

- Ông có biết tôi là ai không? - Vị tiểu vương phán hỏi.

Lão Ben Weatherstaff cứ tròn mắt mà nhìn. Đôi mắt già nua đỏ ngầu dán chặt vào những gì ngay trước mặt lão như thể đang trông thấy một bóng ma. Lão cứ nhìn chòng chọc như vậy, nuốt nước bọt và chẳng thốt nên lời.

- Ông có biết tôi là ai không, - Colin hỏi với vẻ càng thêm kiêu kỳ. - Trả lời ngay!

Lão Ben đưa bàn tay chai sạn lên dụi mắt, xoa trán và rồi lão đáp lại bằng cái giọng khàn khàn kỳ quặc.

- Cậu là ai ư? - Lão nói, - Ấy, tôi nhớ ra rồi... với đôi mắt kia trên gương mặt cậu, bà mẹ cậu như đang nhìn tôi chăm chú. Chỉ có Chúa mới biết làm thế nào cậu tới được đây. Nhưng cậu là một người què quặt đáng thương kia mà?

Colin quên khuấy rằng nó từng có “một cái lưng gù”. Cả khuôn mặt nó đỏ bừng bừng lên và thằng bé ngồi bật dậy.

- Tôi không phải người què quặt! - Nó hét toáng lên một cách phẫn nộ - Tôi không phải thế!

- Cậu ấy không phải thế! - Mary cũng gào lên, tiếng gào dội mạnh vào bức tường với tất cả sự phẫn nộ dữ tợn của con bé. - Cậu ấy không có cục bướu nào dù chỉ bằng đầu ghim! Tôi đã xem và không có lấy một mảy may!

Lão Ben Weatherstaff lại đưa tay lên trán và cứ đứng trân trối nhìn như thể lão chưa bao giờ nhìn cho đủ. Bàn tay lão run run, miệng lão mấp máy, giọng nói run rẩy. Vốn là một lão già dốt nát, vụng về, lão chỉ có thể nhớ được những gì mà lão được người ta kể cho nghe.

- Cậu... thì ra cậu không bị gù lưng sao? - Lão hỏi, giọng khàn khàn.

- Không! - Colin quát lên.

- Cậu... cậu không bị khoèo chân? - Giọng lão càng thêm run rẩy.

Thật quá quắt. Cái sức mạnh mà Colin thường trút vào những cơn thịnh nộ lúc này bỗng trôi dạt trong nó, nhưng theo một cách mới. Nó chưa bao giờ bị coi là khoèo chân - dù là chỉ trong những lời thì thào đàm tiếu sau lưng - và niềm tin đơn giản và tuyệt đối vào khuyết tật đó thể hiện trong giọng nói của lão Ben vượt quá sức chịu đựng của vị tiểu vương. Cơn giận dữ và niềm kêu hãnh bị xúc phạm đã khiến nó quên hết tất cả, trừ giây phút này, và truyền cho nó một sức mạnh mà nó chưa từng biết, một sức mạnh hầu như siêu nhiên.

- Lại đây! - Nó quát bảo Dickon, và thậm chí nó còn giật tung tấm chăn phủ đôi chân của mình và vung ra khỏi đó. - Lại đây! Lại đây! Ngay lập tức!

Dickon đến bên nó tức thì. Mary nín thở sau một lần thở gấp lấy hơi, nó thấy mình tái cả mặt.

- Cậu ấy có thể làm được! Cậu ấy có thể làm được! Cậu ấy có thể làm

được! Cậu ấy có thể! - Nó lấp bắp nói trong hơi thở dồn dập.

Sau một hồi giằng co ngăn ngui và dữ dội, tấm chăn dày đắp chân tuột xuống mặt đất. Dickon xúc một bên nách cho Colin, hai cẳng chân gầy guộc duỗi ra, đôi bàn chân còm nhom đặt xuống bãi cỏ. Colin liền đứng thẳng dậy, ngay lập tức, như một mũi tên và cao hẳn lên. Đầu nó hất ra sau và đôi mắt kỳ lạ của nó sáng rực tựa ánh chớp.

- Nhìn tôi đây! - Nó bảo lão Ben. - Hãy nhìn tôi xem! Ông ấy! Hãy nhìn tôi xem.

- Cậu ấy đứng thẳng như tôi vậy! - Dickon kêu to. - Cậu ấy đứng thẳng như bất kỳ gã trai nào ở xứ Yorkshire này!

Và Mary thấy những gì lão Ben Weatherstaff đã làm kỳ quặc không sao kể xiết. Lạo nghẹn thở, nuột nước bọt rồi bỗng nhiên nước mắt lão rớt xuống hai gò má nhăn nheo dải dầu sương gió trong khi hai bàn tay già nua của lão cứ đập đập vào nhau.

- Chà! - Lão bật kêu thành tiếng. - Những lời dối trá mà người ta nói! Chúng bảo cậu gầy như cái que và trắng lợt như bóng ma, nhưng có thấy cái bước nào trên người cậu đâu. Chúa phù hộ cho cậu!

Dickon giữ một bên tay Colin thật chắc, nhưng thằng bé không hề khuyê chân xuống. Nó đứng thẳng, thẳng hơn nữa rồi nhìn xoáy vào mặt lão Ben.

- Tôi là chủ của ông, khi cha tôi đi vắng. Và ông phải vâng lời tôi. Đây là khu vườn của tôi. Đừng có liều lĩnh mà nói một lời nào về nó nữa! Ông hãy xuống thang và ra lỏi đi dạo, cô Mary sẽ gặp ông ở đó rồi đưa ông tới đây. Tôi muốn nói chuyện với ông. Lẽ ra chúng tôi không cần đến ông, nhưng bây giờ thì ông sẽ phải giữ bí mật. Nhanh chân lên!

Khuôn mặt già nua nhăn nhó của lão Ben Weatherstaff vẫn còn dẫm nước mắt. Tưởng chừng lão không tài nào rời mắt khỏi cậu Colin gầy gò đang đứng thẳng người trên đôi chân của cậu ta, đầu ngẩng hất ra sau.

- Chà chà! Anh bạn trẻ, - lão nói thì thầm. - Chà! Anh bạn trẻ của tôi! - Và rồi như chợt nhớ ra điều gì, lão đưa tay chạm vào vành chiếc mũ làm vườn của lão, nói. - Xin vâng, thưa cậu! Vâng, thưa cậu! - rồi biến mất với vẻ phục tùng khi bước xuống chiếc thang.

Chương 22: Lúc mặt trời lặn

Khi đầu lão Ben vừa khuất khỏi tầm mắt, Colin quay sang bảo Mary.

- Cậu đi gặp ông ấy đi.

Mary băng qua bãi cỏ tới chỗ cánh cửa ẩn dưới đám dây thường xuân.

Dickon quan sát kỹ thằng Colin. Đã thấy những đốm hồng trên hai má nó và trông nó thật đáng kinh ngạc, không hề có vẻ sắp ngã.

- Tôi có thể chịu đựng được, - nó ngẩng cao đầu nói, vẻ đầy kiêu hãnh.

- Tôi đã bảo với cô Mary rằng chẳng chóng thì chày cậu sẽ không còn sợ hãi nữa, - Dickon bảo, - và quả nhiên cậu đã không sợ thật.

- Vâng, tôi chẳng thấy sợ gì nữa, - Colin bảo.

Rồi đột nhiên, nó nhớ lại một điều Mary đã nói.

- Anh biết làm ra Phép màu phải không? – Nó bắt ngờ hỏi.

Cái môi cong cong của Dickon toét ra nụ cười,

- Bản thân cậu đang tạo ra Phép màu đấy chứ! Cũng giống như Phép màu đã làm nên mọi thứ trên thế giới này. – Mãi nói chuyện, Dickon suýt giẫm đôi giày ông nặng trĩch của mình lên khóm nghệ tây mọc xen giữa vạt cỏ.

Colin nhìn xuống khóm nghệ.

- À, - nó chậm rãi nói, - chẳng gì có thể vĩ đại hơn Phép màu, chẳng gì có thể.

Rồi nó lại chẳng người hơn trước.

- Tôi định đi bộ tới cái cây kia xem sao, - nó vừa nói, vừa chỉ tay vào cái cây cách đó mấy bước chân. – Tôi sẽ đứng được lúc ông Ben đến đây. Tôi có thể tựa vào cái cây nếu muốn. Khi nào thích ngồi thì tôi sẽ ngồi. Bỏ hộ tôi cái chân ra khỏi xe đi.

Thằng bé bước về phía cái cây, và dù được Dickon dìu một bên nách, nó vẫn bước đi vững chãi một cách đáng kinh ngạc. Đứng tựa vào thân cây cũng không phải chuyện đơn giản, và bởi nó cố giữ cho thằng người nên trông nó cao hẳn lên.

Khi lão Ben Weathstaff bước qua cánh cửa ở chỗ hõm vào bức tường, lão đã thấy thằng bé đứng đó rồi, cũng lúc cứ nghe thấy Mary thì thầm gì đó.

- Cô đang nói gì vậy? – Lão hỏi giọng gắt gỏng, lão không muốn xao lãng sự chăm chú vào thằng bé còm nhom đang rướn thẳng tấm thân dài ngoẵng cùng khuôn mặt kiêu hãnh của nó.

Con bé không đáp lại. Nó cứ lảm nhảm mãi một câu:

- Cậu có thể làm được việc đó! Cậu có thể làm được việc đó! Tớ bảo cậu rằng cậu có thể mà! Cậu có thể làm được việc đó! Cậu có thể!

Con bé đang nói điều đó với chính Colin bởi nó muốn tạo ra một Phép màu, giữ cho thằng bé đứng thẳng trên đôi chân của mình. Nó không chịu đựng nổi nếu Colin thất bại trước mặt lão Ben nhưng thằng bé đã không hề thất bại. Mary phấn khích trước cảm giác bất chợt rằng trông Colin thật đẹp, bất chấp hình dong gầy gò của nó. Còn thằng bé thì đang nhìn như dán mắt vào lão Ben với vẻ đầy hồng hách.

- Trông đây! – Nó ra lệnh – Nhìn khắp người xem ta có phải một thằng gù không? Ta có bị khoèo chân không?

Lão Ben Weatherstaff không dấu nổi xúc cảm, nhưng lão kịp trấn tĩnh đôi chút và trả lời theo thói quen cố hữu của lão.

- Không đâu ạ, - lão bảo – Cậu đâu có thế. Nhưng cậu đang làm gì vậy, cứ giấu mình mãi khiến mọi người nghĩ rằng cậu què quặt và chậm hiểu?

- Chậm hiểu! – Colin giận dữ nói. – Kẻ nào dám nghĩ thế?

- Có khối ra đấy, - Lão Ben đáp. – Thế gian này thiếu gì bọn lừa làm ta

inh tai nhưc óc, nhưng chúng không be be và chỉ rặt nói láo. Cậu cứ tự giam mình lại để làm gì?

- Ai cũng cho rằng tôi sắp chết, - Colin nói cộc lốc. – Tôi không như thế!

Nghe nó nói với vẻ cả quyết, lão Ben nhìn khắp người nó, từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên.

- Cậu mà chết! – Lão nói với niềm hân hoan. – Không hề. Cậu có thừa can đảm bên trong cậu. Khi tôi thấy cậu hăm hở buông chân xuống đất, tôi liền hiểu ngay rằng cậu chẳng việc gì sất. Hãy ngồi xuống tằm chần kia một lát đã, thưa cậu chủ, rồi cho tôi biết mệnh lệnh của cậu.

Đây quả là một sự pha trộn kỳ dị giữa sự dịu dàng chua chát và hiểu biết tinh tường trong tính cách của lão. Mary đã dặn dò lão đủ điều từ lúc bên ngoài lối đi dạo. Điều cốt yếu cần phải nhớ, nó bảo với lão, là Colin đang ngày một khỏe ra. Chính khu vườn này đã mang lại điều đó. Không một ai được phép khiến cậu ấy nhớ lại chuyện ốm đau chết chóc.

Vị tiểu vương hạ cổ ngồi xuống tằm chần dưới gốc cây.

- Công việc ông thường làm trong khu vườn này là gì vậy, ông Weatherstaff? – Colin hỏi thăm.

- Bất kể việc gì tôi được sai khiến, - lão Ben đáp. – Kể ra tôi cũng được chiếu cố, bởi vì bà ấy quý tôi.

- Bà nào? – Colin hỏi.

- Bà mẹ của cậu., - lão Ben đáp.

- Mẹ của tôi? – Colin thốt lên, rồi nó lặng người nhìn ông già. – Đây là khu vườn của bà, có đúng không?

- Vâng, thưa đúng! – Và lão Ben cũng nhìn nó. – Chỉ có bà nhà ưu ái nó nhất.

- Giờ đây nó là khu vườn của tôi. Tôi cũng yêu nó. Tôi sẽ đến đây hàng ngày, Colin tuyên bố. – Nhưng nó vẫn phải là một bí mật. Mệnh lệnh của tôi là không ai được biết chúng tôi đã đến đây. Dickon và cô em họ của tôi sẽ làm vườn và giữ cho nó sống. thỉnh thoảng tôi sẽ của ông đến giúp họ một tay, nhưng ông chỉ được tới khi không một ai nhìn thấy.

Khuôn mặt lão Ben Weatherstaff méo đi trong nụ cười già nua khô khốc.

- Trước kia tôi cũng đã từng tới đây, khi không ai nhìn thấy tôi, - lão bảo.

- Cái gì? – Colin thốt lên. – Khi nào?

- Lần cuối tôi tới đây, - lão đưa tay xua cầm rồi ngó quanh, - là quãng hai năm về trước.

- Suốt mười năm qua làm gì có ai ở trong vườn, - Colin kêu lên. – và không có cửa vào mà.

- Không chỉ có mình tôi, - lão Ben nói một cách khô khan, - và tôi cũng không đi đặng cửa. Tôi trèo qua tường. Nhưng rồi bệnh thấp khớp đã giữ chân tôi suốt hai năm qua.

- Thì ra bác là người vẫn xén tỉa cây! – Dickon kêu to. – Cháu đã không

tài nào hiểu nổi điều đó.

- Bà nhà đã yêu quý khu vườn biết bao! – Lão Ben chậm rãi. – Và bà là một phu nhân thật trẻ trung xinh đẹp. Có lần bà bảo tôi: “Này bác Ben, - bà vừa nói, vừa cười, - nếu có ngày tôi bị ốm hoặc bận đi xa, thì bác phải chăm sóc các khóm hồng này giúp tôi đấy nhé”. Nay bà đã khuất bóng, và còn có lệnh không ai được phép bén mảng đến đây. Nhưng tôi vẫn cứ đến... - lão cần nhằn vẻ ngoan cố. – Tôi vào bằng cách trèo tường... cho tới khi bệnh khớp ngáng chân tôi. Và mỗi năm, tôi chỉ còn làm được tí chút. Bà nhà là người xem trọng sự nèn nếp.

- Nó chẳng được như thế này nếu không có bác chăm sóc, - Dickon tiếp. – Cháu đã hết sức ngạc nhiên.

- Tôi lấy làm mừng vì ông đã xử sự như vậy, - Colin nói. – Nhưng ông biết phải giữ bí mật như thế nào chứ?

- Ấy, tôi biết, thưa cậu, -lão Ben trả lời. – Và lại, đối với một người bị thấp khớp như tôi thì vào đằng cửa vẫn dễ dàng hơn.

Trên bãi cỏ gần cái cây, Mary buông cái xẻng búng cây xuống. Colin với tay nhặt nó lên. Vẻ kỳ quặc hiện trên khuôn mặt thằng bé, và nó bắt đầu xới đất. Bàn tay mảnh khảnh yếu ớt, nhưng nó vẫn làm, mặc cho mọi người đứng nhìn. Mary dăm dăm nhìn nó đến nỗi tưởng chừng quên cả thở: thằng bé đang xắn ngập lưỡi xẻng xuống đất rồi lật lên.

- Cậu làm được mà! Cậu làm được mà! – Mary thầm nói với chính mình, - Tớ đã bảo cậu làm được mà!

Đôi mắt tròn xoe của Dickon tràn ngập nỗi tò mò háo hức, nó không thốt nổi nên lời. Lão Ben Weatherstaff cúi xuống nhìn chăm chú.

Colin vẫn kiên trì. Sau lúc đã lật được mấy xẻng đất đầy, nó hớn hờ bảo Dickon bằng giọng Yorkshire đúng điệu nhất của nó.

- Anh bảo anh sẽ đưa tôi tới đây để đi lại như mọi gã trai khác, và anh còn bảo muốn thấy tôi đào xới đất đai. Tôi nghĩ anh đã được thỏa nguyện rồi đấy. Mới ngày đầu tiên mà tôi đã biết đi và bây giờ còn đang đào đất nữa chứ.

Miệng lão Ben lại há ra khi nghe thằng bé nói, lão chỉ còn biết cười khùng khục.

- Chà! – lão bảo, - nghe kieur này mới hay cậu cũng dí dỏm ra trò. Cậu đúng là một gã Yorkshire chính cống. Lại biết xới đất nữa chứ. Cậu có muốn trồng một cái gì đó không? Để tôi đi kiếm cho cậu một giỏ hồng.

- Ông đi kiếm ngay đi! – Colin bảo, nó đang hào hứng với việc xới đất. – Nhanh lên! Nhanh lên!

Quả thực việc đó được làm nhanh quá thể. Lão Ben vội đi ngay, quên khuấy cả chứng thấp khớp của lão. Dickon cầm chiếc mai đào cho sâu hơn và rộng hơn cái hố mà hai bàn tay trắng trẻo mảnh khảnh kia đã đào ra. Mary chạy ù đi rồi mang về một bình tưới. Trong khi Dickon đào cái hố cho đủ

sâu, Colin tiếp tục xới đi xới lại lớp đất tơi. Nó ngược nhìn bầu trời với vẻ xúc động và quay sang tán dương sự tập luyện mới mẻ kỳ lạ này.

- Tôi muốn làm cho tới khi mặt trời lặn hẳn, - nó nói.

Mary nghĩ có lẽ cũng vừa kịp, mặt trời sắp lặn sau ít phút nữa. Lão Ben Weatherstaff mang về một khóm hồng còn đưng trong chậu hoa lấy từ nhà kính. Lão vật vọi mấy nhánh cỏ quanh gốc. Lão cũng bắt đầu thấy hứng thú. Lão quỳ xuống bên miệng hố và đập bỏ chiếc chậu đưng khóm hồng.

- Đây, cậu trẻ, - lão nói rồi đưa cái cây cho Colin. - Để tự tay cậu trông xuống đất, như đức vua vẫn làm khi ngài chuyển đến cung điện mới.

Hai bàn tay trắng trẻo gầy guộc của thằng bé run run và ánh hồng trên má nó mỗi lúc một đậm hơn khi nó đặt khóm xuống hố để lão Ben vun đất cho chặt. Tiếp đó là tưới nước, rồi giặm đất quanh gốc giữ cho cây đứng thẳng. Mary nhào hẳn người ra phía trước. Con Bò hóng từ đâu sà xuống, ngó nghiêng xem mọi người đang làm gì. Hạt dẻ và Vò sò cùng nhau bàn luận về mọi chuyện trên một cây anh đào.

- Trông xong rồi, - cuối cùng Colin bảo. - Mặt trời cũng sắp lặn, giúp tôi đứng dậy nào, Dickon. Tôi muốn đứng khi nó đi ngủ. Đó cũng là một phần của Phép màu, phải không.

Dickon giúp nó đứng dậy, và Phép màu – hay cái gì đại loại như thế - đã mang lại cho nó sức mạnh, đến nỗi khi mặt trời khuất hẳn phía chân mây và cái buổi chiều kỳ lạ đáng yêu ấy đã khép lại rồi, thằng bé vẫn còn đứng thẳng trên hai chân nó mà cười vang.

Chương 23: Phép màu

Bác sỹ Craven đợi ở nhà được một lúc khi chúng trở về. Ông bắt đầu tự hỏi có nên cho người đi thăm dò các đường mòn xung quanh khu vườn. Khi Colin được đưa về phòng, con người tội nghiệp ấy nhìn nó với vẻ nghiêm nghị.

- Cháu không nên ra ngoài lâu như vậy. Lại càng không được gắng sức.

- Cháu chẳng thấy mệt tí nào. Chuyện này làm cháu thấy dễ chịu. Ngày mai cháu sẽ ra khỏi nhà cả sáng lẫn chiều.

- Chú không chắc chú có thể cho phép điều đó, - Bác sỹ Craven trả lời. - Chú e rằng đó không phải là một quyết định khôn ngoan.

- Và chắc là không khôn ngoan khi chú cứ cố gắng ngăn cản cháu, - Colin nói hết sức nghiêm trang. - Cháu sẽ đi.

Ngay cả Mery cũng nhận ra cái thói kỳ quặc nổi bật ở Colin khi nó tuyệt nhiên không thèm để tâm đến thái độ cộc cằn bất lịch sự mà nó vẫn thường thể hiện khi ra lệnh cho ai điều gì đó. Nó đã sống một cuộc đời như thế trên hoang đảo, và từ khi trở thành ông vua của hòn đảo ấy, nó có lối cư xử riêng chẳng có ai để mà so sánh với chính mình. Thật ra Mery cũng giống thằng Colin thôi. Kể từ ngày về Misselthwaite, dần dà nó phát hiện ra rằng cách cư

xử của bản thân cũng chẳng lấy gì làm bình thường hay được nhiều người ưa thích cho cam. Từ khi nhận ra điều đó, tự nhiên nó thấy cần phải nói cho Colin biết. Bác sỹ Craven đi khỏi rồi, nó liền ngồi xuống và tò mò nhìn thằng bé mấy phút liền. Nó chỉ muốn Colin hỏi nó tại sao lại làm vậy, và quả nhiên thằng bé lên tiếng.

- Cậu đang nhìn gì tớ thế?

- Tớ nghĩ mà lấy làm buồn cho bác sỹ Craven.

- Tớ cũng vậy, - Colin điềm tĩnh nói, không phải là không có một thoáng tự mãn. - Bây giờ thì ông ấy không thể đoạt lấy Misselthwaite được nữa rồi. Tớ sẽ không chết.

- Dĩ nhiên, tớ thấy buồn cho ông ấy về điều đó, - Mary bảo, - nhưng chính lúc đó tớ chợt nghĩ rằng quả thật khủng khiếp khi phải giữ phép lịch sự trong suốt mười năm qua với một thằng bé luôn luôn thô lỗ. Tớ thì chẳng đời nào chịu làm việc đó.

- Tớ mà thô lỗ à? Colin vặn lại, không một chút bối rối.

- Nếu cậu là con ông ấy và ông ấy là hạng người hay đánh trẻ con thì thế nào ông ấy cũng phát vào đít cậu.

- Ông ấy chẳng dám đâu, - Colin trả lời.

- Ừ, ông ấy chẳng dám, - Mary trả lời, nó đang suy nghĩ những điều sắp nói sao cho hoàn toàn không thành kiến. - Chưa một ai dám làm bất cứ điều gì mà cậu không thích. Bởi họ cho rằng cậu sắp chết, rằng cậu chỉ là một kẻ đáng thương.

- Nhưng, - Colin tuyên bố một cách bướng bỉnh, - tớ không có ý định làm một kẻ đáng thương. Tớ không cho phép người ta nghĩ mình là một kẻ như vậy. Chiều hôm nay, tớ đã đứng được trên đôi chân của mình.

- Chính vì cậu luôn được điều mình muốn mới khiến cậu trở nên kỳ cục như vậy, - Mary tiếp tục nói nên thành lời những suy nghĩ của nó.

Colin nhăn mặt ngoái đầu lại.

- Tớ là kẻ kỳ cục sao ?

- Phải, - Mary đáp, - rất kỳ cục là đằng khác. Nhưng cậu không cần phải cáu làm gì. - nó nói thêm vẻ hết sức vô tư, - bởi vì tớ cũng là một đứa kỳ cục... và ông Ben Weatherstaff cũng vậy. Nhưng tớ không còn kỳ cục như trước, khi tớ đã bắt đầu thấy quý người khác, khi đã tìm ra khu vườn.

- Tớ không muốn làm một kẻ kỳ cục, - Colin nói. - Tớ cũng không muốn trở thành một kẻ như vậy, - Nó nghiêm mặt tỏ vẻ quyết tâm.

Colin quả là một thằng bé biết tự trọng. Nó nằm suy nghĩ hồi lâu và chính lúc ấy, Mary nhận ra nụ cười tuyệt đẹp của nó bắt đầu nở trên môi và từ từ làm biến đổi toàn bộ gương mặt nó.

- Từ nay tớ sẽ thôi không còn là kẻ kỳ cục, nếu hằng ngày tớ được tới khu vườn ấy. Ở đây hẳn là có Phép màu nào đó, một thứ Phép màu tử tế, mà cậu cũng biết rồi còn gì, Mary. Tớ cam đoan rằng nó có tồn tại đấy.

- Tớ cũng tin như vậy.

- Cho dù nó không phải là Phép màu thật đi chăng nữa, - Colin bảo, - chúng ta vẫn có thể coi như thế. Có một cái gì đấy... một cái gì...!

- Thì đấy chính là Phép màu. - Mary nói, - nhưng nó không hắc ám, mà tốt đẹp, trong trẻo.

Hai đứa luôn gọi đó là Phép màu, và quả thực mọi thứ cũng dường như thế trong những ngày tiếp theo, những ngày tháng kỳ diệu, rực rỡ và quá đổi lạ lùng. Ôi! Biết bao chuyện đã xảy ra trong khu vườn ấy! Nếu bạn chưa bao giờ có một khu vườn, bạn chẳng hiểu nỗi đâu; nhưng nếu bạn có một khu vườn rồi thì bạn sẽ hiểu rằng bạn sẽ phải viết cả một cuốn sách để tả lại tất cả những gì đã xảy ra nơi đó. Đầu tiên, dường như tất cả những gì có màu xanh đang không ngớt tìm đường vươn lên mặt đất, giữa đám cỏ, trong các luống hoa, thậm chí ngay cả từ các khe nứt trên tường. Rồi những mầm xanh bắt đầu nhú thành chồi, chồi đâm lá và lá bắt đầu khoe sắc, mọi sắc độ của màu xanh, màu tím và đỏ thẫm. Để rồi vào những ngày hạnh phúc của mình, muôn vàn đóa hoa cùng bùng lên khắp nơi, trên từng tấc đất, từng xó xỉnh trong vườn. Lão Ben Weatherstaff đã bao lần chứng kiến cảnh tượng ấy, lão đã tự tay cạo sạch lớp vữa giữa các viên gạch trong bức tường rồi nhồi từng vốc đất vào đó giúp cho các thứ rễ cỏ đáng yêu mọc được dễ dàng hơn. Diên vĩ và loa kèn trắng ngoi lên khỏi cỏ dại thành từng búi hoa, còn các khoảng bong dâm trong vườn thì phủ đầy phi yến và thạch thảo.

Chỉ có bà ấy là quuyền luyến chúng nhất, bà ấy... - Lão Ben nói, - bà ấy thích tất cả các loài cây đầy nhựa sống đang vươn lên trời xanh, bà thường bảo vậy. Chẳng phải bà coi thường mặt đất đâu, bà yêu nó lắm nhưng bà bảo bầu trời xanh mới tuyệt vời làm sao.

Chỗ hạt giống mà Dickon và Mary gieo đã mọc xanh giòn như thể được các nàng tiên chăm sóc. Các giống hoa anh túc mịn như sa tanh đang giập dòn trong gió nhẹ, vui vẻ thách thức những cây đã ở trong vườn từ nhiều năm nay - bon này dường như muốn thú nhận chúng đang tự hỏi làm cách nào mà những kẻ lạ mặt đó lại vào được đây. Và kia! Những khóm hồng, những đóa hoa hồng! Chúng đang mọc lên khỏi thảm cỏ, quán quanh chiếc đồng hồ mặt trời, ôm lấy các thân cây để rồi buông chùng xuống đất. Chúng còn bò ngược lên các bức tường rồi mới chịu tỏa rộng ra các cành buông rủ xuống khác nào thác nước. Chúng đang sống lại từng ngày từng giờ. Những chiếc lá tươi xinh xắn, những nụ hoa thoát tiên chỉ là những chấm li ti, rồi phình to ra và Phép màu đã rat ay, cho đến khi chúng phình ra thành những đài hoa thơm ngát, dịu dàng tràn ngập khắp không gian khu vườn.

Colin đã chứng kiến tất cả, đã quan sát từng đổi thay đang diễn ra. Sáng nào nó cũng được đưa tới đây, hễ trời không mưa là nó luôn có mặt trong vườn. Ngay cả những ngày âm u cũng khiến nó thích mê. Nó sẽ nằm dài trên thảm cỏ mà nhìn “vạn vật sinh sôi” nó bảo thế. Nếu bạn để tâm ngắm thật

lâu, nó quả quyết, thì ta có thể xem được cảnh các nụ hoa đang tự mình nhú ra. Và bạn cũng bắt gặp bao điều mới lạ, vô số loài côn trùng bận rộn chạy tứ phía nhưng với mục đích rõ ràng của chúng, lúc thì tha những mẩu rơm, cái long hay thức ăn, lúc thì bò lên những nhánh cỏ như thể đó là những cái cây, để từ đó có thể bao quát cả giang sơn của chúng. Một chú chuột chũi đang đùn lên cả đồng đất ở cuối hang của mình và cuối cùng chú ta cũng đào xong một lối thoát với những cái móng sắc dài nom chẳng khác nào những bàn tay yêu tinh, và chuyện này đã thu hút thẳng Colin cả buổi sang. Nào hang kiến, nào hang của bọ cánh cứng, rồi thì tổ ong, hang ếch, tổ chim và cây cối. Đối với Colin thì đó là cả một thế giới mới mẻ để khám phá. Khi Dickon tiết lộ tất cả những điều này, lại cho nó biết thêm về hang cáo, hang rái cá, hang chồn sương, tổ sóc, luồng cá hồi, rồi thì hang chuột nước, hang lửng thì câu chuyện dường như không có hồi kết và người nghe cứ muốn nghe mãi không thôi.

Và đó cũng chưa phải một nửa của Phép màu. Việc nó thực sự đứng được trên đôi chân của chính mình khiến Colin suy nghĩ rất nhiều, cho nên khi được Mary cho hay câu thần chú mà con bé đã đọc, thằng bé vô cùng phấn khích và đồng tình ngay. Nó thường xuyên bàn luận về điều này.

- Dĩ nhiên, có rất nhiều Phép màu trên thế gian này, - một hôm thằng Colin ra vẻ khôn ngoan, - nhưng người ta không rõ nó như thế nào và làm sao để tạo ra nó, có lẽ thoát tiên chỉ nói rằng những điều tốt đẹp sắp xuất hiện, cho tới khi cậu làm cho nó xuất hiện. Tớ định làm thí nghiệm xem sao.

Sáng hôm sau, khi cả bọn kéo đến khu vườn bí mật, nó lập tức gọi cho lão Ben Weatherstaff, lão Ben vừa tắt tưới đến nơi thì đã thấy vị tiểu vương đang đứng dưới một gốc cây, trông thật đường bệ với một nụ cười rạng rỡ.

- Chào ông, ông Ben Weatherstaff, - thằng bé bảo. - Tôi muốn ông và Dickon và cô Mary đứng thành hàng ngang và nghe tôi nói, bởi vì những điều tôi sắp nói với mọi người hôm nay hết sức quan trọng.

- Vâng, vâng, thưa ngài! - Lão Ben Weatherstaff đáp, đưa tay lên ngang trán (một trong những nét đang yêu lâu nay vẫn giấu kín của Ben Weatherstaff là vào thời trai trẻ, lão đã có những cuộc hành trình trên biển. Bởi thế lão có thói quen đáp lời như một thủy thủ.)

- Tôi đang định tiến hành một thí nghiệm khoa học, - vị tiểu vương giải thích. - Khi nào lớn lên tôi sẽ có những phát minh khoa học vĩ đại và tôi định bắt đầu ngay từ giờ với thí nghiệm này.

- Vâng, vâng, thưa ngài! - Lão Ben mau mắn, mặc dù đây là lần đầu tiên lão nghe đến từ phát minh khoa học vĩ đại.

Đây cũng là lần đầu tiên Mary nghe thấy từ đó, và cho đến giờ nó bắt đầu nhận ra, cũng kỳ cục như chính thằng bé, rằng Colin đã đọc được rất nhiều điều kỳ thú, và chẳng hiểu tại sao nó lại là một đứa bé rất biết cách thuyết phục người khác. Hễ nó ngẩng cao đầu và nhìn đăm đăm vào bạn bằng cặp mắt kỳ lạ của nó, thì bạn hầu như tin nó ngay, dù nó mới lên mười, sắp bước sang tuổi mười một. Vào giây phút đó, nó lại càng đặc biệt thuyết phục bởi bỗng nhiên chính nó cũng cảm thấy mê hoặc trong cách nói năng chẳng khác gì một người trưởng thành của mình

- Những phát minh khoa học vĩ đại mà tôi định tiến hành sau đây, - nó tiếp tục, - sẽ liên quan đến Phép màu. Phép màu là một điều vĩ đại, rất hiếm người hiểu được, trừ một vài người được ghi nhận trong các cuốn sách cổ, - và Mary cũng hiểu đôi chút, bởi vì cô ấy sinh ra ở Ấn Độ, nơi sản sinh ra các vị pha-kia – Tôi cũng tin rằng Dickon biết một số Phép màu, nhưng có thể cậu không ý thức được rằng mình biết. Cậu ấy mê hoặc muông thú và con người. Tôi sẽ không đời nào để cậu ấy đến thăm tôi nếu cậu ấy không phải là người biết thu phục loài vật, cũng như thu phục bọn trẻ, bởi vì một đứa trẻ, nói cho cùng cũng là một con thú nhỏ. Tôi tin chắc rằng có Phép màu trong mọi vật quanh ta, chỉ có điều chúng ta không đủ ý thức để nắm bắt và buộc nó phục vụ chúng ta, như điện năng, sức kéo và hơi nước chẳng hạn.

Những lời ấy vang lên oai nghiêm đến nỗi làm lão Ben Weatherstaff phẩn chấn không sao trấn tĩnh được.

- Vâng, vâng, thưa ngài, - lão nói và rướn người thẳng tắp.

- Khi Mary phát hiện ra khu vườn này thì nó như không còn chút sinh khí nào nữa, - nhà hùng biện tiếp tục, - và rồi có một sức mạnh huyền bí nào đó thôi thúc muôn vật vươn lên mặt đất và tạo ra nhiều thứ từ chỗ chẳng có gì hết, hôm trước chưa có gì mà hôm sau đã vô vàn. Trước đó rồi chưa từng thấy chúng, và chúng làm tôi vô cùng tò mò. Những người làm khoa học luôn luôn tò mò, mà tôi thì sẽ trở thành nhà khoa học. Tôi thường tự hỏi: “Đó là cái gì? Đó là gì?” Đó phải là cái gì chứ! Tôi không biết tên của nó, vì vậy chỉ biết gọi nó là Phép màu. Tôi cũng chưa từng thấy cảnh mặt trời mọc, nhưng Mary và Dickon đã thấy, và từ những gì mà họ nói với tôi, tôi dám khẳng định rằng đó cũng là Phép màu. Có cái gì đó đẩy nó lên rồi lại kéo nó xuống. Đôi lúc, kể từ ngày tôi được ở trong khu vườn này, và nhìn lên vòm trời qua tán lá, trong tôi bỗng nảy sinh một cảm xúc kỳ lạ đầy hạnh phúc, như có một cái gì đang đẩy lên rồi lại kéo xuống trong lồng ngực khiến tôi phải thở gấp. Phép màu đã luôn thúc đẩy, lôi kéo và tạo lên mọi thứ từ hư không. Vạn vật đã được tạo nên bởi Phép màu: cỏ cây, hoa lá, chim muông, chồn, cáo, sóc và cả con người. Bởi vậy, nó tồn tại quanh ta. Ngay trong khu vườn này... và khắp nơi khắp chốn. Phép màu trong khu vườn này đã giúp tôi đứng thẳng người lên và ý thức được mình đang sống để trở thành một con người. Tôi đang định tiến hành một thí nghiệm khoa học nhằm tìm kiếm

một phép màu rồi đưa nó vào bản thân, để nó thúc đẩy tôi, khiến tôi trở nên vững mạnh. Tôi chưa biết làm cách nào để đạt được điều đó, nhưng tôi cho rằng nếu người ta cứ tiếp tục suy nghĩ về nó, và gọi nó thì rất có thể nó sẽ tới. Có lẽ đây chỉ được coi là một phương pháp non kém ban đầu để đạt được điều đó. Khi lần đầu tiên tôi cố gắng đứng vững, Mary đã luôn miệng nói thầm thật nhanh câu này: “Cậu có thể làm được điều đó! Cậu có thể làm được!” và quả nhiên tôi đã làm được. Vào lúc ấy, tôi đã cố gắng, hết sức mình, dĩ nhiên là vậy, nhưng phải nói Phép màu của cô ấy đã giúp tôi – và cả Dickon nữa. Mỗi buổi sáng, mỗi buổi tối và mỗi ngày trôi qua, chừng nào tôi còn nhớ được, tôi sẽ bảo rằng: “Phép màu ở trong chính ta! Phép màu đang giúp ta khỏe mạnh! Ta đang khỏe mạnh như Dickon, khỏe mạnh chẳng kém gì Dickon!” Ngay cả mọi người cũng phải làm thế. Đây là thí nghiệm của tôi. Liệu ông có giúp tôi không, ông Ben Weatherstaff?

- Vâng, vâng, thưa ngài. – Lão Ben đáp – Vâng, vâng!

- Nếu mọi người giữ vững ý chí, làm việc đều đặn hàng ngày như những người lính đang khổ luyện ngoài thao trường, chúng ta sẽ tận mắt thấy những gì sắp xảy ra và biết được nếu thí nghiệm ấy thành công. Nếu như bạn học hỏi mọi điều, nghiền ngẫm thấu đáo tới mức chúng in sâu vào tâm trí, thì tôi cho rằng điều đó cũng như một thứ Phép màu. Nếu bạn gọi nó tới giúp, nó sẽ trở thành một phần của các bạn, nó sẽ ở lại và làm nên mọi chuyện.

- Có lần tớ đã nghe một viên sỹ quan ở Ấn Độ bảo với mẹ tớ rằng có những vị thầy tu khất thực cầu nguyện một câu đến cả ngàn lần, - Mary bảo.

- Tôi cũng từng nghe bà vợ ông Jem Fettleworth lải nhải gọi ông Jem là một tay cục súc nghiện rượu hàng ngàn lần, - lão Ben Weatherstaff nói tỉnh queo. – Ông ta vốn hay giấu vợ lính tới quán “Su tử xanh” nốc cho thật đầy.

Colin nhăn mày suy nghĩ giây lát. Rồi nó hăng hái nói tiếp.

- Chà, - nó nói, - mọi người có nhận ra điều gì đi kèm câu chuyện vừa rồi không? Bà ta đã sử dụng một thứ phép thuật sai đến nỗi ông ấy phải nện cho. Nếu bà ta sử dụng một phép màu đúng đắn và nói năng tử tế, có lẽ ông ấy đã không nốc rượu xả láng đến vậy và ... biết đâu ông ấy chẳng mua tặng bà một chiếc mũ mới.

Colin vừa dứt lời, lão Ben đã cười khùng khục, để lộ vẻ than phục qua đôi mắt già nua bé tí của lão.

- Cậu là một anh chàng vừa thông minh, vừa có đôi chân thẳng tắp, cậu Colin ạ. Lần tới gặp bà Bess Fettleworth tôi sẽ gợi ý cho bà ấy về những gì Phép màu có thể mang lại. Bà ấy chắc sẽ lấy làm mừng nếu thí nghiệm khoa học có thể cải tạo được lão Jem nhà bà.

Từ nãy đến giờ, Dickon cứ đứng mà nghe bài thuyết trình, đôi mắt tròn xoe của nó ánh lên niềm vui xen lẫn vẻ tò mò. Hạt dẻ và Vỏ sồi ngồi hai bên vai nó, trong khi một tay nó còn ôm một con thỏ trắng tai dài, tay kia gại gại nhẹ vào con vật. Con thỏ cụp đôi tai dài của nó dọc theo thân mình ra chiều

thích thú lắm.

- Cậu có cho rằng thí nghiệm sẽ thành công không? – Colin hỏi Dickon và bản khoăn không biết thằng bé đang nghĩ gì. Nó vẫn thường tự hỏi đâu là những điều Dickon đang nghĩ khi thấy Dickon nhìn nó hay một trong các con vật cưng kia với nụ cười rộng ngoác vẻ hạnh phúc.

Lúc này Dickon cũng đang cười, miệng còn rộng hơn mọi bữa.

- Vâng, tôi cho rằng vậy, - thằng bé trả lời. – Điều đó sẽ diễn ra, như hạt giống cựa mình dưới ánh mặt trời. Đó là điều chắc chắn sẽ đến. Vậy bao giờ ta sẽ bắt đầu?

Colin phấn khởi, Mary cũng vậy. Nhớ lại hình ảnh các vị thầy tu và những kẻ mộ đạo trong các hình vẽ minh họa, Colin đưa ra gợi ý và cả bọn nên ngồi khoanh chân dưới tán cây.

- Cũng tựa như đang ngồi trong một ngôi đền, - Colin bảo, và lại bây giờ tớ khá mệt rồi, tớ muốn ngồi.

- Ấy! – Dickon bảo, - cậu không được bắt đầu bằng cách nói rằng mình bị mệt. Cậu có thể làm hỏng phép màu mất.

Colin quay sang nhìn nó, nhìn sâu vào đôi mắt tròn ngây thơ của thằng bé.

- Đúng thế, - nó chậm rãi nói, - tớ chỉ được nghĩ đến Phép màu mà thôi.

Quang cảnh hết sức trang trọng và huyền bí khi cả bọn ngồi xuống thành vòng tròn. Lão Ben Weatherstaff có cảm tưởng như đang bị dẫn ra mắt tại một buổi cầu nguyện nào đó. Bình sinh lão vốn có thành kiến với những cái được gọi là “tụ tập cúng bái”, vậy nhưng đây lại là công chuyện của vị tiểu vương, lão không hề bực bội, thậm chí còn thấy biết ơn vì được mời tham dự. Cô chủ nhỏ Mary thì mê mẩn một cách trang nghiêm. Dickon ôm con thỏ trong tay, có lẽ nó đang ra một hiệu lệnh riêng của người dạy thú mà không ai nghe thấy. Rồi nó ngồi xếp bằng tròn như những người khác. Con quạ, con cáo, hai tên sóc và con cừu non từ từ sấn lại tạo thành một vòng quanh thằng bé.

- Bọn thú đã tới, - Colin nói vẻ nghiêm trang – Chúng muốn giúp chúng ta.

Colin trông thật đẹp, Mary nghĩ thầm. Thằng bé ngẩng cao đầu và cảm thấy mình như một vị trưởng tể, đôi mắt kỳ lạ của nó lúc này lấp lánh những ánh nhìn tuyệt đẹp. Ánh nắng xuyên qua tán cây chiếu vào người nó.

- Bây giờ chúng ta sẽ bắt đầu, - nó nói, - chúng ta sẽ lác lư về phía trước và phía sau, phải không Mary, như thể chúng ta là những giáo sỹ Hồi giáo thần bí.

- Tôi không thể lác lư về phía trước về phía sau được, - Lão Ben bảo, - Tôi bị đau khớp mà.

- Phép màu sẽ đẩy lùi chúng, - Colin đáp lại bằng giọng của một Thầy Cả. – Nhưng chúng ta sẽ không lác lư cho đến khi nó làm ra điều đó. Ta sẽ

chỉ hát thánh ca.

- Tôi không thể hát thánh ca, - lão Ben nói hơi gắt gỏng – Họ đã đuổi tôi ra khỏi đội hợp xướng nhà thờ ngay cái lần duy nhất tôi thử hát.

Không ai cười. Mọi người đều giữ vẻ mặt nghiêm trang. Thậm chí khuôn mặt Colin không gợn thoáng tức giận. Nó mãi mê suy nghĩ về Phép màu.

- Vậy thì tôi sẽ hát thánh ca. – Nó nói. Và nó bắt đầu, với khí thế của một chàng trai – “ Mặt trời đang tỏa rạng - mặt trời đang tỏa rạng. Ấy là Phép màu. – Hoa lá đang đua nở, Rễ cây đang vươn lên. - Ấy là Phép nhiệm màu. – Được sống là màu nhiệm. – Nhiệm màu ở trong ta. – Nó đang ở trong ta, nó đang ở trong ta. Ở trong mỗi chúng ta. Trong tấm lưng của Ben Weatherstaff. Phép màu! Phép màu! Hãy tới và cứu rỗi chúng con!”

Thằng bé đã đọc đi đọc lại câu ấy không biết bao nhiêu lần, nếu chưa đến ngàn lần thì chắc cũng phải nhiều lắm. Mary lắng nghe mê mải. Nó cảm thấy có cái gì đó vừa kỳ quặc vừa đẹp đẽ trong bài thánh ca đó và nó muốn Colin cứ tiếp tục. Lão Ben cũng cảm thấy như người ta đang ru lão vào một giấc mộng vô cùng dễ chịu. Tiếng vo ve của bầy ong giữa những bông hoa đang nở rộ hòa lẫn cùng giọng hát dần biến thành một cơn buồn ngủ dễ chịu. Dickon ngồi khoanh chân, con thỏ đang ngủ trên tay, còn tay kia của nó đặt trên lưng con cừu non. Bò hóng vừa hích được con sóc ra khỏi chỗ của nó rồi ghé sát lại trên vai thằng bé, mắt Dickon cũng đang riu lại vì buồn ngủ. Cuối cùng Colin ngừng lại.

- Bây giờ tôi muốn đi dạo quanh khu vườn, - nó tuyên bố.

Đầu lão Ben vừa cúi về phía trước bỗng ngật trở lại.

- Ông không ở trong nhà thờ, - Colin bảo.

- Đâu có ạ, - lão Ben nói lí nhí. – Bài thuyết giáo nghe hay quá. Tôi vừa cúi xuống xem đang ở chương nào đấy chứ.

Lão có vẻ vẫn lơ mơ chưa tỉnh hẳn.

- Ông đâu ở trong nhà thờ, - Colin bảo.

- Ai bảo không nào? Lão Ben nói và rướn thẳng người lên, - Tôi nghe rõ từng câu một. Cậu chẳng bảo Phép màu trong lưng tôi là gì. Nhưng bác sỹ gọi đó là chứng thấp khớp.

Vị tiểu vương xua tay.

- Đây là thứ ma thuật sai trái. Rồi ông sẽ khỏi thôi. Ông được phép đi làm việc. Nhớ quay lại vào ngày mai đấy nhé.

- Tôi chỉ muốn được thấy cậu đi dạo quanh vườn, - Lão Ben nói càu nhàu.

Nhưng đó không phải những tiếng càu nhàu khó chịu, mà chỉ đơn thuần tính lão hay cảm cẩu. Vốn là một lão già bướng bỉnh ương ngạnh, không tin lắm vào Phép màu nên lão quyết định nếu bị đuổi đi thì lão sẽ trèo lên thang mà nhòm qua bờ tường, ngộ nhỡ có gì xảy ra thì lão có thể khập khiễng quay trở lại giúp.

Do vị tiểu vương không phản đối việc lão ở lại, nên mọi người tập hợp

thành một đoàn. Trong họ chẳng khác nào một đám rước. Colin đi đầu, kế đến là Dickon rồi Mary bước lẻo đẹo theo sau, đám thú hoang bám sau rít. Cừ non và cáo con theo sát Dickon, thỏ trắng cũng nhảy bám gót, thỉnh thoảng còn dừng lại gặm mấy cọng cỏ non. Con Bò hóng thì không chịu rời thằng bé một bước, với vẻ trang nghiêm của một kẻ ý thức được trách nhiệm của mình.

Đám rước di chuyển chậm rãi, nhưng dáng vẻ chừng chạc đàng hoàng. Cứ vài mét họ lại dừng lại để nghỉ. Colin tựa người vào cánh tay Dickon, lão Ben kín đáo để mắt coi chừng, thỉnh thoảng Colin lại gỡ tay khỏi Dickon và tự đi mấy bước. Những lúc như thế, đầu nó ngẩng cao hết sức kiêu hãnh.

- Phép màu ở trong ta ! – Nó cất tiếng nói – Phép màu đang làm ta khỏe mạnh ! Ta có thể cảm nhận được nó ! Ta có thể cảm nhận được nó !

Dường như chắc chắn có một cái gì đang nâng đỡ nó. Thằng bé ngồi xuống những chiếc ghế bên đường, thỉnh thoảng nó còn ngồi bệt xuống bãi cỏ, có lúc lại dừng bước trên con đường mòn, tựa người vào Dickon, nhưng nó nhất định không chịu bỏ cuộc cho tới khi đã làm một vòng quanh khu vườn. Lúc trở về cái cây dùng làm mái che thì hai má nó đỏ bừng đầy vẻ đắc thắng.

- Ta đã làm được ! Phép màu đã ra tay ! – Nó kêu to. – Đây là phát kiến khoa học đầu tiên của ta.

- Không biết bác sỹ Craven sẽ nói gì nhỉ ? – Mary buột miệng bảo.

- Ông ấy sẽ chẳng thể nói gì, - Colin đáp, - bởi vì ông ấy không được bảo cho mà biết. Đây có lẽ là bí mật lớn nhất trong tất cả các bí mật. Không ai được biết gì về nó cho tới khi tớ trở nên khỏe đến nỗi có thể đi đứng, chạy nhảy như những đứa trẻ khác. Từ hôm nay tớ sẽ tới đây hàng ngày rồi trở về bằng chiếc xe đẩy của tớ. Tớ không muốn mọi người xì xào bàn tán hay hỏi han, và càng không muốn để cha tớ nghe thấy chuyện này cho tới khi nào thí nghiệm thành công. Rồi đến lúc nào đó, khi ông trở về Misselthwaite, tớ sẽ bước thẳng tới phòng làm việc của ông mà bảo « Con đây – giờ thì con cũng như bất kỳ đứa trẻ nào khác. Con hoàn toàn khỏe mạnh và sẽ sống để trở thành một người đàn ông. Đây chính là kết quả của một thí nghiệm khoa học ».

- Ông ấy sẽ ngỡ là mình đang mơ cho mà xem, - Mary bật cười, - Ông ấy không tin nổi vào mắt mình đâu.

Colin đỏ bừng mặt đắc thắng. Nó khiến cho chính nó tin rằng mình đang khá lên, và vậy đã là hơn nửa trận chiến rồi, nếu nó nhận ra điều đó. Và cái ý nghĩ khuấy động tâm hồn nó hơn bất cứ điều gì khác, là mừng tưng ra cảnh cha nó nhận ra ông có một đứa con trai cũng thẳng thớm và khỏe mạnh như con cái nhà ai. Một trong những bất hạnh đen tối nhất của nó trong những ngày bệnh tật đau yếu vừa qua, chính là nỗi bất hạnh khi phải làm một thằng bé gù lưng còi yếu đến độ cha mình cũng phải hải hùng khi nhìn thấy.

- Ông ấy sẽ phải tin thôi, - nó nói. – Một trong những việc tôi sắp làm, sau khi được Phép màu phù hộ và trước khi tôi bắt tay vào những khám phá khoa học, là trở thành một vận động viên điền kinh.

- Chúng tôi sẽ dạy cậu chơi đấm bốc chỉ trong vòng một tuần, - Lão Ben bảo, - Cậu sẽ là người chiến thắng với việc giành Đai Vàng và trở thành nhà vô địch toàn nước Anh cho mà xem.

Colin đưa mắt nhìn lão một cách nghiêm khắc.

- Ông Weatherstaff này, nói vậy là thiếu tôn trọng đấy. Ông đừng tùy tiện sỗ sàng, bởi vì ông cần phải giữ bí mật. Dù Phép màu có hiệu nghiệm đến đâu, tôi cũng sẽ không vô địch quyền anh đâu mà trở thành một nhà phát minh khoa học.

- Ấy, xin cậu thứ lỗi, thưa cậu, - Lão Ben vừa đáp, vừa đặt tay ngang trán để chào. – Có lẽ tôi nên đi gieo hạt hơn là ở đây mà tán dóc.

Đôi mắt lão nheo nheo lấp lánh, tự đáy lòng lão cảm thấy hết sức vui vẻ. Thực tình lão không hề bận lòng vì bị bẽ mặt, bởi vì việc làm lão bẽ mặt có nghĩa là, anh chàng này đã lấy lại được sức mạnh và tinh thần.

Chương 24 : “Để cho chúng cười!”

Khu vườn bí mật không phải nơi duy nhất Dickon làm việc. Quanh ngôi nhà gianh trên cánh đồng hoang có một mảnh đất được vây kín bởi bức tường thấp xây bằng đá hộc. Ngày nào cũng vậy, từ sớm tinh mơ cho tới khi trời nhập nhoạng tối, Colin và Mary không gặp được Dickon, bởi nó đang ở đó trông trọt hoặc chăm sóc khoai tây, cải bắp, củ cải, cà rốt cùng các loại cỏ thuốc, đỡ đàn cho mẹ nó. Bên cạnh những con thú, nó miệt mài làm ra những điều kỳ diệu dường như không bao giờ biết đến mệt mỏi. Trong lúc bận tay đánh luống hay rẫy cỏ, nó vẫn huýt sáo hay cất tiếng ngợi ca vẻ đẹp của đồng hoang xứ Yorkshire, chuyện trò cùng Bồ hóng và Đại úy, hay lại quay sang dạy các em cách thức để có thể giúp nó một tay.

- Chúng tôi sẽ không thể sống dễ chịu như bây giờ, - bà Sowerby nói, - nếu không có khu vườn của thằng Dickon. Bất kể thứ gì cũng nhờ nó mà tươi tốt xanh um. Khoai tây, cải bắp nó trông to gấp đôi người khác, ấy vậy lại thơm ngon hơn kia chứ.

Hễ rảnh rỗi, bà lại thích ra ngoài trời trò chuyện cùng con. Sau bữa tối, còn vài việc vặt để làm khi trời vẫn nhá nhem, ấy là lúc bà được thư thả. Lúc đó, bà đang ngồi bên bức tường thấp thô nhám, nhìn quanh và lắng nghe mọi chuyện trong ngày. Bà yêu quãng thời gian này vô cùng. Và không chỉ có mỗi rau cỏ trong vườn. Thịnh thoảng, Dickon còn mua được cả những gói hạt giống hoa đáng tiền chỉ có vài penny. Nó vãi những hạt giống sáng màu có hương thơm ngào ngạt xen lẫn vào giữa các bụi lý gai và đám bắp cải, trông nên những luống cắm chướng, păng-xê và các thứ hoa khác. Các loại hạt giống đó nó để dành từ năm này qua năm khác. Mùa xuân đến, chúng

mọc mầm rồi vươn lên thành khóm. Bức tường thấp là một trong những chỗ dễ thương nhất xứ Yorkshine này, bởi thằng bé nhét đầy vào từng vết nứt trên đá những cây mao địa hoàng mọc ngoài đồng hoang, rồi dương xỉ cùng các cây hao đại, đến độ chỉ còn thấp lấp ló đây đó mấy phiến đá.

- Tất cả những gì mà người ta có thể làm để chúng lớn lên, mẹ ạ, là thật lòng kết bạn với chúng. Chúng chỉ là những sinh vật không biết nói năng. Nếu chúng khát ta phải cho chúng uống, nếu chúng đói ta phải cho chúng ăn. Chúng khao khát muốn sống chẳng khác nào chúng ta. Nếu chúng chết con sẽ cảm thấy mình như một gã tội vì đã đối xử với chúng nhân tâm như thế.

Chính vào những lúc tranh tối tranh sáng đó, bà Sowerby được nghe kể mọi chuyện đang diễn ra ở trang viên Misselthwaite. Thoạt đầu, bà nghe thấy rằng “cậu Colin” đã làm được một chuyện đáng kinh ngạc là ra khỏi nhà với cô Mary và việc đó giúp cậu khỏe hẳn ra. Nhưng trước đó không lâu, đã có một thỏa thuận giữa hai đứa trẻ là mẹ của Dickon cũng được phép “tham dự vào bí mật này”. Không nghi ngờ gì nữa, bà chính là người “đáng tin cậy tuyệt đối”. Bởi vậy, vào một buổi tối đẹp trời, Dickon đã kể lại cho mẹ mình toàn bộ câu chuyện, với tất cả các tình tiết ly kì nhất, từ chuyện chiếc chìa khóa được chôn giấu kỹ đến chuyện con chim úc đỏ, từ chuyện tấm màn xám gợi lên sự chột chóc rợn người cho đến điều bí mật mà cô Mary dự định không bao giờ tiết lộ, sự xuất hiện của Dickon và lý do tại sao điều bí mật ấy lại được kể cho nó nghe, rồi mỗi ngõ vực của cậu chủ Colin và màn kịch cuối cùng để cậu giới thiệu lãnh địa bí mật ấy, kết hợp tình tiết nét mặt giận giữ của lão Ben Weatherstaff lúc ngó qua bờ tường, rồi việc cậu chủ Colin bỗng nhiên có một sức mạnh lạ thường – ngần ấy câu chuyện khiến cho gương mặt vốn tươi sáng của bà Sowerby phải mấy phen thất sắc.

- Lạy trời! – Bà thốt lên. – Quả là một điềm lành khi cô gái bé bỏng đến với trang viên. Ông trời đã tạo ra cô ấy và cứu rỗi cậu ấy. Cậu ấy đã tự đứng lên được trên đôi chân của mình! Vậy mà tất cả chúng ta đều cho rằng cậu ấy là một đứa trẻ chậm hiểu tội nghiệp trong người không có nổi một mẫu xương thẳng thớm.

Bà còn hỏi nhiều điều khác nữa, trong đôi mắt xanh biếc của bà chan chứa những nỗi niềm sâu xa.

- Người trong trang viên phản ứng thế nào khi... cậu ấy khỏe mạnh, vui vẻ và không than vãn nữa? – Bà hỏi thăm.

- Họ không biết cái gì đã làm nên điều đó, - Dickon đáp. – Mỗi ngày cậu ấy một khác. Trông béo hẳn ra, không còn chửi rủa cay nghiệt như trước, và nước da như sáp cũng đang đổi màu. Nhưng thỉnh thoảng cậu ấy vẫn than vãn tí chút.

- Than vãn nỗi gì mới được chứ? – Bà Sowerby hỏi.

- Cậu ấy làm vậy cốt để mọi người khỏi đoán ra được những chuyện đang diễn ra. Nếu ông bác sĩ biết, ông ta sẽ khám phá ra ngay việc gì đây

cậu ấy đã đứng được, có khả năng ông ấy sẽ viết thư báo cho ông Craven. Cậu Colin muốn giữ lại bí mật này để cậu ấy tự kể ra cơ. Cậu ấy đang thực hành phép màu ngay trên đôi chân của mình, ngày này qua ngày khác, cho tới khi cha cậu ấy trở về, lúc ấy cậu ấy sẽ tiến thẳng vào phòng ông và cho ông thấy rằng mình cũng thẳng thớm khoẻ mạnh như bao đứa trẻ khác. Thế là cậu ấy và cô Mary nhất quyết rằng thỉnh thoảng phải rên rỉ và cúi kính một chút để che mắt thiên hạ.

Bà Sowerby khe khẽ cười, vẽ khoan khoái trước khi nó nói xong câu cuối cùng.

-Chà! Thế là cả hai cha con sẽ hưởng niềm vui đó, mẹ dám cược đấy. Cha con họ sẽ tha hồ mà hàn huyên, và đối với bọn trẻ thì không gì bằng được yêu thương vỗ về. Hãy xem họ sẽ làm gì, Dickon nhé.

Dickon ngừng tay gieo hạt giống, nó quỳ hẳn lên để nói chuyện với mẹ. Đôi mắt nó long lanh vì vui sướng.

- Cậu Colin lúc nào cũng mang theo một cái ghế riêng mỗi khi ra ngoài, - nó giải thích. - Cậu ấy đã mắng anh John người hầu té tát vì đỡ cậu ấy không cẩn thận. Cậu ấy làm ra vẻ không có khả năng hoạt động nếu không được giúp đỡ, và đầu thì cứ cúi gằm hoặc gục gặc cho tới khi chúng con khuất hẳn tầm nhìn của người khác. Cậu ấy còn làm bộ nhăn nhó, rên la lúc bị đặt vào ghế nữa chứ. Cậu ấy và cô Mary, cả hai đều khoái trí cái trò đó lắm. Hể cậu ấy rên rỉ, than vãn là cô ấy lại dỗ dành: “Tội nghiệp Colin! Cậu đau lắm à? Cậu đau yếu đến nỗi này ư, tội nghiệp cho cậu!” Thế nhưng có những lúc hai người khó lòng nín được cười. Khi cả bọn đã vào trong vườn yên ổn, mọi người cười rữ rượi tới mức không còn hơi sức đâu mà cười nữa. Ai nấy đều vui mặt vào những tấm nệm của Colin để đám người làm vườn khỏi nghe thấy.

- Cười càng nhiều càng tốt cho chúng! - Bà Sowerby nói mà bản thân vẫn còn chưa hết buồn cười. - Cười đùa còn giúp bọn trẻ khoẻ mạnh hơn cả thuốc thang quanh năm. Đôi này chắc rồi sẽ phỏng phao phải biết.

- Thì họ đang phỏng phao lên mà mẹ, - Dickon nói. - Họ đói ngấu nghiêng đến nỗi không biết làm thế nào để no bụng mà không bị bàn ra tán vào. Cậu Colin bảo nếu cậu ấy sai mang thêm thức ăn tới thì người ta sẽ không còn tin cậu ấy là người tàn tật nữa. Thấy vậy, cô Mary bèn bảo sẽ nhường cho cậu ấy phần của mình, nhưng cậu ấy bảo rằng nếu cô ấy bị đói, cô ấy sẽ gầy đi và cả hai sẽ không béo cùng nhau được.

Bà Sowerby thích thú trước sự tiết lộ chi tiết rắc rối này đến độ bà ấy cứ phá lên cười ngả nghiêng trong chiếc áo choàng rộng màu xanh, Dickon cùng cười theo mẹ.

- Mẹ sẽ kể cho con nghe chuyện này, nhóc ạ, - bà Sowerby bảo khi đã có thể cất lên thành lời. - Mẹ đã nghĩ ra cách để giúp họ. Sáng sáng khi con tới chỗ của họ con nên mang theo một xô sữa tươi thật ngon và mẹ sẽ nướng

cho họ một ổ bánh mì “đúp” vỏ giòn tan, hoặc mấy cái bánh bao ngọt tròn nhỏ có nhân nho khô mà trẻ con thường thích. Chẳng có gì tốt bằng sữa tươi và bánh mì. May ra họ có thể đỡ đói lúc ở trong vườn.

- Ôi! Mẹ! – Dickon thốt lên đầy vẻ thán phục. – Mẹ mới tuyệt vời làm sao! Mẹ lúc nào cũng biết nghĩ ra cách giải quyết. Hôm qua, mọi người đã đói quặn cả ruột. Quả thật họ không biết xoay xở ra sao mà không cần lệnh mang thêm thức ăn tới, trong lúc bụng ai cũng trống rỗng.

- Hai đứa rồi sẽ mau lớn phải biết. Trẻ con cũng tựa như bầy sói con vậy. Đồ ăn với bọn chúng chẳng khác nào thịt sống cho bọn sói con. – Bà Sowerby nói. – Chà, chắc chắn lũ trẻ sẽ thích cho mà xem.

Bà hoàn toàn có lý, bà quả là một người mẹ tuyệt vời, nhất là còn lấy chuyện “giả bộ” của chúng làm niềm vui của mình. Colin và Mary thì thấy đó là một trò giải trí bậc nhất. Ý nghĩ phải bảo vệ mình khỏi sự ngờ vực đã nảy ra một cách vô thức ngay từ buổi đầu, qua vẻ bối rối của cô bảo mẫu và rồi của chính bác sĩ Craven.

- Cậu ăn ngon miệng hơn chúng tớ cậu đang khỏe ra, cậu chủ Colin ạ. – Một hôm cô bảo mẫu nói. – Trước đây, cậu thường xuyên chẳng ăn gì, và có quá nhiều món chẳng vừa ý cậu.

- Bây giờ chẳng có gì không vừa ý tôi hết, - Colin trả lời. Chợt thấy cô bảo mẫu đang nhìn mình một cách tò mò, nó bỗng nhớ ra có lẽ nó không nên tỏ ra khỏe mạnh như vậy, - Ít ra không phải lúc nào mọi thứ cũng không vừa ý tôi. Đó là không khí trong lành.

- Có lẽ thế thật, - cô bảo mẫu đáp, mắt vẫn không rời khỏi Colin với vẻ mặt bí hiểm. – Tôi phải báo cho bác sĩ Craven chuyện này mới được.

- Cô ta cứ nhìn chòng chọc vào cậu mới kinh khiếp làm sao! – Mary nói tiếp khi cô bảo mẫu đã ra ngoài. – Cứ như thể cô ta cho rằng có gì đó cần phải khám phá ra.

- Tớ không cho phép cô ta khám phá gì hết, - Colin nói. – Không một ai được phép khám phá khám phiếc gì hết!

Sáng hôm ấy, khi bác sĩ Craven tới thăm, ông có vẻ hết sức bối rối. Ông hỏi đủ điều khiến Colin vô cùng khó chịu.

- Cháu ở ngoài vườn quá lâu. Vậy cháu đã đi những đâu?

Trước câu hỏi đó, Colin có vẻ thờ ơ kiêu kỳ thường thấy ở nó.

- Cháu sẽ không cho phép bất kỳ ai được biết cháu đi những đâu. Cháu tới nơi nào mà cháu thích. Mọi người đã được lệnh phải tránh xa đường đi. Cháu không thích bị rình mò xoi mói. Chú biết điều đó rồi còn gì!

- Hình như cháu đã ở ngoài trời suốt ngày, nhưng chú không nghĩ điều đó có hại cho cháu. Cô bảo mẫu cho biết cháu ăn uống khỏe hơn trước rất nhiều.

- Có lẽ thế, - Colin đáp lại, một ý nghĩ thú vị chợt lóe lên trong đầu, - có lẽ đó là một sự thèm ăn thèm uống không bình thường chẳng?

- Chú không nghĩ vậy, cái chính là đồ ăn hợp với khẩu vị của cháu. Cháu đã nhanh chóng có da có thịt, mà sắc diện cũng hồng hào hơn xưa.

- Nhưng có lẽ... có lẽ cháu đang húp híp lên và ngày ngày sốt, - nó làm ra vẻ chán nản, rầu rĩ. – Những người sắp chết thường thấy trong người... khang khác.

Bác sĩ Craven lắc đầu. Ông cầm lấy cổ tay Colin, vén cao tay áo rồi sờ nó.

- Cháu không sốt, - ông nói vẻ trầm ngâm, - có da có thịt như thế này là khỏe ra rồi. Nếu chúng ta cứ giữ được phong độ như thế, anh bạn trẻ ạ, thì đừng có nói gì đến chuyện chết chóc nữa. Cha cháu hẳn sẽ vô cùng hạnh

phúc khi biết được sự cải thiện đáng kể này.

- Cháu không muốn ông ấy biết làm gì! – Colin thốt lên giận giữ. – Chỉ tổ làm cho ông thất vọng nếu cháu lại gây yếu đi... mà cháu có thể nguy kịch ngay đêm nay cũng nên. Cháu cảm thấy một cơn sốt dữ dội đang bắt đầu ngay lúc này. Cháu không muốn có bất kỳ một bức thư nào được gửi cho cha cháu... cháu không muốn... không muốn! Cháu thấy bực bội trong người và chú thừa biết là việc này có hại cho cháu. Cháu thấy người đang sốt ùng ùng đây này. Cháu căm ghét việc người ta cứ thư từ qua lại rồi bản thân bị đem ra đàm tiếu cũng như ghét bị người ta nhìn chòng chọc vào mình vậy!

- Suyt... uyt! Anh bạn. - Bác sĩ vỗ về nó. – Không ai được viết gì nếu không có sự cho phép của cháu. Cháu quả là nhạy cảm về mọi thứ. Cháu không được hủy hoại những gì tốt đẹp mà cháu đã có được.

Ông không bàn thêm việc viết thư cho ông Craven nữa, rồi vừa thấy cô bảo mẫu ông liền vội dặn riêng cô những việc như vậy không được nhắc đến trước mặt người bệnh.

- Cậu ấy khá lên rất nhiều. Sự tiến bộ của cậu ấy thật khác thường. Cậu ấy đang tự nguyện tuân thủ những gì trước đây chúng ta đã không thể ép cậu ấy làm. Hiện tại, cậu ấy vẫn còn rất dễ bị kích động, nên tuyệt nhiên không ai được nói gì chọc tức cậu ấy, nghe không.

Cả Mary và Colin đều vô cùng hoảng, chúng lo lắng bàn bạc với nhau. Từ lúc này, chúng quyết định phải “đóng kịch”.

- Có lẽ tớ buộc phải giả bộ lên cơn, - Colin nói vẻ buồn rầu. - Tớ chẳng còn muốn chuyện đó chút nào. Giờ đây tớ đâu còn khôn khố để mà đem thân ra làm cái trò ấy. Có lẽ tớ không thể làm ra nổi một cơn giận nào hết. Cổ họng tớ bây giờ có muốn gào cũng chẳng được vì tớ chỉ nghĩ đến những chuyện tốt đẹp chứ không bị ám ảnh bởi những thứ khủng khiếp như trước nữa. Nhưng nếu họ tính chuyện viết thư cho cha tớ thì tớ sẽ ra tay.

Nó quyết định từ giờ phải ăn ít đi, nhưng bất hạnh thay, thật khó mà thực hiện cái ý tưởng tuyệt vời này vì mới bánh mất ra nó đã thêm ăn lắm rồi. Trên chiếc bàn kê gần ghế sofa đã kê sẵn bữa điểm tâm gồm bánh mì tự làm với bơ tươi, những quả trứng trắng như tuyết, mút mâm xôi, và kem sữa. Mary thường ăn sáng cùng với nó, và hễ gặp nhau bên bàn ăn - nhất là hôm nào có mấy lát giăm bông ngon lành còn xèo xèo và tỏa mùi ngào ngọt – cả chúng lại đưa mắt nhìn nhau tuyệt vọng.

- Tớ nghĩ chúng mình chén hết chỗ này cả sáng nay cũng không hết, Mary ạ, - Colin luôn kết thúc bằng cách nói như vậy. – Có lẽ chúng mình nên bớt mấy thứ sang bữa trưa và bỏ hẳn bữa tối mất.

Nhưng chúng chẳng bỏ món nào bao giờ, không những vậy chúng còn vét cho mấy chiếc đĩa sạch bóng thức ăn mới chịu thôi.

- Tớ chỉ ước, - Colin cuối cùng lên tiếng, - tớ chỉ ước mấy lát giăm bông

cắt dày hơn, và mỗi người một cái bánh xốp thì chẳng bỏ miệng.

- Ủ, với một kẻ sắp nghèo thì thừa là đáng khác, - Mary đáp khi lần đầu nghe thấy câu ấy. – Nhưng với một người sắp sống thì chẳng bỏ bèn. Đôi khi, vào những lúc mùi hương thơm mát của kim tước và thạch thảo từ ngoài đồng hoang tràn về qua cửa sổ để ngỏ, tớ cảm thấy tớ có thể chán bay ba chiếc bánh.

Sáng hôm ấy, sau khi cả bọn đã cùng nhau vui đùa ngoài vườn chừng hai tiếng, Dickon bước ra sau một khóm hồng lớn, xách ra hai cái xô bằng thiếc, một xô đầy ắp sữa tươi béo ngậy với nguyên một lớp kem phủ lên trên, còn xô kia đựng những chiếc bánh ngọt tròn nhân nho được làm ngay tại ngôi nhà gianh, được lèn chặt vào nhau trong một chiếc khăn màu xanh trắng sạch tinh, đến nỗi khi mang đến nơi chúng vẫn còn nóng hôi hôi. Hai đứa kia hò reo vì ngạc nhiên và vui sướng. Bà Sowerby đã nghĩ ra một việc kỳ diệu biết bao! Bà quả là người phụ nữ thông minh và nhân hậu! Những chiếc bánh ngọt thật hấp dẫn biết mấy, lại thêm món sữa tươi tuyệt vời nữa chứ!

- Phép nhiệm màu có trong bà, chẳng khác nào Dickon, - Colin bảo – Nó giúp bà nghĩ ra cách làm đủ mọi điều tốt đẹp. Bà là một con người kỳ diệu. Cậu hãy về thưa với mẹ là chúng tớ rất biết ơn bà, Dickon, vô cùng biết ơn.

Nó dùng đến một loạt cụm từ ra dáng người lớn lắm và tỏ ra rất thích thú. Nó thích thú đến độ còn đưa đẩy thêm vài lời:

- Cậu hãy thưa với bà rằng bà là người hào phóng nhất và lòng biết ơn của bọn tớ là vô tận.

Sau đó, dường như quên cả sự đường bệ của mình, nó ngồi bệt xuống, ngón liền mấy cái bánh ngọt và nốc một hơi hết sạch sữa rót từ trong xô, như một thằng bé bị đói ăn từ lâu, ấy là chưa kể nó vừa ăn điểm tâm hai giờ trước đó. Đây chính là sự mở đầu cho những rắc rối dễ chịu sau này. Trên thực tế, chúng nhận ra một điều là gia đình bà Sowerby có mười bốn miệng ăn cả thảy. Vì vậy, rất có thể bà không đủ khả năng đáp ứng hai suất ăn thêm mỗi ngày. Thế là chúng đề nghị bà cho phép gửi ít tiền riêng của chúng để phần nào đỡ đàn bà.

Dickon có một khám phá đầy thú vị là trong rừng cây ở công viên phía ngoài khu vườn, nơi Mary lần đầu gặp nó thối sáo bên mấy con thú hoang, có một cái hố hơi sâu, nếu đắp đá xây thành một cái lò nhỏ dùng để nướng khoai tây hoặc nướng trứng thì tuyệt. Trứng nướng vốn là một thứ xa xỉ chưa từng được biết đến trước đây, còn món khoai nướng nóng hôi hôi ăn cùng với muối hoặc bơ tươi thì thật xứng đáng với một ông vua vùng rừng, lại còn ngon miệng và no nê nữa chứ. Ta có thể mua cả trứng lẫn khoai tây mà chén bao nhiêu tùy thích, khỏi phải áy náy là mình đã lấy bớt khẩu phần ăn của mười bốn con người.

Vào một buổi sáng đẹp trời, phép màu lại được thực hiện bởi một vòng tròn huyền bí dưới tán cây mận xanh um sau khi kết thúc kì đơm hoa ngắn

ngủ. Sau nghỉ lễ, Colin luôn tập đi bộ. Nhờ suốt ngày chịu khó luyện tập, nên nó tìm thấy một sức mạnh mới. Mỗi ngày nó một khỏe ra, có thể bước đi ngay ngắn hơn, sải chân dài hơn. Và mỗi ngày niềm tin của nó vào phép màu một trở nên mạnh mẽ. Nó thử hết thí nghiệm này sang thí nghiệm khác, mỗi lần như vậy nó cảm thấy mình đang đạt tới một sức mạnh thực sự. Và Dickon chính là người chỉ bảo cho nó những điều hay nhất.

- Hôm qua, - một buổi sáng, nó bảo với Colin sau một hôm vắng mặt, - mẹ sai tôi sang bên làng Thwaite và gần quán trọ “Qua xanh” tôi trông thấy Bob Haworth. Đây là anh chàng khỏe nhất vùng đồng hoang này. Anh ta là một đô vật vô địch và có thể nhảy cao hơn bất kì gã trai nào khác, ném búa cũng hơn người. Anh ta từng đi khắp các nẻo đường Scotland để tỉ thí các môn thể thao trong mấy năm liền. Anh ta biết tôi từ khi tôi còn bé, và cũng thuộc dạng thân thiện dễ gần nên tôi được dịp hỏi han anh ta dăm ba câu. Những người trung lưu ở đây vẫn gọi anh ta là vận động viên điền kinh, và tôi nghĩ ngay đến cậu, cậu chủ Colin ạ, tôi bèn hỏi: “Anh làm thế nào mà cơ bắp cuộn cuộn lên thế, Bob? Anh có cách tập luyện gì thêm để có cơ thể khỏe như vậy?” Và anh ta đáp lại: “Ày, có đây, anh bạn. Có lần một lực sĩ trong một bản đến Thwaite biểu diễn đã chỉ cho tôi cách tập tành cho chân, tay và mọi cơ bắp trong cơ thể nổi cuộn cuộn cả lên.” Tôi bèn hỏi: “Liệu một gã gầy gò mảnh dẻ có thể tự luyện tập theo cách đó được không anh Bob?” Anh ta bật cười và nói: “Một gã gầy nhẳng à?”, tôi bèn bảo: “Không, nhưng tôi có biết một quý ngài trẻ tuổi đang lại sức sau một trận ốm dài, nên tôi tìm hiểu vài điều nhờ khi phải kể cho ông ta nghe”. Tôi không nêu tên người mà anh ta cũng chẳng hỏi. Anh ta vốn tính thân thiện liền đứng phắt dậy, và tôi làm theo mọi thứ anh ta dạy cho tới lúc nhập tâm.

Colin lắng nghe với vẻ đầy kích động.

- Anh có thể chỉ dẫn cho tôi được không? – Nó kêu lên – Được không cậu?

- Được, được chứ, - Dickon trả lời rồi đứng lên, - Nhưng anh ấy bảo ban đầu phải tập các động tác nhẹ nhàng và đừng quá sức. Cần nghỉ ngơi giữa các lần tập, thở cho sâu và đừng gắng sức quá.

- Tôi sẽ cẩn thận mà, - Colin bảo. – Chỉ cho tôi đi! Chỉ cho tôi đi! Dickon, anh quả là người bạn nhiều phép màu nhất trên đời!

Dickon đứng dậy trên bãi cỏ, rồi chậm rãi làm một loạt các động tác cơ bắp đơn giản nhưng kỹ lưỡng. Colin mở mắt thao láo nhìn cho thật kĩ. Trong lúc vẫn ngồi, nó bắt chước làm theo. Dần dà nó cũng làm được mấy động tác nhẹ nhàng mà chân vẫn đứng vững. Mary bắt đầu làm theo. Bò hóng từ nãy vẫn quan sát màn trình diễn đó. Nó trở nên bối rối và rời khỏi cành cây đang ngồi, rồi nhảy quanh với vẻ bồn chồn bởi nó không biết tập cùng cả bọn như thế nào.

Kể từ lúc ấy, những động tác thể dục đã trở thành một phần trong các

nhệm vụ hàng ngày của chúng, cũng như phép màu. Cả Colin và Mary đều có thể tập nhiều hơn mỗi khi cần cố gắng, và kết quả là chúng ăn ngon miệng đến nỗi đồ ăn trong chiếc giỏ Dickon đem đến đặt sau mỗi bụi cây mỗi sáng đều được chung chén sạch. Vậy nhưng chiếc lò nhỏ trong hồ và các món quà hào phóng của bà Sowerby lại đem tới sự no nê mãn nguyện cho bọn trẻ đến nỗi bà Medlock, cô bảo mẫu và bác sĩ Craven một lần nữa phải hoang mang. Người ta có thể xem thường bữa sáng và coi nhẹ bữa tối một khi đã chén đầy trứng nướng với khoai tây, rồi là sữa tươi mới vắt còn sủi bọt béo ngậy, sau đó còn ngón đầy bánh yến mạch cùng bánh ngọt, mật hoa thạch thảo và cả kem sữa nữa.

- Đến bữa hai cô cậu chẳng chịu ăn gì hết, - cô bảo mẫu nói. - Cả hai sẽ chết vì đói nếu không được ai khuyên phải ăn uống cho đủ dinh dưỡng. Cứ nhìn họ thì biết.

- Nhìn thì đủ biết! - Bà Medlock thốt lên đầy phẫn nộ. - Chà chà! Tôi cũng đến chết vì chúng mất thôi. Chúng là đôi nhóc sa tăng chứ chẳng chơi. Có bữa thì ăn đến vỡ bụng, có bữa lại chỉ héch mũi lên với cả những đồ ăn ngon lành của bà bếp. Ngày hôm qua, chúng chẳng thèm đụng đĩa món chim non với nước sốt đầy thôi. Người đàn bà tội nghiệp còn sáng chế ra cả một chiếc bánh put ding cho chúng, vậy mà cũng bị trả lại. Bà ấy la hoảng lên, chỉ sợ phải tội nếu để chúng đói lép bụng cho tới khi chui vào mồ.

Bác sĩ Craven đến thăm bệnh tình cho Colin khá lâu và cẩn thận. Ông có vẻ hết sức lo lắng khi cô bảo mẫu kể lại mọi chuyện và chỉ cho ông xem chiếc khay đựng bữa điểm tâm hầu như chưa ai đụng tới, mà cô chưa thu dọn để ông chứng kiến. Nhưng ông còn thấy lo hơn lúc ngồi xuống ghé sofa của Colin để khám cho nó. Ông vừa được mời về Luân Đôn vì mấy công chuyện gấp, nên gần hai tuần lễ ông không gặp thằng bé. Bọn trẻ mà lấy lại sức thì nhanh lắm. Màu sấp phớt nhẹ trên làn da của Colin đã biến mất, thay vào đó là vẻ ửng hồng ấm áp; đôi mắt vốn đã đẹp của nó nay sáng ngời, trong veo và sâu thẳm, hai bầu má và hai bên thái dương giờ nom đầy đặn hẳn ra. Những lọn tóc dày nặng và đen nhánh trên vàng trán nó trông thật mềm mại, ấm áp và đầy sức sống. Đôi môi nó cũng đầy mọng lên và có sắc màu tự nhiên. Trên thực tế, với cái vẻ ngoài giả vờ là một cậu bé đã bị khẳng định là tàn tật, nó quả là một hình ảnh đáng hổ thẹn. Bác sĩ Craven đưa tay nâng cằm nó lên, vẻ suy nghĩ.

- Chú lấy làm tiếc khi nghe nói cháu chẳng chịu ăn uống gì hết. Điều đó là không nên. Như vậy cháu sẽ mất tất cả những gì cháu đã đạt được một cách đáng kinh ngạc này. Mấy bữa trước cháu ăn khá lắm cơ mà.

- Cháu chẳng bảo chú đó là một kiểu ngon miệng không bình thường là gì, - Colin bảo.

Mary đang ngồi trên chiếc ghế đầu cạnh đấy, thỉnh linh phát ra một tiếng âm thanh vô cùng kỳ quặc mà nó đã hết sức kiềm chế đến nỗi gần như ngạt

thờ.

- Có chuyện gì thế? – Bác sĩ Craven hỏi rồi quay phắt sang nhìn nó.

Mặt Mary đanh lại.

- Một cái gì đó giữa hắt hơi và ho, - nó đáp lại với vẻ kệnh kiêu, - nó ở tận trong cổ họng của cháu.

- Nhưng, - nó quay sang bảo Colin, - tớ không sao kìm nổi. Tự nó cứ bật ra. Mà này, tớ không khỏi nhớ đến củ khoai tây to tướng cuối cùng mà cậu chén, và cái cách cậu ngoác mồm ra nuốt chửng lát bánh mì kẹp giăm bông phết kem đặc.

- Mấy đứa nhóc này không có cách bí mật nào đó để kiếm được thức ăn đấy chú? – Bác sĩ Craven căn vặn bà Medlock.

- Làm gì có cách nào, trừ phi chúng đào từ dưới hố lên hoặc hái từ trên cây xuống, bà Medlock trả lời. – Chúng ở ngoài trời suốt ngày, chẳng hề gặp ai ngoài hai đứa với nhau. Và lại, nếu chúng muốn bắt kẻ thức gì khác ngoài những món đã dọn ra thì chúng chỉ cần gọi một tiếng là có ngay.

- Thôi được rồi, - bác sĩ Craven bảo, - miễn là việc đi ra ngoài mà không ăn uống gì làm chúng hài lòng thì chúng ta chẳng nên bận tâm làm gì. Thằng bé bây giờ là một đứa khác hẳn trước rồi.

- Con bé kia cũng vậy, - bà Medlock nói. – Nó bắt đầu xinh ra kể từ khi người nó đầy đặn lên và mất vẻ quàu quạu khó chịu. Ngay cả mái tóc nó cũng dài và dày dặn hơn, sắc diện thì sáng sủa. Trước là một con nhóc cau có xấu tính, giờ thì nó và cậu chủ Colin lúc nào cũng cười với nhau như một cặp phát rồ. Có lẽ cả hai sẽ béo lên vì thế.

- Có thể lắm, - bác sĩ Craven bảo. – Cứ để cho chúng cười!

Chương 25: Bức màn

Muôn vàn đóa hoa đang nở rộ trong khu vườn bí mật và cứ mỗi sớm mai qua đi, những phép màu mới lại lộ ra. Trong tổ của chim ức đỏ đã thấy mấy quả trứng con con, com mái đang nằm ấp bên trên chúng, giữ cho trứng được ấm bằng cái ngực nhỏ xíu đầy lông mịn và đôi cánh cân trọng của nó. Lúc đầu nom nó cũng có vẻ lúng túng lắm, khiến chim ức đỏ chòng phả trông chừng mọi người với vẻ bực bội. Trong mấy ngày đó, ngay cả Dickon cũng không dám đến gần cái góc kín đáo của chúng như mọi bữa, mà chỉ chờ đợi cho tới khi bằng vài câu thần chú thâm lặng, nó dường như nhả nhủ tới đôi sinh linh bé nhỏ kia rằng không một sinh vật nào trong khu vườn lại không đồng cảm với chúng. Không một ai là không thấu hiểu điều kỳ diệu đang xảy ra đến với chúng: vẻ đẹp mênh mông, dịu dàng, ghê gớm, trang nghiêm và nao lòng của Trứng. Nếu như có một ai đó trong vườn này không thấu hiểu đến tận cùng tâm can, rằng nếu một quả trứng bị lấy đi hoặc bị đập vỡ thì cả trái đất này sẽ quay cuồng, lao bắn vào khoảng không vũ trụ để mà đi đến

chỗ hủy diệt – nếu như có kẻ mà không cảm nhận được điều đó mà cứ xử cho phải lẽ thì kẻ đó sẽ không bao giờ có được hạnh phúc, dù đang giữa tiết xuân rạng rỡ. Nhưng may thay, bọn trẻ hiểu và cảm nhận được, chim ỨC ĐỎ và bạn đời của nó cũng biết rằng chúng hiểu.

Thoạt đầu, chim ỨC ĐỎ nhìn Mary và Colin hồi lâu với vẻ lo lắng. Vì một lý do bí ẩn nào đó, nó hiểu rằng nó không phải e ngại Dickon. Lần đầu tiên hướng đôi mắt đen láy như hạt huyền vào Dickon, nó đã biết rằng thằng bé không phải kẻ lạ mặt. Dickon có thể nói được ngôn ngữ của chim ỨC ĐỎ. Nói giọng chim ỨC ĐỎ với một con chim ỨC ĐỎ cũng tựa như nói tiếng Pháp với một người Pháp vậy (và nó là một ngôn ngữ riêng, không lẫn vào đâu được). Dickon thường dùng ngôn ngữ ấy để nói riêng với chim, cho nên những tiếng linh tinh kỳ quặc mà nó nói với con người cũng chẳng ảnh hưởng chút nào. Chim ỨC ĐỎ cho rằng thằng bé nói những tiếng linh tinh với với họ cũng phải thôi bởi họ đâu đủ thông minh để hiểu ngôn ngữ loài chim. Mỗi cử động của Dickon cũng lựa theo đôi chim. Chúng chưa bao giờ phải bất ngờ giật mình bởi hiểm nguy hay một mối đe dọa nào đó. Bất kỳ con chim ỨC ĐỎ nào cũng hiểu thằng Dickon, nên sự có mặt của nó không làm chúng e ngại.

Hồi đầu, chúng cũng cảnh giác trước hai đứa bé kia. Đầu tiên là một thằng bé vào vườn không phải bằng đôi chân của nó. Nó được đẩy đi trên một vật gì đó có hai chiếc bánh tròn tròn, trên người phủ mấy tấm lông thú góm ghiếc. Riêng việc ấy thôi cũng đủ đáng ngờ rồi. Đã thế khi nó đứng dậy và bước đi thì cũng với cái cách khác thường, chẳng giống ai, và mấy đứa kia phải giúp đỡ nó. Chim ỨC ĐỎ thường ẩn mình trong một bụi cây mà theo dõi cảnh tượng ấy một cách lo âu, cái đầu nó nghiêng ngó hết bên này lại bên kia. Nó cho rằng những chuyển động chậm chạp ấy cho thấy thằng bé sắp về nó đến nơi, như bọn mèo đáng ghét. Hễ khi nào bọn mèo chuẩn bị vồ cái gì, chúng thường trườn sát mặt đất thật chậm rãi. Có tới vài ngày, chim ỨC ĐỎ đem kể chuyện này với bạn đời của nó, nhưng sau đó nó quyết định không nhắc tới nữa bởi con mái hãi hùng đến nỗi nó lo điều đó có thể làm hại ổ trứng đang ấp.

Khi thằng bé bắt đầu tự đi lại được, thậm chí mỗi lúc một nhanh hơn, chim ỨC ĐỎ mới như trút bỏ được gánh nặng. Nhưng trong suốt một thời gian dài, hay ít ra cũng dài với chim ỨC ĐỎ, thằng bé đó là nguồn cơn nỗi lo lắng bồn chồn của nó. Thằng bé đó không hành động như những con người khác. Nó có vẻ thích đi lại lăm thì phải, nhưng chốc chốc lại ngồi xuống hoặc nằm kènh ra một lúc rồi mới bò dậy với vẻ bối rối để làm lại từ đầu.

Cho tới một ngày nọ, chim ỨC ĐỎ nhớ ra hồi nó được bố mẹ dạy bay, nó cũng phải học những động tác tương tự. Thoạt đầu họ học bay những quãng ngắn rồi nghỉ lấy sức. Trong đầu nó lóe lên ý nghĩ rằng thằng bé đang học bay... hay đúng hơn là học đi. Nó bèn kể điều đó cho bạn đời nghe, và lúc nó bảo với con mái rằng Trứng của mình cũng sẽ phải tập tành như vậy khi

đã được nuôi nấng cho cứng cáp lên, thì con mái mới hoàn toàn yên tâm, thậm chí nó còn trở nên tò mò háo hức và tìm thấy niềm vui trong việc quan sát thằng bé ngay dưới tổ của nó, dù trong thâm tâm nó luôn cho rằng các con nó rồi đây sẽ thông minh và giỏi giang hơn thế. Nhưng nó cũng tự nhủ với vẻ bao dung rằng con người thường vụng về và chậm chạp hơn lũ chim non, bọn họ chưa bao giờ thực sự biết bay. Ta chưa từng thấy họ trong không gian hay trên các ngọn cây.

Chẳng bao lâu sau, thằng bé đã có thể đi đứng bình thường như bao đứa trẻ khác, chỉ có điều cả ba lúc này làm những việc chẳng bình thường chút nào. Chúng đứng dưới mấy tán cây rồi cử động tay, chân, đầu theo cái lối nom chẳng ra đi, chẳng ra chạy, cũng chẳng ra ngồi. Chúng tiến hành các động tác ấy vào những lúc xen kẽ trong ngày, và chim ỨC ĐỎ không tài nào giải thích nổi cho con mái xem chúng đang làm gì. Nó chỉ có thể cam đoan với vợ rằng đừng sợ bọn Trứng của mình cũng bắt chước rồi đập cánh bay đi mất. Thấy thằng bé thông thạo tiếng chim cũng đang tập cùng với chúng, đôi chim càng yên tâm rằng mấy cử động kia chẳng hề nguy hiểm. Dĩ nhiên, cả con chim ỨC ĐỎ lẫn bạn đời của nó đâu biết gì về nhà vô địch môn vật Bob Haworth cùng các bài tập cơ bắp của anh ta. Loài chim ỨC ĐỎ chẳng có gì giống với con người; ngay từ những ngày đầu đời thì cơ bắp của chúng đã luôn phải luyện tập rồi, và chúng tự phát triển theo một phong cách tự nhiên nhất. Nếu ta phải tự bay đi kiếm ăn như chúng, chắc hẳn các cơ bắp của con người cũng không đến nỗi teo mòn.

Khi thằng bé đã đi lại, chạy nhảy, đào xới và gieo trồng như mấy đứa kia thì chiếc tổ chim trong góc vườn đắm chìm trong một bầu không khí vô cùng thanh bình và mãn nguyện. Mọi nỗi lo sợ cho sự an nguy của mấy quả trứng nay đã lùi vào dĩ vãng. Giờ đây nó tin chắc rằng bọn Trứng đã được an toàn như thể được khóa kỹ trong một hầm két nhà băng, và sự thực mà nói, việc chúng kiến những chuyện kỳ cục đang diễn ra trước mắt lại là một việc bận rộn thú vị nhất đôi với nó. Vào những ngày ẩm ướt, chim mẹ thậm chí còn cảm thấy hơi buồn vì bọn trẻ không đến chơi khu vườn.

Nhưng đôi với Mary và Colin kể cả trong những ngày ẩm ướt cũng không thể bảo rằng chúng rầu rĩ. Một buổi sáng trời mưa dai dẳng không dứt, Colin bắt đầu thấy bồn chồn vì cứ phải nằm lì trên xô pha. Nhưng lúc này mà ra ngoài kia thì chẳng an toàn chút nào. Mary bỗng nảy ra một ý.

- Giờ đây tớ đã trở thành một chàng trai thực sự, - Colin bảo, - Chân, tay và cả cơ thể tớ tràn ngập một thứ phép màu mà tớ không tài nào kiểm chế được. Lúc nào tớ cũng muốn làm một cái gì đó. Mary, cậu có biết không, sáng nay tớ thức dậy trời mới hé rạng, ngoài kia chim chóc đã ríu rít gọi nhau và muôn loài dường như muốn cất tiếng hò reo vì vui sướng, cả cây cối và các vật vô tri vô giác cũng thế. Tớ chỉ muốn nhảy bổ ra khỏi giường mà gào lên. Những chỉ e một nỗi, nếu tớ mà làm vậy thì không biết chuyện gì sẽ

xảy ra!

Mary cười khúc khích.

- Nếu thì cô bảo mẫu và bà Medlock sẽ đâm bổ tới ngay, họ sẽ quả quyết rằng cậu lại phát rồ và ngay lập tức cho mời ông bác sĩ.

Colin cũng cười theo. Nó có thể hình dung rõ ràng mặt mũi từng người vào lúc ấy – họ sẽ hoảng hốt ra sao trước cơn bộc phát của nó và sững sờ thế nào khi tận mắt thấy nó đứng thẳng tắp.

- Tớ ước gì cha tớ sớm trở về. Tớ muốn tự mình nói để ông ấy hay. Lúc nào tớ cũng nghĩ đến giây phút đó. Nhưng chúng ta không thể tiếp tục lâu hơn được nữa. Tớ không thể chịu nổi cứ phải nằm lì như thế này mà giả bộ nọ kia. Và lại, giờ tớ trông khác hẳn trước. Ước gì hôm nay trời đừng có mưa.

Chính lúc ấy cô chủ Mary nảy ra một ý hay.

- Colin này, - con bé mào đầu với vẻ đầy bí ẩn, - cậu có biết trong ngôi nhà này có bao nhiêu căn phòng không?

- Tớ đoán chừng một ngàn.

- Trong đó có khoảng một trăm căn phòng mà chưa hề có ai lui tới, - Mary bảo, - Vào một ngày mưa gió, tớ đã đi và ngó rất nhiều phòng trong số đó. Không một ai hay biết, mặc dù bà Medlock gần như đã phát hiện ra tớ. Tớ đã lạc đường vào đúng lúc quay trở lại, và tớ dừng chân ở cuối hành lang dẫn đến phòng cậu. Đó chính là lần thứ hai tớ nghe thấy cậu khóc.

Colin ngồi bật dậy trên sofa.

- Một trăm căn phòng chưa hề có người lui tới! – Nó thốt lên. – Nghe cứ như lại có một khu vườn bí mật nữa ấy. Tớ cho rằng ta nên tới đó xem sao. Cậu nên đẩy xe giúp tớ và không ai biết chúng mình đi đâu.

- Đó chính là điều tớ đang nghĩ, - Mary bảo – Không kẻ nào dám cả gan đi theo chúng ta. Có bao nhiêu phòng tranh mà cậu cần tham quan. Chúng mình còn có thể tập thể dục luôn. Mà này, có cả một căn phòng bài trí theo kiểu Ấn Độ, trong đó có một cái giá treo đầy những con voi làm từ ngà voi đấy. Thôi thì đủ các loại phòng!

- Rung chuông đi, - Colin bảo.

Chờ cô bảo mẫu bước vào, nó ra lệnh.

- Tôi cần chiếc xe đẩy. Cô Mary và tôi định đi thăm nom phần nhà chưa sử dụng đến. Anh John có để đẩy xe cho tôi tới các phòng trưng bày tranh, bởi vì muốn tới đó phải qua mấy cầu thang. Tới nơi rồi anh ta cứ việc đi, để chúng tôi một mình cho tới khi tôi cho gọi anh ta.

Những ngày mưa gió đã chẳng còn đáng sợ nữa trong buổi sáng hôm ấy. Khi người hầu đã đẩy chiếc xe vào giữa phòng tranh, rồi để hai đứa lại đứng như lệnh, Colin và Mary đưa mắt nhìn nhau đầy sung sướng. Đợi Mary chắc chắn John đã về tới chôn ả ở của anh ra dưới tầng trệt xong, Colin bèn đứng phắt dậy khỏi chiếc xe đẩy.

- Tớ định bắt đầu lần lượt hết phòng này rồi sang các phòng khác, - thằng bé nói, - sau đó tớ sẽ nhảy và ta cùng làm mấy động tác thể dục của Bob Haworth chơi.

Chúng thực hiện ngay những điều vừa nói cùng nhiều việc khác nữa. Khi ngắm các bức tranh chân dung, chúng phát hiện ra bức vẽ một đứa bé gái xấu xí trong bộ y phục gấm thêu kim tuyến màu xanh và đang nâng con vẹt trên ngón tay nó.

- Người trong tất cả các bức chân dung này, - Colin bảo – chắc phải bà con họ hàng với tớ. Họ sống cách đây lâu lắm rồi. Người nâng trên tay con vẹt kia, tớ tin rằng là một trong những cụ kị tăng tổ tám đời nhà tớ. Cô ấy nom giống cậu thật đấy, Mary ạ, - nhưng không phải cậu bây giờ, mà là hôm mới đến đây kia. Bây giờ trông cậu khá hơn, xinh hơn.

- Cậu cũng vậy, - Mary đáp, cả hai cùng bật cười.

Chúng bước vào căn phòng bài trí theo lối Ấn Độ và tỏ ra thích thú với bày voi làm bằng ngà. Chúng phát hiện ra một phòng the có chăng tấm gấm thêu kim tuyến màu hồng, và tấm đệm bị chuột cắn thủng, lũ chuột giờ đã sinh sôi nảy nở và chạy tứ tung, còn cái lỗ thủng thì trông hoác. Chúng thấy nhiều phòng, phát hiện ra nhiều thứ hơn những gì Mary tìm thấy trong lần thăm đầu tiên. Chúng thấy những hành lang mới với những khúc ngoặt và dãy bậc thang giữa hai tầng nhà, cả những bức tranh cổ mà lần trước Mary chưa từng thấy, chưa kể đến rất nhiều thứ đồ cổ kỳ quái không biết dùng vào việc gì. Đó là một buổi sáng thú vị lạ lùng và cảm giác vừa được lang thang với những người lạ trong cùng ngôi nhà vừa cảm thấy giữa chúng với họ là nghìn trùng xa cách, quả là một điều hấp dẫn.

- Tớ rất vui vì chúng mình đã đến đây, - Colin bảo, - tớ không ngờ mình lại sống trong một tòa nhà đồ sộ, lạ lùng và cổ kính đến thế. Nhưng tớ thích nó. Từ giờ, hễ hôm nào mưa thì ta lại đi loanh quanh nhé. Thế nào ta cũng tìm ra những góc khuất mới cùng những thứ lạ khác cho mà xem.

Hôm ấy, chúng tìm ra được bao nhiêu thứ và đói bụng đến mức khi trở về phòng của Colin, chúng chẳng thể nào bỏ qua được bữa trưa.

Khi cô bảo mẫu bung chiếc khay xuống dưới nhà, cô đặt nó thật mạnh xuống chạn bát đĩa trong bếp đến nỗi bà bếp Loomis phải giật mình ngoái lại và nhận ra đĩa nào đĩa ấy đều nhẵn bóng như lau.

- Nhìn mà xem! – cô bảo – Một ngôi nhà bí hiểm và hai đứa nhóc chính là những điều bí hiểm lớn nhất.

- Nếu ngày nào chúng cũng chén đầy như thế này, - anh hầu trẻ vãm vỗ tên John bảo – thì chỉ riêng cậu bé thôi sẽ nặng gấp đôi tháng trước. Lúc ấy thì tôi đến phải thôi việc mất, vì sợ gắng sức quá mà đứt cả gân.

Chiều hôm ấy, Mary nhận thấy có một điều gì đó mới mẻ xảy ra trong phòng Colin. Nó đã để ý chuyện này từ hôm trước, nhưng chẳng muốn nói ra bởi nó cho rằng sự thay đổi ấy chẳng qua chỉ là tình cờ. Ngay cả hôm ấy, nó

cũng không nói mà chỉ ngồi dán mắt vào bức tranh treo tường phía trên lò sưởi. Nó có thể ngắm được bức tranh, bởi vì tấm màn che đã được vén sang một bên. Đó chính là sự thay đổi mà Mary nhận ra.

- Tớ biết cậu đang muốn tớ kể cho nghe chuyện gì rồi, - Colin bảo, sau khi con bé ngược lên nhìn ít phút, - Tớ thường đoán được mỗi khi cậu muốn tớ cho cậu biết một chuyện gì đó. Cậu đang ngạc nhiên vì tấm màn bị vén sang bên chứ gì? Tớ định cứ để nguyên như vậy.

- Tại sao? – Mary hỏi.

- Bởi vì giờ đây nó không còn làm tớ tức giận mỗi khi nhìn thấy bà đang mỉm cười. Cách đây hai đêm, tớ đã tỉnh giấc lúc ánh trăng vàng vạc rọi vào phòng. Tớ có cảm giác như Phép màu ngập tràn khắp cả gian phòng này, khiến mọi thứ trở nên lộng lẫy đến nỗi tớ không tài nào ngủ được nữa. Tớ ngồi dậy và nhìn qua cửa sổ. Cả gian phòng tràn trề ánh sáng và một vệt trắng sáng đọng lại trên tấm màn che. Rồi không rõ vì cớ gì, tớ đi ra kéo sợi dây gai kia. Bà nhìn xuống tớ, dường như bà đang mỉm cười sung sướng vì tớ đã đứng dậy được. Chính bởi vậy, nên tớ muốn ngắm bà. Lúc nào tớ cũng muốn thấy bà cười như thế. Tớ nghĩ có lẽ bà là một trong những người làm ra Phép màu.

- Lúc ấy, tớ thấy cậu giống bà quá đỗi, - Mary bảo. – Đã có lúc tớ thậm chí nghĩ biết đâu cậu chính là hồn phách của bà trong hình hài một cậu bé.

Ý nghĩ lạ lùng ấy dường như gây ấn tượng mạnh mẽ với Colin. Nó suy nghĩ một hồi rồi chậm rãi trả lời.

- Nếu tớ quả là hồn vía của bà... thì chắc cha tớ sẽ thích tớ hơn.

- Cậu có muốn được ông yêu quý không? – Mary gắng hỏi.

- Tớ thường cảm hận ông bởi ông đã không thích tớ. Nhưng nếu ông yêu quý tớ, tớ nghĩ tớ sẽ kể cho ông nghe về Phép màu. Điều đó có thể sẽ khiến ông vui sướng.

Chương 26: Mẹ!

Niềm tin của bọn trẻ vào Phép màu thật vững chãi. Sau bài niệm chú buổi sáng hôm ấy, thỉnh thoảng Colin có những bài giảng về phép màu.

- Tớ thích việc làm này, - nó giải thích, - bởi vì một khi tớ đã trưởng thành và có những phát kiến khoa học, tớ sẽ buộc phải giảng giải về chúng, vậy nên đây chính là dịp để thực hành. Hiện giờ tớ chỉ có thể trình bày những bài giảng ngắn bởi tớ còn quá trẻ, và bên cạnh đó, ông Ben Weatherstaff sẽ ngỡ mình đang ở giữa nhà thờ và lại ngủ gà ngủ gật.

- Cái hay nhất trong các bài giảng là ở chỗ, - lão Ben lên tiếng, - một gã nào đó có thể đứng nói bất kì cái gì gã thích, và không một ai buồn đáp lại. Đôi khi chính tôi đây cũng có thể làm điều đó.

Nhưng vào những dịp Colin diễn thuyết dưới tán cây, lão Ben cứ hau háu

nhìn nó mà không chớp mắt. Nó cũng nhìn lại lão với vẻ hài lòng. Thực ra mấy bài giảng ấy chẳng làm lão quan tâm bằng đôi chân thẳng bé lúc này xem ra đã thẳng và cứng cáp lên từng ngày, cái đầu trẻ con của nó ngẩng lên thật cao, rồi cái cằm nhọn và đôi má hõm của nó này đã tròn trịa trở lại, và nhất là đôi mắt thì đầy sinh khí khiến lão chạnh lòng nhớ đến đôi mắt bà mẹ nó ngày xưa. Đôi khi Colin cảm nhận được cái nhìn da diết của lão, nó vô cùng ấn tượng đến độ tự hỏi không biết lão đang nghĩ gì. Có lần, khi lão đang mê mẩn, nó liền hỏi:

- Ông đang nghĩ ngợi gì thế, ông Ben?

- Tôi đang nghĩ, - lão Ben trả lời, - tôi dám đánh cược rằng cậu cần phải nặng thêm ba bốn pao trong tuần này ấy chứ. Cứ nhìn vào bắp chân và đôi vai cậu thì rõ. Tôi chỉ muốn đặt cậu lên một cái cân đĩa.

- Nhờ có Phép màu... và bánh ngọt và sữa và đủ các thứ khác của bà Sowerby - Colin bảo - ông cũng thấy đấy, thí nghiệm khoa học đã thành công.

Sáng hôm ấy, Dickon đến muộn nên không nghe giảng được. Khi đến nơi, cả người nó đỏ gay vì chạy quá nhanh, gương mặt ngộ nghĩnh của nó còn lấp lánh hơn mọi bữa. Sau cơn mưa, cỏ dại mọc xanh rì nên bọn trẻ phải bắt tay vào làm ngay. Chúng thường phải làm cỏ rất nhiều sau mỗi đợt mưa. Tiết trời ẩm ướt tốt cho hoa lá bao nhiêu thì cũng lợi cho cỏ dại bấy nhiêu. Bọn cỏ đang nhú những mầm lá nhỏ xíu khỏi mặt đất, phải nhổ ngay trước khi chúng bắt rễ sâu vào đất. Mấy ngày ấy, Colin nhổ cỏ cũng nhanh chẳng kém mọi người, hơn nữa nó còn có thể vừa làm vừa giảng giải.

- Phép màu chỉ tỏ ra hiệu nghiệm nhất khi ta tự mình làm ra. Ta có thể cảm nhận nó rõ ràng trong từng đường gân thớ thịt. Tớ đang đọc mấy cuốn sách viết về cấu tạo xương và cơ bắp, và tớ dự định sẽ viết một cuốn sách về Phép màu nữa. Ngay từ bây giờ, tớ đã vạch sẵn nội dung rồi. Nhất định tớ phải tìm hiểu mọi thứ mới được.

Nói xong câu ấy ít phút, nó đặt cái xẻng xuống đất, rồi đứng dậy. Nó im lặng hồi lâu, mọi người đều cho rằng nó đang mải nghĩ về các bài giảng như mọi bữa. Khi nó buông xẻng và đứng thẳng dậy, Mary và Dickon thấy dường như nó đang có một ý nghĩ mạnh mẽ bất chợt lóe lên. Nó vươn mình cao hết cỡ rồi vung mạnh hai cánh tay. Khuôn mặt nó ửng hồng, còn đôi mắt kỳ lạ thì mở to lộ rõ vẻ vui sướng.

- Mary! Dickon! - Nó kêu lên. - Nhìn tôi này!

Hai đứa ngừng tay nhổ cỏ và ngược lên nhìn nó.

- Các cậu còn nhớ buổi sáng đầu tiên các cậu đưa mình tới đây không?

Dickon nhìn Colin đăm đăm. Là đứa có khả năng thuần dưỡng bọn thú, nó có thể nhìn thấy nhiều điều, hơn hẳn đa phần mọi người và rất nhiều điều nó nhìn thấy nhưng không bao giờ nói ra. Giờ đây nó đang thấy những điều đó trong anh chàng Colin này.

- Chà, nhớ chứ, - Dickon trả lời.

Mary cũng chăm chú nhìn Colin, nhưng không nói gì.

- Đúng lúc này, - Colin nói, - tự dung tôi nhớ lại tất cả... khi cúi nhìn tay mình đang cầm xẻng xúc đất... tôi đứng ngay dậy trên đôi chân mình để xem đây là thực hay mơ. Thì ra đây là thực sự! Tôi đã khỏe... tôi hoàn toàn khỏe mạnh!

- Thì cậu đúng là thế mà! – Dickon bảo.

- Tôi đã khỏe! Hoàn toàn khỏe rồi! – Colin nhắc lại, cả khuôn mặt thẳng bé đỏ bừng.

Thực ra Colin đã nhận ra điều này từ trước đó, nó đã phập phồng hy vọng, cảm nhận, suy nghĩ về điều đó, thế nhưng chính giây phút ấy một cái gì thật kỳ lạ bỗng tràn ngập cơ thể nó... tựa một niềm tin vô ngần và mạnh mẽ khiến nó phải thốt lên thành lời.

- Tôi sẽ sống mãi mãi! – Nó kêu lên kiêu hãnh, - tôi sẽ còn khám phá ra vô vàn thứ, tớ sẽ hiểu thêm về con người, muông thú cùng cây cỏ... như Dickon vậy... và tôi sẽ không bao giờ từ bỏ Phép màu. Tôi đã khỏe mạnh!... và tôi cảm thấy như muốn hét lên một câu gì đó... một câu gì đó để nói lên lòng biết ơn!

Lão Ben Weatherstaff nãy giờ vẫn làm việc quanh một khóm hồng, bèn quay lại nhà nó.

- Cậu có thể hát thánh ca được rồi đấy, - lão càu nhàu gợi ý, dù chẳng có ý niệm tôn kính cụ thể gì.

Ngay cả Colin có đầu óc khám phá nghiên cứu cũng chẳng biết gì về thánh ca.

- Đó là cái gì? – Thằng bé căn vặn.

- Tôi dám đánh cược Dickon có thể hát nó cho cậu nghe, - lão Ben đáp.

Dickon đáp lại bằng nụ cười bao dung của một anh chàng dạy thú.

- Người ta hát thánh ca trong nhà thờ, - nó đáp. – Mẹ tôi bảo bà tin rằng chim chiền chiện vẫn hát thánh ca mỗi khi chúng thức dậy vào ban mai.

- Bà mà nói vậy thì chắc chắn đó là một bài ca hay lắm, - Colin bảo. – Bản thân tôi chưa một lần được đặt chân vào nhà thờ, lúc nào cũng ốm với đau. Hát đi, anh Dickon. Tôi muốn được nghe quá.

Dickon tỏ ra giản dị không chút màu mè. Nó hiểu những gì Colin cảm thấy còn rõ hơn cả chính Colin. Nó hiểu bằng một thứ bản năng tự nhiên đến nỗi nó không nghĩ đó là hiểu biết. Nó bỏ chiếc mũ lưỡi trai xuống rồi ngó quanh, nụ cười vẫn nở rộng trên khuôn mặt tròn.

- Ngay cả cậu cũng nên bỏ mũ ra, - Nó bảo Colin, - và bác nữa, bác Ben, và mọi người cũng biết đấy, ta hãy đứng cả dậy.

Colin bỏ mũ, mặt trời tỏa ra tia nắng ấm áp xuống mái tóc dày của nó trong khi nó vẫn nhìn Dickon chăm chú. Lão Ben Weatherstaff nhòm dậy khó nhọc trên hai đầu gối, đầu để trần, vẻ bối rối lộ trên khuôn mặt già nua

nhăn nheo, như thể lão không biết đích xác tại sao mình phải làm cái việc ngoại lệ này.

Dickon đứng tách khỏi đám cây cối và mấy khóm hồng, nó bắt đầu cất tiếng hát thật giản đơn, bằng một giọng thiếu niên khỏe khoắn dễ thương.

“Tạ ơn Chúa về tất cả ân huệ và sự che chở của Người,

Tạ ơn Người đã vì mọi sinh linh nơi trần thế,

Tạ ơn Người vì bánh thánh Người đã ban cho;

Tạ ơn Cha, Con và Thánh thần, Amen”.

Khi thằng bé kết thúc bài nguyện, lão Ben Weatherstaff vẫn đứng im phăng phắc, mồm há hốc cứng đờ, lão đưa cặp mắt lúng túng nhìn Colin. Khuôn mặt Colin đượm vẻ trầm tư và ngưỡng mộ.

- Bài ca thật tuyệt vời, - nó bảo, - Tôi thích nó. Có lẽ nó nói lên những điều mà chính tớ muốn nói khi tôi hét lên rằng tôi biết ơn Phép màu biết bao. - Nó đúng lời và bồi rôi suy nghĩ, - Có lẽ hai điều đó là một chặng. Làm sao chúng ta có thể biết chính xác tên gọi của mọi sự? Hát lại đi, Dickon. Chúng mình hãy thử xem sao, Mary. Tôi cũng muốn được hát theo. Đó chính là bài ca của tôi. Nó mở đầu như thế nào nhỉ? “Tạ ơn Chúa về tất cả ơn huệ và sự che chở của Người” phải không?

Và cả bọn nhất loạt hát lại bài ấy lần nữa, Mary và Colin cố cất giọng sao cho thật du dương, trong khi Dickon gong mình hát cho to và hay. Lúc cả bọn sang đến câu thứ hai, lão Ben đã dang hắng sẵn giọng để khi đến câu thứ ba lão liền nhập vào bè với một sự mãnh liệt hoang dại, và ngay khi từ Amen vừa kết thúc, Mary nhận thấy những cảm xúc xảy ra với lão trước đó, vào cái hôm lão phát hiện ra rằng Colin không phải là một kẻ què quặt, nay đã trở lại: cảm lão giật giật, đôi mắt vừa thao láo vừa hấp háy, hai gò má già nua nhăn nheo đăm lẹ.

- Trước đây, tôi chưa từng thấy cảm xúc gì khi hát Thánh ca, - lão nói giọng khàn khàn, - nhưng nay suy nghĩ của tôi đã khác nhiều. Tôi có thể nói cậu sẽ nặng thêm ít nhất năm pao trong tuần này. Cậu chủ Colin ạ.- Những năm pao cơ đấy!

Colin còn đang mãi nhìn qua vườn vì có một cái gì đó khiến nó chú ý, mặt lộ rõ vẻ hoảng hốt, - ai đang đến kia, - nó nói vội. - ai thế nhỉ?

Cánh cửa nơi hõm tường phủ đầy dây thường xuân vừa được nhẹ nhàng mở ra, một người đàn bà bước vào. Thực ra bà đã đến từ lúc cả bọn hát sang câu cuối cùng. Bà đứng đó lạng người nhìn và nghe chúng hát. Với mảng tường phủ kín dây thường xuân sau lưng, với ánh nắng nhấp nháy qua các tán lá cây tạo nên những đốm sáng trên tà áo choàng màu xanh của bà, gương mặt nhẹ nhõm tươi tắn ánh lên nụ cười ở phía vườn cây trông thật giống một bức chân dung minh họa với màu sắc dịu dịu trong một cuốn sách nào đó của Colin. Đôi mắt bà vô cùng tình cảm dường như chứa đựng tất cả - tất cả, cả đến hình bóng của lão Ben Weatherstaff cùng bầu thú hoang và

từng bông hoa đang nở rộ. Bà xuất hiện hoàn toàn bất ngờ, thế nhưng không phải một ai trong bọn họ nghĩ bà là kẻ xâm nhập khu vườn. Đôi mắt Dickon sáng ngời.

- Mẹ đây mà... còn ai vào đây nữa! – Thằng bé kêu lên rồi bước vội qua bãi cỏ.

Colin cũng tiến về phía bà, Mary cũng đi cùng với nó. Cả hai đứa đều cảm thấy các huyết mạch trong người chúng đập mỗi lúc một nhanh.

- Mẹ! – Dickon thốt lên khi hai mẹ con gặp nhau ở giữa chùng – Tôi biết các cậu muốn gặp bà, nên tôi đã chỉ cho bà chỗ cánh cửa bị che khuất.

Colin chìa tay ra với vẻ bẽn lễn, nhưng không kém phần quý phái, đôi mắt nó nhìn bà đắm đắm.

- Ngay cả lúc ốm đau cháu vẫn mong ước được gặp bác, - nó nói, - Bác Dickon và khu vườn bí mật. Trước đây, cháu chưa từng muốn gặp bất kì ai và bất kì thứ gì như thế.

Hình ảnh gương mặt ngẩng cao của cậu bé khiến tâm trạng bà đột ngột biến đổi. Mặt bà đỏ lên, khóe miệng bà hơi giật giật, một làn sương mỏng dường như thoáng qua đôi mắt.

- Ôi! Chàng trai thân mến! – Bà thốt lên, giọng run run. – Ôi! Chàng trai thân mến! – Có lẽ bà cũng không biết mình sắp nói ra câu đó. Bà không gọi “Cậu chủ Colin” mà bất chợt gọi thế. Hẳn bà cũng sẽ gọi Dickon như vậy, nếu có điều gì trên khuôn mặt nó làm bà cảm động. Colin thích điều đó.

- Bác có ngạc nhiên khi thấy cháu khỏe thế này không? – Nó hỏi.

Bà đặt tay lên vai thằng bé, mỉm cười, làn sương trong mắt bà tan biến.

- Ô, có chứ, - bà bảo, - cháu giống mẹ cháu quá đôi khiến bác nhói cả tim.

- Bác thấy thế nào, - Colin hỏi với vẻ bối rối, - nhưng liệu điều đó có làm cho cha cháu thích cháu không?

- Trời ơi, chắc chắn là như vậy, chàng trai thương mến, - bà vừa đáp, vừa vỗ nhẹ lên vai thằng bé, - Ông ấy sẽ trở về... ông ấy sẽ trở về.

- Bà Susan Sowerby đây à. – lão Ben Weatherstaff lên tiếng và tiến lại chỗ bà, - bà đã thấy đôi chân của cậu chủ chưa? Mới hai tháng trước trông chúng chẳng khác nào hai chiến dùi trống trong đôi bít tất dài. Lại thêm nổi bị vòng kiềng nữa chứ, tôi nghe người ta bàn tán thế. Bây giờ bà hãy xem xem!

Bà Susan Sowerby cất tiếng cười nhẹ nhõm.

- Chúng sẽ là đôi chân của một anh chàng mạnh mẽ đấy – bà bảo – Cứ mặc cậu ấy chơi đùa và làm vườn, cứ ăn cho no, uống cho thật nhiều sữa. Rồi xem, ở xứ Yorkshir này sẽ chẳng thể có đôi chân nào đẹp hơn chúng đâu, lạy Chúa ban phúc lành.

Bà đặt tay lên vai Mary và cúi nhìn khuôn mặt nhỏ bé của con bé với dáng vẻ của một người mẹ.

- Cả cô cũng vậy, - bà bảo, - Cô cũng gằn mạnh bằng con bé Elizabeth Ellen nhà tôi rồi còn gì. Tôi dám đánh cược cô cũng giống hết mẹ cô. Con bé Martha bảo tôi rằng, theo như những điều bà Medlock nghe được thì bà nhà là một phụ nữ đẹp tuyệt trần. Rồi cô cũng sẽ trở thành một đóa hồng tươi thắm khi cô lớn lên, cô gái bé bỏng của tôi ạ, cầu Chúa phù hộ cho cô.

Bà không nhắc tới chuyện khi Martha về nhà vào “ngày nghỉ” đã tả lại một đứa trẻ hay cáu bẳn và tẻ nhạt ra sao, rằng chị không mấy tin tưởng vào những gì bà Medlock đã nghe. “Thật vô lý khi một người phụ nữ xinh đẹp lại có thể là mẹ của đứa bé như vậy” – chị bướng bỉnh thêm vào.

Mary không có thời gian để chú ý đến khuôn mặt đang thay đổi của nó. Nó chỉ biết rằng mình trông “khác hẳn” trước kia, tóc mình đã dày và dài ra rất nhanh. Chợt nhớ lại niềm vui mỗi khi được ngắm nhìn mẹ thưở trước ở Memsahib, nó vui mừng khi có người nói một ngày nào đó trông nó cũng được như bà.

Bà Susan Sowerby cùng mọi người đi dạo một vòng quanh khu vườn của chúng và được kể cho nghe toàn bộ câu chuyện về nơi này, được chỉ cho xem từng khóm cây nhỏ, từng cái cây lớn nay còn sống. Colin đi bên cạnh bà, Mary đi bên kia. Cả hai đứa đều không rời mắt khỏi khuôn mặt hồng hào, nhẹ nhõm của bà. Chúng không khỏi thâm ngạc nhiên trước cảm giác vui tươi mang lại cho chúng – một thứ ấm áp, khích lệ. Dường như bà hiểu bọn trẻ như Dickon hiểu bày thú của nó vậy. Bà khom mình trên những đóa hoa và nói về hoa cỏ như về bày trẻ. Bò hóng lẻo đẹo bay qua bà, thỉnh thoảng cất tiếng quạ quạ, rồi tự nhiên đậu xuống vai bà như vai Dickon. Khi bọn trẻ kể với bà về con chim ứ đỏ và những chuyến bay đầu tiên của bày chim ra ràng, bà cất tiếng cười dịu dàng của một người mẹ.

- Tôi nghĩ học bay cũng tựa như trẻ con tập đi vậy. Nhưng nếu đôi chân ta bỗng dưng bị thay bằng đôi cánh thì cũng đáng lo lắm đấy. – bà nói.

Và bởi là một phụ nữ tuyệt vời trong túp lều gianh êm đềm của bà trên cánh đồng hoang nên cuối cùng, bà đã được kể cho nghe về Phép màu.

- Bác có tin vào Phép màu không? – Colin hỏi sau khi đã giải thích một hồi về các thầy tu ở Ấn Độ, - cháu hy vọng bác cũng biết tới Phép màu.

- Tôi có biết, anh bạn ạ, - bà đáp, - Tuy tôi không biết nó dưới cái tên ấy, nhưng tên thì có nghĩa gì đâu? Tôi dám chắc người ta gọi nó bằng những cái tên khác nhau ở Pháp và ở Đức. Nhưng cùng một điều đó, đã khiến cho hạt giống này mầm và mặt trời chiếu sáng, và giúp cậu trở thành một anh chàng khỏe mạnh, ấy là Đấng tối cao. Người không hề giống chúng ta, những người khờ khạo đáng thương cứ cho rằng việc không gọi được đúng tên là một vấn đề. Đấng tối cao không ngừng lo lắng và che chở cho cậu. Người cũng bận tâm lo lắng cho hàng triệu sinh linh trên thế giới này nữa. Cậu không bao giờ được thổi tin tưởng vào Người và phải hiểu rằng thế giới này luôn ngập tràn Người – và gọi tên thế nào là tùy cậu. Cậu chẳng vừa hát ngợi

ca Người lúc tôi đặt chân vào khu vườn này đây thôi.

- Lúc ấy cháu thấy vui quá – Colin nói, mở to đôi mắt đẹp kỳ lạ nhìn bà,
- Đột nhiên, cháu cảm thấy mình khác trước biết bao, tay chân mình mới khỏe làm sao, bác cũng thấy đấy... cháu đã có thể xới đất, đứng dậy rồi nhảy căng lên, muốn hét thật to một điều gì đó để mọi người cùng nghe thấy.

- Người đã chứng kiến hết khi cậu hát Thánh ca. Người nghe rõ từng lời cậu hát. Đó chẳng qua vì cậu quá hạnh phúc. Ôi, anh bạn, anh bạn... Người còn có một tên nữa là Đáng Sáng Tạo Niềm Vui, - nói đoạn bà lại đưa tay vỗ nhẹ, lên vai thẳng bé.

Sáng hôm ấy, bà đã sắp sẵn một giỏ thức ăn như mọi bữa. Khi chúng đói bụng và Dickon mang chiếc giỏ ra khỏi nơi häng ngày cất giấu, bà ngồi xuống cùng chúng dưới một tán cây, ngắm nhìn chúng ăn ngấu nghiến. Bà cười mãn nguyện trước cảnh ngon miệng của bọn trẻ. Bà có đủ các thứ chuyện hài hước khiến bọn chúng cười bò. Bà kể chúng nghe mấy chuyện bằng thứ giọng Yorkshine đặc sệt, đồng thời dạy cho chúng thuật lại những từ mới. Bà ôm bụng cười khi chúng thuật lại những khó khăn ngày một tăng lúc thằng Colin phải tiếp tục giả vờ là một kẻ tàn tật hay cáu bẳn.

- Bác thấy đấy, chúng cháu không thể nín được cười mỗi khi ở cạnh nhau, - Colin giải thích, - Thật chẳng có vẻ gì là đau ốm cả. Chúng cháu đã cố tỏ ra khó chịu, nhưng rồi lại phải cười lăn ra không sao kìm được.

- Cháu vẫn còn băn khoăn một điều, - Mary nói, - và cháu khó lòng yên tâm được mỗi khi bất chợt nghĩ đến nó. Ấy là cháu lo cho cái khuôn mặt mỗi ngày một tròn vành vạch của Colin. Nó không béo từng tý một mà cứ to lên phèn phẹt từng ngày... cháu e rằng đến một buổi sáng nào đó, nó lại chẳng giống như...

- Cậu Chúa phù hộ cho tất cả chúng ta. Tôi có thể hình dung bấy lâu nay cậu đã phải giả bộ như thế nào, - bà Susan Sowerby nói, - Nhưng cậu không thể kéo dài chuyện này lâu hơn nữa. Ông chủ Craven sắp trở về.

- Bác nghĩ ông sắp trở về à? – Colin hỏi – Tại sao?

Bà Susan Sowerby cười lặng lẽ.

- Tôi cho rằng cậu sẽ rầu lòng nếu ông ấy phát hiện ra trước khi cậu tự hào kể cho ông mọi chuyện. Cậu đã phải thức hàng đêm để lập ra kế hoạch này.

- Cháu không tài nào chịu nổi nếu có ai đó báo cho ông biết, - Colin nói,
- Ngày nào cháu cũng nghĩ ra đủ mọi cách. Nhưng bây giờ cháu chỉ muốn chạy thẳng vào phòng ông để cho ông thấy.

- Đây mới chính là một sự khởi đầu tốt đẹp đối với ông ấy. – Bà Susan Sowerby nói, - tôi thích được ngắm khuôn mặt ông vào lúc ấy, anh bạn ạ. Tôi rất muốn được như vậy! Ông ấy chắc chắn sẽ trở về.

Một trong những chuyện khiến mọi người bàn bạc sôi nổi là chuyến thăm sắp tới của họ đến túp lều gianh của bà. Họ xúm vào cùng vạch kế

hoạch cho chuyến đi. Họ sẽ phải băng qua cánh đồng hoang và ăn trưa ngoài trời giữa các bụi thạch thảo. Họ chẳng những sẽ gặp được đủ cả mười hai người con của bà mà còn được ngắm khu vườn của Dickon, và nhất định là sẽ không quay trở về cho tới khi ai nấy đều mệt lử.

Cuối cùng, bà Susan Sowerby đứng dậy để vào trong nhà gặp bà Medlock, cũng là lúc Colin ngồi lại vào xe. Trước khi bước vào xe, nó còn đứng kề bên bà Susan, nhìn bà với vẻ tha thiết, bối rối. Đột nhiên, nó đưa tay nắm vạt áo choàng xanh của bà rồi giữ chặt lấy.

- Bác chính là những gì... những gì cháu ao ước bấy lâu nay. Cháu ước gì bác là mẹ của cháu... cũng như mẹ Dickon vậy!

Ngay lập tức, bà Susan Sowerby cúi xuống, kéo thẳng bé vào vòng tay ấm áp của bà, áp đầu nó vào ngực bà dưới tấm áo choàng xanh – như một đứa em của Dickon vậy. Một làn sương mờ nhẹ nhàng qua trước mắt bà.

- Ôi, chàng trai yêu quý! – Bà thốt lên – Mẹ của con ở trong từng tấc đất của khu vườn này, ta tin như thế. Bà không thể nào rời xa chúng ta được. Cha con nhất định sẽ trở về với con... ông nhất định trở về!

Chương 27: Trong khu vườn.

Kể từ khi thế giới thành hình, cứ mỗi thế kỷ trôi qua đều có biết bao điều kỳ diệu được khám phá. Vào thế kỷ sau cùng này, người ta lại càng biết được nhiều điều hơn bất kỳ thế kỷ nào trước đây và hàng trăm điều đáng kinh ngạc hơn còn đang đợi ngày ra mắt. Thoạt đầu, con người luôn từ chối tin tưởng rằng một điều mới lạ nào đó có thể được thực hiện, rồi họ bắt đầu hy vọng nó không thể thực hiện, rồi họ nhận thấy rằng nó có thể thực hiện được – cuối cùng, người ta thực hiện điều đó thành công và toàn thể nhân loại đều tự hỏi tại sao việc này lại không diễn ra từ các thế kỷ trước. Một trong những sự kiện mới mẻ mà con người bắt đầu khám phá ra trong thế kỷ vừa qua là ý nghĩ – chỉ đơn thuần là những ý nghĩ – cũng mang một sức mạnh chẳng kém gì điện năng, và nếu tốt thì như thể ánh sáng mặt trời, còn nếu xấu thì chẳng khác nào thuốc độc. Để mặc cho một ý nghĩ xấu xa tồi tệ len lỏi vào tâm trí ta thì cũng nguy hại chẳng kém việc để cho mầm bệnh phát ban đỏ lọt vào trong cơ thể ta vậy. Sau khi đã xâm nhập rồi, nếu cứ mặc cho chúng hoành hành thì có lẽ chẳng bao giờ ta rũ bỏ nỗi chúng trong suốt cuộc đời mình.

Chừng nào đầu óc con bé Mary còn đầy ắp những ý nghĩ bất mãn về những khó chịu của bản thân, cùng nhận nhận xét chua chát về người khác, lại nhất quyết không chịu quan tâm hay hài lòng với bất cứ điều gì, thì nó vẫn còn là một đứa trẻ mặt mũi vàng ệch, ốm o, chán chường, thảm hại. Nhưng rồi những hoàn cảnh sống, dù nói gì đi chăng nữa, đã mang lại những điều hết sức tốt đẹp cho nó, dù nó không hề nhận ra. Chúng bắt đầu thúc đẩy

con bé theo chiều hướng tốt đẹp hơn. Kể từ lúc tâm trí nó dần tràn ngập những hình ảnh của chim ước đỏ, của nếp nhà gianh giữa miền đồng hoang với bầy trẻ đông đúc, rồi ông lão làm vườn quàu quàu và kỳ quặc nọ, hay chị hầu gái nhỏ bỗ bã vùng Yorkshire, cũng như mùa xuân với khu vườn bí mật đang hồi sinh từng ngày từng giờ, và cả cậu bé miền đồng hoang cùng bầy thú của nó nữa, quả là không còn chỗ nào cho những ý nghĩ khó chịu đã từng ảnh hưởng tới lá gan và cỗ máy tiêu hóa, khiến nó sinh ra vàng vọt và mệt mỏi như vậy.

Cũng như bao năm qua, Colin tự giam mình trong phòng, chỉ nghĩ tới những sợ hãi, những khiếm khuyết, và nỗi thù ghét những ai dám nhìn nó rồi nghiền ngẫm hết giờ này qua giờ khác về những cục bướu và cái chết đang tới gần. Thằng bé mắc phải chứng cuồng loạn, lúc nào cũng tưởng mình bị bệnh nọ bệnh kia, chẳng có ý niệm gì về ánh mặt trời và mùa xuân, mà cũng không biết rằng nó có thể bình phục và tự đứng trên đôi chân của mình một khi đã cố gắng. Thế rồi những suy nghĩ tốt đẹp và mới mẻ bắt đầu xua tan mọi điều cũ kỹ hắc ám. Cuộc sống mới đã đến với nó, bầu máu nóng chảy rần rật khắp các huyết quản của nó và một sức mạnh ủa vào trong cơ thể nó chẳng khác nào thác lũ. Thí nghiệm khoa học của nó quả vô cùng đơn giản và thực tế, hoàn toàn chẳng có vẻ gì huyền bí hay kém tự nhiên. Còn biết bao điều đáng ngạc nhiên hơn có thể đến với bất cứ ai, dù có lúc để cho những ý nghĩ khó chịu hoặc chán nản len lỏi trong tâm trí, nhưng kịp thời nhận ra và xua đuổi chúng đi với lòng can đảm và cả quyết. Bởi hai thứ đó không thể có cùng một chỗ đứng.

*Nơi anh định trồng một khóm hồng, bản hồi
Cây kẻ sẽ chẳng thể nào mọc lên.*

Giữa lúc khu vườn bí mật đang dần hồi sinh cùng với hai đứa trẻ, có một người đàn ông vẫn lang thang vô định trên các miền đất tươi đẹp nơi các vịnh hẹp xứ Na-uy, hoặc giữa các thung lũng và núi đồi của Thụy Điển. Ông chính là người mà suốt mười năm qua tâm trí lúc nào cũng tràn ngập những suy nghĩ u buồn và đau đớn. Ông không phải là người dửng dưng; ông cũng chưa bao giờ thử thay đổi những ý nghĩ đen tối bằng một thứ gì khác. Ông chỉ biết lang thang bên những hồ nước xanh thẳm thẳm mà suy tư về chúng; hoặc ngả mình trên những sườn núi với các thảm cây long đóm xanh thẳm đang đua nở quanh ông, rồi hít làn hương thơm ngát tràn ngập cả không gian cũng chỉ để suy nghĩ về chúng mà thôi. Một nỗi đau buồn khủng khiếp đã giáng xuống giữa lúc ông đang hạnh phúc, từ đó ông cứ để mặc cho tâm hồn mình phủ bóng đen u ám và khẳng khăng khước từ không cho tia sáng nào rọi qua. Ông đã quên lãng và bỏ mặc gia đình cùng bạn phận của mình. Tuy du ngoạn đó đây vậy nhưng tâm hồn ông lúc nào cũng ảm đạm buồn bã đến nỗi hễ thấy bóng dáng ông, mọi người đều coi đó như điềm chẳng lành, như thể ông đầu độc bầu không khí xung quanh bằng nỗi u sầu vậy. Hầu hết

những kẻ không quen biết đều cho rằng nếu ông không đỡ người thì cũng là một kẻ đang cần rút vì tội lỗi. Ông người cao lớn, khuôn mặt mệt mỏi phiến muộn, đôi vai lệch sang bên và cái tên ông thường dùng để đăng ký ở khách sạn là “Archibald Craven, Trang viên Misselthwaite, xứ Yorkshire, nước Anh”

Ông đã du ngoạn khắp nơi kể từ hôm gặp cô chủ nhỏ Mary trong phòng làm việc của mình và cho nó biết nó có thể có riêng “một mảnh đất”. Kể từ đó, ông đã sống ở những chốn đẹp nhất ở châu Âu, dù chẳng lưu lại nơi nào quá vài ngày. Ông chọn toàn những nơi hẻo lánh nhất, yên tĩnh nhất làm đích đến. Ông đã từng đặt chân lên những đỉnh núi chạm tới cả mây, và phóng tầm mắt xuống những ngọn núi khác vào lúc mặt trời mọc, và đưa tay hứng những tia nắng đầu tiên với cảm giác thế giới này vừa mới được sinh ra.

Những tia nắng kia dường như chẳng bao giờ chạm tới đáy lòng ông cho tới một ngày, lần đầu tiên trong suốt mười năm qua, ông chợt thấy một điều kỳ lạ xảy ra. Bảy giờ, ông đang ở trong một thung lũng đẹp lạ lùng của vùng Tyrol nước Áo, vào hôm đang một mình đi dạo giữa một vùng đất trời đẹp đến nao lòng, tưởng chừng có thể nâng đỡ bất kỳ tâm hồn nào khỏi bóng tối tội lỗi. Ông đã đi được một đoạn đường dài và dường như cảnh vật đó chẳng tác động gì đến ông. Cuối cùng ông thấy mệt và nằm vật xuống nghỉ trên một thảm rêu xanh rì bên bờ suối. Đó là một dòng suối nhỏ nước trong veo chảy men theo con đường hẹp rồi cắt ngang qua một vùng đồng nội ẩm ướt ngọt ngào. Thỉnh thoảng con suối làm bật ra âm thanh nghe tựa một tiếng cười khê mỗi khi nó lượn qua và tung bọt nước trắng xóa trên mấy tảng đá. Ông thấy mấy con chim sà tới nhúng mỏ xuống uống nước, rồi tung cánh bay xa. Dòng suối đó chẳng khác nào một cơ thể sống động và tiếng nói khê khàng của nó càng khiến vẻ tĩnh mịch thêm sâu lắng. Cả thung lũng thật quá ư tĩnh mịch.

Khi ngồi dậy nhìn xuống dòng nước trong vắt, ông Archibald Craven dần cảm thấy cả tâm hồn và thể xác mình cũng trở nên tĩnh lặng chẳng khác nào thung lũng này. Ông tự nhủ phải chẳng mình buồn ngủ, nhưng đâu phải vậy. Ông ngồi thờ người mà đăm đăm nhìn làn nước chan hòa ánh nắng, đôi mắt ông bắt gặp đám cây mọc rải rác ngay sát mép nước. Thì ra đó là một vạt dày đặc những cây hoa lưu ly màu xanh hết sức dễ thương mọc kề bên dòng suối đến mức những cánh lá ướt sũng, và ông nhận ra mình đang ngắm nhìn loài hoa đó, trong lúc nhớ lại ông đã từng ngắm nhìn chúng nhiều năm trước đây. Ông còn bâng khuâng nghĩ rằng điều đó sao mà đáng yêu và sắc xanh của hàng trăm đóa hoa li ti kia mới kỳ diệu xiết bao. Ông đâu biết chính ý nghĩ giản dị đó đang dần dà choáng ngợp tâm trí ông – choáng ngợp và choáng ngợp mãi cho tới khi những thứ khác được nhẹ nhàng đẩy sang bên. Nó chẳng khác nào dòng suối ngọt ngào trong vắt đang bắt đầu dâng trào nơi ao tù, và cứ thế dâng cao, dâng cao mãi, cuối cùng quét sạch đi tất cả chỗ nước

tù đọng. Nhưng dĩ nhiên, ông không nghĩ về bản thân mình như vậy. Ông chỉ cảm thấy thung lũng mỗi lúc một vắng lặng quanh quẽ hơn trong khi ông vẫn ngồi im, ánh mắt đăm đăm nhìn ra đồng cỏ mượt mà xanh nõn. Ông không biết mình đã ngồi đó được bao lâu hoặc chuyện gì đang diễn ra trong tâm hồn mình, rồi cuối cùng ông giật mình như thức tỉnh, ông chậm rãi đứng dậy và cứ đứng nguyên thế trên thảm rêu, hít một hơi thật dài, sâu và êm rồi ngỡ ngàng với chính mình. Dường như ông vừa trút bỏ, vừa giải thoát được điều gì đó trong lòng một cách lặng lẽ.

- Có chuyện gì thế nhỉ - ông nói, hầu như chỉ là tiếng thì thầm, đoạn ông đưa tay lên trán – ta cảm thấy như mình vừa sống lại .

- Tôi không hiểu hết sự diệu kỳ của những điều chưa được khám phá để giải thích chuyện gì đã xảy đến với ông. Và những người khác cũng vậy thôi. Chính ông cũng không hiểu được. Nhưng nhiều tháng sau này, khi đã trở về Misselthwaite, ông nhớ lại giây phút kỳ lạ ấy, và ông hoàn toàn tỉnh cờ mà phát hiện ra rằng chính đó là ngày mà Colin sung sướng gào lên ở bên trong khu vườn bí mật :

“ Tớ sẽ sống mãi, mãi mãi, mãi mãi”.

Sự thanh thản khác thường vẫn còn bên ông cả buổi tối hôm ấy; ông đã ngủ một giấc ngủ khỏe khoắn và êm ả, dù chẳng được lâu. Ông không biết việc này liệu có kéo dài được chẳng. Đến hôm sau, ông lại mở toang cánh cửa cho những ý nghĩ đen tối của ông ủa vào, chúng kéo từng đàn, từng lũ quay lại. Ông rời khỏi thung lũng, rồi lang thang trên các nẻo đường khác. Nhưng thật kỳ lạ thay cho ông, thi thoảng lại có vài phút, và đôi khi là suốt nửa giờ đồng hồ mà ngay ông cũng không hiểu tại sao, cái gánh nặng đen tối nọ tự nó lại rời đi và ông biết rằng từ nay ông là một con người đang tồn tại chứ không phải một kẻ đã chết. Dần dà dần dà, ông chẳng rõ vì nguyên cớ gì, ông đang sống lại cùng với khu vườn.

Khi mùa hạ lộng lẫy chuyển sang sắc thu vàng sẫm, ông bèn tới thăm hồ Como. Chính nơi đây ông mới hiểu thế nào là vẻ đẹp của một giấc mơ. Ông bỗng bèn phiêu lãng suốt mấy ngày liền trên mặt hồ xanh thẫm và trong vắt tựa pha lê, hoặc dạo chơi trên các trắng cỏ dày mượt của đồi núi, lê bước cho tới khi cơ thể rã rời muốn lăn quay ra ngủ. Vào thời gian này, ông bắt đầu ngủ ngon hơn, ông biết vậy, và những giấc mộng cũng thôi không còn là một nỗi kinh hoàng đối với ông nữa.

-Có lẽ, ông nghĩ – cơ thể mình đang ngày càng khỏe lên.

Không những cơ thể ông ngày một đổi khác mà nhờ những giờ phút yên bình hiếm hoi, suy nghĩ của ông thay đổi và cả tâm hồn của ông cũng trở nên mạnh mẽ. Ông bắt đầu nghĩ tới Misselthwaite và tự hỏi sao mình còn chưa trở về nhà. Nhiều lúc ông thảng thốt không biết hiện giờ đứa con trai của mình ra sao và tự hỏi lòng xem ông sẽ cảm thấy gì khi tới đứng bên chiếc

giường có bốn cây cọc gỗ chạm trổ và cúi xuống ngắm khuôn mặt trắng bợt màu sáp giữa lúc nó đang ngủ với hàng mi rợp trên đôi mắt nhắm nghiền. Ông đã lưỡng lự khi nghĩ tới điều đó.

Vào một lúc tuyệt diệu nhất trong ngày, ông dạo bộ xa đến nỗi khi trở về thì trăng đã lên cao. Khắp nơi tràn trề ánh trăng và cả thế giới này tựa hồ được dát bằng bạc. Sự tĩnh lặng của mặt hồ, bờ hồ và rừng cây tuyệt vời đến nỗi ông chẳng nỡ bước vào ngôi biệt thự nơi ông ở. Ông bước xuống một thềm hiên nhỏ sát ngay mép nước, ngồi xuống ghé rồi hít căng lồng ngực mọi hương thơm tuyệt diệu về đêm của núi rừng. Ông cảm nhận rõ một sự yên ả kỳ lạ đang tràn ngập tâm hồn và mỗi lúc một thấm sâu hơn, cho tới lúc ông ngủ thiếp đi.

Ông không hề hay biết gì trong lúc chợp mắt và bắt đầu mơ, giấc mơ ấy thực đến nỗi ông không ngờ mình đang mơ. Sau này, ông còn nhớ mình đã tỉnh táo và suy nghĩ rành mạch ra sao. Ông nhớ rằng giữa lúc ông đang ngồi đó, tận hưởng hương thơm tỏa ra từ những đóa hồng nở muộn và lắng tai nghe tiếng nước vỗ ì oạp dưới chân thì nghe có tiếng ai đang gọi. Tiếng gọi ấy hết sức dịu dàng, rõ ràng, nghẹn ngào hạnh phúc nhưng cũng xa vời vợi. Nó xa tít mù khơi, thế nhưng ông lại nghe thấy mồn một như thể ở ngay bên ông.

-Anh Archie! Anh Archie! Anh Archie! Tiếng gọi, lặp đi lặp lại, mỗi lúc một ngọt ngào và rõ ràng hơn - Anh Archie! Anh Archie!

Ông còn nhớ ông đã đứng phắt dậy, nhưng không hề giật mình hoảng hốt. Đó là một giọng nói có thực và tự nhiên đến nỗi ông không thể không nghe thấy.

- Lilies ! Lilies phải không ? – Ông đáp lời - Lilies, em ở đâu ?

- Em đang ở trong vườn – tiếng nói vọng lại tựa như âm thanh phát ra từ một cây sáo bằng vàng. - Em đang ở trong vườn.

Đến đây thì giấc mơ kết thúc, nhưng ông vẫn chưa tỉnh giấc. Ông đã ngủ một giấc say sưa, ngọt ngào suốt đêm hôm đó. Khi ông tỉnh dậy thì mặt trời đã chói lọi, người hầu phòng đang đứng chằm chằm nhìn ông tự bao giờ. Anh ta là người Ý và cũng giống như tất cả các người hầu phòng trong biệt thự, anh ta quen với việc chấp nhận ngay lập tức mọi điều kỳ quặc mà các ông khách nước ngoài có thể làm. Không một ai được biết khi nào họ đi hay về hay họ sẽ ngủ lại ở đâu, họ thích lang thang trong vườn hay nằm trong thuyền, bông bênh trên mặt hồ suốt đêm. Anh ta đang đỡ một cái khay trên có mấy bức thư, lặng lẽ đứng đợi cho tới khi ông Craven nhận lấy chúng. Khi anh ta đi khỏi, ông Craven vẫn ngồi mấy phút, tay cầm thư và ngắm mặt hồ. Cái cảm giác yên bình kỳ lạ vẫn còn nguyên trong ông và một cái gì đó hơn thế - như ánh sáng đã chiếu rọi, như thể những điều ác nghiệt đã từng xảy ra nhưng lại không có thực như ông tưởng – một điều gì đó đã thay đổi. Ông đang nhớ lại giấc mơ, một giấc mơ rất thực.

-Trong khu vườn ! Ông thốt lên, tự mình cũng thấy ngạc nhiên. – Trong khu vườn. Nhưng cánh cửa đã bị khóa chặt, còn chiếc chìa thì bị vùi sâu lắm kia mà.

Mấy phút sau, ông liếc mắt qua mấy bức thư, và nhận thấy bức thư đầu tiên viết bằng tiếng Anh, từ Yorkshire gửi tới. Nó được viết trực tiếp từ một bàn tay phụ nữ chất phác, nhưng không phải nét chữ ông quen. Ông mở phong bì, không đoán được người viết, nhưng những chữ đầu tiên ngay lập tức đã thu hút sự chú ý của ông.

Ngài kính mến,

Tôi là Susan Sowerby, kẻ đã có lần mạo muội nói chuyện với ngài trên cánh đồng hoang. Hôm ấy, tôi đã thưa với ngài về cô chủ Mary. Tôi xin mạo muội thưa lại lần nữa. Thưa ngài, mong ngài lượng thứ, nếu ở địa vị ngài thì tôi sẽ trở về nhà. Tôi nghĩ ngài sẽ lấy làm mừng khi về đến nhà và, xin bỏ quá cho, tôi cho rằng phu nhân của ngài cũng mong mọi điều đó, nếu như bà có ở đây.

Bê tôi trung thành của ngài

Susan Sowerby.

Ông Craven đã đọc bức thư hai lần trước khi cất nó vào phong bì. Ông lại nghĩ ngợi tiếp về giấc mơ nọ.

- Ta sẽ trở về Misselthwaite. Phải rồi, ta sẽ trở về ngay lập tức.

Rồi sau đó, ông băng qua khu vườn để vào tòa biệt thự, và ra lệnh cho Pitcher sửa soạn cho chuyến trở về nước Anh.

Chỉ mấy ngày sau, ông đã đặt chân lên xứ Yorkshire, và trong cuộc hành trình bằng xe lửa dài dằng dặc ấy, ông nhận thấy mình lúc nào cũng nghĩ tới thằng bé mà suốt mười năm qua ông không bao giờ nghĩ đến. Trong những năm tháng ấy, ông chỉ ước sao quên được nó. Bây giờ, cho dù ông không có ý định nghĩ tới, thì những kỷ niệm về thằng bé cứ liên tục trở về trong tâm trí ông. Nhớ lại những ngày đen tối ấy, ông đã la hét như điên như dại chẳng khác nào một kẻ loạn óc, bởi đứa trẻ còn sống mà mẹ nó lại lìa đời. Ông đã từ chối không muốn nhìn mặt con trai, nhưng khi cuối cùng ông tới nhìn nó thì thấy cái sinh linh bất hạnh ấy yếu ớt đến độ ai nấy đều cả quyết, chỉ ít ngày nữa nó sẽ chết. Rồi trước sự ngạc nhiên của những người chăm sóc nó, ngày qua ngày nó vẫn cứ sống, và khi đó mọi người tin rằng đây hẳn là một đứa bé dị dạng và què quặt.

Ông không có ý làm một người cha tồi, nhưng trong ông không có cảm giác như một người cha chút nào. Ông đã mang đến cho thằng bé các bác sỹ, các cô bảo mẫu và nhiều thứ đồ đắt tiền, thế nhưng chỉ cần nghĩ đến nó thôi là ông đã thấy sợ hãi muốn lùi bước, để vùi mình vào nỗi khốn khổ của riêng ông. Lần đầu tiên sau một năm vắng mặt, ông quay trở về Misselthwaite và mỗi khi cái sinh vật nhỏ bé thống khổ ấy uể oải, hờ hững ngẩng khuôn mặt có đôi mắt xám to tròn ọp bống mi đen lên, đôi mắt vừa giống vừa không

giống đến mức khủng khiếp với đôi mắt tràn ngập hạnh phúc mà ông quá đôi tôn thờ; lúc đó, ông cảm thấy không sao chịu đựng nổi và quay đi, tái nhợt như một xác chết. Và lại, ông cũng hiếm khi nhìn thấy nó, có chăng vào lúc nó ngủ nên tất cả những gì ông biết về nó là một đứa tàn tật, tính khí cuồng loạn, hần học và trì độn. Cách duy nhất để tránh cho thằng bé những cơn cuồng nộ nguy hiểm là đáp ứng mọi yêu sách của nó, dù là nhỏ nhất.

Khi đoàn tàu đưa ông đi xuyên qua các hẻm núi và lướt trên những cánh đồng vàng óng thì người đàn ông “đang sống lại” ấy bắt đầu suy nghĩ về mọi thứ theo một cách mới mẻ, điềm tĩnh và sâu sắc hơn.

“Có lẽ ta đã hoàn toàn sai lầm trong suốt mười năm qua” – ông tự nhủ - :mười năm là cả một khoảng thời gian dài. Giờ đây, có thể đã quá muộn để làm lại, hoàn toàn quá muộn. Ta đã nghĩ những gì cơ chứ”.

Dĩ nhiên, đây là thứ phép màu sai lầm, vì nó được bắt đầu bằng từ “quá muộn”. Thậm chí, Colin cũng có thể nói với ông như thế. Nhưng ông nào có biết gì về phép màu – dù là một phép thuật tốt đẹp hay hắc ám đi chăng nữa. Điều này ông vẫn còn chưa học được.

Ông tự nhủ, nếu bà Sowerby đánh bạo viết thư cho ông, thì cũng vì tình thương của người mẹ đã giúp bà nhận ra thằng bé đang nguy kịch hơn - một trận ốm thập tử nhất sinh chẳng hạn. Nếu không có sự bình yên kỳ lạ đang xâm chiếm tâm hồn, hẳn ông đã cảm thấy lòng mình tan nát hơn bao giờ hết. Sự bình yên đó cũng mang lại cho ông can đảm và hy vọng. Thay vì những ý nghĩ u uẩn, ông thấy mình đang cố gắng tin tưởng vào những điều tốt lành hơn.

“Có lẽ nàng cũng nhận thấy ta có thể làm điều tốt cho thằng bé và giữ cho nó được bình an?” – Ông nghĩ – “Ta sẽ quay về và gặp nàng trên con đường trở lại Misselthwaite”

Đang băng qua cánh đồng hoang, ông cho dừng cỗ xe trước mái nhà gianh. Chừng bảy, tám đứa trẻ đang tụ tập thành một nhóm chơi đùa, thấy khách lạ chúng liền lịch sự nhún gôì chào một cách thân thiện. Chúng thưa với ông rằng mẹ chúng đã sang bên kia đồng hoang từ sớm tinh mơ để giúp một phụ nữ sinh em bé. “Còn anh Dickon nhà chúng cháu”, chúng bảo, “thì đang ở bên Trang viên làm vườn, mỗi tuần anh ấy phải mất mấy ngày ở bên ấy.”

Ông Craven đưa mắt nhìn đám trẻ khắp một lượt, đứa nào thân hình cũng cứng cáp, mặt mũi tròn trịa, má đỏ hây hây, mỗi đứa toét miệng một kiểu, biểu lộ sự vui thích, khiến ông nhận ra chúng đều vô cùng khỏe mạnh dễ thương. Ông cũng mỉm cười đáp lại những nụ cười thân thiện của chúng. Ông lấy trong túi ra một đồng “xôroven” và tặng cho “Lizabeth Ellen nhà chúng cháu” – đứa lớn tuổi nhất trong cả đám.

- Nếu các cháu chia nó làm tám phần thì mỗi đứa sẽ được một nửa corao đấy.

Thế rồi, giữa những nụ cười toe toét hay khúc khích, những cái nhún gối chào của bọn trẻ, ông cho xe lăn bánh, để lại đằng sau cảnh chen huých và nhảy nhót vui vẻ.

Chuyến đi băng qua cảnh trí kỳ diệu của đồng hoang thật dễ chịu làm sao. Điều đó mang đến cho ông cảm giác được về nhà mà ông từng nghĩ chẳng bao giờ có nổi, cảm giác về vẻ đẹp của vùng đất và bầu trời và những vạt hoa tím xa xa, sự ấm áp trong lòng khi mỗi lúc ông lại được gần thêm ngôi nhà cổ kính nguy nga đã gắn bó với tổ tiên ông từ sáu trăm năm qua. Tại sao ông ngỡ lòng xa lánh nó trong suốt thời gian qua, và rùng mình sợ hãi khi nghĩ đến những căn phòng khóa chặt cùng cậu con trai đang nằm trên giường có bốn cọc gỗ chạm trổ, xung quanh căng những tấm gấm thêm kim tuyến. Liệu ông có thể thay đổi bản thân mình để trở nên tốt đẹp hơn, và vượt qua được những do dự của chính ông? Giấc mơ nọ mới thực làm sao, và giọng nói ấy mới kỳ diệu và rõ ràng làm sao khi gọi ông trở về : “Em đang ở trong vườn... Em đang ở trong vườn!”

“Mình sẽ cố tìm lại chiếc chìa khóa,- ông nói - mình sẽ cố mở cánh cửa ấy ra. Mình phải làm vậy... mặc dù mình chẳng biết tại sao.”

Khi ông về đến Trang viên, đám gia nhân đón ông với nghi lễ thường có, cả bọn đều nhận thấy trông ông khá hơn trước. Ông không đi về mấy căn phòng biệt lập mà ông đã quen sống ở trong với sự phục dịch của Pitcher. Ông đến thẳng thư viện rồi cho gọi bà Medlock. Bà đến gặp ông, bộ dạng bối rối, đỏ mặt tía tai:

-Cậu chủ Colin ra sao, bà Medlock ? – Ông hỏi thăm...

-Tốt lắm, thưa ngài – bà Medlock đáp, cậu ấy... cậu ấy nom khác hẳn, theo một cách nào đây.

-Xấu đi à ? - ông gợi ý .

Bà Medlock mặt đỏ bừng lên

-Chà, ngài thấy đấy, thưa ngài – bà cố tìm lời giải thích, cả bác sỹ Craven lẫn cô bảo mẫu và tôi đều khó có thể hiểu được cậu ấy.

-Tại sao thế ?

-Sự thực mà nói, thưa ngài, cậu Colin có thể khá hơn lên mà cũng có thể đang thay đổi theo chiều hướng xấu đi. Cái sự ngon miệng của cậu ấy, thưa ngài, thì khó mà hiểu nổi... và cái cách mà cậu ấy...

-Thế ra thằng bé ngày càng trở nên... kỳ lạ hơn ? – ông chủ của bà hỏi, hai hàng lông mày của ông nhíu lại vẻ lo lắng.

-Đúng thế, thưa ngài. Cậu ấy ngày càng trở nên hết sức kỳ quặc, nếu ông muốn so sánh với những gì cậu ấy vẫn thường tỏ ra. Thường ngày cậu ấy chẳng ăn gì cả, thế rồi đột nhiên cậu ấy ăn lấy ăn để... và sau đó lại không động lấy một miếng, các bữa ăn dọn lên thế nào lại trả về bếp thế ấy. Ngày không biết đấy thôi, thưa ngài, chưa bao giờ cậu ấy để cho mọi người đưa ra ngoài trời. Những việc chúng tôi đã phải trải qua mỗi lần đưa cậu ấy ra ngoài

trời bằng xe lăn sẽ khiến cho người khác run rẩy như một chiếc lá. Cậu ấy đã tự đẩy mình vào tình trạng mà bác sỹ Craven phải bảo, ông ấy không thể chịu trách nhiệm ép buộc cậu. Chà thưa ngài, chịu không tài nào đoán trước được ... Chẳng bao lâu sau cơn cuồng loạn tột đỉnh của mình, cậu ấy đột nhiên khăng đòi ra ngoài trời hằng ngày với cô Mary và thằng bé Dickon con bà Susan Sowerby, thằng bé này đẩy xe giúp cậu ấy. Cậu ấy thích cả cô Mary lẫn Dickon. Thằng Dickon thường mang theo bầy thú hoang dã thuần hóa của nó, và liệu ngài có tin không, thưa ngài, cậu ấy cứ ở ngoài nhà từ sáng sớm đến tối mịt mới về.

-Thằng bé trông thế nào ?

-Nếu cậu ấy ăn uống một cách tự nhiên, thưa ngài, thì ngài có thể tin rằng cậu ấy đang béo ra. Nhưng chúng tôi đều e rằng đó có thể là một dạng phù. Thỉnh thoảng cậu ấy còn cười một cách kỳ quặc khi chỉ có một mình với cô Mary. Cậu ấy có mấy khi cười đâu. Bác sỹ Craven sẽ tới thăm ngay bây giờ, nếu ngài cho phép. Ông ấy chưa bao giờ bối rối đến thế trong đời.

-Cậu chủ Colin giờ ở đâu ? Ông Craven hỏi .

-Ở ngoài vườn, thưa ngài. Cậu ấy luôn ở ngoài vườn, và không một người nào được phép đến gần, vì cậu ấy sợ mọi người trông thấy mình.

Ông Craven khó có thể nghe rõ những lời cuối cùng của bà.

-Ở ngoài vườn ! – ông kêu lên, và sau khi cho phép bà lui ra, ông đứng dậy nhắc đi nhắc lại câu ấy. - Ở ngoài vườn !

Phải cố gắng lắm ông mới trấn tĩnh được. Và khi đã bình tĩnh lại, ông quay người và ra khỏi phòng. Ông cũng phải tìm đường chẳng khác gì con bé Mary. Sau khi bước qua cánh cửa, ông đặt chân vào giữa một nơi có nhiều cây bụi với hai hàng nguyệt quế và các luống hoa chạy quanh đài phun nước. Đài phun nước đang phun, xung quanh là những thảm hoa rực rỡ. Ông băng qua thảm cỏ rồi ngoặt vào lối đi dạo dài hun hút chạy men theo những bức tường phủ đầy dây tường xuân. Ông không vội vàng mà chỉ chậm rãi từng bước, nhìn như dán mắt vào con đường mòn. Ông có cảm tưởng đang bị kéo trở về nơi mình đã bỏ rơi bấy lâu mà chẳng rõ vì sao. Càng gần tới đó, bước chân ông càng trở nên chậm chạp. Ông biết chỗ cánh cửa, cho dù cả một mảng tường xuân ken dày đang phủ kín lấy nó, nhưng ông không nhớ chính xác chỗ chiếc chìa khoá bị vùi.

Ông dừng bước, đứng lặng người và nhìn xung quanh, lúc đó ông hầu như chỉ thần thờ lắng nghe rồi tự hỏi phải chăng mình đang đi trong một giấc mơ.

Dây tường xuân mọc dày đặc trước cánh cửa ra vào, chiếc chìa khoá đã được vùi kín dưới mấy bụi cây kia, không người nào bước qua cánh cửa vườn trong mười năm cô đơn đó; vậy nhưng bên trong vườn lại có những âm thanh. Có tiếng chân ai đang chạy, tiếng những chiếc giày đuổi nhau vòng

vòng dưới những tán cây, lại thêm giọng nói lạ lùng của ai đó đang cố nén cho khế đi, để rồi bật ra thành những tiếng reo kinh ngạc và vui vẻ. Đó dường như là những tiếng cười tươi trẻ, thoải mái của một đám trẻ con đang không muốn người ta nghe thấy mình, nhưng trong khoảnh khắc không kìm nén được, lại vỡ ra ồn ã. Phải chăng đó là chôn thiên đường ông đang mơ tới ? Và những gì mà ông đang nghe thấy không phải dành cho đôi tai con người. Giọng nói trong trẻo, xa xăm kia muốn nhắn nhủ điều gì ?

Và cái giây phút ấy đã đến, cái giây phút không sao kiềm chế nổi, khi những âm thanh quen mắt phải im lặng. Tiếng chân chạy mỗi lúc một nhanh hơn... chúng đang đến gần cánh cửa khu vườn... có thể nghe rõ cả tiếng thở trẻ trung, mạnh và gấp, và cả tiếng cười, tiếng la hét không thể kìm nén được nữa... rồi cánh cửa nơi hôm trước mở toang, tấm thảm dày do những cảnh thường xuyên kết thành đung đưa, một thằng bé chạy ào ra và chẳng cần ngó nghiêng gì bên ngoài, nó gần như rơi vào vòng tay ông.

Ông Craven vừa kịp dang rộng hai tay ra, chứ không thì thằng bé đã ngã bổ ngửa khi nó chẳng nhìn ngó gì lao vụt tới. Ông đỡ lấy nó và kinh ngạc ngấm nhìn khi nó lúc này đây còn đang thở hổn hển.

Đó là một thằng bé cao lớn, xinh trai, bùng bùng sức sống. Vừa lao từ trong ra nên cả khuôn mặt nó hồng hào rạng rỡ. Nó vuốt mái tóc dày về phía sau rồi ngược đôi mắt xám kỳ lạ nhìn ông – đôi mắt ngập tràn niềm vui trẻ con với hàng mi đen huyền. Ông Craven nghẹn ngào khi nhìn vào đôi mắt ấy.

-Ai đây? Cái gì thế này ? Ai thế hả ? Ông lắp bắp .

Đó đâu phải những gì Colin mong chờ, đó cũng không phải những điều nó chuẩn bị từ trước. Nó chưa bao giờ nghĩ tới một cuộc gặp như vậy. Cứ thế mà lao ra, bởi còn mãi chạy đua với hai đứa kia. Mà thế cũng tốt. Nó rướn thẳng người lên. Con bé Mary, vừa chạy cùng với nó và cũng lao qua cánh cửa, tin chắc rằng thằng bé cuối cùng đã khiến cho mình trông cao hơn hẳn mọi bữa.

-Cha, nó nói, – con là Colin. Cha không thể tin chứ gì. Ngay con cũng còn không tin nổi nữa là. Con là Colin đây.

Giống y như bà Medlock, nó không hiểu ý ông ra sao nữa khi ông hỏi há kêu lên :

-Ở trong vườn ! Ở trong vườn !

-Vâng, Colin cũng hỏi há đáp lại.- Chính khu vườn này đã làm nên chuyện đó, rồi Mary, Dickon và bây thú... và Phép màu nữa. Chưa một ai hay biết chuyện này. Con đã giữ kín nó trong lòng để kể cho cha ngày cha trở về. Con đã hoàn toàn khoẻ mạnh. Con có thể thách Marey chạy đua kia đấy. Con sắp trở thành một vận động viên.

Nó nói tất cả chuyện ấy như một đứa trẻ khoẻ mạnh: mặt nó ửng hồng, lời nói tuôn ra lộn xộn trong háo hức khiến cho tâm hồn ông Craven choáng

ngọt trước một niềm vui không sao tả xiết.

Colin đưa tay vịn vào cánh tay cha nó.

-Cha có vui không, cha ? – Nó kết thúc – Cha có vui không ? Con sẽ được sống mãi mãi!

Ông Craven đặt cả hai bàn tay lên đôi vai đứa con trai, rồi siết chặt lấy nó. Ông biết đó là lúc ông không thể nói thêm gì nữa.

-Đưa cha vào trong vườn nào, con trai ta, - cuối cùng, ông lên tiếng, - và kể cho cha nghe mọi điều về nó.

Bọn trẻ liền dẫn ông vào trong vườn.

Khu vườn là một vùng hoang dã, toàn sắc vàng của mùa thu xen lẫn màu tía, màu tím phớt xanh và cả đỏ tươi chói lọi. Khắp mọi nơi là những vạt ly ly nở muôn mọc sát bên nhau: ly ly có hai màu, trắng và trắng pha đỏ sẫm. Ông vẫn còn nhớ rõ khi lứa hoa đầu tiên được trông cũng vào mùa này trong năm, về lộng lẫy muôn nở của chúng phát lộ ra hết. Mấy khóm hồng muôn bò lan ra, đung đưa và quyen chặt lấy nhau. Ánh nắng đang mỗi lúc một sẫm dần, phủ màu vàng lên các ngọn cây khiến ta ngỡ như đang đứng trong một ngôi đền bằng vàng. Người mới đến đứng lặng đi chẳng khác nào bọn trẻ vào cái ngày chúng mới đặt chân tới đây, giữa một màu xám ngắt. Ông đưa mắt nhìn khắp xung quanh.

-Cha ngỡ rằng nơi này đã chết, – ông nói.

-Thoạt đầu Mary cũng nghĩ thế, - Colin đáp, thế mà nó đã sống lại.

Mọi người ngồi xuống, dưới tán cây quen thuộc, chỉ trừ Colin muôn đứng để thuật lại câu chuyện.

Đây quả là những gì kỳ lạ nhất mình từng được nghe, ông Archibald Craven nghĩ thầm, trong khi thằng bé ào ào kể lại. Những bí ẩn, Phép màu cùng bày thú hoang, rồi cuộc gặp nửa đêm kỳ lạ của chúng, cảnh mùa xuân đến, cơn giận dữ khi niềm kiêu hãnh bị xúc phạm đã kéo vị tiểu vương đứng dậy thách thức lão Ben Weatherstaff ra sao. Rồi tình bạn kỳ lạ, màn kịch và điều bí mật to lớn đã được giữ kín một cách cẩn trọng thế nào. Ông nghe mà cười đến ứa nước mắt, và thỉnh thoảng nước mắt cũng vẫn ràn rụa ngay cả khi ông không cười. Vận động viên điền kinh, kiêm nhà diễn thuyết, nhà phát minh khoa học là một cậu bé đáng yêu hay cười và tràn đầy sinh lực.

-Còn bây giờ thì, - nó nói khi kết thúc câu chuyện, - không cần thiết phải coi nó là một bí mật nữa. Con đoán chắc mọi người sẽ phát hoảng khi họ nhìn thấy con, nhưng con sẽ không bao giờ có ý định ngồi vào chiếc xe đẩy ấy nữa. Con sẽ đi cùng cha để về nhà, cha ạ.

Bốn phận của lão Ben Weatherstaff hiếm khi lười lả khỏi khu vườn, nhưng trong trường hợp này lão cố kiếm có để lảng xãng mang ít rau quả cho nhà bếp, và được bà Medlock mời vào gian phòng lớn dành cho gia nhân để uống một vai bia. Lão đã có mặt ngay tại đó, đứng như lão từng mong ước, khi diễn ra sự kiện gây xúc động nhất mà tất cả mọi người ở Trang viên

Misselthwaite thế hệ này chưa từng chứng kiến.

Từ một trong những cửa sổ nhìn xuống khoảng sân trong, người ta cũng thoáng thấy bãi cỏ. Bà Medlock biết lão Ben vừa từ ngoài vườn về, bà hy vọng lão gặp ông chủ ngoài đó, và thậm chí chứng kiến cả cuộc gặp gỡ giữa ông và cậu chủ Colin nữa.

-Bác đã trông thấy cha con họ rồi chứ, bác Weatherstaff? - bà hỏi

Lão Ben nhấc vại bia khỏi miệng, rồi đưa mu bàn tay quệt môi.

-Chà, tôi thấy rồi. - Lão đáp lời ra bộ lấu lỉnh.

-Cả hai cha con ư? - bà Medlock gợi ý.

-Cả hai, - lão Ben Weatherstaff quay người lại - Đa tạ lòng tốt của bà, thưa bà, tôi có thể làm một vại nữa chứ?

-Họ đi cùng nhau à? - bà Medlock hỏi, hồi hả rót đầy bia vào vại của lão với vẻ bồn chồn.

-Cùng nhau, thưa bà - nói đoạn, lão Ben lại cạn một hơi hết ngay nửa vại bia mới.

-Cậu chủ Colin hiện ở đâu? Trông cậu ấy ra sao? Cha con họ đã nói gì với nhau?

-Tôi chẳng nghe thấy gì hết, lão Ben đáp, vì tôi chỉ đứng trên thang mà nhìn qua bờ tường. Tuy vậy tôi muốn nói điều này để bà hay. Có những thứ đang diễn ra ở ngoài kia mà mọi người sắp được biết. Vậy bà muốn biết cái gì thì bà nên biết cho sớm nhé.

Chưa đầy hai phút trước khi dốc tuột nốt ngụm bia cuối cùng, lão hươ hươ chiếc vại một cách trịnh trọng về phía cửa sổ mà từ đó nhìn qua bụi cây, người ta có thể thấy rõ một phần của bãi cỏ.

-Nhìn kia kìa, -lão bảo, - nếu bà còn tò mò. Nhìn thử xem cái gì đang đi ngang qua bãi cỏ kia kìa.

Bà Medlock vừa đưa mắt nhìn ra đã giơ hai tay lên trời cùng một tiếng thét nhỏ, đám gia nhân nam nữ trong nhà nghe thấy liền lao vội qua gian phòng lớn dành cho họ rồi đứng nhìn qua cửa sổ bằng những đôi mắt hâu như bật khỏi tròng.

Ông chủ của Misselthwaite đang từ ngoài bãi cỏ bước tới, dáng điệu như thể nhiều người trong họ chưa bao giờ được thấy ông. Và đi bên ông, với cái đầu ngẩng cao, đôi mắt lấp lánh ánh cười, cùng những bước chân mạnh mẽ, vững chãi như bất kỳ thằng bé nào khác ở xứ Yorkshire này -

Đó là cậu chủ Colin!

-Hết-